

Phụ lục 1:
MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh

1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1 Các học phần bắt buộc

Triết học Mác - Lê Nin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).

Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm: Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1 Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiếng Anh 2

Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên.

Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ

điểm đã được học.

Toán đại cương

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương) và về phân đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Tin học quản lý

Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

1.2 Các học phần tự chọn

Lịch sử các học thuyết kinh tế

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Chuyển đổi số trong kinh doanh

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở ngành

a. Các học phần bắt buộc

Kinh tế học

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vĩ mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng,

việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

Quản trị học

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về quản trị tổ chức. Bao gồm: Khái niệm và chức năng quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị và quản trị sự thay đổi. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm : chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Marketing căn bản

Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing – mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Tâm lý quản trị kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về tâm lý trong quản trị kinh doanh bao gồm: khái niệm tâm lý quản trị kinh doanh; các đặc điểm và các quy luật tâm lý cá nhân; đặc điểm và các quy luật tâm lý tập thể; tâm lý lãnh đạo và êkíp lãnh đạo; tâm lý trong hoạt động kinh doanh và giao tiếp trong quản trị kinh doanh.

Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp

Với mục đích cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về phát triển bản thân và đánh giá nghề nghiệp trong tương lai. Học phần phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp bao gồm các nội dung cơ bản sau: phân tích các khía cạnh của phát triển bản thân, tổng quan về môi trường việc làm và cơ hội nghề nghiệp của doanh nhân khởi nghiệp; xác định mục tiêu nghề nghiệp và đánh giá năng lực bản thân trong vai trò của doanh nhân khởi nghiệp; chỉ ra các yêu cầu đối với một doanh nhân khởi nghiệp, quản lý bản thân doanh nhân khởi nghiệp như quản lý stress, quản lý thời gian, quản lý tài chính và duy trì các mối quan hệ; cách thức lập kế hoạch phát triển bản thân của doanh nhân khởi nghiệp.

Tiếng Anh thương mại 1

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

Tiếng Anh thương mại 2

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ đề: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ đề ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

b. Các học phần tự chọn

Nguyên lý thống kê

Học phần cung cấp cho người học những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu; Các phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.

Nhập môn Tài chính tiền tệ

Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

Nguyên lý kế toán

Nội dung học phần đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán.

Hành vi khách hàng

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức và các loại hình, đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là tổ chức.

Kinh tế lượng

Học phần cung cấp phương pháp ước lượng các mô hình hồi quy hai biến và nhiều biến. Các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (xác định khoảng tin cậy, kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt). Các vấn đề liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Thương mại điện tử căn bản

Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến hiện nay, kết cấu hạ

tăng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng internet

Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới: Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.

Kinh tế thương mại đại cương

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại

2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành

a. Các học phần bắt buộc

Quản trị nhân lực căn bản

Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

Quản trị tài chính 1

Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

Quản trị chiến lược

Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Quản trị sản xuất

Quản trị sản xuất là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: Bản chất của sản xuất và quản

trị sản xuất; Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất; Dự báo nhu cầu sản phẩm và các phương pháp dự báo; Thiết kế sản phẩm; Lựa chọn quá trình sản xuất; Hoạch định công suất; Xác định địa điểm sản xuất của doanh nghiệp; Bố trí mặt bằng sản xuất; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; Tổ chức mua nguyên vật liệu; Lập lịch trình sản xuất; Quản trị dự trữ và Quản lý chất lượng trong sản xuất.

*Quản trị bán hàng **

Học phần Quản trị bán hàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh, bao gồm các nội dung Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Kỹ năng bán hàng và Quản lý chế độ khách hàng lớn; Lập kế hoạch bán hàng; Quản trị đội ngũ bán hàng; Tổ chức điểm bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

Quản trị dự án

Học phần Quản trị dự án thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái luận về dự án và quản trị dự án; tổ chức dự án và nhà quản trị dự án; các hoạt động cơ bản của quản trị dự án: xác định và lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, điều phối các nguồn lực dự án, quản trị chi phí dự án, quản trị chất lượng dự án, quản trị rủi ro dự án, giám sát và kết thúc dự án.

Mua và quản trị nguồn cung

Học phần này cung cấp các kiến thức tổng quan từ khái niệm, lịch sử phát triển & quan điểm tiếp cận tới cấu trúc tổ chức trong công tác mua và quản trị nguồn cung. Học phần còn nghiên cứu các chính sách, quá trình tác nghiệp, quản trị chi phí, quyết định thuê ngoài, quá trình chiến lược mua và quản trị quan hệ nhà cung cấp. Đồng thời, học phần còn giới thiệu những xu hướng phát triển của công tác mua và quản trị nguồn cung trong tương lai.

Khởi sự kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Quản trị công ty

Học phần Quản trị công ty bao gồm 6 chương. Chương 1 đưa ra kiến thức Tổng quan về quản trị công ty, các khái niệm cơ bản cũng như vai trò và lợi ích của quản trị công ty; Chương 2 tập trung và hệ thống hóa các lý thuyết, qui tắc và mô hình quản trị công ty phổ biến trên thế giới đồng thời giới thiệu về các mô hình quản trị công ty chủ yếu ở Việt Nam; Chương 3 đi sâu vào làm rõ nội dung về cổ đông và các bên có liên quan; Chương 4 trình bày các nội dung về Hội đồng quản trị; Chương 5 là vấn đề công bố thông tin và kiểm soát trong quản trị công ty; Cuối cùng, chương 6 thảo luận về đánh giá hệ thống quản trị công ty theo một số thông lệ quản trị công ty tốt nhất trên thế giới và Việt Nam.

Quản trị rủi ro

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Kiến thức chuyên sâu về các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng và phân tích rủi ro; Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng

quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

Văn hóa kinh doanh

Học phần bao gồm những nội dung: Tổng quan về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh. Đặc trưng văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Vai trò của văn hóa doanh nhân, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nhân như năng lực, tố chất, đạo đức, phong cách doanh nhân. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp. Phát triển văn hóa kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển văn hóa kinh doanh.

b. Các học phần tự chọn

Quản trị thương hiệu 1

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Quản trị chất lượng

Chất lượng được coi là yếu tố then chốt quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Quản trị chất lượng hiệu quả cũng là hoạt động chính để xây dựng và phát triển thương hiệu. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo các ngành quản trị kinh doanh và marketing. Với 8 chương, học phần cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng. Các kỹ năng mà người học có thể rèn luyện được trong suốt quá trình nghiên cứu học phần bao gồm: Kỹ năng lập kế hoạch chất lượng; kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá hệ thống quản trị chất lượng; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật kiểm soát chất lượng; kỹ năng làm việc theo nhóm....

Quản trị logistics kinh doanh

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cách khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

Quản trị dịch vụ

Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung, có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Quản trị marketing 1

Học phần đề cập tới nội dung quản trị chiến lược marketing của doanh nghiệp; khái niệm cơ bản của marketing hiện đại và các quan điểm quản trị marketing; triết lý giá trị khách hàng; quản trị thời cơ marketing thông qua nghiên cứu và phân tích marketing; quản trị marketing mục tiêu và chiến lược marketing ở doanh nghiệp; vận dụng các kiến thức trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing.

Quản trị đổi mới, sáng tạo

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về quản trị đổi mới sáng tạo. Bao gồm: Kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo; Quy trình quản trị đổi mới sáng tạo; Các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

Quản trị hành chính văn phòng

Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, triển khai đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá kết quả đào tạo và phát triển nhân lực.

Quản trị nhóm làm việc

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về công tác quản trị nhóm làm việc trong các tổ chức và doanh nghiệp bao gồm các nội dung như: Đặc điểm và vai trò của nhóm làm việc; Các giai đoạn phát triển nhóm; Thành lập nhóm làm việc; Tổ chức quản lý nhóm; Lãnh đạo và kiểm soát nhóm làm việc, Giải quyết xung đột trong nhóm, Kỹ năng giao tiếp nhóm; Đánh giá hiệu suất nhóm; Các kỹ năng và năng lực của người trưởng nhóm. Người học có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng trên để xây dựng và triển khai hoạt động của nhóm làm việc theo các mục tiêu và nhiệm vụ đã xác định.

2.3 Kiến thức bổ trợ

a. Học phần bắt buộc

Chiến lược kinh doanh quốc tế

Học phần cung cấp các kiến thức căn bản về quản trị CLKDQT và vận dụng thực tiễn của DN trong kinh doanh quốc tế nói chung. Học phần Chiến lược kinh doanh quốc tế được chia thành 5 chương chính. Chương 1 đề cập tới những diễn biến hiện thời trên thị trường quốc tế, đánh giá những động cơ thúc đẩy một doanh nghiệp cần và nên thực hiện kinh doanh quốc tế. Chương 2 và chương 3 phân tích môi trường bên ngoài và bên trong của DN kinh doanh quốc tế. Chương 4 trình bày những chiến lược kinh doanh quốc tế điển hình mà doanh nghiệp theo đuổi, dựa trên 2 biến số thích ứng địa phương và tích hợp toàn cầu. Chương 5 cung cấp cái nhìn đầy đủ về tổ chức triển khai CLKDQT của doanh nghiệp và các vấn đề về quản trị sự thay đổi và xung đột trong kinh doanh.

Luật kinh tế 1

Học phần cung cấp những kiến thức pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu các quy định pháp luật về loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhà nước; Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về phá sản và luật phá sản; thủ tục giải quyết

yêu cầu tuyên bố phá sản của thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần chuyên ngành khác. Học phần này được nghiên cứu sau khi sinh viên đã nắm được kiến thức cơ bản ở các học phần cơ sở ngành.

b. Học phần tự chọn

Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.

Kế toán quản trị doanh nghiệp

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp; Phân loại chi phí; Dự toán sản xuất kinh doanh; Các phương pháp xác định chi phí truyền thống và hiện đại trong kế toán quản trị doanh nghiệp; Kế toán theo các trung tâm trách nhiệm; Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.

Quản lý Nhà nước về kinh tế

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản quản lý nhà nước về kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm: những vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực kinh tế chủ yếu như: thương mại, đầu tư, tài chính - tiền tệ, kinh tế đối ngoại, khoa học - công nghệ và tài nguyên môi trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng loại hình doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước; vấn đề đổi mới, hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta hiện nay.

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế

2.4 Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học

Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp

Học phần giúp người học tìm hiểu khái quát thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị của đơn vị thực tập. Từ đó, người học phát hiện các vấn đề tồn tại trong hoạt động quản trị của đơn vị thực tập để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Người học thực tập tại doanh nghiệp thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực, ngành kinh doanh khác nhau để tìm hiểu thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp. Người học phát hiện các hạn chế trong hoạt động quản trị để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp

Học phần này giúp người học củng cố kiến thức chuyên sâu thông qua vận dụng kiến thức và các kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập và trình bày báo cáo khóa luận tốt nghiệp dưới dạng công trình nghiên cứu. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, Người học hệ thống hóa có lựa chọn một số cơ

sở lý luận đã có để vận dụng giải quyết một vấn đề cụ thể về quản trị kinh doanh tại một doanh nghiệp.

2. Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh (chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế)

1.. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1 Các học phần bắt buộc

Triết học Mác - Lê Nin (Phylosophy of Maxism – Leninism)

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin (Political economics of Maxism – Leninism)

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về

dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương (Introduction to Laws)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh tăng cường 1.1 (Intensive English 1.1)

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.1 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh tăng cường 1.2 (Intensive English 1.2)

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.2 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh nâng cao 1.1 (Advanced English 1.1)

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.1 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh nâng cao 1.2 (Advanced English 1.2)

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.2 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Information Technology Foundation)

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

1.2 Các học phần tự chọn

Kinh tế lượng (Econometrics)

Phương pháp ước lượng các mô hình hồi quy hai biến và nhiều biến. Các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (xác định khoảng tin cậy, kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt). Các vấn đề liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in business)

Học phần trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh.

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1 Kiến thức liên ngành

2.1.1 Các học phần bắt buộc

Kinh tế học (Economics)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vĩ mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

Chuyển đổi số trong kinh doanh (Digital transformation in business)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động,

công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

Thực tập nghề nghiệp (Intership)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức thực tiễn về môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, quản trị các nguồn lực cơ bản của doanh nghiệp thông qua khảo sát tại đơn vị thực tập. Bên cạnh đó, người học được rèn luyện các kỹ năng: làm việc nhóm, phân tích và viết báo cáo, lập kế hoạch.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (Artificial Intelligence for Business): Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Quản trị học (Fundamentals of Management)

The course focuses on providing learners with fundamental knowledge of management. It also develops management skills for learners and allows them to form the ability to work independently and in a group.

Marketing căn bản (Principles of marketing)

Beyond the introduction the nature of marketing and marketing concepts, this course focus on two blocksmarketing knowledge; the first is understanding marketing environment, marketplace, customer behavior and marketing information system; the second are principles of marketing to create and provide value for customers, including marketing strategy planning and developing marketing mixed (4Ps): product, pricing, place, communication. The course also opens up prospects for the application and development of modern marketing mindset in the 21st century.

Nguyên lý quản trị nhân lực (Principles of Human Resource Management)

This module is one of basis major modules in training program of Human Resource Management Major. It includes some main contents as: concept and role of human resource management; essential contents of human resource management (job analysis, recruitment and selection, training and development employee, performance management, compensation), trends in human resource management

Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)

Học phần Nguyên lý kế toán thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán.

Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (Money, Banking and Financial Market)

Money, Banking and Financial MarketThe course provides systematically basic knowledge the system of finance and monetary, including domestic operation and global operation of the system. The concepts of money, inflation and financial market are discussed to improve learner's awareness of basically financial issue. Then, monetary policy and its operation in Vietnam are introduced and analyzed. The rest of the course is basic knowledge of banking system.

Khởi sự kinh doanh (Entrepreneurship)

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới. Ngoài ra học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về khởi sự kinh doanh sáng tạo và khởi sự kinh doanh xã hội.

2.1.2 Các học phần tự chọn

Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methodology)

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

Quản trị dịch vụ (Service Management)

Đây là học phần cung cấp kiến thức ngành của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn; là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ của chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại và là học phần tự chọn của nhiều chuyên ngành khác. Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận và vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn, tài chính – ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Luật kinh tế 1 (Economic Law)

Là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu các quy định pháp luật về loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhà nước; Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về phá sản và luật phá sản; thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần chuyên ngành khác. Học phần này được nghiên cứu sau khi sinh viên đã nắm được kiến thức cơ bản ở các học phần cơ sở ngành.

Kinh doanh quốc tế (International Business)

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

Lý thuyết kinh tế số (Theory of digital economics)

Học phần có các nội dung về kinh tế số; số hóa nền kinh tế; sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; hệ sinh thái nền kinh tế số; một số nguyên tắc cơ bản của kinh tế số như hàng hóa và dịch vụ số, các mô hình giá trị; một số vấn đề chiến lược của kinh tế số; các đặc điểm chính của thị trường số; kinh tế số nâng cao.

Tâm lý quản trị kinh doanh (Business Administration Psychology)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về tâm lý trong quản trị kinh doanh bao gồm: khái niệm tâm lý quản trị kinh doanh; các đặc điểm và các quy luật tâm lý cá nhân; đặc điểm và các quy luật tâm lý tập thể; tâm lý lãnh đạo và êkíp lãnh đạo; tâm lý trong hoạt động kinh doanh và giao tiếp trong quản trị kinh doanh.

Quản trị công ty (Corporate Governance)

Học phần Quản trị công ty bao gồm 6 chương. Chương 1 đưa ra kiến thức Tổng quan về quản trị công ty, các khái niệm cơ bản cũng như vai trò và lợi ích của quản trị công ty; Chương 2 tập trung và hệ thống hóa các lý thuyết, qui tắc và mô hình quản trị công ty phổ biến trên thế giới đồng thời giới thiệu về các mô hình quản trị công ty chủ yếu ở Việt Nam; Chương 3 đi sâu vào làm rõ nội dung về cổ đông và các bên có liên quan; Chương 4 trình bày các nội dung về Hội đồng quản trị; Chương 5 là vấn đề công bố thông tin và kiểm soát trong quản trị công ty; Cuối cùng, chương 6 thảo luận về đánh giá hệ thống quản trị công ty theo một số thông lệ quản trị công ty tốt nhất trên thế giới và Việt Nam.

Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp (Personal Development and Career Orientation)

Với mục đích cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về phát triển bản thân và đánh giá nghề nghiệp trong tương lai. Học phần phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp bao gồm các nội dung cơ bản sau: phân tích các khía cạnh của phát triển bản thân, tổng quan về môi trường việc làm và cơ hội nghề nghiệp của doanh nhân khởi nghiệp; xác định mục tiêu nghề nghiệp và đánh giá năng lực bản thân trong vai trò của doanh nhân khởi nghiệp; chỉ ra các yêu cầu đối với một doanh nhân khởi nghiệp, quản lý bản thân doanh nhân khởi nghiệp như quản lý stress, quản lý thời gian, quản lý tài chính và duy trì các mối quan hệ; cách thức lập kế hoạch phát triển bản thân của doanh nhân khởi nghiệp.

Marketing số (Digital Marketing)

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề cơ bản của kiến thức kỹ năng và năng lực làm marketing số, nghiên cứu dưới góc độ quản trị marketing số gồm lập kế hoạch marketing số, xây dựng chiến lược marketing số, các phương tiện của marketing số, thực thi và đánh giá kiểm soát marketing số.

Quản trị nhóm làm việc (Teamwork Management)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về công tác quản trị nhóm làm việc trong các tổ chức và doanh nghiệp bao gồm các nội dung như: Đặc điểm và vai trò của nhóm làm việc; Các giai đoạn phát triển nhóm; Thành lập nhóm làm việc; Tổ chức quản lý nhóm; Lãnh đạo và kiểm soát nhóm làm việc, Giải quyết xung đột trong nhóm, Kỹ năng giao tiếp nhóm; Đánh giá hiệu suất nhóm; Các kỹ năng và năng lực của người trưởng nhóm. Người học có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng trên để xây dựng và triển khai hoạt động của nhóm làm việc theo các mục tiêu và nhiệm vụ đã xác định.

2.2. Kiến thức ngành

2.2.1 Học phần bắt buộc

Quản trị chiến lược (Strategic Management)

The course provides learners all theories, concepts and tools that support modern business strategic management in all types of organizations, thereby equip learners with the strategic thinking in compatible relationships with a constantly changing business environment; and skills to formulate, implement and evaluate strategies for firms. In addition, the learners will be able to clarify the relationship between strategic management and other modules of business administration program.

Quản trị tài chính 1 (Financial Management 1)

Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

Quản trị dự án (Project management)

The course gives students the foundational knowledge and skills in project, project management and the ability to apply these knowledge, skills in practice.

2.2.2. Học phần tự chọn

Đạo đức kinh doanh (Business ethics)

The purpose of this course is to develop students the business skills, as independent-thinking professionals who can meet demand of business employers and adapt to a constantly changing world. Students will gain a wide range of business knowledge tied to practical skills gained through research, directed and self study. The course aim to widen access to higher education and improve the career prospects of those who take them.

Quản trị rủi ro (Risk Management)

The subject provides students with fundamental knowledge on risk management in business. Students will be able to apply provided knowledge and skills in further studying and business practices.

Quản trị thương hiệu (Brand Management)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Chiến lược kinh doanh quốc tế (International Business Strategic)

The module of International Business Strategy is a specialized module of Business Administration, including the basic knowledge of international business management and practical application of enterprises in international business in general. The module of International Business Strategy is divided into five main chapters. Chapter 1 deals with the basics of international business strategy, such as the concept of international business, the process of market globalization and internationalization of enterprises; and presents the basic theories of international trade and investment. Chapter 2 introduces and analyzes the factors that belong to the international business environment of enterprises. Chapter 3 deals with the patterns of strategic and structures of international business firms, along with an examination of global market opportunities. In Chapter 4, the participation and operation of activities in the international market is clarified through such contents as exports, foreign direct investment, licensing, and resource

mobility. Finally, chapter 5 deals with two important functional strategies in international business strategy, namely international marketing strategy and international human resource management.

2.3 Kiến thức chuyên ngành

Quản trị sản xuất (operation management)

Quản trị sản xuất là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: Bản chất của sản xuất và quản trị sản xuất; Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất; Dự báo nhu cầu sản phẩm và các phương pháp dự báo; Thiết kế sản phẩm; Lựa chọn quá trình sản xuất; Hoạch định công suất; Xác định địa điểm sản xuất của doanh nghiệp; Bố trí mặt bằng sản xuất; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; Tổ chức mua nguyên vật liệu; Lập lịch trình sản xuất; Quản trị dự trữ và Quản lý chất lượng trong sản xuất.

Quản trị bán hàng (Sales Management)

Học phần Quản trị bán hàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh, bao gồm các nội dung Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Kỹ năng bán hàng và Quản lý chế độ khách hàng lớn; Lập kế hoạch bán hàng; Quản trị đội ngũ bán hàng; Tổ chức điểm bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

Quản trị logistics kinh doanh (Business logistics Management)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cái nhìn khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

Quản trị đổi mới, sáng tạo (Managing Innovation)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về quản trị đổi mới sáng tạo. Bao gồm: Kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo; Quy trình quản trị đổi mới sáng tạo; Các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

2.4 Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học

Thực tập viết và Báo cáo dự án nhóm (Internship project report)

Học phần giúp người học tìm hiểu khái quát thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị của đơn vị thực tập. Từ đó, người học phát hiện các vấn đề tồn tại trong hoạt động quản trị của đơn vị thực tập để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Người học thực tập tại doanh nghiệp thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực, ngành kinh doanh khác nhau để tìm hiểu thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp. Người học phát hiện các hạn chế trong hoạt động quản trị để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp (Graduation Thesis)

Học phần này giúp người học củng cố kiến thức chuyên sâu thông qua vận dụng kiến thức và các kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập và trình bày báo cáo khóa luận tốt nghiệp dưới dạng công trình nghiên cứu. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, Người học hệ thống hóa có lựa chọn một số cơ sở lý luận đã có để vận dụng giải quyết một vấn đề cụ thể về quản trị kinh doanh tại một doanh nghiệp.

3. Chương trình đào tạo Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh

Triết học Mác - Lê Nin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).

Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học:

Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1

Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiếng Anh 2

Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên.

Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ

điểm đã được học.

Toán đại cương

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương) và về phân đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).

Tin học quản lý

Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Lịch sử các học thuyết kinh tế

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smiht, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Xã hội học đại cương

Học phần Xã hội học đại cương giới thiệu: Những kiến thức cơ bản về xã hội (dưới góc độ Xã hội học) như: Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và thiết chế xã hội; Bất bình đẳng xã hội; Các nội dung về xã hội hóa; Các vấn đề về biến đổi xã hội. Đồng thời trong học phần cũng đề cập nghiên cứu một số nội dung của các lĩnh vực xã hội học chuyên biệt, như: Xã hội học giáo dục, Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội học quản lý.

Cơ sở văn hóa Việt Nam

Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, bắt buộc của chuyên ngành Quản trị khách sạn và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (thuộc chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù); tự chọn cho các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Quản trị khách sạn và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (trình độ đại học chính quy). Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các chuyên ngành: Luật kinh tế, Quản trị nhân lực, Tiếng Pháp Thương mại, Tiếng Trung thương mại và Tiếng Anh Thương mại. Nội dung học phần bao gồm: khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; văn hóa các vùng Tây Bắc, Việt Bắc, Châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

Kinh tế vi mô I

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về kinh

tế vĩ mô, hạch toán thu nhập quốc dân, tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Tiếp theo, học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế, thất nghiệp và lạm phát và cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

Kinh tế vĩ mô 1

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Quản trị học

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về quản trị tổ chức. Bao gồm: Khái niệm và chức năng quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị và quản trị sự thay đổi. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm : chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Marketing căn bản

Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Tâm lý quản trị kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về tâm lý trong quản trị kinh doanh bao gồm: khái niệm tâm lý quản trị kinh doanh; các đặc điểm và các quy luật tâm lý cá nhân; đặc điểm và các quy luật tâm lý tập thể; tâm lý lãnh đạo và êkíp lãnh đạo; tâm lý trong hoạt động kinh doanh và giao tiếp trong quản trị kinh doanh.

Tiếng Anh thương mại 1

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

Tiếng Anh thương mại 2

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

Nguyên lý thống kê

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần cung cấp cho người học những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu; Các phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.

Nhập môn Tài chính tiền tệ

Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

Hành vi khách hàng

Học phần Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Marketing.

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức và các loại hình, đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là tổ chức.

Kinh tế lượng

Phương pháp ước lượng các mô hình hồi quy hai biến và nhiều biến. Các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (xác định khoảng tin cậy, kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt). Các vấn đề liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Thương mại điện tử căn bản

Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử. Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến hiện nay, kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Nguyên lý kế toán

Học phần Nguyên lý kế toán thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán.

Quản trị nhóm làm việc

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về công tác quản trị nhóm làm việc trong các tổ chức và doanh nghiệp bao gồm các nội dung như: Đặc điểm và vai trò của nhóm làm việc; Các giai đoạn phát triển nhóm; Thành lập nhóm làm việc; Tổ chức quản lý nhóm; Lãnh đạo và kiểm soát nhóm làm việc, Giải quyết xung đột trong nhóm, Kỹ năng giao tiếp nhóm; Đánh giá hiệu suất nhóm; Các kỹ năng và năng lực của người trưởng nhóm. Người học có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng trên để xây dựng và triển khai hoạt động của nhóm làm việc theo các mục tiêu và nhiệm vụ đã xác định.

Quản trị nhân lực căn bản

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

Quản trị tài chính 1

Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

Quản trị rủi ro

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về quản trị rủi ro. Bao gồm: Khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Kiến thức chuyên sâu về các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng và phân tích rủi ro; Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro của doanh nghiệp.

Quản trị dự án

Học phần Quản trị dự án thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.

Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái luận về dự án và quản trị dự án; tổ chức dự án và nhà quản trị dự án; các hoạt động cơ bản của quản trị dự án: xác định và lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, điều phối các nguồn lực dự án, quản trị chi phí dự án, quản trị chất lượng dự án, quản trị rủi ro dự án, giám sát và kết thúc dự án.

Chiến lược phát triển kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về chiến lược phát triển kinh doanh với cách tiếp cận theo các giai đoạn của quản trị chiến lược. Bao gồm các nội dung cơ bản sau : Chương 1 là chương tổng quan về chiến lược phát triển kinh doanh với các khái niệm cơ bản và mô hình qui trình quản trị chiến lược phát triển kinh doanh. Chương 2 là chương phân tích tình thế chiến lược phát triển kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp nhận diện được các cơ hội/ thách thức, điểm mạnh/ điểm yếu của mình. Trên cơ sở đó, Chương 3 giúp người học lựa

chọn định hướng tăng trưởng và phát triển kinh doanh qua phân tích TOWS và thiết lập tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu chiến lược phát triển kinh doanh. Chương 4 giúp người học hoạch định chi tiết các nguồn lực và chiến lược chức năng cho phát triển kinh doanh. Chương 5 là những điểm cần lưu ý khi triển khai và kiểm soát chiến lược.

Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về phát triển bản thân và đánh giá nghề nghiệp trong tương lai. Bao gồm các nội dung cơ bản sau: tổng quan về phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp; môi trường việc làm và cơ hội nghề nghiệp của doanh nhân; đánh giá sự phù hợp của bản thân với lựa chọn khởi sự kinh doanh; lập kế hoạch phát triển bản thân; và các lĩnh vực quản lý bản thân.

Khởi nghiệp và tư duy nghiệp chủ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về khởi nghiệp và tư duy nghiệp chủ. Bao gồm các nội dung: tổng quan về khởi nghiệp, các giá trị cốt lõi và các đặc điểm của một doanh nhân thành, các nhóm doanh nhân khác nhau và các đặc điểm của họ, giới thiệu sơ bộ quy trình khởi nghiệp và các yếu tố môi trường khởi nghiệp.

Xây dựng ý tưởng kinh doanh sáng tạo và mô hình kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng và kỹ năng về khởi tạo ý tưởng kinh doanh sáng tạo và xây dựng mô hình kinh doanh. Bao gồm các nội dung: tổng quan về ý tưởng kinh doanh; khởi tạo ý tưởng kinh doanh sáng tạo; tổng quan về mô hình kinh doanh; xây dựng mô hình kinh doanh Canvas; đánh giá và thuyết trình về mô hình khởi sự kinh doanh.

Kế hoạch kinh doanh và thành lập doanh nghiệp

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng để lập kế hoạch và thành lập doanh nghiệp. Bao gồm các nội dung: các nội dung cơ bản trong kế hoạch kinh doanh và quá trình thành lập doanh nghiệp mới.

Quản trị đổi mới sáng tạo

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về quản trị đổi mới sáng tạo. Bao gồm: Kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo; Quy trình quản trị đổi mới sáng tạo; Các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

Hệ sinh thái khởi nghiệp

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về hệ sinh thái khởi nghiệp. Bao gồm các nội dung chủ yếu : tổng quan về khởi nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp, khái niệm và các loại khởi nghiệp, các yếu tố thúc đẩy khởi nghiệp, khái niệm, đặc điểm và vai trò của hệ sinh thái khởi nghiệp; Các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp, chính sách, tài chính, thị trường, văn hóa, nguồn nhân lực và hệ thống hỗ trợ; Tác động của chính sách tới hệ sinh thái khởi nghiệp và bài học kinh nghiệm về xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp của một số quốc gia trên thế giới.

Văn hoá kinh doanh

Học phần bao gồm những nội dung: Tổng quan về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh. Đặc trưng văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Vai trò của văn hóa doanh nhân, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nhân như năng lực, tố chất, đạo đức, phong cách doanh nhân. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp. Cách thức phát triển văn hóa kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển văn hóa kinh doanh.

Nhượng quyền kinh doanh

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về nhượng quyền kinh doanh. Bao gồm những nội dung cơ bản sau: Tổng quan về nhượng quyền kinh doanh, các hình thức nhượng quyền kinh doanh, hợp đồng nhượng quyền kinh doanh, các hoạt động của bên nhượng quyền, các hoạt động của bên nhận quyền kinh doanh.

Luật kinh tế 1

Là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu các quy định pháp luật về loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhà nước; Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về phá sản và luật phá sản; thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần chuyên ngành khác. Học phần này được nghiên cứu sau khi sinh viên đã nắm được kiến thức cơ bản ở các học phần cơ sở ngành.

*Quản trị bán hàng**

Học phần Quản trị bán hàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh, bao gồm các nội dung Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Kỹ năng bán hàng và Quản lý chế độ khách hàng lớn; Lập kế hoạch bán hàng; Quản trị đội ngũ bán hàng; Tổ chức điểm bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

Khởi sự kinh doanh xã hội

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về khởi sự kinh doanh xã hội. Bao gồm các nội dung chính gồm: khái quát về khởi sự kinh doanh xã hội; quá trình khởi sự kinh doanh xã hội từ việc xây dựng, đánh giá ý tưởng đến vận dụng mô hình khởi sự kinh doanh xã hội, huy động nguồn lực cho khởi sự kinh doanh xã hội, bối cảnh khởi sự kinh doanh xã hội trên thế giới và tại Việt Nam cũng như những thách thức khi khởi sự kinh doanh xã hội.

Quản trị sản xuất

Quản trị sản xuất là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: Bản chất của sản xuất và quản trị sản xuất; Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất; Dự báo nhu cầu sản phẩm và các phương pháp dự báo; Thiết kế sản phẩm; Lựa chọn quá trình sản xuất; Hoạch định công suất; Xác định địa điểm sản xuất của doanh nghiệp; Bố trí mặt bằng sản xuất; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; Tổ chức mua nguyên vật liệu; Lập lịch trình sản xuất; Quản trị dự trữ và Quản lý chất lượng trong sản xuất.

Kinh doanh quốc tế

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

Quản trị công ty

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về quản trị công ty. Bao gồm: tổng quan về quản trị công ty, các qui tắc và mô hình quản trị công ty, cổ đông – sở hữu, thực tiễn và

hiệu quả của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc – điều hành, các cơ chế kiểm soát trong quản trị công ty, và những vấn đề quản trị công ty trong môi trường toàn cầu hóa.

Tài chính khởi nghiệp

Nội dung của học phần Tài chính khởi nghiệp bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về tài chính khởi nghiệp; Phân tích tài chính khởi nghiệp; Quản lý tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp khởi nghiệp; Định giá khởi nghiệp; Quản lý tài trợ khởi nghiệp.

Tuyển dụng nhân lực

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: Khái niệm và vai trò của tuyển dụng nhân lực; nội dung của tuyển dụng nhân lực; xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; tuyển mộ nhân lực; tuyển chọn nhân lực; quyết định tuyển dụng và hội nhập nhân viên mới; đánh giá tuyển dụng nhân lực.

Thực hành quảng cáo điện tử

Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng về các công cụ quảng cáo trực tuyến như Quảng cáo hiển thị, Quảng cáo theo ngữ cảnh, Quảng cáo mạng xã hội, Quảng cáo thư điện tử và Quảng cáo Video.

Quản trị thương hiệu I

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Kế toán quản trị doanh nghiệp

Là học phần thuộc khối kiến thức ngành cung cấp những kiến thức cơ bản về: Bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp; Phân loại chi phí; Dự toán sản xuất kinh doanh; Các phương pháp xác định chi phí truyền thống và hiện đại trong kế toán quản trị doanh nghiệp; Kế toán theo các trung tâm trách nhiệm; Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.

Marketing số

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề cơ bản của kiến thức kỹ năng và năng lực làm marketing số, nghiên cứu dưới góc độ quản trị marketing số gồm lập kế hoạch marketing số, xây dựng chiến lược marketing số, các phương tiện của marketing số, thực thi và đánh giá kiểm soát marketing số.

Quản trị logistics kinh doanh

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cách khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với

cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp

Học phần giúp người học tìm hiểu khái quát thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị của đơn vị thực tập. Từ đó, người học xác định được ý tưởng kinh doanh để viết đề án tốt nghiệp của bản thân. Người học đi thực tập theo thời gian quy định, lựa chọn doanh nghiệp thực tập trong lĩnh vực mình quan tâm (có dự định khởi nghiệp) và lựa chọn một lĩnh vực chuyên môn (quản trị nhân sự, marketing và bán hàng; quản trị sản xuất; quản trị tài chính) mà mình muốn tìm hiểu sâu. Từ đó, người học xác định được ý tưởng kinh doanh để viết đề án khởi nghiệp

Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp

Học phần giúp người học vận dụng được các kiến thức và kỹ năng đã học để thu thập và phân tích thông tin cần thiết và xây dựng được một đề án khởi sự kinh doanh của bản thân. Người học thu thập và phân tích các thông tin cần thiết và xây dựng đề án khởi sự kinh doanh của bản thân.

II. KHÁCH SẠN – DU LỊCH

1. Chương trình đào tạo Quản trị dịch vụ lữ hành - du lịch

Triết học Mác – Lênin: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Chủ nghĩa xã hội khoa học: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định

hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản

Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

Pháp luật đại cương: Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1: Học phần “*Tiếng Anh 1*” gồm 4 bài đầu của giáo trình “*Life (A2- B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiếng Anh 2: Học phần “*Tiếng Anh 2*” sử dụng bài 5,6,7,8 trong giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường

gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh 3: Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre- Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

Tin học quản lý: Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,... Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

Phương pháp nghiên cứu khoa học: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

Cơ sở văn hóa Việt Nam: Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hoá Việt Nam; văn hoá Việt Nam vùng Tây Bắc, Việt Bắc và châu thổ Bắc Bộ; văn hoá Việt Nam vùng Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

Kinh tế thương mại đại cương: Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao

gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

Lịch sử các học thuyết kinh tế: Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay. Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường. Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta. Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Kinh tế môi trường: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Giáo dục thể chất chung: Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

Bóng ném: Những hiểu biết cơ bản nhất về môn Bóng ném và thực hành các kỹ thuật cơ bản của Bóng ném.

Bóng chuyền: Những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng chuyền và 03 kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền là: Chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay và kỹ thuật di chuyển.

Cầu lông: Môn học giới thiệu một số kiến thức về lịch sử ra đời, luật thi đấu, yếu lĩnh kỹ thuật và các động tác cơ bản nhất của Cầu lông.

Bóng bàn: Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

Cờ vua: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học cờ vua về lý luận, kỹ năng thực hành cờ vua, năng lực tổ chức thi đấu môn cờ vua.

Bóng rổ: Những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng rổ: Chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật dẫn bóng lên rổ một tay trên cao, ném phạt.

Quản trị học: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Tổng quan du lịch: Học phần Tổng quan du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về sự phát triển của du lịch; các động cơ và loại hình du lịch; điểm đến du lịch; các tác động của du lịch; quy hoạch và phát triển du lịch.

Tiếng Anh thương mại 1: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn

“Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

Tiếng Anh thương mại 2: Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

Quản trị dịch vụ: Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Thực tập nhận thức nghề nghiệp: Học phần Thực tập nhận thức nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị khách sạn và chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung của học phần tập trung vào tìm hiểu thực tế về những đặc điểm chung về doanh nghiệp, các sản phẩm dịch vụ, các bộ phận và các chức danh nghề nghiệp trong doanh nghiệp kinh doanh khách sạn và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

Kinh tế vi mô 1: Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

Thương mại điện tử căn bản: Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Quản trị nhân lực căn bản: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

Nguyên lý quản lý kinh tế: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

Chuyển đổi số trong kinh doanh là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

Khởi sự kinh doanh: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Tiếng Trung 1.1: Học phần Tiếng Trung 1.1 là học phần đầu tiên trong các học phần tiếng

Trung cơ bản. Học phần được giảng dạy theo giáo trình Hán ngữ “汉语教程”- Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh do Dương Ký Châu biên soạn. Học phần gồm 8 bài sẽ trang bị cho người học cách phát âm, cách viết phiên âm tiếng Trung, các kiến thức cơ bản về cách viết chữ Trung Quốc, các nét và bộ thủ cơ bản trong tiếng Trung, một lượng từ vựng và kiến thức ngữ pháp cơ bản để người học có thể tiến hành giao tiếp các chủ đề đơn giản trong sinh hoạt, học tập như chào hỏi, hỏi thăm, giới thiệu, mua bán. Ngoài ra học phần còn có phần chú thích giải thích các hiện tượng ngôn ngữ văn hóa đáng chú ý và phần bài tập giúp người học củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng của từng bài.

Tiếng Pháp 1.1: Học phần Tiếng Pháp 1.1 được chia thành 4 chương, kết cấu của mỗi chương bao gồm: các bài khóa dưới dạng viết hoặc nghe; phần ngữ pháp giới thiệu những hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong bài khóa; các bài tập ngữ pháp và bài tập tình huống đa dạng giúp người học củng cố kiến thức cũng như các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc và viết. Nội dung của học phần này chủ yếu xoay quanh các chủ đề về chào hỏi- làm quen; giới thiệu bản thân, giới thiệu một người khác (giới thiệu một người nổi tiếng); giới thiệu gia đình mình; viết phiếu đăng kí tham gia chương trình.

Marketing du lịch: Học phần Marketing du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về: Tổng quan về marketing du lịch; phân tích cơ hội và nghiên cứu marketing; phân tích hành vi của khách hàng; phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị; kế hoạch marketing; chính sách sản phẩm; chính sách giá; chính sách phân phối; chính sách xúc tiến trong kinh doanh du lịch; các chính sách khác trong kinh doanh du lịch.

Kinh tế du lịch: Học phần Kinh tế du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về kinh tế du lịch; thị trường du lịch; cân cân thanh toán trong du lịch; công ty đa quốc gia trong du lịch; đầu tư trong du lịch và hiệu quả kinh tế - xã hội của du lịch.

Tổ chức sự kiện du lịch: Học phần Tổ chức sự kiện du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về tổ chức sự kiện du lịch, kế hoạch tổ chức sự kiện du lịch, chuẩn bị tổ chức sự kiện du lịch, tổ chức điều hành và kết thúc sự kiện du lịch, quản trị rủi ro trong tổ chức sự kiện du lịch.

Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành: Học phần Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành; hoạch định kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp lữ hành; quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp; quản trị quá trình kinh doanh chương trình du lịch; quản trị quá trình kinh doanh dịch vụ đại lý du lịch; quản trị nguồn lực kinh doanh trong doanh nghiệp lữ hành; quản trị rủi ro trong kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.

Hướng dẫn du lịch: Học phần Hướng dẫn du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức

ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về hướng dẫn du lịch; các bộ phận thực hiện hoạt động hướng dẫn du lịch; các nghiệp vụ cơ bản của tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch; nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch; quản lý đoàn khách và xử lý tình huống trong quá trình hướng dẫn du lịch.

Tài nguyên du lịch: Học phần Tài nguyên du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tài nguyên du lịch; tài nguyên du lịch tự nhiên; tài nguyên du lịch văn hóa; tài nguyên du lịch của các vùng du lịch Việt Nam; bảo vệ tài nguyên du lịch.

Du lịch bền vững: Học phần Du lịch bền vững là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) đồng thời là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về du lịch bền vững; các mục tiêu và nguyên tắc, chính sách và mô hình phát triển du lịch bền vững; đánh giá tính bền vững của du lịch và các tiêu chuẩn du lịch bền vững; quản lý du lịch bền vững; và phát triển các loại hình du lịch bền vững.

Thực tập nghiệp vụ dịch vụ du lịch và lữ hành: Học phần Thực tập nghiệp vụ dịch vụ du lịch và lữ hành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung thực tập tập trung vào: khái quát về doanh nghiệp du lịch và các lĩnh vực kinh doanh; các bộ phận nghiệp vụ và chức danh nghề nghiệp; các quy trình thực hiện một số nghiệp vụ trong doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành.

Quản trị dự án: Học phần Quản trị dự án thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái luận về dự án và quản trị dự án; tổ chức dự án và nhà quản trị dự án; các hoạt động cơ bản của quản trị dự án: xác định và lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, điều phối các nguồn lực dự án, quản trị chi phí dự án, quản trị chất lượng dự án, quản trị rủi ro dự án, giám sát và kết thúc dự án.

Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch: Học phần Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung của học phần bao gồm: Chất lượng dịch vụ du lịch; nội dung quản trị chất lượng dịch vụ du lịch; nhân tố con người và văn hóa chất lượng trong doanh nghiệp du lịch; hệ thống quản lý chất lượng trong doanh nghiệp du lịch.

Quản trị thương hiệu 1: Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Quản lý điểm đến du lịch: Học phần Quản lý điểm đến du lịch là học phần tự chọn thuộc

khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) đồng thời là học phần tự chọn của khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức nền tảng cơ bản về điểm đến du lịch và quản lý điểm đến du lịch; lập kế hoạch quản lý điểm đến du lịch; xây dựng thương hiệu và định vị điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; an toàn, an ninh và quản lý rủi ro tại điểm đến du lịch; phát triển bền vững và quản lý chất lượng điểm đến du lịch.

Văn hóa du lịch: Học phần Văn hóa du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung của học phần Văn hóa du lịch bao gồm: Tổng quan về văn hóa du lịch; văn hóa của khách du lịch; văn hóa của doanh nghiệp du lịch; văn hóa du lịch trong phát triển du lịch ở Việt Nam.

Đào tạo và phát triển nhân lực: Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, triển khai đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá kết quả đào tạo và phát triển nhân lực.

Quản trị khu nghỉ dưỡng: Học phần Quản trị khu nghỉ dưỡng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị khu nghỉ dưỡng; Cơ cấu tổ chức quản lý của khu nghỉ dưỡng; Quản trị quá trình kinh doanh khu nghỉ dưỡng, Quản trị các nguồn lực kinh doanh chủ yếu của khu nghỉ dưỡng; Quản lý môi trường tự nhiên, chất lượng và giá cả dịch vụ của khu nghỉ dưỡng.

Quản trị buồng khách sạn: Học phần Quản trị buồng khách sạn là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận buồng; hoạt động phục vụ tại khu vực buồng khách và khu vực chung; dịch vụ đồ vải và hoạt động giặt là; quản lý vận hành hoạt động phục vụ buồng; quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận buồng.

Quản trị lễ tân khách sạn: Học phần Quản trị lễ tân khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận lễ tân; nghiệp vụ đặt buồng, đăng ký khách sạn và dịch vụ hỗ trợ khách lưu trú, làm thủ tục trả buồng và kiểm toán đêm; quản trị tác nghiệp lễ tân; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận lễ tân; quản trị doanh thu và đánh giá kết quả hoạt động lễ tân.

Quản trị chiến lược: Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây

dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Quản trị nhà hàng: Học phần Quản trị nhà hàng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận dịch vụ nhà hàng; nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ bar, nghiệp vụ phục vụ tiệc và hội nghị; quản trị tác nghiệp nhà hàng; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận dịch vụ nhà hàng; quản trị doanh thu, kiểm soát chi phí và đánh giá kết quả kinh doanh của nhà hàng.

Marketing B2B: Marketing B2B là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản và nội dung hoạt động marketing B2B; trong đó tập trung phân định sự khác biệt giữa marketing B2B với marketing B2C. Đồng thời làm rõ hành vi mua của khách hàng tổ chức để phân đoạn thị trường B2B, xác lập chiến lược marketing, phát triển marketing-mix (nhấn mạnh những khía cạnh đặc trưng khác biệt trong quyết định các biến số marketing B2B với marketing B2C) và phát triển, quản trị mối quan hệ B2B. Học phần còn bao hàm các bài tập và tình huống cụ thể nhằm rèn luyện các kỹ năng điều tra khảo sát, phân tích hiện trạng và các giải pháp ứng xử trong thực tiễn kinh doanh hiện nay.

Quản trị đa văn hóa: Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

Thanh toán điện tử: Học phần Thanh toán điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho sinh viên Quản trị TMĐT về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp: Học phần Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung của học phần bao gồm: những vấn đề chung về doanh nghiệp; tình hình hoạt động kinh doanh của doanh

ng nghiệp; từ đó phát hiện vấn đề từ thực tế và đề xuất vấn đề cần nghiên cứu tại doanh nghiệp.

Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp: Học phần Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung của học phần bao gồm: Xác định cơ sở lý luận của vấn đề lựa chọn nghiên cứu; Khảo sát, đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp; Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp.

2. Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn

Triết học Mác – Lênin: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Chủ nghĩa xã hội khoa học: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản

Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

Pháp luật đại cương: Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1: Học phần “*Tiếng Anh 1*” gồm 4 bài đầu của giáo trình “*Life (A2- B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiếng Anh 2: Học phần “*Tiếng Anh 2*” sử dụng bài 5,6,7,8 trong giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường

gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh 3: Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre- Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ đề: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

Tin học quản lý: Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,... Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

Phương pháp nghiên cứu khoa học: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

Cơ sở văn hóa Việt Nam: Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chuyên ngành Quản trị khách sạn và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hoá Việt Nam; văn hoá Việt Nam vùng Tây Bắc, Việt Bắc và châu thổ Bắc Bộ; văn hoá Việt Nam vùng Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

Kinh tế thương mại đại cương: Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao

gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

Lịch sử các học thuyết kinh tế: Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay. Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường. Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta. Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Kinh tế môi trường: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Giáo dục thể chất chung: Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

Bóng ném: Những hiểu biết cơ bản nhất về môn Bóng ném và thực hành các kỹ thuật cơ bản của Bóng ném.

Bóng chuyền: Những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng chuyền và 03 kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền là: Chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay và kỹ thuật di chuyển.

Cầu lông: Môn học giới thiệu một số kiến thức về lịch sử ra đời, luật thi đấu, yếu lĩnh kỹ thuật và các động tác cơ bản nhất của Cầu lông.

Bóng bàn: Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

Cờ vua: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học cờ vua về lý luận, kỹ năng thực hành cờ vua, năng lực tổ chức thi đấu môn cờ vua.

Bóng rổ: Những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng rổ: Chuyền và bắt bóng

bằng hai tay trước ngực, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật dẫn bóng lên rồi một tay trên cao, ném phạt.

Quản trị học: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Tổng quan khách sạn: Học phần Tổng quan khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về sự hình thành và lịch sử phát triển của ngành khách sạn; các lĩnh vực kinh doanh và cơ cấu tổ chức của khách sạn; các hình thức sở hữu và quản lý khách sạn; hoạt động của các bộ phận trong khách sạn; xu hướng phát triển kinh doanh khách sạn.

Tiếng Anh thương mại 1: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

Tiếng Anh thương mại 2: Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

Quản trị dịch vụ: Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn và ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch

vụ toàn cầu.

Thực tập nhận thức nghề nghiệp: Học phần Thực tập nhận thức nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị khách sạn và chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung của học phần tập trung vào tìm hiểu thực tế về những đặc điểm chung về doanh nghiệp, các sản phẩm dịch vụ, các bộ phận và các chức danh nghề nghiệp trong doanh nghiệp kinh doanh khách sạn và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

Kinh tế vi mô 1: Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

Thương mại điện tử căn bản: Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Quản trị nhân lực căn bản: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

Nguyên lý quản lý kinh tế: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

Chuyển đổi số trong kinh doanh là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

Khởi sự kinh doanh: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Tiếng Trung 1.1: Học phần Tiếng Trung 1.1 là học phần đầu tiên trong các học phần tiếng Trung cơ bản. Học phần được giảng dạy theo giáo trình Hán ngữ “汉语教程”- Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh do Dương Ký Châu biên soạn. Học phần gồm 8 bài sẽ trang bị cho người học cách phát âm, cách viết phiên âm tiếng Trung, các kiến thức cơ bản về cách viết chữ Trung Quốc, các nét và bộ thủ cơ bản trong tiếng Trung, một lượng từ vựng và kiến thức ngữ pháp cơ bản để người học có thể tiến hành giao tiếp các chủ đề đơn giản trong sinh hoạt, học tập như chào hỏi, hỏi thăm, giới thiệu, mua bán. Ngoài ra học phần còn có phần chú thích giải thích các hiện tượng ngôn ngữ văn hóa đáng chú ý và phần bài tập giúp người học củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng của từng bài.

Tiếng Pháp 1.1: Học phần Tiếng Pháp 1.1 được chia thành 4 chương, kết cấu của mỗi chương bao gồm: các bài khóa dưới dạng viết hoặc nghe; phần ngữ pháp giới thiệu những hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong bài khóa; các bài tập ngữ pháp và bài tập tình huống đa dạng giúp người học củng cố kiến thức cũng như các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc và viết. Nội dung của học phần này chủ yếu xoay quanh các chủ đề về chào hỏi- làm quen; giới thiệu bản thân, giới thiệu một người khác (giới thiệu một người nổi tiếng); giới thiệu gia đình mình; viết phiếu đăng kí tham gia chương trình.

Marketing du lịch: Học phần Marketing du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn và ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về: Tổng quan về marketing du lịch; phân tích cơ hội và nghiên cứu marketing; phân tích hành vi của khách hàng; phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị; kế hoạch marketing;

chính sách sản phẩm; chính sách giá; chính sách phân phối; chính sách xúc tiến trong kinh doanh du lịch; các chính sách khác trong kinh doanh du lịch.

Kinh tế du lịch: Học phần Kinh tế du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về kinh tế du lịch; thị trường du lịch; cân cân thanh toán trong du lịch; công ty đa quốc gia trong du lịch; đầu tư trong du lịch và hiệu quả kinh tế - xã hội của du lịch.

Tổ chức sự kiện du lịch: Học phần Tổ chức sự kiện du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn và ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về tổ chức sự kiện du lịch, kế hoạch tổ chức sự kiện du lịch, chuẩn bị tổ chức sự kiện du lịch, tổ chức điều hành và kết thúc sự kiện du lịch, quản trị rủi ro trong tổ chức sự kiện du lịch.

Quản trị lễ tân khách sạn: Học phần Quản trị lễ tân khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) và là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận lễ tân; nghiệp vụ đặt buồng, đăng ký khách sạn và dịch vụ hỗ trợ khách lưu trú, làm thủ tục trả buồng và kiểm toán đêm; quản trị tác nghiệp lễ tân; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận lễ tân; quản trị doanh thu và đánh giá kết quả hoạt động lễ tân.

Quản trị buồng khách sạn: Học phần Quản trị nhà hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận dịch vụ nhà hàng; nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ bar, nghiệp vụ phục vụ tiệc và hội nghị; quản trị tác nghiệp nhà hàng; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận dịch vụ nhà hàng; quản trị doanh thu, kiểm soát chi phí và đánh giá kết quả kinh doanh của nhà hàng.

Quản trị nhà hàng: Học phần Quản trị nhà hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức

bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận dịch vụ nhà hàng; nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ bar, nghiệp vụ phục vụ tiệc và hội nghị; quản trị tác nghiệp nhà hàng; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận dịch vụ nhà hàng; quản trị doanh thu, kiểm soát chi phí và đánh giá kết quả kinh doanh của nhà hàng.

Quản trị khu nghỉ dưỡng: Học phần Quản trị khu nghỉ dưỡng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) đồng thời là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị khu nghỉ dưỡng; Cơ cấu tổ chức quản lý của khu nghỉ dưỡng; Quản trị quá trình kinh doanh khu nghỉ dưỡng, Quản trị các nguồn lực kinh doanh chủ yếu của khu nghỉ dưỡng; Quản lý môi trường tự nhiên, chất lượng và giá cả dịch vụ của khu nghỉ dưỡng.

Học phần Thực tập nghiệp vụ khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị khách sạn. Nội dung thực tập tập trung vào: chức năng và nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và những quy trình nghiệp vụ của các bộ phận: lễ tân, buồng, nhà hàng, chế biến món ăn, an ninh, trung tâm giải trí, thể thao và chăm sóc sức khỏe.

Quản trị dự án: Học phần Quản trị dự án thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái luận về dự án và quản trị dự án; tổ chức dự án và nhà quản trị dự án; các hoạt động cơ bản của quản trị dự án: xác định và lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, điều phối các nguồn lực dự án, quản trị chi phí dự án, quản trị chất lượng dự án, quản trị rủi ro dự án, giám sát và kết thúc dự án.

Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch: Học phần Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn), đồng thời là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung của học phần bao gồm: Chất lượng dịch vụ du lịch, nội dung quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, nhân tố con người và văn hóa chất lượng trong doanh nghiệp du lịch, hệ thống quản lý chất lượng trong doanh nghiệp du lịch.

Quản trị thương hiệu 1: Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến

lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Kinh tế chia sẻ: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế chia sẻ, bao gồm: khái niệm, đặc trưng, phân loại, vai trò, tác động, xu hướng phát triển của kinh tế chia sẻ. Trên cơ sở đó phân tích sự vận hành của kinh tế chia sẻ, và từ đó tìm hiểu về cách thức quản trị hiệu quả nền tảng kinh tế chia sẻ.

Văn hóa du lịch: *Văn hóa du lịch:* Học phần Văn hóa du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn và ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung của học phần Văn hóa du lịch bao gồm: Tổng quan về văn hóa du lịch; văn hóa của khách du lịch; văn hóa của doanh nghiệp du lịch; văn hóa du lịch trong phát triển du lịch ở Việt Nam.

Đào tạo và phát triển nhân lực: Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, triển khai đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá kết quả đào tạo và phát triển nhân lực.

Du lịch bền vững: Học phần Du lịch bền vững là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về du lịch bền vững; các mục tiêu và nguyên tắc, chính sách và mô hình phát triển du lịch bền vững; đánh giá tính bền vững của du lịch và các tiêu chuẩn du lịch bền vững; quản lý du lịch bền vững; và phát triển các loại hình du lịch bền vững.

Quản trị chế biến món ăn: Học phần Quản trị chế biến món ăn là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận chế biến món ăn; nghiệp vụ chế biến món ăn; quản trị tác nghiệp chế biến món ăn; quản lý thực đơn, kiểm soát chi phí và an toàn vệ sinh thực phẩm; quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận chế biến món ăn.

Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành: Học phần Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành; hoạch định kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp lữ hành; quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp; quản trị quá trình kinh doanh chương trình du lịch; quản trị quá trình kinh doanh dịch vụ đại lý du lịch; quản trị nguồn lực kinh doanh trong doanh nghiệp lữ hành; quản trị rủi ro trong kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.

Quản trị chiến lược: Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Quản lý điểm đến du lịch: Học phần Quản lý điểm đến du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn) đồng thời là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo CTĐT đại trà (CTĐT chuẩn). Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức nền tảng cơ bản về điểm đến du lịch và quản lý điểm đến du lịch; lập kế hoạch quản lý điểm đến du lịch; xây dựng thương hiệu và định vị điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; an toàn, an ninh và quản lý rủi ro tại điểm đến du lịch; phát triển bền vững và quản lý chất lượng điểm đến du lịch.

Marketing B2B: Marketing B2B là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản và nội dung hoạt động marketing B2B; trong đó tập trung phân định sự khác biệt giữa marketing B2B với

marketing B2C. Đồng thời làm rõ hành vi mua của khách hàng tổ chức để phân đoạn thị trường B2B, xác lập chiến lược marketing, phát triển marketing-mix (nhấn mạnh những khía cạnh đặc trưng khác biệt trong quyết định các biến số marketing B2B với marketing B2C) và phát triển, quản trị mối quan hệ B2B. Học phần còn bao hàm các bài tập và tình huống cụ thể nhằm rèn luyện các kỹ năng điều tra khảo sát, phân tích hiện trạng và các giải pháp ứng xử trong thực tiễn kinh doanh hiện nay.

Quản trị đa văn hóa: Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

Thanh toán điện tử: Học phần Thanh toán điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho sinh viên Quản trị TMĐT về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp: Học phần Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung của học phần bao gồm: những vấn đề chung về doanh nghiệp; tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; từ đó phát hiện vấn đề từ thực tế và đề xuất vấn đề cần nghiên cứu tại doanh nghiệp.

Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp: Học phần Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung của học phần bao gồm: Xác định cơ sở lý luận của vấn đề lựa chọn nghiên cứu; Khảo sát, đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp; Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp.

3. Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn (chương trình định hướng nghề nghiệp)

Triết học Mác – Lênin: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Chủ nghĩa xã hội khoa học: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có

nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: Học phần gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập nghiên cứu và công tác của mình.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

Pháp luật đại cương: Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1: Tiếng Anh 1 gồm 6 bài đầu của giáo trình “Market Leader -Elementary” của David Cotton, David Falvey và Simon Kent (2007) giới thiệu những tình huống thường gặp trong

kinh doanh như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về công việc và sở thích, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại, cách thức đặt phòng trong khách sạn và kiểm tra việc đặt trước, cách thức gọi món ăn trong nhà hàng, thực hiện một bài nói giới thiệu sản phẩm, cách thức giải quyết những vấn đề cơ bản, cách thức tham gia thảo luận, v.v. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu và giúp sinh viên thực hành một số hiện tượng ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.

Tiếng Anh 2: Học phần Tiếng Anh 2 giúp sinh viên tiếp tục làm quen với ngôn ngữ Anh trong môi trường thương mại qua giáo trình “*Market Leader – Elementary*” (bài 7, 8, 9, 10, 11, 12) của David Cotton, David Falvey và Simon Kent (2007). Học phần giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như giao tiếp với đồng nghiệp, lãnh đạo, thực hiện một bài thuyết trình về công ty hoặc về một sản phẩm, bày tỏ ý kiến của bản thân về một vấn đề, v.v. giúp sinh viên có thể thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu một số yếu tố khác như từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

Tiếng Anh 3: Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “*Market Leader*” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 6 chương cung cấp nội dung kiến thức trong lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại gồm: Sự nghiệp, Mua hàng trên mạng, Công ty, Sáng kiến, Sự cạnh tranh, Hoạt động giải trí của doanh nghiệp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: động từ khuyết thiếu chỉ khả năng, yêu cầu và đề nghị; động từ khuyết thiếu must, need to, have to, should; thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành và động từ kép. Sau khi hoàn thành 6 chương, sinh viên có thể thực hiện các cuộc gọi trên điện thoại, đàm phán, thuyết trình về một công ty, tham gia một cuộc họp, thảo luận về những nghề gây căng thẳng, stress nhất và có thể chào hỏi và nói chuyện phiếm bằng tiếng Anh.

Tin học quản lý: Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,... Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

Phương pháp nghiên cứu khoa học: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

Kinh tế thương mại đại cương: Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

Lịch sử các học thuyết kinh tế: Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay. Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường. Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta. Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Kinh tế môi trường: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Giáo dục thể chất chung: Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

Bóng ném: Những hiểu biết cơ bản nhất về môn Bóng ném và thực hành các kỹ thuật cơ bản của Bóng ném.

Bóng chuyền: Những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng chuyền và 03 kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền là: Chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay và kỹ thuật di chuyển.

Cầu lông: Môn học giới thiệu một số kiến thức về lịch sử ra đời, luật thi đấu, yếu lĩnh kỹ thuật và các động tác cơ bản nhất của Cầu lông.

Bóng bàn: Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

Cờ vua: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học cờ vua về lý luận, kỹ năng thực hành cờ vua, năng lực tổ chức thi đấu môn cờ vua.

Bóng rổ: Những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng rổ: Chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật dẫn bóng lên rổ một tay trên cao, ném phạt.

Quản trị học: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Tổng quan khách sạn: Tổng quan khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Sự hình thành và lịch sử phát triển của ngành khách sạn; các lĩnh vực kinh doanh và cơ cấu tổ chức của khách sạn; các hình thức sở hữu và quản lý khách sạn; hoạt động của các bộ phận trong khách sạn; phát triển khách sạn.

Cơ sở văn hóa Việt Nam: Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần

bao gồm: Khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hoá Việt Nam; văn hoá Việt Nam vùng Tây Bắc, Việt Bắc và châu thổ Bắc Bộ; văn hoá Việt Nam vùng Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

Quản trị dịch vụ: Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Tài nguyên du lịch: Học phần Tài nguyên du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tài nguyên du lịch; tài nguyên du lịch tự nhiên; tài nguyên du lịch văn hóa; tài nguyên du lịch của các vùng du lịch Việt Nam; bảo vệ tài nguyên du lịch.

Tiếng Anh thương mại 1

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

Tiếng Anh thương mại 2

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

Thực tập nhận thức nghề nghiệp: Học phần Thực tập nhận thức nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung của học phần tập trung vào tìm hiểu thực tế những vấn đề chung về kinh doanh khách sạn, các sản phẩm dịch vụ và thị trường của khách sạn, các bộ phận và các chức danh nghề nghiệp trong khách sạn.

Văn hóa du lịch: Học phần Văn hóa du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung của học phần Văn hóa du lịch bao gồm: Tổng quan về văn hóa du lịch, văn hóa của khách du lịch, văn hóa của doanh nghiệp du lịch, văn hóa du lịch trong phát triển du lịch ở Việt Nam.

Tâm lý quản trị kinh doanh: Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về tâm lý quản trị kinh

doanh, vai trò của tâm lý quản trị kinh doanh, một số lý thuyết tâm lý quản trị kinh doanh. Các đặc điểm và các quy luật tâm lý cá nhân. Đặc điểm và các quy luật tâm lý tập thể, mâu thuẫn trong tâm lý tập thể. Tâm lý nhà lãnh đạo và êkip lãnh đạo, những phẩm chất tâm lý của nhà lãnh đạo. Tâm lý trong hoạt động kinh doanh: đặc điểm hoạt động kinh doanh, tâm lý của người mua, tâm lý của người bán hàng. Giao tiếp trong quản trị kinh doanh: các công cụ giao tiếp, phong cách giao tiếp và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp, các loại hình giao tiếp trong quản trị kinh doanh.

Tiếng Trung 1.1: Học phần Tiếng Trung 1.1 là học phần đầu tiên trong các học phần tiếng Trung cơ bản. Học phần được giảng dạy theo giáo trình Hán ngữ “汉语教程”- Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh do Dương Ký Châu biên soạn. Học phần gồm 8 bài sẽ trang bị cho người học cách phát âm, cách viết phiên âm tiếng Trung, các kiến thức cơ bản về cách viết chữ Trung Quốc, các nét và bộ thủ cơ bản trong tiếng Trung, một lượng từ vựng và kiến thức ngữ pháp cơ bản để người học có thể tiến hành giao tiếp các chủ đề đơn giản trong sinh hoạt, học tập như chào hỏi, hỏi thăm, giới thiệu, mua bán. Ngoài ra học phần còn có phần chú thích giải thích các hiện tượng ngôn ngữ văn hóa đáng chú ý và phần bài tập giúp người học củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng của từng bài.

Tiếng Pháp 1.1: Học phần Tiếng Pháp 1.1 được chia thành 4 chương, kết cấu của mỗi chương bao gồm: các bài khóa dưới dạng viết hoặc nghe; phần ngữ pháp giới thiệu những hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong bài khóa; các bài tập ngữ pháp và bài tập tình huống đa dạng giúp người học củng cố kiến thức cũng như các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc và viết. Nội dung của học phần này chủ yếu xoay quanh các chủ đề về chào hỏi- làm quen; giới thiệu bản thân, giới thiệu một người khác (giới thiệu một người nổi tiếng); giới thiệu gia đình mình; viết phiếu đăng kí tham gia chương trình.

Thương mại điện tử căn bản: Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Nguyên lý quản lý kinh tế: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

Kinh tế học: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vĩ mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

Khởi sự kinh doanh: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan,

kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Marketing du lịch: Học phần Marketing du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về marketing du lịch; phân tích cơ hội và nghiên cứu marketing; phân tích hành vi của khách hàng; phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị; kế hoạch marketing; chính sách sản phẩm; chính sách giá; chính sách phân phối; chính sách xúc tiến trong kinh doanh du lịch; các chính sách khác trong kinh doanh du lịch.

Kinh tế du lịch: Học phần Kinh tế du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về kinh tế du lịch; thị trường du lịch; cân cân thanh toán trong du lịch; công ty đa quốc gia trong du lịch; đầu tư trong du lịch và hiệu quả kinh tế - xã hội của du lịch.

Quản trị lễ tân khách sạn: Học phần Quản trị lễ tân khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp và là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận lễ tân; nghiệp vụ đặt buồng, đăng ký khách sạn và dịch vụ hỗ trợ khách lưu trú, làm thủ tục trả buồng và kiểm toán đêm; quản trị tác nghiệp lễ tân; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận lễ tân; quản lý doanh thu và đánh giá kết quả hoạt động lễ tân.

Quản trị buồng khách sạn: Học phần Quản trị buồng khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận buồng; hoạt động phục vụ tại khu vực buồng khách và khu vực chung; dịch vụ đồ vải và hoạt động giặt là; quản lý vận hành hoạt động phục vụ buồng; quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận buồng.

Quản trị chế biến món ăn: Học phần Quản trị chế biến món ăn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về hoạt động của chế biến món ăn; nghiệp vụ chế biến món ăn; quản trị tác nghiệp chế biến món ăn; quản lý thực đơn, kiểm soát chi phí và an toàn vệ sinh thực phẩm; quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận chế biến món ăn.

Thực tập nghiệp vụ khách sạn: Học phần Thực tập nghiệp vụ khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung thực tập tập trung vào: chức năng và nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và những quy trình nghiệp vụ của các bộ phận: lễ tân, buồng, nhà hàng, chế biến món ăn, an ninh, trung tâm giải trí, thể thao và chăm sóc sức khỏe.

Thực tập quản trị tác nghiệp khách sạn: Học phần Thực tập Quản trị tác nghiệp khách sạn

là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung thực tập tập trung vào quản trị tác nghiệp tại các bộ phận: lễ tân, buồng, chế biến món ăn, nhà hàng trong khách sạn hoặc cơ sở lưu trú tương tự.

Quản trị khu nghỉ dưỡng: Học phần Quản trị khu nghỉ dưỡng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp, đồng thời, là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị khu nghỉ dưỡng; cơ cấu tổ chức quản lý của khu nghỉ dưỡng; quản trị quá trình kinh doanh khu nghỉ dưỡng; quản trị các nguồn lực kinh doanh chủ yếu của khu nghỉ dưỡng; quản lý môi trường tự nhiên, chất lượng và giá cả dịch vụ của khu nghỉ dưỡng.

Tổ chức sự kiện du lịch: Học phần Tổ chức sự kiện du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về tổ chức sự kiện du lịch, kế hoạch tổ chức sự kiện du lịch, chuẩn bị tổ chức sự kiện du lịch, tổ chức điều hành và kết thúc sự kiện du lịch, quản trị rủi ro trong tổ chức sự kiện du lịch.

Quản trị nhà hàng: Học phần Quản trị nhà hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của nhà hàng; nghiệp vụ nhà hàng; nghiệp vụ bar; nghiệp vụ tiệc; phục vụ hội nghị, hội thảo; quản lý vận hành hoạt động phục vụ; quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật; ứng dụng công nghệ; quản lý doanh thu và kiểm soát chi phí của nhà hàng.

Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch: Học phần Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung của học phần bao gồm: Chất lượng dịch vụ du lịch; nội dung quản trị chất lượng dịch vụ du lịch; nhân tố con người và văn hóa chất lượng trong doanh nghiệp du lịch; hệ thống quản lý chất lượng trong doanh nghiệp du lịch.

Quản trị thương hiệu 1: Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Quản trị đa văn hóa: Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành: Học phần Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp, đồng thời, là học phần bắt buộc của khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành; hoạch định kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp lữ hành; quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp; quản trị quá trình kinh doanh chương trình du lịch; quản trị quá trình kinh doanh dịch vụ đại lý du lịch; quản trị nguồn lực kinh doanh trong doanh nghiệp lữ hành; quản trị rủi ro trong kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.

Hướng dẫn du lịch: Học phần Hướng dẫn du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp đồng thời là học phần bắt buộc trong khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về hướng dẫn du lịch; các bộ phận thực hiện hoạt động hướng dẫn du lịch; các nghiệp vụ cơ bản của tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch; nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch; quản lý đoàn khách và xử lý tình huống trong quá trình hướng dẫn du lịch.

Du lịch bền vững: Học phần Du lịch bền vững là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về du lịch bền vững; các mục tiêu và nguyên tắc, chính sách và mô hình phát triển du lịch bền vững; đánh giá tính bền vững của du lịch và các tiêu chuẩn du lịch bền vững; quản lý du lịch bền vững; và phát triển các loại hình du lịch bền vững.

Mạng máy tính và truyền thông: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn phương án xây dựng và quản lý mạng máy tính cho doanh nghiệp của sinh viên. Học phần trước hết trình bày tổng quan về mạng máy tính: Quá trình ra đời và sự phát triển của mạng máy tính. Ứng dụng của mạng máy tính trong cuộc sống nói chung và trong hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp nói riêng. Tiếp đó, trình bày các kiến thức về mạng máy tính, mô hình OSI, giao thức TCP/IP, các kiến thức về mạng LAN, mạng Internet cũng như cách thức lựa chọn cấu hình và giao thức mạng phù hợp cho tổ chức doanh nghiệp. Cuối cùng, học phần hướng dẫn phương thức truyền thông tin an toàn khi sử dụng mạng máy tính trong tổ chức doanh nghiệp.

Quản lý điểm đến du lịch: Học phần Quản lý điểm đến du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp, đồng thời, là học phần tự chọn của khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức nền tảng cơ bản về điểm đến du lịch và quản lý điểm đến du lịch; lập kế hoạch quản lý điểm đến du lịch; xây dựng thương hiệu và định vị điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; an toàn, an ninh và quản lý rủi ro tại điểm đến du lịch; phát triển bền vững và quản lý chất lượng điểm đến du lịch.

Quản trị chiến lược: Với mục đích cung cấp một hệ thống kiến thức tổng quan và hàn lâm về quản trị chiến lược của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh doanh hiện đại, học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn *Hoạch định chiến lược* trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các

loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn *Thực thi chiến lược* làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn *Kiểm tra và đánh giá chiến lược* cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp: Học phần Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung của học phần bao gồm: những vấn đề chung về doanh nghiệp; Tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Từ đó phát hiện vấn đề từ thực tế và đề xuất vấn đề cần nghiên cứu tại doanh nghiệp.

Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp: Học phần Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung của học phần bao gồm: Xác định cơ sở lý luận của vấn đề lựa chọn nghiên cứu; Khảo sát, đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp; Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp.

4. Chương trình đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (chương trình định hướng nghề nghiệp)

Triết học Mác – Lênin: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Chủ nghĩa xã hội khoa học: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: Học phần gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập nghiên cứu và công tác của mình.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

Pháp luật đại cương: Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1: “*Tiếng Anh 1*” gồm 6 bài đầu của giáo trình “*Market Leader -Elementary*” của David Cotton, David Falvey và Simon Kent (2007) giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về công việc và sở thích, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại, cách thức đặt phòng trong khách sạn và kiểm tra việc đặt trước, cách thức gọi món ăn trong nhà hàng, thực hiện một bài nói giới thiệu sản phẩm, cách thức giải quyết những vấn đề cơ bản, cách thức tham gia thảo luận, v.v. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu và giúp sinh viên thực hành một số hiện tượng ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.

Tiếng Anh 2: Học phần “*Tiếng Anh 2*” giúp sinh viên tiếp tục làm quen với ngôn ngữ Anh trong môi trường thương mại qua giáo trình “*Market Leader – Elementary*” (bài 7, 8, 9, 10, 11, 12) của David Cotton, David Falvey và Simon Kent (2007). Học phần giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như giao tiếp với đồng nghiệp, lãnh đạo, thực hiện một bài thuyết trình về công ty hoặc về một sản phẩm, bày tỏ ý kiến của bản thân về một vấn đề, v.v. giúp sinh

viên có thể thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu một số yếu tố khác như từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

Tiếng Anh 3: Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Market Leader” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 6 chương cung cấp nội dung kiến thức trong lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại gồm: Sự nghiệp, Mua hàng trên mạng, Công ty, Sáng kiến, Sự căng thẳng, Hoạt động giải trí của doanh nghiệp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: động từ khuyết thiếu chỉ khả năng, yêu cầu và đề nghị; động từ khuyết thiếu must, need to, have to, should; thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành và động từ kép. Sau khi hoàn thành 6 chương, sinh viên có thể thực hiện các cuộc gọi trên điện thoại, đàm phán, thuyết trình về một công ty, tham gia một cuộc họp, thảo luận về những nghề gây căng thẳng, stress nhất và có thể chào hỏi và nói chuyện phiếm bằng tiếng Anh.

Tin học quản lý: Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,... Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

Phương pháp nghiên cứu khoa học: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

Toán đại cương: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: Ma trận, hệ phương trình, vector, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến và hàm biến. Bên cạnh đó, học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê: Khái niệm cơ bản về xác suất, các phân phối xác suất thường gặp, lý thuyết về mẫu, bài toán ước lượng tham số và bài toán kiểm định tham số.

Kinh tế thương mại đại cương: Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

Lịch sử các học thuyết kinh tế: Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay. Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường. Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta. Phân tích tư tưởng

thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Kinh tế môi trường: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Giáo dục thể chất chung: Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

Bóng ném: Những hiểu biết cơ bản nhất về môn Bóng ném và thực hành các kỹ thuật cơ bản của Bóng ném.

Bóng chuyền: Những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng chuyền và 03 kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền là: Chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay và kỹ thuật di chuyển.

Cầu lông: Môn học giới thiệu một số kiến thức về lịch sử ra đời, luật thi đấu, yếu lĩnh kỹ thuật và các động tác cơ bản nhất của Cầu lông.

Bóng bàn: Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

Cờ vua: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học cờ vua về lý luận, kỹ năng thực hành cờ vua, năng lực tổ chức thi đấu môn cờ vua.

Bóng rổ: Những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng rổ: Chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật dẫn bóng lên rổ một tay trên cao, ném phạt.

Quản trị học: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau : Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm : chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Tổng quan du lịch: Học phần Tổng quan du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về sự phát triển của du lịch; các động cơ và loại hình du lịch; điểm đến du lịch; các tác động của du lịch; quy hoạch và phát triển du lịch.

Cơ sở văn hóa Việt Nam: Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hoá Việt Nam; văn hoá Việt Nam vùng Tây Bắc, Việt Bắc và châu thổ Bắc Bộ; văn hoá Việt Nam vùng Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

Quản trị dịch vụ: Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái

quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Tài nguyên du lịch: Học phần Tài nguyên du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tài nguyên du lịch; tài nguyên du lịch tự nhiên; tài nguyên du lịch văn hóa; tài nguyên du lịch của các vùng du lịch Việt Nam; bảo vệ tài nguyên du lịch.

Tiếng Anh thương mại 1

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

Tiếng Anh thương mại 2

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

Thực tập nhận thức nghề nghiệp: Học phần Thực tập nhận thức nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung của học phần tập trung vào tìm hiểu thực tế những vấn đề chung trong kinh doanh lữ hành, các sản phẩm dịch vụ và thị trường, các bộ phận và các chức danh nghề nghiệp trong doanh nghiệp lữ hành.

Văn hóa du lịch: Học phần Văn hóa du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung của học phần Văn hóa du lịch bao gồm: Tổng quan về văn hóa du lịch, văn hóa của khách du lịch, văn hóa của doanh nghiệp du lịch, văn hóa du lịch trong phát triển du lịch ở Việt Nam.

Tâm lý quản trị kinh doanh: Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về tâm lý quản trị kinh doanh, vai trò của tâm lý quản trị kinh doanh, một số lý thuyết tâm lý quản trị kinh doanh. Các đặc điểm và các quy luật tâm lý cá nhân. Đặc điểm và các quy luật tâm lý tập thể, mâu thuẫn trong tâm lý tập thể. Tâm lý nhà lãnh đạo và êkíp lãnh đạo, những phẩm chất tâm lý của nhà lãnh đạo. Tâm lý trong hoạt động kinh doanh: đặc điểm hoạt động kinh doanh, tâm lý của người mua, tâm lý của người bán hàng. Giao tiếp trong quản trị kinh doanh: các công cụ giao tiếp, phong cách giao tiếp và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp, các loại hình giao tiếp trong quản trị kinh doanh.

Tiếng Trung 1.1: Học phần Tiếng Trung 1.1 là học phần đầu tiên trong các học phần tiếng Trung cơ bản. Học phần được giảng dạy theo giáo trình Hán ngữ “汉语教程”- Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh do Dương Ký Châu biên soạn. Học phần gồm 8 bài sẽ trang bị cho người học cách phát âm, cách viết phiên âm tiếng Trung, các kiến thức cơ bản về cách viết chữ Trung Quốc, các nét và bộ thủ cơ bản trong tiếng Trung, một lượng từ vựng và kiến thức ngữ pháp cơ bản để người học có thể tiến hành giao tiếp các chủ đề đơn giản trong sinh hoạt, học tập như chào hỏi, hỏi thăm, giới thiệu, mua bán. Ngoài ra học phần còn có phần chú thích giải thích các hiện tượng ngôn ngữ văn hóa đáng chú ý và phần bài tập giúp người học củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng của từng bài.

Tiếng Pháp 1.1: Học phần Tiếng Pháp 1.1 được chia thành 4 chương, kết cấu của mỗi chương bao gồm: các bài khóa dưới dạng viết hoặc nghe; phần ngữ pháp giới thiệu những hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong bài khóa; các bài tập ngữ pháp và bài tập tình huống đa dạng giúp người học củng cố kiến thức cũng như các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc và viết. Nội dung của học phần này chủ yếu xoay quanh các chủ đề về chào hỏi- làm quen; giới thiệu bản thân, giới thiệu một người khác (giới thiệu một người nổi tiếng); giới thiệu gia đình mình; viết phiếu đăng kí tham gia chương trình.

Thương mại điện tử căn bản: Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Nguyên lý quản lý kinh tế: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

Kinh tế học: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vĩ mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

Khởi sự kinh doanh: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Marketing du lịch: Học phần Marketing du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ

hành định hướng nghề nghiệp và ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về marketing du lịch; phân tích cơ hội và nghiên cứu marketing; phân tích hành vi của khách hàng; phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị; kế hoạch marketing; chính sách sản phẩm; chính sách giá; chính sách phân phối; chính sách xúc tiến trong kinh doanh du lịch; các chính sách khác trong kinh doanh du lịch.

Kinh tế du lịch: Học phần Kinh tế du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về kinh tế du lịch; thị trường du lịch; cân cân thanh toán trong du lịch; công ty đa quốc gia trong du lịch; đầu tư trong du lịch và hiệu quả kinh tế - xã hội của du lịch.

Du lịch bền vững: Học phần Du lịch bền vững là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về du lịch bền vững; các mục tiêu và nguyên tắc, chính sách và mô hình phát triển du lịch bền vững; đánh giá tính bền vững của du lịch và các tiêu chuẩn du lịch bền vững; quản lý du lịch bền vững; và phát triển các loại hình du lịch bền vững.

Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành: Học phần Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp, đồng thời, là học phần bắt buộc của khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành; hoạch định kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp lữ hành; quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp; quản trị quá trình kinh doanh chương trình du lịch; quản trị quá trình kinh doanh dịch vụ đại lý du lịch; quản trị nguồn lực kinh doanh trong doanh nghiệp lữ hành; quản trị rủi ro trong kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.

Hướng dẫn du lịch: Học phần Hướng dẫn du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp đồng thời là học phần bắt buộc trong khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về hướng dẫn du lịch; các bộ phận thực hiện hoạt động hướng dẫn du lịch; các nghiệp vụ cơ bản của tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch; nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch; quản lý đoàn khách và xử lý tình huống trong quá trình hướng dẫn du lịch.

Thực tập nghiệp vụ dịch vụ du lịch và lữ hành: Học phần Thực tập nghiệp vụ dịch vụ du lịch và lữ hành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung thực tập tập trung vào: khái quát về doanh nghiệp du lịch và các lĩnh vực kinh doanh; các bộ phận nghiệp vụ và chức danh nghề nghiệp; các quy trình thực hiện một số nghiệp vụ trong doanh nghiệp lữ hành.

Thực tập quản trị tác nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành: Học phần Thực tập Quản trị tác nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được các kiến thức thực tiễn về doanh nghiệp lữ hành; thực hành quản trị nghiên cứu thị trường, xây dựng và tính giá chương trình du lịch; thực hành quản trị

xúc tiến hỗn hợp và bán chương trình du lịch; thực hành quản trị tổ chức thực hiện chương trình du lịch; thực hành quản trị kinh doanh dịch vụ đại lý du lịch.

Tổ chức sự kiện du lịch: Học phần Tổ chức sự kiện du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về tổ chức sự kiện du lịch, kế hoạch tổ chức sự kiện du lịch, chuẩn bị tổ chức sự kiện du lịch, tổ chức điều hành và kết thúc sự kiện du lịch, quản trị rủi ro trong tổ chức sự kiện du lịch.

Đào tạo và phát triển nhân lực: Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, triển khai đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá kết quả đào tạo và phát triển nhân lực.

Quản lý điểm đến du lịch: Học phần Quản lý điểm đến du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp, đồng thời, là học phần tự chọn của khối kiến thức hỗ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức nền tảng cơ bản về điểm đến du lịch và quản lý điểm đến du lịch; lập kế hoạch quản lý điểm đến du lịch; xây dựng thương hiệu và định vị điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; an toàn, an ninh và quản lý rủi ro tại điểm đến du lịch; phát triển bền vững và quản lý chất lượng điểm đến du lịch.

Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch: Học phần Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung của học phần bao gồm: Chất lượng dịch vụ du lịch; nội dung quản trị chất lượng dịch vụ du lịch; nhân tố con người và văn hóa chất lượng trong doanh nghiệp du lịch; hệ thống quản lý chất lượng trong doanh nghiệp du lịch.

Quản trị thương hiệu 1: Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Quản trị đa văn hóa: Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

Quản trị lễ tân khách sạn: Học phần Quản trị lễ tân khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp và là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức hỗ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận lễ tân; nghiệp vụ đặt buồng, đăng ký

khách sạn và dịch vụ hỗ trợ khách lưu trú, làm thủ tục trả buồng và kiểm toán đêm; quản trị tác nghiệp lễ tân; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận lễ tân; quản lý doanh thu và đánh giá kết quả hoạt động lễ tân.

Quản trị khu nghỉ dưỡng: Học phần Quản trị khu nghỉ dưỡng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp, đồng thời, là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị khu nghỉ dưỡng; cơ cấu tổ chức quản lý của khu nghỉ dưỡng; quản trị quá trình kinh doanh khu nghỉ dưỡng; quản trị các nguồn lực kinh doanh chủ yếu của khu nghỉ dưỡng; quản lý môi trường tự nhiên, chất lượng và giá cả dịch vụ của khu nghỉ dưỡng.

Quản trị buồng khách sạn: Học phần Quản trị buồng khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận buồng; hoạt động phục vụ tại khu vực buồng khách và khu vực chung; dịch vụ đồ vải và hoạt động giặt là; quản lý vận hành hoạt động phục vụ buồng; quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận buồng.

Quản trị chế biến món ăn: Học phần Quản trị chế biến món ăn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về hoạt động của chế biến món ăn; nghiệp vụ chế biến món ăn; quản trị tác nghiệp chế biến món ăn; quản lý thực đơn, kiểm soát chi phí và an toàn vệ sinh thực phẩm; quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận chế biến món ăn.

Quản trị nhà hàng: Học phần Quản trị nhà hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của nhà hàng; nghiệp vụ nhà hàng; nghiệp vụ bar; nghiệp vụ tiệc; phục vụ hội nghị, hội thảo; quản lý vận hành hoạt động phục vụ; quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật; ứng dụng công nghệ; quản lý doanh thu và kiểm soát chi phí của nhà hàng.

Quản trị chiến lược: Với mục đích cung cấp một hệ thống kiến thức tổng quan và hàn lâm về quản trị chiến lược của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh doanh hiện đại, học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn *Hoạch định chiến lược* trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn *Thực thi chiến lược* làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn *Kiểm tra và đánh giá chiến lược* cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực

hiện tốt nhiệm vụ này.

Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp: Học phần Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung của học phần bao gồm: những vấn đề chung về doanh nghiệp; Tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Từ đó phát hiện vấn đề từ thực tế và đề xuất vấn đề cần nghiên cứu tại doanh nghiệp.

Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp: Học phần Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành định hướng nghề nghiệp và Quản trị khách sạn định hướng nghề nghiệp. Nội dung của học phần bao gồm: Xác định cơ sở lý luận của vấn đề lựa chọn nghiên cứu; Khảo sát, đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp; Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp.

5. Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn (chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế)

I. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1. Giáo dục đại cương

1.1.1. Các học phần bắt buộc

Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism – Leninism): Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political economics of Marxism – Leninism): Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology): Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản (History of Vietnamese Communist Party): Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử

Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism): Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương (Introduction to Laws): Là học phần bắt buộc trong CTĐT của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ CTĐT của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh tăng cường 1.1 (Intensive English 1.1): Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.1 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh tăng cường 1.2 (Intensive English 1.2): Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.2 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh nâng cao 1.1 (Advanced English 1.1): Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.1 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh nâng cao 1.2 (Advanced English 1.2): Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.2 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản (Information Technology Foundation): Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

1.1.2. Các học phần tự chọn

Kinh tế lượng (Econometrics): Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in business): Người học sẽ được trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh. Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.

1.2. Giáo dục thể chất

1.2.1. Các học phần bắt buộc

Giáo dục thể chất chung (Physical Education): Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

1.2.2. Các học phần tự chọn

Cầu lông (Badminton):: Môn học giới thiệu một số kiến thức về lịch sử ra đời, luật thi đấu, yếu lĩnh kỹ thuật và các động tác cơ bản nhất của Cầu lông.

Bóng chuyền (Volleyball): Những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng chuyền và 03 kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền là: Chuyên bóng cao tay, chuyển bóng thấp tay và kỹ thuật di chuyển.

Bóng ném (Handball): Những hiểu biết cơ bản nhất về môn Bóng ném và thực hành các kỹ thuật cơ bản của Bóng ném.

Bóng bàn (Table tennis): Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

Cờ vua (Chess): Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học cờ vua về lý luận, kỹ năng thực hành cờ vua, năng lực tổ chức thi đấu môn cờ vua.

Bóng rổ (Basketball): Những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng rổ: Chuyên và bắt bóng bằng hai tay trước ngực, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật dẫn bóng lên rổ một tay trên cao, ném phạt.

II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức liên ngành

Kinh tế học (Economics): The course provides basic knowledge of economics: (i) as for microeconomics, the course focuses on the study of supply and demand for goods and services, market mechanism, theories of business behavior, the structure of different markets in the economy; (ii) as for macroeconomics, the course provides basic knowledge of macroeconomics, including an overview of the objectives and tools of macroeconomics with AD - AS model, measurement of basic macroeconomic indicators such as output, employment, prices, inflation, unemployment, etc., and analysis of aggregate demand and fiscal, monetary and monetary policies and the impact of the two central macroeconomic policies (fiscal and monetary policies) on prices, output and employment in the economy.

Chuyển đổi số trong kinh doanh (Digital Transformation in Business): là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

Thực tập nghề nghiệp (Internship): Học phần Thực tập nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức liên ngành trong chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, chuyên ngành Quản trị khách sạn. Nội dung của học phần tập trung vào tìm hiểu thực tế về những đặc điểm chung về doanh nghiệp khách sạn, các sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp khách sạn, cơ cấu tổ chức và các bộ phận trong doanh nghiệp khách sạn.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (Artificial Intelligence for Business): Là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản của sinh viên đại học. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của CNTT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Quản trị học (Fundamentals of Management): The course focuses on providing learners with fundamental knowledge of management. It also develops management skills for learners and

allows them to form the ability to work independently and in a group.

Marketing căn bản (Principles of Marketing): Beyond the introduction the nature of marketing and marketing concepts, this course focus on two blocks marketing knowledge; the first is understanding marketing environment, marketplace, customer behavior and marketing information system; the second are principles of marketing to create and provide value for customers, including marketing strategy planning and developing marketing mixed (4Ps): product, pricing, place, communication. The course also opens up prospects for the application and development of modern marketing mindset in the 21st century.

Nguyên lý quản trị nhân lực (Principles of Human Resource Management): This module is one of basis major modules in training program of Human Resource Management Major. It includes some main contents as: concept and role of human resource management; essential contents of human resource management (job analysis, recruitment and selection, training and development employee, performance management, compensation management), trends in human resource management

Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting): This module provides students with the knowledge of accounting including: the definition of accounting and types of accounting, accounting assumptions and principle, the qualitative characteristic of financial information, the accounting equation, source documents and account, nominal ledger, and introduction of accounting software and cloud accounting; trial balance and financial statements.

Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (Money, Banking and Financial Market): The course provides systematically basic knowledge the system of finance and monetary, including domestic operation and global operation of the system. The concepts of money, inflation and financial market are discussed to improve learner's awareness of basically financial issue. Then, monetary policy and its operation in Vietnam are introduced and analyzed. The rest of the course is basic knowledge of banking system.

Khởi sự kinh doanh (Entrepreneurship): Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới. Ngoài ra học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về khởi sự kinh doanh sáng tạo và khởi sự kinh doanh xã hội.

2.1.2. Các học phần tự chọn

Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methodology): Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

Quản trị dịch vụ (Service Management): Học phần Quản trị dịch vụ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức liên ngành trong chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao

động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Luật kinh tế 1 (Economic law 1): Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

Kinh doanh quốc tế (International Business): Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

Lý thuyết kinh tế số (Theory of digital economics): Học phần có các nội dung về kinh tế số; số hóa nền kinh tế; sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; hệ sinh thái nền kinh tế số; một số nguyên tắc cơ bản của kinh tế số như hàng hóa và dịch vụ số, các mô hình giá trị; một số vấn đề chiến lược của kinh tế số; các đặc điểm chính của thị trường số; kinh tế số nâng cao.

Cơ sở văn hóa Việt Nam (Basic Vietnamese Culture): Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức liên ngành trong chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, chuyên ngành Quản trị khách sạn. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hoá Việt Nam; Vùng văn hóa Tây Bắc và Việt Bắc; Vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ và Trung Bộ; Vùng văn hóa Tây Nguyên và Nam Bộ.

Hành vi khách hàng (Customer Behaviour): Học phần Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Marketing và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị Kinh doanh. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.

Kiểm toán căn bản (Fundamental Audit): Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

Quản trị thương hiệu 1 (Brand Management 1): Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy

chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Kinh tế chia sẻ (Sharing Economy): Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế chia sẻ, bao gồm: khái niệm, đặc trưng, phân loại, vai trò, tác động, xu hướng phát triển của kinh tế chia sẻ. Trên cơ sở đó phân tích sự vận hành của kinh tế chia sẻ, và từ đó tìm hiểu về cách thức quản trị hiệu quả nền tảng kinh tế chia sẻ.

2.2. Kiến thức ngành

2.2.1. Các học phần bắt buộc

Tổng quan khách sạn (Introduction Hotel): Introduction to hospitality is a compulsory module of the inter-professional knowledge block of the International Profession Oriented Program in Hotel Management. This course content includes the overview of hospitality industry; different forms of hotel ownership and management; hotel's organizational structure; accommodation business activities; catering business activities; additional service business activities.

Marketing du lịch (Tourism Marketing): Tourism Marketing is a compulsory subject of the professional knowledge domain in the International profession oriented program, Hotel Management Major. This subject provides students with basic knowledge of: Overview of Tourism Marketing; customer behavior analysis; segmentation, target market selection and positioning; product; price; place; promotion in tourism businesses; other policies in tourism businesses.

Kinh tế du lịch (Tourism Economics): Tourism Economics is a compulsory subject of interprofessional knowledge domain in the International profession oriented program, Hotel Management Major. This course provides students with basic knowledge of: Overview of tourism economy; tourism market; cost and benefit in hotel business; human and finance resources in hotel business and socio-economic efficiency of hotels.

2.2.2. Các học phần tự chọn

Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch (Tourism Service Quality Management): Học phần Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn. Nội dung của học phần bao gồm: Chất lượng dịch vụ du lịch, nội dung quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, nhân tố con người và văn hóa chất lượng trong doanh nghiệp du lịch, hệ thống quản lý chất lượng trong doanh nghiệp du lịch.

Tổ chức sự kiện du lịch (Event tourism organizing): Học phần Tổ chức sự kiện du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, chuyên ngành Quản trị khách sạn. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về tổ chức sự kiện du lịch, lập kế hoạch tổ chức sự kiện du lịch, lập dự toán ngân sách sự kiện du lịch, chuẩn bị tổ chức sự kiện du lịch, tổ chức điều hành và kết thúc sự kiện du lịch, quản trị rủi ro trong tổ chức sự kiện du lịch.

Quản trị buồng khách sạn (Housekeeping Operation Management): Học phần Quản trị buồng khách sạn là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế chuyên ngành Quản trị khách sạn. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận buồng; hoạt động phục vụ tại khu vực buồng

khách và khu vực chung; hoạt động cung cấp dịch vụ đồ vải và giặt là; quản lý vận hành hoạt động phục vụ buồng; quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận buồng.

Quản trị khu nghỉ dưỡng (Resort management): Resort management is a compulsory subject of interprofessional knowledge domain in the International profession oriented program, Hotel Management Major. The course content includes: Overview of resort management; The management and organizational structure of the resort; Management of resort business process, Management of major business resources of the resort; Manage the natural environment, quality and price of services of the resort and Business activities management of some typical resorts.

2.3. Kiến thức chuyên ngành

Quản trị lễ tân khách sạn (Hotel Front Office Management): The Hotel Front Office Management course is a compulsory module within the specialized knowledge block of the International Profession Oriented Program in Hotel Management. Subject content includes an overview of organization of hotel front office operation; reservation, check-in procedure, providing services, check-out procedure and night audit; front office operation management; human resource and facilities management; revenue management and evaluation of front office's operational performance.

Quản trị nhà hàng (Restaurant Management): Học phần Quản trị nhà hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận dịch vụ nhà hàng; nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ bar, nghiệp vụ tiệc; quản trị tác nghiệp nhà hàng; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận dịch vụ nhà hàng; quản trị doanh thu, kiểm soát chi phí và đánh giá kết quả kinh doanh của nhà hàng.

Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2 (Hotel Operation Practice 2): Học phần Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, chuyên ngành Quản trị khách sạn. Nội dung thực tập tập trung vào: chức năng và nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và những quy trình phục vụ của các bộ phận nghiệp vụ: lễ tân, buồng, nhà hàng.

Thực tập quản trị tác nghiệp khách sạn 1 (Hotel Operation Management Practice 1): Học phần Thực tập Quản trị tác nghiệp khách sạn 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, chuyên ngành Quản trị khách sạn. Nội dung thực tập tập trung vào quản trị tác nghiệp tại các bộ phận: lễ tân, buồng, nhà hàng trong doanh nghiệp khách sạn.

2.4. Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học (Internship and Thesis)

Học phần *Thực tập và viết báo cáo dự án nhóm* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học trong chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, ngành Quản trị khách sạn. Nội dung của học phần bao gồm: những vấn đề chung về doanh nghiệp; tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; từ đó phát hiện vấn đề từ thực tế và đề xuất vấn đề cần nghiên cứu tại doanh nghiệp.

Internship Project Report is a compulsory module of Professional internship and course graduation in the International Profession Oriented Program, Hotel Management Major. The content of the module includes: general business issues; business situation of the enterprise; from there, detect problems from reality and propose problems that need to be researched at the enterprise.

Học phần *Thực tập và viết luận văn tốt nghiệp* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học trong chương trình đào tạo định hướng chuyên

sâu nghề nghiệp quốc tế, ngành Quản trị khách sạn. Nội dung của học phần bao gồm: Xác định cơ sở lý luận của vấn đề lựa chọn nghiên cứu; Khảo sát, đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp; Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp.

Graduation thesis is compulsory module of Professional internship and course graduation in the International Profession Oriented Program, Hotel Management Major. The content of the module includes determining the theoretical basis of the research selection problem; survey and evaluate the current situation of research problems in enterprises; proposing solutions to improve research problems at enterprises.

III. MARKETING

1. Chương trình đào tạo Marketing thương mại

STT	Các học phần	TC	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN
1		40	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG
1.1.		36	Các học phần bắt buộc
		27	Kiến thức đại cương bắt buộc
1	Triết học Mác - Lênin	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành

			và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình</p>
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (21,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.</p>
6	Pháp luật đại cương	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống</p>

			pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng
7	Tiếng Anh 1	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần “ <i>Tiếng Anh 1</i> ” gồm 4 bài đầu của giáo trình “ <i>Life (A2-B1)</i> ” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2 nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.
8	Tiếng Anh 2	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tiếng Anh 1 (ENTH1411) Mô tả vắn tắt học phần: Học phần “ <i>Tiếng Anh 2</i> ” sử dụng bài 5,6,7,8 trong giáo trình “ <i>Life (A2-B1)</i> ” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2 nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.
9	Tiếng Anh 3	2	Số tín chỉ: 2 TC(24, 12) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tiếng Anh 2 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể

			nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.
10	Toán đại cương	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vectơ, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.
11	Tin học quản lý	3	Số tín chỉ: 3TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,...Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.
1.2.		2	Các học phần tự chọn
			<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>
1	Xã hội học đại cương	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0

			Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Xã hội học đại cương được kết cấu thành 7 chương trong đó, chương 1 giới thiệu đối tượng, cơ cấu, chức năng và sơ lược lịch sử và các lý thuyết xã hội học. Chương 2 của học phần đề cập đến phương pháp nghiên cứu xã hội học. Các chương còn lại của học phần tập trung vào các chủ đề cơ bản của xã hội học theo logic từ hành động xã hội đến nhóm cơ cấu, tổ chức và thiết chế xã hội; từ văn hóa, xã hội hóa đến sai lệch và kiểm soát xã hội; từ bất bình đẳng, phân tầng, di động xã hội đến biến đổi xã hội và toàn cầu hóa
2	Chuyển đổi số cho DN		Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tin học quản lý Mô tả vắn tắt học phần: Học phần trình bày các khái niệm và những vấn đề lý thuyết liên quan đến chuyển đổi cho doanh nghiệp; Hệ thống hóa các nội dung về chuyển đổi số mô hình kinh doanh của doanh nghiệp; Cung cấp các nội dung về nền tảng công nghệ của chuyển đổi số, giới thiệu một lộ trình gồm 5 giai đoạn để giúp doanh nghiệp có cách tiếp cận chuyển đổi số phù hợp.
2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay.+ Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường.+ Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta.+ Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế.+ Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.
1.3.		11	Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh
1.3.1		3	Giáo dục thể chất
1.3.1.1		1	<i>Các học phần bắt buộc</i>
			Giáo dục thể chất chung
1.3.1.2		2	<i>Các học phần tự chọn</i>
			<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>
1		1	Bóng ném
2		1	Bóng chuyền
3		1	Cầu lông
4		1	Bóng bàn
5		1	Cờ vua
6		1	Bóng rổ

2			KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP
2.1.		30	Kiến thức cơ sở ngành
2.1.1.		19	Các học phần bắt buộc
1	Kinh tế vĩ mô 1	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần:0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô</p>
2	Kinh tế vi mô 1	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần:0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.</p>
3	Quản trị học	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.</p>
4	Marketing căn bản	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần song hành: Kinh tế vi mô 1</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing,</p>

			thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing–mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.
5	Thương mại điện tử căn bản	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.
6	Tiếng Anh thương mại 1	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần <i>Tiếng Anh thương mại 1</i> được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.
7	Tiếng Anh thương mại 2	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: Học phần học trước: TACN 1 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần <i>Tiếng Anh thương mại 2</i> là sự tiếp nối học phần <i>Tiếng Anh thương mại 1</i> được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên

			và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.
2.1.2.		11	Các học phần tự chọn - Chọn 11 TC trong các HP sau:
1	Quản trị chiến lược	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.</p>
2	Luật kinh tế 1	3	<p>Số tín chỉ: 3TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.</p>
3	Nhập môn tài chính – tiền tệ	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính</p>

			doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.
4	Quản trị tri công nghệ	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần tiên quyết: Quản trị học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, đi sâu vào một trong những khía cạnh quản lý của ngành quản trị kinh doanh, đó là vấn đề công nghệ và quản trị công nghệ. Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản giúp người học nắm vững các vấn đề liên quan tới quản trị công nghệ như: vai trò của công nghệ và quản trị công nghệ, nhận dạng được các yếu tố cấu thành và các loại công nghệ; các hoạt động cơ bản của quản trị công nghệ; và kinh nghiệm chuyển giao công nghệ ở các nước đang phát triển. Từ đó, học phần cũng giúp người học nhận thức được những thuận lợi, khó khăn và điều kiện để chuyển giao công nghệ thành công ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các hoạt động tác nghiệp của quản trị công nghệ như đánh giá năng lực công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp, đổi mới và chuyển giao công nghệ.</p>
5	Kinh tế lượng	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết</p>

			quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.
6	Quản trị dịch vụ	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Quản trị học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.</p>
7	Khởi sự kinh doanh	2	<p>Số tín chỉ: 2TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.</p>
8	Quản trị thương hiệu điện tử	2	<p>Số tín chỉ: 2TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về quản trị thương hiệu tương tác online (internet và mobile) theo tiếp cận tư duy chiến lược, đáp ứng xu hướng phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận hiện đại về thương hiệu điện tử, các nội dung và quy trình xây dựng thương hiệu, các biện pháp bảo vệ và xử lý khủng hoảng thương hiệu trên internet và mạng di động.</p>
9	Tuyển dụng nhân lực	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24.)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: Khái niệm và vai trò của tuyển dụng nhân lực; nội dung của tuyển dụng nhân lực; xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; tuyển mộ nhân lực; tuyển chọn nhân lực; quyết định tuyển dụng và hội nhập nhân viên mới; đánh giá tuyển dụng nhân lực.</p>

2.2.		39	Kiến thức ngành và chuyên ngành
2.2.1.		27	Các học phần bắt buộc
		15	<i>Kiến thức ngành</i>
1	Hành vi khách hàng	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Marketing và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị Kinh doanh. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.</p>
2	Nghiên cứu marketing	3	<p>Số tín chỉ: 3TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản, Phương pháp nghiên cứu khoa học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần nghiên cứu marketing thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên chuyên ngành marketing thương mại và là học phần tự chọn đối với sinh viên của các chuyên ngành khác thuộc ngành marketing và ngành quản trị kinh doanh. Học phần Nghiên cứu marketing cung cấp những kiến thức, lý thuyết cơ bản nhằm phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho các nhà nghiên cứu marketing/ nghiên cứu thị trường: từ khâu bắt đầu nhận biết và xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng dự án nghiên cứu đến triển khai thực hiện và khai thác kết quả nguồn dữ liệu thông tin cho quá trình ra quyết định marketing. Nội dung học phần gồm 09 chương; bao quát toàn bộ các giai đoạn của nghiên cứu marketing; trong đó cũng giới thiệu chi tiết một số công cụ chủ yếu được sử dụng nhằm thu thập và xử lý dữ liệu sơ cấp như các thang đo lường; thiết kế bảng câu hỏi; lập mẫu; kiểm định và phân tích dữ liệu; và thuyết trình, báo cáo kết quả nghiên cứu marketing.</p>
3	Quản trị marketing 1	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Quản trị marketing 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành marketing. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng và năng lực về tới xây dựng và đánh giá kế hoạch chiến lược marketing của doanh nghiệp, xây dựng và triển khai phối thức marketing hỗn hợp; Cụ thể nghiên cứu về các kiến thức và kỹ năng về các khái niệm cơ bản của marketing và quản trị marketing hiện đại;</p>

			triết lý marketing dựa trên giá trị; quản trị thời cơ marketing; quản trị marketing mục tiêu và chiến lược marketing, phối thức marketing hỗn hợp triển khai chiến lược marketing ở doanh nghiệp; vận dụng các kiến thức kỹ năng trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing của các đơn vị.
4	Quản trị chất lượng	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Quản trị học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Chất lượng được coi là yếu tố then chốt quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Quản trị chất lượng hiệu quả cũng là hoạt động chính để xây dựng và phát triển thương hiệu. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo các ngành quản trị kinh doanh và marketing. Với 8 chương, học phần cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng.</p>
5	Truyền thông marketing*	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC* (34,12,5)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề thuộc về bản chất của hoạt động truyền thông marketing, bao gồm: bản chất của quá trình truyền thông marketing, những yếu tố chi phối đến quá trình truyền thông marketing. Nghiên cứu quy trình chung xây dựng cụ thể: kỹ năng phân tích, lập kế hoạch, thực thi, đánh giá truyền thông marketing và quản trị hoạt động truyền thông marketing và quản trị từng thành tố của truyền thông marketing và phối hợp các công cụ này; nội dung và phương pháp xác định ngân sách cho hoạt động truyền thông. Học phần cũng nghiên cứu các quy trình xây dựng, thực hiện và đánh giá yếu tố cấu thành truyền thông marketing của doanh nghiệp, tổ chức phối hợp, thực hiện và đánh giá hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp.</p>
		12	Kiến thức chuyên ngành
1	Quản trị Marketing 2	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Quản trị marketing 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing; học phần đề cập tới nội dung quản trị chiến thuật và tác nghiệp marketing; gồm các quyết định liên quan tới sáng tạo và cung ứng giá trị cho thị trường; truyền thông và thực hiện giá trị trên thị trường và quản trị nỗ lực marketing toàn diện ở doanh nghiệp kinh doanh; vận dụng các kiến</p>

			thức trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing.
2	Marketing B2B	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Marketing B2B là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản và nội dung hoạt động marketing B2B; trong đó tập trung phân định sự khác biệt giữa marketing B2B với marketing B2C. Đồng thời làm rõ hành vi mua của khách hàng tổ chức để phân đoạn thị trường B2B, xác lập chiến lược marketing, phát triển marketing-mix (nhấn mạnh những khái cạnh đặc trưng khác biệt trong quyết định các biến số marketing B2B với marketing B2C) và phát triển, quản trị mối quan hệ B2B. Học phần còn bao hàm các bài tập và tình huống cụ thể nhằm rèn luyện các kỹ năng điều tra khảo sát, phân tích hiện trạng và các giải pháp ứng xử trong thực tiễn kinh doanh hiện nay.</p>
3	Marketing quốc tế	2	<p>Số tín chỉ: 3TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần bao gồm hai phần: + <i>Phân tích thị trường và quản trị thời cơ marketing quốc tế</i>: Khái quát các quan điểm quản trị marketing quốc tế, phân tích các nhân tố môi trường marketing quốc tế và thị trường quốc tế làm cơ sở đánh giá và quản trị thời cơ marketing quốc tế của công ty kinh doanh. + <i>Quản trị marketing quốc tế</i>: Chiến lược marketing quốc tế, quản trị các nỗ lực marketing-mix và từng thành tố của marketing mix trên thị trường quốc tế, tổ chức và kế hoạch hóa marketing quốc tế của công ty kinh doanh.</p>
4	Marketing thương mại*	2	<p>Số tín chỉ: 3TC* (34,12,5)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Quản trị marketing 1,2</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Marketing thương mại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing, và ngành quản trị kinh doanh. Học phần hình thành và sử dụng những kết quả của nghiên cứu và phân tích marketing của công ty thương mại, triển khai lựa chọn thị trường mục tiêu và hoạch định chiến lược marketing của công ty, xác lập và triển khai các quyết định marketing-mix và ứng xử các tác nghiệp công nghệ marketing thương mại trên thị trường. Thiết lập tổ chức marketing phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện đại nhằm phát triển sức mạnh sáng tạo các giá trị gia tăng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trên thị trường. Đồng thời học phần còn bao hàm các bài tập và tình huống cụ thể nhằm rèn luyện các kỹ năng điều tra khảo sát, phân tích hiện trạng và các giải pháp ứng xử trong thực tiễn kinh doanh hiện nay.</p>
2.2.2.		12	Các học phần tự chọn
			Chọn 12 TC trong các HP sau:

1	Marketing ngân hàng	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Marketing ngân hàng thương mại là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần trang bị các kiến thức và kỹ năng liên quan đến quản trị marketing của các ngân hàng thương mại gồm các tình thế và cơ hội đối với hoạt động marketing ngân hàng thương mại, từ đó lựa chọn và định vị trên thị trường mục tiêu và ra các quyết định marketing hỗn hợp cho các phân đoạn thị trường mục tiêu; thực thi và kiểm soát hoạt động marketing ở các ngân hàng thương mại; các kỹ năng vận dụng các kiến thức và kỹ năng của học phần thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống marketing ở ngân hàng thương mại.</p>
2	Marketing thương mại điện tử	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Thương mại điện tử căn bản.</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, các quan niệm quản trị marketing thương mại điện tử, bao gồm các vấn đề: Quan điểm tiếp cận quản trị TMĐT về marketing trên Internet; hành vi người mua hàng trực tuyến; mô hình hệ thống, phân tích cạnh tranh và định vị trên thị trường ảo của doanh nghiệp; lựa chọn chiến lược và xây dựng kế hoạch marketing TMĐT; lựa chọn, khai thác, sử dụng, phối hợp các công cụ, ứng dụng, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến trong marketing TMĐT; quản trị các nỗ lực marketing TMĐT và việc vận dụng chúng để định hướng, chỉ đạo các hoạt động marketing B2B, B2C và các dịch vụ trên Internet.</p>
3	Quản trị PR	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Quản trị quan hệ công chúng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng các giai đoạn của quá trình quản trị PR; đồng thời cung cấp cho người học có được kiến thức tổng quát và hữu dụng về các công cụ và các công chúng trong hoạt động PR làm cơ sở tạo lập một giải pháp sáng tạo và phù hợp nhất cho những vấn đề gặp phải sau này.</p>
4	Marketing du lịch	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Marketing du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (<i>Định hướng nghề nghiệp</i>) và ngành Quản trị khách sạn (<i>Định hướng nghề nghiệp</i>). Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về: Tổng quan về marketing du lịch; phân tích cơ hội và nghiên cứu marketing; phân tích hành vi của khách hàng; phân đoạn, lựa chọn thị</p>

			trường mục tiêu và định vị; kế hoạch marketing; chính sách sản phẩm; chính sách giá; chính sách phân phối; chính sách xúc tiến trong kinh doanh du lịch; các chính sách khác trong kinh doanh du lịch.
5	Sáng tạo và thiết kế nội dung	3	Số tín chỉ: 3 TC (30,30) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản Mô tả vắn tắt học phần: Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung của sáng tạo nội dung trong hoạt động marketing với các phương tiện số về quy trình và phương thức sáng tạo nội dung nhằm hướng tới đáp ứng nhu cầu và đặc điểm của khách hàng, và nghiên cứu thiết kế các nội dung cho có sức thu hút cao với các đối tượng khách hàng và các đối tượng có liên quan trong hoạt động marketing số của đơn vị.
6	Marketing số	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản Mô tả vắn tắt học phần: Marketing số là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành marketing số. Học phần trang bị nội dung quản trị marketing số nhằm cung ứng giá trị cho các khách hàng; các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng trong marketing số, và các hoạt động của các công cụ marketing số; năng lực vận dụng các kiến thức thực hành các kỹ năng quản trị marketing số của doanh nghiệp. .
7	Quản trị chuỗi cung ứng	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết

			quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.
8	Quản trị thương hiệu 2	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức mở rộng và nâng cao về một số thương hiệu đặc thù và quản trị các thương hiệu đó theo tiếp cận tư duy chiến lược. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận, những nguyên tắc và các nội dung, điều kiện để phát triển các thương hiệu tổ chức, thương hiệu dịch vụ, thương hiệu cá nhân, thương hiệu tập thể và thương hiệu địa phương, thương hiệu toàn cầu.
2.3.		12	Kiến thức bổ trợ
2.3.1.		6	Các học phần bắt buộc
1	Quản trị Logistics kinh doanh	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cái nhìn khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.
2	Quản trị thương hiệu 1	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

2.3.2.		6	Các học phần tự chọn
			<i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>
1	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Quản trị chiến lược toàn cầu được kết cấu theo 07 chương. Chương 1 - Tổng quan về quản trị chiến lược toàn cầu cung cấp các kiến thức căn bản về toàn cầu hóa, chiến lược, quản trị chiến lược, quản trị chiến lược toàn cầu và chỉ rõ sự khác biệt và các đặc điểm riêng có của nhóm doanh nghiệp toàn cầu so với các doanh nghiệp quốc tế khác. Chương 2 – Phân tích môi trường kinh doanh toàn cầu tập trung vào nội dung và phương pháp phân tích môi trường bên ngoài. Chương 3 – Chuỗi giá trị và lợi thế cạnh tranh toàn cầu tập trung vào nhận dạng nguồn lực, năng lực, năng lực cốt lõi của doanh nghiệp thông qua nhận dạng, phân tích chuỗi giá trị của doanh nghiệp. Chương 4 – Các loại hình chiến lược trong kinh doanh toàn cầu đưa ra các phân tích cụ thể về các loại hình chiến lược trong kinh doanh toàn cầu, chỉ rõ nội dung, ưu/nhược điểm và các trường hợp áp dụng của từng kiểu chiến lược trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Chương 5 – Hoạch định chiến lược toàn cầu đưa ra quy trình tổng thể trong hoạch định chiến lược toàn cầu, sử dụng các thông tin, dữ liệu kiến thức từ chương 2 đến chương 4 để đưa ra các quyết định về nội dung chiến lược toàn cầu. Chương 6 – Liên minh chiến lược và sáp nhập & mua lại toàn cầu; và chương 7 – Quản trị marketing và nhân sự toàn cầu là những quyết định cơ bản nhất mà doanh nghiệp toàn cầu cần triển khai trong chiến lược toàn cầu, cho phép doanh nghiệp đảm bảo thực hiện hoàn thành mục tiêu toàn cầu và thực thi hiệu quả nội dung chiến lược toàn cầu.</p>
2	Nguyên lý kế toán	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.</p>
3	Quản trị nhân lực căn bản	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ</p>

			chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).
4	Quản trị tri thức	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần tiên quyết: Quản trị học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ, đi sâu vào một trong những khía cạnh quản lý mới của ngành quản trị kinh doanh, đó là vấn đề tri thức và quản trị tri thức trong tổ chức. Học phần quản trị tri thức sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản và những quan điểm tiếp cận hiện đại về tri thức và quản trị tri thức, khái quát các hoạt động tác nghiệp cơ bản của quản trị tri thức trong tổ chức; Thông qua việc giới thiệu về tình hình và thực trạng quản trị tri thức ở Việt Nam hiện nay, học phần giúp người học nhận thức được giá trị của tài sản tri thức và vai trò của hoạt động quản trị tri thức trong tổ chức. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết như: kỹ năng thực hành quản trị tri thức trong tổ chức; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật quản trị tri thức nhằm quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan tới quản trị tri thức trong tổ chức trong môi trường kinh tế tri thức.</p>
2.4		10	Gồm có 02 giai đoạn
	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (0,90)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Giai đoạn 1 thực tập và làm báo cáo thực tập tổng hợp 3TC: người học tìm hiểu thực tế ở đơn vị thực tập về hoạt động marketing và marketing thương mại đang diễn ra ở doanh nghiệp, và tổ chức hoạt động marketing và marketing thương mại ở doanh nghiệp, đánh giá các hoạt động này, và đề xuất phương án hoàn thiện</p>
		7	<p>Số tín chỉ: 7 TC (0,210)</p> <p>Điều kiện học phần: Báo cáo thực tập tổng hợp đạt, và nhận dạng được vấn đề cho khóa luận tốt nghiệp</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Giai đoạn 2 thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp 7TC: Sinh viên có thể thực hiện đề tài khoa học ứng dụng, bằng cách thâm nhập vào thực tế, tìm hiểu và giải quyết một vấn đề thực tế marketing và marketing thương mại của doanh nghiệp; dựa trên hệ thống cơ sở lý luận và phương pháp khoa học rõ ràng. Sinh viên có thể thực tiễn hóa được hoạt động nghiên cứu và thực hành nghề marketing và marketing thương mại theo các vấn đề cấp thiết của doanh nghiệp, của xã hội.</p>

2. Chương trình đào tạo Quản trị thương hiệu

STT	Các học phần	TC	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN
-----	--------------	----	----------------------------

1		40	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG
1.1.		36	Các học phần bắt buộc
		27	<i>Kiến thức đại cương bắt buộc</i>
1	Triết học Mác - Lênin	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người</p>
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.</p>
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.</p>
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng</p>

			<p>đur, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình</p>
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (21,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.</p>
6	Pháp luật đại cương	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng</p>

			của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng
7	Tiếng Anh 1	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần “<i>Tiếng Anh 1</i>” gồm 4 bài đầu của giáo trình “<i>Life (A2-B1)</i>” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.</p>
8	Tiếng Anh 2	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tiếng Anh 1 (ENTH1411)</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần “<i>Tiếng Anh 2</i>” sử dụng bài 5,6,7,8 trong giáo trình “<i>Life (A2-B1)</i>” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.</p>
9	Tiếng Anh 3	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24, 12)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tiếng Anh 2</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “<i>Life</i>” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.</p>
10	Toán đại cương	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vectơ, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước</p>

			lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.
11	Tin học quản lý	3	Số tín chỉ: 3TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,...Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.
1.2.		2	Các học phần tự chọn
			<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>
1	Kinh tế môi trường	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.
2	Chuyển đổi số cho		Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tin học quản lý

	DN		Mô tả vắn tắt học phần: Học phần trình bày các khái niệm và những vấn đề lý thuyết liên quan đến chuyển đổi cho doanh nghiệp; Hệ thống hóa các nội dung về chuyển đổi số mô hình kinh doanh của doanh nghiệp; Cung cấp các nội dung về nền tảng công nghệ của chuyển đổi số, giới thiệu một lộ trình gồm 5 giai đoạn để giúp doanh nghiệp có cách tiếp cận chuyển đổi số phù hợp.
3	Xã hội học đại cương	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Xã hội học đại cương được kết cấu thành 7 chương trong đó, chương 1 giới thiệu đối tượng, cơ cấu, chức năng và sơ lược lịch sử và các lý thuyết xã hội học. Chương 2 của học phần đề cập đến phương pháp nghiên cứu xã hội học. Các chương còn lại của học phần tập trung vào các chủ đề cơ bản của xã hội học theo logic từ hành động xã hội đến nhóm cơ cấu, tổ chức và thiết chế xã hội; từ văn hóa, xã hội hóa đến sai lệch và kiểm soát xã hội; từ bất bình đẳng, phân tầng, di động xã hội đến biến đổi xã hội và toàn cầu hóa
1.3.		11	Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh
1.3.1		3	Giáo dục thể chất
1.3.1.1		1	<i>Các học phần bắt buộc</i>
			Giáo dục thể chất chung
1.3.1.2		2	<i>Các học phần tự chọn</i>
			<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>
1		1	Bóng ném
2		1	Bóng chuyền
3		1	Cầu lông
4		1	Bóng bàn
5		1	Cờ vua
6		1	Bóng rổ
2			KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP
2.1.		30	Kiến thức cơ sở ngành
2.1.1.		19	<i>Các học phần bắt buộc</i>
1	Kinh tế vĩ mô 1	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần:0 Mô tả vắn tắt học phần:: Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế

			vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô
2	Kinh tế vi mô 1	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần:0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.</p>
3	Quản trị học	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.</p>
4	Marketing căn bản	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần song hành: Kinh tế vi mô 1</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin</p>

			marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing–mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.
5	Thương mại điện tử căn bản	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.
6	Tiếng Anh thương mại 1	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.
7	Tiếng Anh thương mại 2	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: Học phần học trước: <i>Tiếng Anh thương mại 1</i> Mô tả vắn tắt học phần: Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2 nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.
2.1.2.		11	Các học phần tự chọn - Chọn 11 TC trong các HP sau:
1	Quản trị chiến lược	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0

			<p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.</p>
2	Luật kinh tế 1	3	<p>Số tín chỉ: 3TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.</p>
3	Nguyên lý kế toán	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.</p>
4	Quản trị công nghệ	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: Học phần tiên quyết: Quản trị học</p>

			<p>Mô tả văn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, đi sâu vào một trong những khía cạnh quản lý của ngành quản trị kinh doanh, đó là vấn đề công nghệ và quản trị công nghệ. Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản giúp người học nắm vững các vấn đề liên quan tới quản trị công nghệ như: vai trò của công nghệ và quản trị công nghệ, nhận dạng được các yếu tố cấu thành và các loại công nghệ; các hoạt động cơ bản của quản trị công nghệ; và kinh nghiệm chuyển giao công nghệ ở các nước đang phát triển. Từ đó, học phần cũng giúp người học nhận thức được những thuận lợi, khó khăn và điều kiện để chuyển giao công nghệ thành công ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các hoạt động tác nghiệp của quản trị công nghệ như đánh giá năng lực công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp, đổi mới và chuyển giao công nghệ.</p>
5	Kinh tế lượng	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả văn tắt học phần: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.</p>
6	Quản trị nhân lực căn bản	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả văn tắt học phần: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực</p>

			theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).
7	Khởi sự kinh doanh	2	Số tín chỉ: 2TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.
8	Quản trị thương hiệu điện tử	2	Số tín chỉ: 2TC (24,12) Điều kiện học phần:0 Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về quản trị thương hiệu tương tác online (internet và mobile) theo tiếp cận tư duy chiến lược, đáp ứng xu hướng phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận hiện đại về thương hiệu điện tử, các nội dung và quy trình xây dựng thương hiệu, các biện pháp bảo vệ và xử lý khủng hoảng thương hiệu trên internet và mạng di động.
9	Quản trị kênh phân phối	2	Số tín chỉ: 2TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần Học phần quản trị kênh phân phối là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức lý luận và thực tiễn về quản trị chiến lược kênh phân phối gắn với một doanh nghiệp đầu mối trong chuỗi cung ứng hiện đại. Học phần trang bị những kiến thức nền tảng như vị trí, vai trò, đặc tính và chức năng của kênh phân phối trong chuỗi cung ứng. Từ đó trình bày khung lý luận cơ bản về quản trị chiến lược kênh phân phối tại một doanh nghiệp đầu mối theo trình tự: Phân tích môi trường, thiết kế cấu trúc, lựa chọn chiến lược và quản lý chiến lược kênh phân phối. Đây là khung khổ cốt lõi để có được các chiến lược kênh phân phối thích nghi với thị trường và chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp. Học phần cũng đề cập tới cấu trúc và chiến lược kênh phân phối của các loại hình doanh nghiệp đầu mối cơ bản trong chuỗi cung ứng như bán lẻ, bán buôn và hình thức nhượng quyền, giúp người học có cái nhìn toàn diện và linh hoạt khi tiếp cận các tình huống chiến lược kênh phân phối trong thực tế.
2.2.		39	Kiến thức ngành và chuyên ngành
2.2.1.		27	Các học phần bắt buộc

		15	<i>Kiến thức ngành</i>
1	Hành vi khách hàng	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Marketing và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị Kinh doanh. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.</p>
2	Nghiên cứu marketing	3	<p>Số tín chỉ: 3TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản, Phương pháp nghiên cứu khoa học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần nghiên cứu marketing thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên chuyên ngành marketing thương mại và là học phần tự chọn đối với sinh viên của các chuyên ngành khác thuộc ngành marketing và ngành quản trị kinh doanh. Học phần Nghiên cứu marketing cung cấp những kiến thức, lý thuyết cơ bản nhằm phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho các nhà nghiên cứu marketing/ nghiên cứu thị trường: từ khâu bắt đầu nhận biết và xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng dự án nghiên cứu đến triển khai thực hiện và khai thác kết quả nguồn dữ liệu thông tin cho quá trình ra quyết định marketing. Nội dung học phần gồm 09 chương; bao quát toàn bộ các giai đoạn của nghiên cứu marketing; trong đó cũng giới thiệu chi tiết một số công cụ chủ yếu được sử dụng nhằm thu thập và xử lý dữ liệu sơ cấp như các thang đo lường; thiết kế bảng câu hỏi; lập mẫu; kiểm định và phân tích dữ liệu; và thuyết trình, báo cáo kết quả nghiên cứu marketing.</p>
3	Quản trị marketing 1	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Quản trị marketing 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành marketing. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng và năng lực về tới xây dựng và đánh giá kế hoạch chiến lược marketing của doanh nghiệp, xây dựng và triển khai phối thức marketing hỗn hợp; Cụ thể nghiên cứu về các kiến thức và kỹ năng về các khái niệm cơ bản của marketing và quản trị marketing hiện đại; triết lý marketing dựa trên giá trị; quản trị thời cơ marketing; quản trị marketing mục tiêu và chiến lược marketing, phối thức marketing hỗn hợp triển khai chiến lược marketing ở doanh nghiệp; vận dụng các kiến</p>

			thức kỹ năng trên trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing của các đơn vị.
4	Quản trị chất lượng	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Quản trị học Mô tả vắn tắt học phần: Chất lượng được coi là yếu tố then chốt quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Quản trị chất lượng hiệu quả cũng là hoạt động chính để xây dựng và phát triển thương hiệu. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo các ngành quản trị kinh doanh và marketing. Với 8 chương, học phần cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng.
5	Truyền thông marketing	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản Mô tả vắn tắt học phần: Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề thuộc về bản chất của hoạt động truyền thông marketing, bao gồm: bản chất của quá trình truyền thông marketing, những yếu tố chi phối đến quá trình truyền thông marketing. Nghiên cứu quy trình chung xây dựng cụ thể: kỹ năng phân tích, lập kế hoạch, thực thi, đánh giá truyền thông marketing và quản trị hoạt động truyền thông marketing và quản trị từng thành tố của truyền thông marketing và phối hợp các công cụ này; nội dung và phương pháp xác định ngân sách cho hoạt động truyền thông. Học phần cũng nghiên cứu các quy trình xây dựng, thực hiện và đánh giá yếu tố cấu thành truyền thông marketing của doanh nghiệp, tổ chức phối hợp, thực hiện và đánh giá hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp.
		12	Kiến thức chuyên ngành
1	Quản trị thương hiệu 1	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.
2	Quản trị	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18)

	thương hiệu 2		<p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả văn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức mở rộng và nâng cao về một số thương hiệu đặc thù và quản trị các thương hiệu đó theo tiếp cận tư duy chiến lược. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận, những nguyên tắc và các nội dung, điều kiện để phát triển các thương hiệu tổ chức, thương hiệu dịch vụ, thương hiệu cá nhân, thương hiệu tập thể và thương hiệu địa phương, thương hiệu toàn cầu.</p>
3	Chiến lược thương hiệu	2	<p>Số tín chỉ: 3TC* (34,12,5)</p> <p>Điều kiện học phần:</p> <p>Mô tả văn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức nâng cao về chiến lược thương hiệu và quản trị chiến lược thương hiệu trong doanh nghiệp. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Định hướng chiến lược thương hiệu trong quan hệ với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; Các vấn đề về định vị và liên kết thương hiệu; các kỹ năng phân tích và xác lập kiến trúc thương hiệu, lựa chọn mô hình thương hiệu cũng như danh mục thương hiệu chiến lược trong doanh nghiệp; vấn đề rủi ro và quản trị rủi ro trong xây dựng thương hiệu; kỹ năng xác lập và điều hành các dự án truyền thông thương hiệu.</p>
4	Định giá và chuyển nhượng thương hiệu	2	<p>Số tín chỉ: 3TC* (34,12,5)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả văn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức nâng cao về định giá và thẩm định giá trị thương hiệu, chuyển nhượng tài sản thương hiệu. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Tài sản thương hiệu và các phương án phát triển, khai thác tài sản thương hiệu như chuyển nhượng và chuyển giao thương hiệu; định giá và thẩm định giá trị thương hiệu theo các phương pháp khác nhau; thực hiện phương thức kinh doanh nhượng quyền thương mại (franchise); quản trị tài sản thương hiệu trong các tình huống mua bán, chia tách và sáp nhập doanh nghiệp.</p>
2.2.2.		12	Các học phần tự chọn
			<i>Chọn 12 TC trong các HP sau:</i>
1	Marketing ngân hàng	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả văn tắt học phần: Học phần Marketing ngân hàng thương mại là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần trang bị các kiến thức và kỹ năng liên quan đến quản trị marketing của các ngân hàng thương mại gồm các tình thế và cơ hội đối với hoạt động marketing ngân hàng thương mại, từ đó lựa chọn và định vị trên thị trường mục tiêu và ra các quyết định marketing</p>

			hỗn hợp cho các phân đoạn thị trường mục tiêu; thực thi và kiểm soát hoạt động marketing ở các ngân hàng thương mại; các kỹ năng vận dụng các kiến thức và kỹ năng của học phần thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống marketing ở ngân hàng thương mại.
2	Marketing thương mại điện tử	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Thương mại điện tử căn bản.</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, các quan niệm quản trị marketing thương mại điện tử, bao gồm các vấn đề: Quan điểm tiếp cận quản trị TMĐT về marketing trên Internet; hành vi người mua hàng trực tuyến; mô hình hệ thống, phân tích cạnh tranh và định vị trên thị trường ảo của doanh nghiệp; lựa chọn chiến lược và xây dựng kế hoạch marketing TMĐT; lựa chọn, khai thác, sử dụng, phối hợp các công cụ, ứng dụng, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến trong marketing TMĐT; quản trị các nỗ lực marketing TMĐT và việc vận dụng chúng để định hướng, chỉ đạo các hoạt động marketing B2B, B2C và các dịch vụ trên Internet.</p>
3	Tổng quan hoạt động thương mại về sở hữu trí tuệ	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ, cung cấp kiến thức nền tảng của ngành quản trị kinh doanh hiện đại, bao gồm tài sản trí tuệ; quyền sở hữu trí tuệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong tổ chức. Được kết cấu thành 7 chương, học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản và những quan điểm tiếp cận hiện đại về các đối tượng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm: sự cần thiết phải bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với tổ chức kinh doanh; khái quát các đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong tổ chức; giới thiệu khung pháp lý, bao gồm hệ thống các quy định quốc tế và quốc gia liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ; giới thiệu các tổ chức quốc tế và quốc gia về quản lý, bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ; các điều kiện đảm bảo bảo quyền đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (thương hiệu, nhãn hiệu, độc quyền sáng chế và mạch tích hợp, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý, bí mật thương mại, bảo hộ về giống cây trồng...) của tổ chức kinh doanh; các hình thức hoạt động để chuyển giao, nhượng quyền sở hữu trí tuệ trong kinh doanh thương mại; những điều kiện để thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh.</p>
4	Marketing du lịch	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Marketing du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (<i>Định hướng nghề nghiệp</i>) và ngành Quản trị khách sạn (<i>Định hướng nghề nghiệp</i>). Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về:</p>

			Tổng quan về marketing du lịch; phân tích cơ hội và nghiên cứu marketing; phân tích hành vi của khách hàng; phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị; kế hoạch marketing; chính sách sản phẩm; chính sách giá; chính sách phân phối; chính sách xúc tiến trong kinh doanh du lịch; các chính sách khác trong kinh doanh du lịch.
5	Quản lý tài sản trí tuệ	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức căn bản về quản lý các tài sản trí tuệ trên cả 2 phạm trù là quản lý nhà nước và quản trị trong các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học như các trường đại học, các viện nghiên cứu... Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát chung về tài sản trí tuệ và các quyền đối với tài sản trí tuệ; Nhận diện và phân định các loại tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, tổ chức; Các quy định pháp lý về các đối tượng sở hữu trí tuệ và những vấn đề cơ bản Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nguồn vốn trí tuệ và quản lý quá trình hình thành các tài sản trí tuệ; Quản lý và xác lập các quyền đối với các tài sản trí tuệ (như quyền tài sản, quyền nhân thân, quyền sử dụng và quyền quản lý); Quản lý quá trình sử dụng, khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, tổ chức; Định giá và chuyển giao các tài sản trí tuệ của tổ chức doanh nghiệp.</p>
6	Marketing số	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Marketing số là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành marketing số. Học phần trang bị nội dung quản trị marketing số nhằm cung ứng giá trị cho các khách hàng ; các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng trong marketing số, và các hoạt động của các công cụ marketing số ; năng lực vận dụng các kiến thức thực hành các kỹ năng quản trị marketing số của doanh nghiệp. .</p>
6	Marketing du lịch	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Marketing du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (<i>Định hướng nghề nghiệp</i>) và ngành Quản trị khách sạn (<i>Định hướng nghề nghiệp</i>). Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về: Tổng quan về marketing du lịch; phân tích cơ hội và nghiên cứu marketing; phân tích hành vi của khách hàng; phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị; kế hoạch marketing; chính sách sản phẩm;</p>

			chính sách giá; chính sách phân phối; chính sách xúc tiến trong kinh doanh du lịch; các chính sách khác trong kinh doanh du lịch.
7	Quản trị logistics kinh doanh	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cái nhìn khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.</p>
8	Marketing quốc tế	3	<p>Số tín chỉ: 3TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần bao gồm hai phần: + <i>Phân tích thị trường và quản trị thời cơ marketing quốc tế:</i> Khái quát các quan điểm quản trị marketing quốc tế, phân tích các nhân tố môi trường marketing quốc tế và thị trường quốc tế làm cơ sở đánh giá và quản trị thời cơ marketing quốc tế của công ty kinh doanh. + <i>Quản trị marketing quốc tế:</i> Chiến lược marketing quốc tế, quản trị các nỗ lực marketing-mix và từng thành tố của marketing mix trên thị trường quốc tế, tổ chức và kế hoạch hóa marketing quốc tế của công ty kinh doanh.</p>
2.3.		12	Kiến thức bổ trợ
2.3.1.		6	Các học phần bắt buộc
1	Quản trị tri thức	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần tiên quyết: Quản trị học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ, đi sâu vào một trong những khía cạnh quản lý mới của ngành quản trị kinh doanh, đó là vấn đề tri thức và quản trị tri thức trong tổ chức. Học phần quản trị tri thức sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản và những quan điểm tiếp cận hiện đại về tri thức và quản trị tri thức, khái quát các hoạt động tác nghiệp cơ bản của quản trị tri thức trong tổ chức; Thông qua việc giới thiệu về tình hình và thực trạng quản trị tri thức ở Việt Nam hiện nay, học phần giúp người học nhận thức được giá trị của tài sản tri thức và vai trò của hoạt động quản trị tri thức trong tổ</p>

			chức. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết như: kỹ năng thực hành quản trị tri thức trong tổ chức; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật quản trị tri thức nhằm quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan tới quản trị tri thức trong tổ chức trong môi trường kinh tế tri thức.
2	Quản trị chuỗi cung ứng	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.</p>
2.3.2.		6	Các học phần tự chọn
			<i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>
1	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Quản trị chiến lược toàn cầu được kết cấu theo 07 chương. Chương 1 - Tổng quan về quản trị chiến lược toàn cầu cung cấp các kiến thức căn bản về toàn cầu hóa, chiến lược, quản trị chiến lược, quản trị chiến lược toàn cầu và chỉ rõ sự khác biệt và các đặc điểm riêng có của nhóm doanh nghiệp toàn cầu so với các doanh nghiệp quốc tế khác. Chương 2 – Phân tích môi trường kinh doanh toàn cầu tập trung vào nội dung và phương pháp phân tích môi trường bên ngoài. Chương 3 – Chuỗi giá trị và lợi thế cạnh tranh toàn cầu tập trung vào nhận dạng nguồn lực, năng lực, năng lực cốt lõi của doanh nghiệp thông qua nhận dạng, phân tích chuỗi giá trị của doanh nghiệp. Chương 4 – Các loại hình chiến lược trong kinh doanh toàn cầu đưa ra các phân tích cụ thể về các loại hình chiến lược trong kinh</p>

			doanh toàn cầu, chỉ rõ nội dung, ưu/nhược điểm và các trường hợp áp dụng của từng kiểu chiến lược trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Chương 5 – Hoạch định chiến lược toàn cầu đưa ra quy trình tổng thể trong hoạch định chiến lược toàn cầu, sử dụng các thông tin, dữ liệu kiến thức từ chương 2 đến chương 4 để đưa ra các quyết định về nội dung chiến lược toàn cầu. Chương 6 – Liên minh chiến lược và sáp nhập & mua lại toàn cầu; và chương 7 – Quản trị marketing và nhân sự toàn cầu là những quyết định cơ bản nhất mà doanh nghiệp toàn cầu cần triển khai trong chiến lược toàn cầu, cho phép doanh nghiệp đảm bảo thực hiện hoàn thành mục tiêu toàn cầu và thực thi hiệu quả nội dung chiến lược toàn cầu.
2	Nhập môn tài chính-tiền tệ	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả văn tắt học phần: Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.</p>
3	Quản trị đa văn hóa	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả văn tắt học phần: Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.</p>
4	Quản trị dịch vụ	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Quản trị học</p> <p>Mô tả văn tắt học phần: Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá</p>

			trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10	Gồm có 02 giai đoạn
		3	Số tín chỉ: 3 TC (0,90) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Giai đoạn 1 thực tập và làm báo cáo thực tập tổng hợp 3TC: người học tìm hiểu thực tế ở đơn vị thực tập về hoạt động marketing và quản trị thương hiệu đang diễn ra ở doanh nghiệp, đánh giá các hoạt động này, và đề xuất phương án hoàn thiện
		7	Số tín chỉ: 7 TC (0,210) Điều kiện học phần: Báo cáo thực tập tổng hợp đạt, và nhận dạng được vấn đề cho khóa luận tốt nghiệp Mô tả vắn tắt học phần: Giai đoạn 2 thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp 7TC: Sinh viên có thể thực hiện đề tài khoa học ứng dụng, bằng cách thâm nhập vào thực tế, tìm hiểu và giải quyết một vấn đề thực tế marketing và quản trị thương hiệu của doanh nghiệp; dựa trên hệ thống cơ sở lý luận và phương pháp khoa học rõ ràng. Sinh viên có thể thực tiễn hóa được hoạt động nghiên cứu và thực hành nghề marketing và quản trị thương hiệu theo các vấn đề cấp thiết của doanh nghiệp, của xã hội.

3. Chương trình đào tạo Marketing số

STT	Các học phần	TC	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN
1		40	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG
1.1.		36	Các học phần bắt buộc
		27	Kiến thức đại cương bắt buộc
1	Triết học Mác - Lênin	3	Số tín chỉ: 3 (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Số tín chỉ: 2 (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn

			<p>đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.</p>
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.</p>
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12) Điều kiện học phần: Môn học trước: Triết học Mác – Lê nin Mô tả vắn tắt học phần: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.</p>
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng</p>

			lãnh đạo đấu tranh giành chính chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng
6	Pháp luật đại cương	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm: Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng</p>
7	Tiếng Anh 1	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Tiếng Anh 1 giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về công việc và sở thích, giải quyết những vấn đề thường gặp trên điện thoại, cách thức đặt chỗ, đặt vé tàu, vé máy bay, cách thức gọi món ăn trong nhà hàng, thực hiện một bài nói giới thiệu sản phẩm, cách thức giải quyết những vấn đề cơ bản, cách thức tham gia các cuộc thảo luận nhỏ... Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu và giúp sinh viên thực hành một số hiện tượng ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.</p>
8	Tiếng Anh 2	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tiếng Anh1</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Tiếng Anh 2 giúp sinh viên tiếp tục</p>

			<p>làm quen với ngôn ngữ Anh văn trong môi trường thương mại. Học phần giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như giao tiếp trên điện thoại, giao tiếp trên bàn đàm phán, thực hiện một bài thuyết trình về công ty, bày tỏ ý kiến của bản thân về một vấn đề, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội... Ngoài ra học phần còn giới thiệu một số yếu tố khác như ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.</p>
9	Tiếng Anh 3	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24, 12) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tiếng Anh 2 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần <i>Tiếng Anh 3</i> được xây dựng dựa trên cuốn Market Leader – Pre-Intermediate (old edition và new edition), gồm 5 bài (units), cung cấp nội dung kiến thức chủ yếu liên quan đến lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại ví dụ như ‘lên kế hoạch công việc’, ‘quản lý nguồn nhân lực, ‘những tiêu chí và điều kiện cũng như các kỹ năng, phẩm chất cần có cho những người quản lý trong việc giải quyết những xung đột trong nhân sự, ‘marketing và sản phẩm’, v.v... Trong mỗi bài học hầu hết đều cung cấp cho sinh viên theo các mục : Khởi động, Nghe, Đọc, Từ vựng, Ngữ pháp và Bài tập thực hành với tiêu chí chính là phát triển 4 kỹ năng thực hành ngôn ngữ cho sinh viên. Hơn nữa, Học phần <i>Tiếng Anh 3</i> còn cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng đáng kể liên quan đến chuyên ngành kinh tế thương mại. Mục tiêu chính của học phần này đó là phục vụ tối đa mục tiêu giao tiếp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và hỗ trợ phát triển các kỹ năng khác cho sinh viên để ứng dụng tốt trong học tập, nghiên cứu và công việc sau này.</p>
10	Toán đại cương	3	<p>Số tín chỉ: 3 (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).</p>
11	Tin học quản lý	3	<p>Số tín chỉ: 3 (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.</p>

12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần tiên quyết: <i>Lý thuyết xác suất và thống kê toán; Tin học đại cương</i></p> <p>Học phần học trước: <i>Kinh tế lượng</i></p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.</p>
1.2.		2	Các học phần tự chọn
			<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smiht, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.</p>
2	Xã hội học đại cương	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Xã hội học đại cương giới thiệu: Những kiến thức cơ bản về xã hội (dưới góc độ Xã hội học) như: Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và thiết chế xã hội; Bất bình đẳng xã hội; Các nội dung về xã hội hóa; Các vấn đề về biến đổi xã hội. Đồng thời trong học phần cũng đề cập nghiên cứu một số nội dung của các lĩnh vực xã hội học chuyên biệt, như: Xã hội học giáo dục, Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội học quản lý.</p>
1.3.		11	Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh
1.3.1		3	Giáo dục thể chất
1.3.1.1		1	<i>Các học phần bắt buộc</i>
			Giáo dục thể chất chung
1.3.1.2		2	<i>Các học phần tự chọn</i>

			<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>
1		1	Bóng ném
2		1	Bóng chuyền
3		1	Cầu lông
4		1	Bóng bàn
5		1	Cờ vua
6		1	Bóng rổ
2			KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP
2.1.		30	Kiến thức cơ sở ngành
2.1.1.		19	Các học phần bắt buộc
1	Kinh tế vĩ mô 1	3	<p>Số tín chỉ: 3 (36,9)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Kinh tế Vi mô</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về kinh tế vĩ mô, hạch toán thu nhập quốc dân, tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Tiếp theo, học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế, thất nghiệp và lạm phát và cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.</p>
2	Kinh tế vi mô 1	3	<p>Số tín chỉ: 3 (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Kinh tế vi mô</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.</p>
3	Quản trị học	3	<p>Số tín chỉ: 3 (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành quản trị kinh doanh. Đây là học phần tiên quyết của các học phần khác về quản trị như Quản trị chiến lược, Quản trị nhân sự, Quản trị marketing,... Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau : khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị ; quản trị sự thay đổi ; quản trị xung đột của tổ chức ; các nội dung về vai trò, kỹ năng cần thiết của nhà quản trị ; thông tin và ra quyết định quản trị ; phân tích</p>

			sâu các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát).
4	Marketing căn bản	3	<p>Số tín chỉ: 3 (36,9)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần song hành: Kinh tế học vi mô</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing – mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.</p>
5	Thương mại điện tử căn bản	3	<p>Số tín chỉ: 3 (36, 9)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tin học đại cương</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử. Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến hiện nay, kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.</p>
6	Tiếng Anh thương mại 1	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12)</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.</p>

7	Tiếng Anh thương mại 2	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tiếng Anh thương mại 1</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.</p>
2.1.2.		11	Các học phần tự chọn - Chọn 11 TC trong các HP sau:
1	Quản trị chiến lược	3	<p>Số tín chỉ: 3 (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Quản trị học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần QTCL là học phần ngành cơ sở của ngành QTKD, bao gồm những kiến thức căn bản về những nguyên lý QTCL và sự vận dụng thực tiễn trong DN. Học phần QTCL bao gồm 7 chương gắn với 03 giai đoạn của QTCL từ hoạch định chiến lược đến triển khai chiến lược và kiểm tra, đánh giá chiến lược. Chương 1 của học phần giới thiệu tổng quan về QTCL với những khái niệm cơ bản, mô hình và các giai đoạn QTCL của DN. Chương 2, 3, 4 và 5 là các chương chi tiết hóa các bước trong hoạch định chiến lược, trong đó chương 2 nghiên cứu tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược; chương 3 và chương 4 giới thiệu các nội dung và công cụ phân tích môi trường bên trong và bên ngoài; chương 5 giới thiệu các loại hình chiến lược cấp công ty và cấp kinh doanh cũng như các công cụ phân tích chiến lược. Chương 6 tập trung vào các nội dung tổ chức triển khai chiến lược và chương 7 kiểm tra và đánh giá chiến lược.</p>
2	Luật kinh tế 1	3	<p>Số tín chỉ: 3TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Lý luận Nhà nước và Pháp luật</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu các quy định pháp luật về loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể, tổ</p>

			hợp tác, doanh nghiệp nhà nước; Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về phá sản và luật phá sản; thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần chuyên ngành khác. Học phần này được nghiên cứu sau khi sinh viên đã nắm được kiến thức cơ bản ở các học phần cơ sở ngành.
3	Nhập môn tài chính – tiền tệ	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36.9)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: : Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính Doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.</p>
4	Quản trị tri thức	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36, 9)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần tiên quyết: Quản trị học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ, đi sâu vào một trong những khía cạnh quản lý mới của ngành quản trị kinh doanh, đó là vấn đề tri thức và quản trị tri thức trong tổ chức.</p> <p>Học phần quản trị tri thức sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản và những quan điểm tiếp cận hiện đại về tri thức và quản trị tri thức, khái quát các hoạt động tác nghiệp cơ bản của quản trị tri thức trong tổ chức; Thông qua việc giới thiệu về tình hình và thực trạng quản trị tri thức ở Việt Nam hiện nay, học phần giúp người học nhận thức được giá trị của tài sản tri thức và vai trò của hoạt động quản trị tri thức trong tổ chức.</p> <p>Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết như: kỹ năng thực hành quản trị tri thức trong tổ chức; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật quản trị tri thức nhằm quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan tới quản trị tri thức trong tổ chức trong môi trường kinh tế tri thức.</p>
5	Quản trị chuỗi cung ứng	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần tiên quyết: Kinh tế học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Với mục đích cung cấp một hệ thống kiến thức tổng quan và hàn lâm về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, học phần quản trị chuỗi cung ứng được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương</p>

			<p>.Phần thứ nhất với chủ đề: <i>Cấu trúc chuỗi cung ứng</i> đề cập qua chương 1 với các kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng, cấu trúc chuỗi cung ứng, bản chất, mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng với 5 nhân tố động năng quyết định mục tiêu quản trị chuỗi cung ứng. Chương này nhấn mạnh vào đặc điểm riêng có của cấu trúc chuỗi cung ứng hiện đại, đó là một thực thể thống nhất gồm nhiều tổ chức, có khả năng tự điều chỉnh trong tương quan cung cầu trên thị trường. Sức mạnh của chuỗi cung ứng là sức mạnh tổng thể của các thành viên. Hiệu quả và hiệu lực của quản trị chuỗi cung ứng phục thuộc vào sự liên kết, khả năng tự điều chỉnh, kết nối, tích hợp giữa các thành phần trong chuỗi.</p> <p>Phần thứ hai trình bày <i>các quá trình quản trị cơ bản liên kết các thành phần và tổ chức trong các cấu trúc chuỗi cung ứng đã thiết lập</i>, được tập hợp vào 3 chương. Chương 2: lập kế hoạch chuỗi cung ứng và định dạng mô hình sản xuất; chương 3: mua hàng và quản lý nguồn cung; chương 4: Phân phối và thu hồi. Đây là những quá trình cơ bản nhất cho phép tạo ra sự liên kết thống nhất giữa khả năng cung ứng của mỗi doanh nghiệp và chuỗi cung ứng của nó với nhu cầu trên thị trường.</p> <p>Phần ba giải quyết vấn đề <i>thông tin, tích hợp và đánh giá hoạt động quản trị chuỗi cung ứng</i>. Mức độ phát triển, hiệu quả và hiệu lực của các chuỗi cung ứng trong các thị trường khác nhau là không giống nhau và phụ thuộc vào trình độ tự quản lý và năng lực tích hợp của chuỗi cung ứng. Chương 5 triển khai công cụ quan trọng nhất trong quản lý chuỗi cung ứng và nền tảng cho tích hợp chuỗi cung ứng là hệ thống thông tin, đồng thời cung cấp các kiến thức và mô hình liên kết tích hợp giữa các thành viên tham gia chuỗi cung ứng. Chương 6 đề cập đến hoạt động đánh giá kết quả quản trị chuỗi cung ứng qua các phương pháp và chỉ tiêu cơ bản.</p>
6	Quản trị dịch vụ	3	<p>Số tín chỉ: 3 (36, 9)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Quản trị học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn; là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ của chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại và là học phần tự chọn của nhiều chuyên ngành khác. Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận và vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành,</p>

			quản trị khách sạn, tài chính – ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.
7	Khởi sự kinh doanh	2	Số tín chỉ: 2 (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Ví trí học phần: Học phần thuộc khối kiến thức ngành quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung Nhận thức về kinh doanh và khởi sự kinh doanh; Đánh giá sự phù hợp của bản thân với lựa chọn khởi nghiệp; Tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; Lập kế hoạch kinh doanh; Khởi sự và điều hành hoạt động kinh doanh mới.
8	Văn hóa kinh doanh	2	Số tín chỉ: 2 (24,12) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Quản trị học Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức ngành của các chuyên ngành thuộc ngành quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực trong chương trình đào tạo đại học. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: tổng quan về văn hóa kinh doanh và các yếu tố cấu thành; đề cập đến một số đặc trưng cần quan tâm của văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số nước trên thế giới; phân tích sâu hai trong số các yếu tố cấu thành nên văn hóa kinh doanh đó là văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp; nội dung và nhân tố ảnh hưởng đến xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh.
9	Tuyển dụng nhân lực	2	Số tín chỉ: 2 TC (24.6) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: Khái niệm và vai trò của tuyển dụng nhân lực; nội dung của tuyển dụng nhân lực; xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; tuyển mộ nhân lực; tuyển chọn nhân lực; quyết định tuyển dụng và hội nhập nhân viên mới; đánh giá tuyển dụng nhân lực.
2.2.		39	Kiến thức ngành và chuyên ngành
2.2.1.		27	Các học phần bắt buộc
		15	Kiến thức ngành
1	Hành vi khách hàng	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản

			<p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Marketing.</p> <p>Học phần giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức và các loại hình, đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là tổ chức.</p>
2	Nghiên cứu marketing	3	<p>Số tín chỉ: 3TC (36,9)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần nghiên cứu marketing là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành marketing và là học phần tự chọn đối với sinh viên của các chuyên ngành khác thuộc ngành quản trị kinh doanh. Nghiên cứu marketing giới thiệu những cơ sở lý thuyết nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu Marketing, từ khâu bắt đầu nhận biết và xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng dự án nghiên cứu đến triển khai thực hiện và khai thác kết quả nguồn dữ liệu thông tin cho quá trình ra quyết định marketing. Toàn bộ quá trình nghiên cứu được triển khai cụ thể thông qua các bước: xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập dự án nghiên cứu, tổ chức thu thập thông tin, phân tích, xử lý và diễn giải dữ liệu, báo cáo kết quả nghiên cứu. Học phần cũng giới thiệu những phương pháp nghiên cứu thu thập dữ liệu, cách thức lấy mẫu và các công cụ chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu marketing như các thang đo lường, bảng câu hỏi.</p>
3	Quản trị marketing 1	3	<p>Số tín chỉ: 3 (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Quản trị marketing 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần đề cập tới nội dung quản trị chiến lược marketing của doanh nghiệp; khái niệm cơ bản của marketing hiện đại và các quan điểm quản trị marketing; triết lý giá trị khách hàng; quản trị thời cơ marketing thông qua nghiên cứu và phân tích marketing; quản trị marketing mục tiêu và chiến lược marketing ở doanh nghiệp; vận dụng các kiến thức trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing</p>
4	Quản trị chất lượng	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Quản trị học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Chất lượng được coi là yếu tố then chốt quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Quản trị chất lượng hiệu quả cũng là hoạt động chính để xây dựng và phát triển</p>

			thương hiệu. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo các ngành quản trị kinh doanh và marketing. Với 8 chương, học phần cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng. Các kỹ năng mà người học có thể rèn luyện được trong suốt quá trình nghiên cứu học phần bao gồm: Kỹ năng lập kế hoạch chất lượng; kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá hệ thống quản trị chất lượng; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật kiểm soát chất lượng; kỹ năng làm việc theo nhóm....
5	Truyền thông marketing	3	Số tín chỉ: 3 (36,18) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản Mô tả vắn tắt học phần: Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề thuộc về bản chất của hoạt động truyền thông marketing (xúc tiến), bao gồm: bản chất của quá trình truyền thông marketing, những yếu tố chi phối đến quá trình truyền thông marketing. Nghiên cứu quy trình chung xây dựng và quản lý hoạt động truyền thông; nội dung và phương pháp xác định ngân sách cho hoạt động truyền thông. Học phần cũng nghiên cứu các quy trình xây dựng, thực hiện và đánh giá yếu tố cấu thành truyền thông marketing của doanh nghiệp, tổ chức phối hợp, thực hiện và đánh giá hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp.
		12	Kiến thức chuyên ngành
1	Marketing số*	3	Số tín chỉ: 3 (34,12,5) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản Mô tả vắn tắt học phần: Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề cơ bản của kiến thức kỹ năng và năng lực làm marketing số, nghiên cứu dưới góc độ quản trị marketing số gồm lập kế hoạch marketing số, xây dựng chiến lược marketing số, các phương tiện của marketing số, thực thi và đánh giá kiểm soát marketing số.
2	Sáng tạo và thiết kế nội dung*	3	Số tín chỉ: 3 (24,42) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản Mô tả vắn tắt học phần: Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung của sáng tạo nội dung trong hoạt động marketing với các phương tiện số về qui trình và phương thức sáng tạo nội dung nhằm hướng tới đáp ứng nhu cầu và đặc điểm của khách hàng, và nghiên cứu thiết kế các nội dung cho có sức thu hút cao với các đối tượng khách hàng và các đối tượng có liên quan trong

			hoạt động marketing số của đơn vị kinh doanh.
3	Phân tích marketing	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần tập trung nghiên cứu phân tích marketing hỗ trợ cho ra các quyết định marketing và marketing số, các năng lực phân tích và dự báo marketing và marketing số về cả định tính lẫn định lượng nhằm tìm hiểu vấn đề và bối cảnh, thị trường khách hàng và doanh nghiệp để làm cơ sở cho ra các quyết định marketing và marketing số.</p>
4	Marketing qua phương tiện truyền thông xã hội *	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần tập trung nghiên cứu các năng lực quản trị marketing qua các phương tiện truyền thông xã hội của doanh nghiệp trong mối quan hệ với khách hàng và các đối tượng có liên quan nhằm đạt được mục tiêu của doanh nghiệp trong từng giai đoạn. Nghiên cứu nền tảng của marketing qua phương tiện truyền thông xã hội; các ứng dụng marketing qua truyền thông xã hội; đánh giá tác động của truyền thông xã hội tới các bên có liên quan.</p>
5	Quản trị thương hiệu điện tử	2	<p>Số tín chỉ: 2 (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Học phần cung cấp cho người học có được kiến thức chuyên sâu về quản trị thương hiệu số (thương hiệu điện tử) tiếp cận cả trên góc độ tư duy chiến lược và thực tiễn triển khai. Từ đó giúp người học có được những kỹ năng cần thiết trong hoạt động quản trị, thiết kế, bảo vệ, truyền thông, phát triển và khai thác thương hiệu trên môi trường số.</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về quản trị thương hiệu tương tác online (internet và mobile) theo tiếp cận tư duy chiến lược, đáp ứng xu hướng phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử. Các tiếp cận hiện đại về thương hiệu điện tử, các nội dung và quy trình xây dựng thương hiệu, các biện pháp bảo vệ và xử lý khủng hoảng thương hiệu trên internet và mạng di động.</p>
2.2.2.		12	Các học phần tự chọn
			<i>Chọn 12 TC trong các HP sau:</i>
1	Marketing ngân hàng	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Marketing ngân hàng thương mại là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần nghiên cứu các tình thế và cơ hội đối với hoạt động marketing ngân hàng thương mại, từ đó lựa chọn và định vị trên thị trường mục tiêu và ra các quyết định marketing</p>

			hỗn hợp cho các phân đoạn thị trường mục tiêu; thực thi và kiểm soát hoạt động marketing ở các ngân hàng thương mại; vận dụng các kiến thức trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống marketing ở ngân hàng thương mại.
2	Marketing thương mại điện tử	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học phần tiên quyết: Thương mại điện tử căn bản - Học phần học trước: Marketing căn bản <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, các quan niệm quản trị marketing thương mại điện tử, bao gồm các vấn đề: Quan điểm tiếp cận quản trị TMĐT về marketing trên Internet; hành vi người mua hàng trực tuyến; mô hình hệ thống, phân tích cạnh tranh và định vị trên thị trường ảo của doanh nghiệp; lựa chọn chiến lược và xây dựng kế hoạch marketing TMĐT; lựa chọn, khai thác, sử dụng, phối hợp các công cụ, ứng dụng, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến trong marketing TMĐT; quản trị các nỗ lực marketing TMĐT và việc vận dụng chúng để định hướng, chỉ đạo các hoạt động marketing B2B, B2C và các dịch vụ trên Internet.</p>
3	Thiết kế và triển khai website	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần:</p> <p>Học phần tiên quyết: Tin học quản lý</p> <p>Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách thức thiết kế các thành phần của một Website và quy trình chung để triển khai Website cho doanh nghiệp</p> <p>Cung cấp khái niệm cơ bản về mạng Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML,... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Giới thiệu một số công cụ thiết kế đồ họa, thiết kế nội dung hiển thị trên giao diện của website. Trình bày qui trình triển khai, nâng cấp, bảo trì và các phương thức quảng bá website trên các kênh truyền thông</p>
4	Marketing tìm kiếm và Marketing thư điện tử	3	<p>Số tín chỉ: 3 (30,30)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần tập trung nghiên cứu hoạt động quản trị marketing bằng các công cụ tìm kiếm và email. Cụ thể là học tập các kiến thức và kỹ năng kỹ năng xác định vấn đề, mục tiêu cho Marketing qua công cụ tìm kiếm và Marketing qua thư điện tử; kỹ năng lập và trình bày bản đề xuất Marketing qua công cụ tìm kiếm và Marketing qua thư điện tử; các kỹ năng về nội dung, kỹ năng thiết kế, phân tích, đánh giá về Marketing qua công cụ tìm kiếm và Marketing qua thư điện tử.</p>
5	Marketing	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18)

	B2B		<p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Marketing B2B là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản và nội dung hoạt động marketing B2B; trong đó tập trung phân định sự khác biệt giữa marketing B2B với marketing B2C. Đồng thời làm rõ hành vi mua của khách hàng tổ chức để phân đoạn thị trường B2B, xác lập chiến lược marketing, phát triển marketing-mix (nhấn mạnh những khía cạnh đặc trưng khác biệt trong quyết định các biến số marketing B2B với marketing B2C) và phát triển, quản trị mối quan hệ B2B. Học phần còn bao hàm các bài tập và tình huống cụ thể nhằm rèn luyện các kỹ năng điều tra khảo sát, phân tích hiện trạng và các giải pháp ứng xử trong thực tiễn kinh doanh hiện nay.</p>
6	Marketing quốc tế	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Nội dung bao hàm 2 phần</p> <p><i>Phân tích thị trường và quản trị thời cơ marketing quốc tế:</i> Khái quát các quan điểm quản trị marketing quốc tế, phân tích các nhân tố môi trường marketing quốc tế và thị trường quốc tế làm cơ sở đánh giá và quản trị thời cơ marketing quốc tế của công ty kinh doanh.</p> <p><i>Quản trị marketing quốc tế:</i> Chiến lược marketing quốc tế, quản trị các nỗ lực marketing-mix trên thị trường quốc tế, tổ chức và kế hoạch hóa marketing quốc tế của công ty kinh doanh.</p>
7	Quản trị marketing 2	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Quản trị marketing 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing; học phần đề cập tới nội dung quản trị chiến thuật và tác nghiệp marketing; gồm các quyết định liên quan tới sáng tạo và cung ứng giá trị cho thị trường; truyền thông và thực hiện giá trị trên thị trường và quản trị nỗ lực marketing toàn diện ở doanh nghiệp kinh doanh; vận dụng các kiến thức trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing.</p>
8	Marketing thương mại	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Marketing thương mại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing, và ngành quản trị kinh doanh. Học phần hình thành và sử dụng những kết quả của nghiên cứu và phân tích marketing của công ty thương mại, triển khai lựa chọn thị trường mục tiêu</p>

			và hoạch định chiến lược marketing của công ty, xác lập và triển khai các quyết định marketing-mix và ứng xử các tác nghiệp công nghệ marketing thương mại trên thị trường. Thiết lập tổ chức marketing phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện đại nhằm phát triển sức mạnh sáng tạo các giá trị gia tăng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trên thị trường. Đồng thời học phần còn bao hàm các bài tập và tình huống cụ thể nhằm rèn luyện các kỹ năng điều tra khảo sát, phân tích hiện trạng và các giải pháp ứng xử trong thực tiễn kinh doanh hiện nay.
9	Marketing du lịch	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Là học phần bắt buộc cho ngành: Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Là học phần tự chọn cho chuyên ngành: Marketing thương mại và Tiếng anh thương mại.</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về: Tổng quan về marketing du lịch; phân tích cơ hội và nghiên cứu marketing; phân tích hành vi của khách hàng; phân đoạn và lựa chọn thị trường mục tiêu; kế hoạch marketing; chính sách sản phẩm và quan hệ đối tác; chính sách giá; chính sách phân phối; chính sách xúc tiến trong kinh doanh du lịch; các chính sách khác trong kinh doanh du lịch.</p>
2.3.		12	Kiến thức bổ trợ
2.3.1.		6	Các học phần bắt buộc
1	Logistics trong thương mại điện tử	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần trang bị những kiến thức, nguyên lý và kỹ năng cơ bản về quản trị logistics trong thương mại điện tử, với những công cụ, mô hình & quá trình tác nghiệp chuyên biệt của môi trường kinh tế mạng.</p> <p>Đây là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp các kiến thức của toàn bộ quá trình hoạch định, tổ chức và triển khai hoạt động logistics trong thương mại điện tử. Học phần giới thiệu về logistics TMĐT với những tính chất đặc trưng của logistics trong bối cảnh kinh tế mạng. Các yếu tố hạ tầng căn bản của hệ thống logistics thương mại điện tử và hoạt động logistics đầu vào trong thương mại điện tử, Hoạt động logistics đầu ra, vận chuyển và quản lý kho hàng trong logistics TMĐT. Cuối cùng là loại hình chiến lược logistics TMĐT.</p>
2	Quản trị thương hiệu 1	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức</p>

			chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.
2.3.2.		6	Các học phần tự chọn
			<i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>
1	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần QTCLTC là học phần ngành cơ sở của ngành kinh doanh quốc tế (KDQT); bao gồm những nội dung kiến thức về các vấn đề liên quan đến quá trình toàn cầu hóa, xây dựng giá trị và lợi thế cạnh tranh trong môi trường toàn cầu; và hoạch định chiến lược toàn cầu như: Tổng quan về toàn cầu hóa, chuỗi giá trị toàn cầu và lợi thế cạnh tranh; các loại hình CL toàn cầu, nội dung các phương án hoạch định CL toàn cầu. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức về quản trị các chiến lược chức năng trong thực thi chiến lược toàn cầu như: liên minh sáp nhập & mua lại toàn cầu, quản trị sản xuất và logistic toàn cầu, quản trị marketing toàn cầu và quản trị nhân sự toàn cầu. Những vấn đề mới nổi của toàn cầu hóa và những xu hướng toàn cầu cũng được giới thiệu nhằm giúp cho sinh viên có một kiến thức tổng quát về quản trị chiến lược toàn cầu trong tương lai gần.</p>
2	Nguyên lý kế toán	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36, 9)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Nguyên lý kế toán thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán.</p>
3	Quản trị nhân lực căn bản	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36, 9)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản</p>

			trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).
4	Quản trị công nghệ	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36, 9)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần:</p> <p>Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, đi sâu vào một trong những khía cạnh quản lý của ngành quản trị kinh doanh, đó là vấn đề công nghệ và quản trị công nghệ. Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản giúp người học nắm vững các vấn đề liên quan tới quản trị công nghệ như: vai trò của công nghệ và quản trị công nghệ, nhận dạng được các yếu tố cấu thành và các loại công nghệ; các hoạt động cơ bản của quản trị công nghệ; và kinh nghiệm chuyển giao công nghệ ở các nước đang phát triển. Từ đó, học phần cũng giúp người học nhận thức được những thuận lợi, khó khăn và điều kiện để chuyển giao công nghệ thành công ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các hoạt động tác nghiệp của quản trị công nghệ như đánh giá năng lực công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp, đổi mới và chuyển giao công nghệ.</p>
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10	Gồm có 02 giai đoạn
		3	Giai đoạn 1 thực tập và làm báo cáo thực tập tổng hợp 3TC: người học tìm hiểu thực tế ở đơn vị thực tập về hoạt động marketing và marketing số và hoạt động kinh doanh đang diễn ra ở doanh nghiệp, và tổ chức hoạt động marketing và marketing số ở doanh nghiệp, đánh giá các hoạt động này, và đề xuất phương án hoàn thiện
		7	Giai đoạn 2 thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp 7TC: Sinh viên có thể thực hiện đề tài khoa học ứng dụng, bằng cách thâm nhập vào thực tế, tìm hiểu và giải quyết một vấn đề thực tế marketing và marketing số của doanh nghiệp; dựa trên hệ thống cơ sở lý luận và phương pháp khoa học rõ ràng. Sinh viên có thể thực tiễn hóa được hoạt động nghiên cứu và thực hành nghề marketing và marketingsố theo các vấn đề cấp thiết của doanh nghiệp, của xã hội.

4. Chương trình đào tạo Marketing thương mại (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế)

1. Kiến thức giáo dục đại cương

a. Các học phần bắt buộc

(1) *Triết học Mác - Lê Nin (Philosophy of Maxism – Leninism)*

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

(2) *Chủ nghĩa xã hội khoa học (Science socialism)*

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

(3) *Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)*

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

(4) *Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin (Political economics of Maxism – Leninism)*

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).

Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

(5) *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)*

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

(6) *Pháp luật đại cương (Introduction to Laws)*

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm: Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng

(7) Tiếng Anh tăng cường 1.1

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.1 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

(8) Tiếng Anh tăng cường 1.2

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.2 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

(9) Tiếng Anh nâng cao 1.1

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

(10) Tiếng Anh nâng cao 1.2

Học phần Tiếng Anh nâng cao 2 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại

thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

(11) Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Information Technology Foundation)

Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

b. Các học phần tự chọn

(1) Kinh tế lượng (Econometrics)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

(2) Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in business)

Người học sẽ được trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh.

Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.

8.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

a. Kiến thức liên ngành

Các học phần bắt buộc

(1) Kinh tế học (Economics)

The course provides basic knowledge of economics: (i) as for microeconomics, the course focuses on the study of supply and demand for goods and services, market mechanism, theories of business behavior, the structure of different markets in the economy; (ii) as for macroeconomics, the course provides basic knowledge of macroeconomics, including an overview of the objectives and tools of macroeconomics with AD - AS model, measurement of basic macroeconomic indicators such as output, employment, prices, inflation, unemployment, etc., and analysis of aggregate demand and fiscal, monetary and monetary policies and the impact of the two central macroeconomic policies (fiscal and monetary policies) on prices, output and employment in the economy

(2) Chuyển đổi số trong kinh doanh (Digital transformation in Business)

Học phần trình bày các khái niệm và những vấn đề lý thuyết liên quan đến chuyển đổi cho doanh nghiệp; Hệ thống hóa các nội dung về chuyển đổi số mô hình kinh doanh của doanh nghiệp;

Cung cấp các nội dung về nền tảng công nghệ của chuyển đổi số, giới thiệu một lộ trình gồm 5 giai đoạn để giúp doanh nghiệp có cách tiếp cận chuyển đổi số phù hợp

(3) Thực tập nghề nghiệp (Internship)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức thực tiễn về môi trường marketing và các nguồn lực và các yếu tố nội bộ của doanh nghiệp, phân tích đánh giá và môi trường marketing và các yếu tố nội bộ của doanh nghiệp thông qua khảo sát tại đơn vị thực tập. Bên cạnh đó, người học được rèn luyện các kỹ năng: làm việc nhóm, tìm kiếm thông tin bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, phân tích và viết báo cáo, lập kế hoạch. Đây là học phần thực hành. Học phần này được tổ chức đào tạo theo nhóm. Mỗi nhóm gồm 3 người học cùng thực tập tại một doanh nghiệp. Trong quá trình thực tập, dưới sự hướng dẫn của giảng viên và người hướng dẫn thực tế, người học phân tích và viết báo cáo đánh giá tác động của môi trường marketing, kinh doanh và các yếu tố nguồn lực và nội bộ của doanh nghiệp đối với hoạt động của doanh nghiệp.

(4) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (Artificial Intelligence for Business)

Là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản của sinh viên đại học. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

(5) Quản trị học (Fundamentals of management)

The course includes the following basic contents: Definition and functions of management, definition of managers, managerial roles, and management levels and skills, organizational environment, social responsibility and ethics; definition and types of managerial decisions, the managerial decision-making process, approaches to managerial decision making; and in-depth knowledge of the functions of management, including planning, organizing, leading, and controlling.

(6) Marketing căn bản (Principles of marketing)

Beyond the introduction the nature of marketing and marketing concepts, this subject focus on two block marketing knowledge; the first is understanding the marketing environment, marketplace, customer behavior and the marketing information system; the second are principles of marketing to create and provide value for customers, included marketing strategy planning and developing marketing mixed (4Ps) included: product, pricing, place, promotion. The subject also develops to perspectives for application of the marketing mindsets in the 21st century.

(7) Nguyên lý quản trị nhân lực (Principles of Human Resource Management)

This module is one of basis major modules in training program of Human Resource Management Major. It includes some main contents as: concept and role of human resource management; essential contents of human resource management (job analysis, recruitment and selection, training and development employee, performance management, compensation management), trends in human resource management

(8) Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)

This course focuses on conceptual and theoretical aspects of auditing principles. Topics include the roles and responsibilities of auditors including legal liability issues and professional ethics, the audit process: preliminary engagement, risk assessment, understanding internal control, audit strategy and planning, audit evidence and procedures, audit completion and audit report.

(9) Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (Money, Banking and Financial Market)

The course provides systematically basic knowledge the system of finance and monetary, including domestic operation and global operation of the system. The concepts of money, inflation and financial market are discussed to improve learner's awareness of basically financial issue. Then, monetary policy and its operation in Vietnam are introduced and analyzed. The rest of the course is basic knowledge of banking system.

(10) Khởi sự kinh doanh (Entrepreneurship)

Mục đích của học phần này là cung cấp cho người học hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp nhiều kỹ năng khởi nghiệp. Môn học bao gồm những nội dung cơ bản: giới thiệu về khởi nghiệp; nhận ra cơ hội và tạo ra ý tưởng; phân tích tính khả thi; phát triển mô hình kinh doanh hiệu quả; viết kế hoạch kinh doanh; thành lập doanh nghiệp; và nhận được tài trợ hoặc tài trợ.

Các học phần tự chọn

(1) Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methodology)

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

(2) Quản trị dịch vụ (Service Management)

Service Management is a compulsory course of majored knowledge (which includes specialized knowledge) of the Hotel Management (High Quality Program). The course content includes: Overview of service management; management of labor resources, capital and facilities for service business; service demand management; service supply process management; customer relationship management in service; service development strategy and global service strategy.

(3) Luật kinh tế 1 (Economic Law 1)

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức hoạt động, giải thể và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

(4) Kinh doanh quốc tế (International Business)

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

(5) Lý thuyết kinh tế số (Theory of digital economics)

Học phần có các nội dung về kinh tế số; số hóa nền kinh tế; sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; hệ sinh thái nền kinh tế số; một số nguyên tắc cơ bản của kinh tế số như hàng

hóa và dịch vụ số, các mô hình giá trị; một số vấn đề chiến lược của kinh tế số; các đặc điểm chính của thị trường số; kinh tế số nâng cao.

(6) Nhập môn Tài chính tiền tệ (Fundamentals of Finance and Money)

Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

(7) Quản trị chiến lược (Strategic Management)

Mô-đun này cung cấp kiến thức học thuật và tổng thể về quản lý chiến lược trong bối cảnh môi trường kinh doanh hiện đại. Mô-đun này được cấu trúc thành 3 phần và 7 chương. Phần thứ nhất “Xây dựng chiến lược” giới thiệu tổng quan về quản trị chiến lược với các khái niệm cơ bản, khuôn khổ và các giai đoạn quản lý chiến lược về tầm nhìn chiến lược, sứ mệnh kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp, phân tích môi trường kinh doanh, các loại chiến lược và công cụ cấp doanh nghiệp, cấp doanh nghiệp. những lựa chọn chiến lược. Phần thứ hai tập trung vào “Triển khai chiến lược”, làm rõ bản chất và phân biệt việc xây dựng và thực hiện chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện chiến lược. Mặt khác, quá trình thực thi chiến lược còn được làm rõ bằng các hoạt động căn bản: đặt mục tiêu hàng năm, xây dựng chính sách, phân bổ nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Phần thứ ba là “Đánh giá chiến lược”, cung cấp các tiêu chí, quy trình, khung đánh giá chiến lược và hướng dẫn định hướng chiến lược giúp các nhà quản lý đánh giá chiến lược của công ty giúp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ này.

(8) Thương mại điện tử căn bản (Fundamentals of Electronic commerce)

Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử. Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến hiện nay, kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

(9) Chiến lược thương hiệu (Brand Strategy)

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức nâng cao về chiến lược thương hiệu và quản trị chiến lược thương hiệu trong doanh nghiệp. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Định hướng chiến lược thương hiệu trong quan hệ với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; Các vấn đề về định vị và liên kết thương hiệu; các kỹ năng phân tích và xác lập kiến trúc thương hiệu, lựa chọn mô hình thương hiệu cũng như danh mục thương hiệu chiến lược trong doanh nghiệp; vấn đề rủi ro và quản trị rủi ro trong xây dựng thương hiệu; kỹ năng xác lập và điều hành các dự án truyền thông thương hiệu.

(10) Quản trị tri thức (Knowledge Management)

Học phần quản trị tri thức sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản và những quan điểm tiếp cận hiện đại về tri thức và quản trị tri thức, khái quát các hoạt động tác nghiệp cơ bản của quản trị tri thức trong tổ chức; Thông qua việc giới thiệu về tình hình và thực trạng quản trị tri thức ở Việt Nam hiện nay, học phần giúp người học nhận thức được giá trị của tài sản tri thức và vai trò của

hoạt động quản trị tri thức trong tổ chức.

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết như: kỹ năng thực hành quản trị tri thức trong tổ chức; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật quản trị tri thức nhằm quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan tới quản trị tri thức trong tổ chức trong môi trường kinh tế tri thức.

b. Kiến thức liên ngành

Các học phần bắt buộc

(1) Hành vi khách hàng (*Customer Behaviour*)

Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Marketing và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị Kinh doanh. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.

(2) Nghiên cứu marketing (*Marketing Research*)

The marketing research module is part of the basic industry knowledge for students majoring in commercial marketing and is an elective course for students of other majors in marketing and business administration. The Marketing Research module provides basic knowledge and theories to develop professional skills for marketing / market researchers: from the beginning to examine problems and identify research issues; design the research projects, to collect and process data, implement, and exploit the results of research for the marketing decision-making.

The content of the module includes 09 chapters; cover all stages of marketing research; It also introduces several key tools used to collect and process primary data such as measurement scales; questionnaire design; sampling; testing and analyzing data; and presenting, reporting marketing research results.

(3) Quản trị chất lượng (*Quality Management*)

Quality has been seen as a key factor to gain competitive advantages for companies. Effective quality management is a major method to build and develop an organization's brand. Quality Management is a module placed in the part of sections' training program, such as business management and marketing.

Comprised of 8 chapters, this credit supplies basic knowledge and modern views on quality and quality management. Foundamental issues that are mentioned in the credit are quality and quality management concepts; factors affecting quality; quality cost management; relationship between quality, productivity and organization's competitive capacity; quality management activities in organizations; services quality management; quality management principles; the models, methods and tools of quality management and quality management of government.

The skills the learners need to practice in learning duration are included: quality planning setting; quality management system analysis, measurement and assessment; skills in using the techniques and tools in quality control, working in groups, and so on.

Các học phần tự chọn của liên ngành

(1) Marketing thương mại điện tử (*Ecommerce – Marketing*)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, các quan niệm quản trị marketing thương mại điện tử, bao gồm các vấn đề: Quan điểm tiếp cận quản trị TMĐT về marketing trên

Internet; hành vi người mua hàng trực tuyến; mô hình hệ thống, phân tích cạnh tranh và định vị trên thị trường ảo của doanh nghiệp; lựa chọn chiến lược và xây dựng kế hoạch marketing TMĐT; lựa chọn, khai thác, sử dụng, phối hợp các công cụ, ứng dụng, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến trong marketing TMĐT; quản trị các nỗ lực marketing TMĐT và việc vận dụng chúng để định hướng, chỉ đạo các hoạt động marketing B2B, B2C và các dịch vụ trên Internet.

(2) Marketing số (Digital Marketing):

Marketing số là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành marketing số. Học phần trang bị nội dung quản trị marketing số nhằm cung ứng giá trị cho các khách hàng; các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng trong marketing số, và các hoạt động của các công cụ marketing số; năng lực vận dụng các kiến thức thực hành các kỹ năng quản trị marketing số của doanh nghiệp

(4) Sáng tạo và thiết kế nội dung (Create and Design Content)

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung của sáng tạo nội dung trong hoạt động marketing với các phương tiện số về quy trình và phương thức sáng tạo nội dung nhằm hướng tới đáp ứng nhu cầu và đặc điểm của khách hàng, và nghiên cứu thiết kế các nội dung cho có sức thu hút cao với các đối tượng khách hàng và các đối tượng có liên quan trong hoạt động marketing số của đơn vị.

(2) Quản trị thương hiệu 1 (Brand Management 1)

This subject is located in specialized knowledge module, providing basic knowledge about brand and brand management from strategic thinking to practical deployment. Main contents will be covered in the subject include: The different approaches of the brand and the factors affecting the brand development in businesses; knowledge and skills to designing and implementation brand identity system; measures to protect the brand and the skills to handle trademark dispute cases; brand communication activities; orientation to develop brands.

c. Các học phần ngành

(1) Quản trị marketing 1 (Marketing Management 1)

Marketing Management 1 is a compulsory course in the knowledge block of marketing. The module equips the knowledge, skills and competencies to develop and evaluate the company's strategic marketing plan, to build and implement the marketing mix; Specifically study the knowledge and skills of applying the basic concepts of modern marketing and marketing management; value-based marketing philosophy; marketing opportunity management; management of target marketing and marketing strategy, marketing mix and implementation of marketing strategies in enterprises; Apply the above knowledge and skills through discussion exercises, marketing management cases.

(2) Quản trị marketing 2 (Marketing Management 2)

Marketing Management 2 is the core unit of the marketing major which focuses on marketing tactic management, including decisions on value creation and supply to the target market, value communication and execution in the target market, and management of overall marketing efforts at the enterprise level. The unit also provides group discussion topics and case studies for students to apply theories in real situations.

(3) Marketing quốc tế (International Marketing)

The subject content has two parts:

+ Analyse market and management of international marketing opportunities: review different points of view in international marketing management, analyze international marketing environment and market in order to form the base to evaluate and manage international marketing

opportunities.

+ International marketing management: international marketing strategies, management of the marketing-mix and management each element of the marketing mix in international market, international marketing planning and organization.

(4) Thực hành truyền thông marketing (Practice of Marketing Communications)

Học phần trang bị cho người học nghiên cứu để vận dụng được các kiến thức về hoạt động truyền thông marketing: bản chất và yếu tố ảnh hưởng chi phối đến truyền thông marketing của doanh nghiệp, kiến thức quản trị truyền thông marketing phân tích, lập kế hoạch, thực thi, đánh giá truyền thông marketing, và các công cụ truyền thông marketing: quảng cáo, xúc tiến bán, quan hệ công chúng và tuyên truyền, marketing trực tiếp và bán hàng cá nhân.

Học phần trang bị cho người học học tập và rèn luyện kỹ năng thực hành trên lớp về kỹ năng quản trị truyền thông marketing phân tích, lập kế hoạch, thực thi, đánh giá truyền thông marketing của doanh nghiệp, quản trị quảng cáo và xúc tiến bán, quản trị marketing trực tiếp (hoặc quản trị quan hệ công chúng và tuyên truyền) của các sản phẩm thương hiệu và của doanh nghiệp đang hoạt động trên thị trường.

(5) Marketing thương mại (Commercial Marketing)

Marketing thương mại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing, và ngành quản trị kinh doanh. Học phần hình thành và sử dụng những kết quả của nghiên cứu và phân tích marketing của công ty thương mại, triển khai lựa chọn thị trường mục tiêu và hoạch định chiến lược marketing của công ty, xác lập và triển khai các quyết định marketing-mix và ứng xử các tác nghiệp công nghệ marketing thương mại trên thị trường. Thiết lập tổ chức marketing phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện đại nhằm phát triển sức mạnh sáng tạo các giá trị gia tăng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trên thị trường.

Đồng thời học phần còn thực hiện rèn luyện các kỹ năng làm marketing thương mại và bán hàng online, giải quyết các tình huống marketing thương mại online nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học

(1) Thực tập và làm dự án nhóm (Intership project report)

Thực tập và làm dự án nhóm là một bộ phận bắt buộc trong cấu trúc chương trình đào tạo toàn khóa của sinh viên hệ đại học của các chuyên ngành trong trường Đại học Thương mại. Chương trình đào tạo chất lượng cao Marketing Thương mại cũng phải tuân thủ qui định này.

- Tìm hiểu và học hỏi kiến thức thực tế hoạt động marketing và Marketing Thương mại của các hoạt động sản xuất và kinh doanh nói chung của đơn vị thực tập.

- Vận dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ năng và công cụ đã được học nhằm phát triển một số kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm vào thực tiễn các hoạt động marketing và hoạt động marketing thương mại của các doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh Việt Nam

- Tìm kiếm và phát hiện vấn đề nghiên cứu theo định hướng nghiên cứu của chuyên ngành Marketing Thương mại ở giai đoạn làm báo cáo thực tập tổng hợp, từ đó đề xuất đề tài luận văn tốt nghiệp (LVTN) cho từng thành viên của nhóm ở giai đoạn tiếp theo thực tập làm LVTN ở đơn vị thực tập đã lựa chọn.

(2) Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp (Graduation Thesis)

Học phần này có mục tiêu rèn luyện người học thực hành kỹ năng quản trị một vấn đề của marketing thương mại của đơn vị thực tập đã được nhận dạng ở phần báo cáo dự án nhóm. Sinh

viên trình bày báo cáo luận văn tốt nghiệp dưới dạng báo cáo của công trình nghiên cứu, phần đề xuất phải ở dạng một kế hoạch marketing thương mại hoặc kế hoạch của từng thành phần của marketing thương mại / hoặc một kế hoạch thành phần marketing mix trong thương mại, hoặc một vấn đề của marketing như nghiên cứu marketing, tổ chức marketing để giải quyết được các vấn đề marketing thương mại đã nhận dạng của doanh nghiệp được chọn làm đề tài luận văn tốt nghiệp.

Các thành viên của nhóm phải trình bày và bảo vệ các kết quả của công trình nghiên cứu luận văn trước tiểu ban chấm luận văn.

IV. KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

1. Chương trình đào tạo Kế toán doanh nghiệp

STT	Tên học phần	Mục tiêu học phần
1	Triết học Mác - Lênin	Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phản biện những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	<p>Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. - Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam.

		- Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.
6	Tiếng Anh 1	Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng Tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng Tiếng Anh.
7	Tiếng Anh 2	Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng Tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng Tiếng Anh.
8	Tiếng Anh 3	Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai
9	Toán đại cương	Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, Giải tích, Xác suất và Thống kê toán. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề Kinh tế - xã hội.
10	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân

		sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.
12	Tin học quản lý	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học để quản lý công việc, học tập.
13	Xã hội học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; một số vấn đề chuyên biệt của xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; biết cách vận dụng kiến thức xã hội học để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học.
14	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giúp người học nhận thức đầy đủ các vấn đề cơ bản của kinh tế thị trường; tiếp cận với các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế, thương mại quốc tế. Từ đó có cơ sở để học tốt các môn khoa học kinh tế khác, đặc biệt nghiên cứu các môn kinh tế ngành, chuyên ngành đào tạo.
15	Giáo dục thể chất	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học Giáo dục thể chất. Trên cơ sở đó giúp sinh viên lựa chọn cho mình phương pháp rèn luyện thể chất phù hợp nhằm tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực, phòng ngừa các chấn thương trong tập luyện
16	Nguyên lý kế toán	Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện về nguyên lý kế toán, làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp, kế toán đơn vị sự nghiệp và kiểm toán; trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán trong các đơn vị kế toán.
17	Nhập môn tài chính tiền tệ	Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính và sự vận hành các khâu tài chính trong hệ thống tài chính quốc gia làm tiền đề giúp cho người học có thể đi vào nghiên cứu các học phần chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, kinh tế, kế toán – kiểm toán, quản trị kinh doanh, kinh doanh thương mại,...; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính - tiền tệ;

		hình thành kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có thái độ nghiêm túc, làm việc tích cực, tinh thần tự học trong thực hiện các nhiệm vụ của học phần.
18	Nguyên lý thống kê	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, chuyên sâu của thống kê học, sau khi học xong sinh viên có thể : <i> vận dụng</i> kiến thức cơ bản, chuyên sâu của thống kê học để giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc chuyên môn kế toán; <i> hình thành</i> kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề liên quan tới hoạt động thống kê trong đơn vị; <i> sử dụng</i> được kỹ năng phản biện, phê phán để đề xuất giải pháp thay thế liên quan đến công tác thống kê trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi; <i> kết hợp</i> các kỹ năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong đơn vị.
19	Luật kinh tế 1	Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng áp ứng thực hiện công việc liên quan đến pháp luật điều chỉnh về việc thành lập, hoạt động và chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh.
20	Tiếng Anh thương mại 1	Phát triển các kỹ năng Tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu , học tập ở các học phần sau.
21	Tiếng Anh thương mại 2	Phát triển các kỹ năng Tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau.
22	Kinh tế vi mô 1	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về kinh tế vi mô để sinh viên hiểu được cơ sở của việc ra các quyết định kinh tế tối ưu của người tiêu dùng và hãng sản xuất - kinh doanh trong điều kiện nguồn lực có hạn.
23	Thị trường chứng khoán	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK), hoạt động giao dịch trên TTCK, đăng kí và lưu kí chứng khoán, hoạt động giao dịch TTCK; kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện năng lực nghiên cứu phân tích chứng khoán và TTCK ra quyết định đầu tư; có lòng yêu nghề và có năng lực tự chủ và trách nhiệm, khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK.
24	Kinh tế vĩ mô 1	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.
25	Quản trị học	Cung cấp cho người học những kiến thức mang tính nguyên lý về quản trị các tổ chức, trong đó tập trung vào các tổ chức là doanh nghiệp. Rèn luyện và phát triển kỹ năng quản trị cho người học. Hình thành năng lực làm việc độc lập và tham gia làm việc nhóm đối với người học.

26	Marketing căn bản	Nắm vững lý thuyết cơ bản về nguyên lý marketing, có năng lực thực tiễn trong triển khai hoạt động marketing trong môi trường có tính hội nhập và thay đổi.
27	Kinh doanh quốc tế	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế, động cơ tiến hành hoạt động kinh doanh quốc tế, tác động của toàn cầu hóa và các yếu tố thuộc môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, địa lý kinh tế, nhân khẩu học tới hoạt động kinh doanh quốc tế, các phương thức thâm nhập thị trường, chiến lược kinh doanh quốc tế và cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng, quản trị marketing quốc tế, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số vấn đề về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, sinh viên cũng sẽ được trang bị kỹ năng trong việc đánh giá tác động của môi trường kinh doanh đến hoạt động kinh doanh quốc tế, kỹ năng lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường, xây dựng chiến lược kinh doanh quốc tế và những kỹ năng mềm khác như kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, thảo luận.
28	Quản trị rủi ro	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro trong kinh doanh, quản trị rủi ro nhân lực và quản trị rủi ro tài sản. Giúp sinh viên có thêm kỹ năng vận dụng tốt những kiến thức cơ bản của học phần trong học tập các học phần quản trị khác của chương trình đào tạo chuyên ngành và trong thực tiễn công việc sau khi tốt nghiệp. Tăng cường cho sinh viên về thái độ tự chủ, tích cực trong hoạt động học tập và công việc sau này.
29	Chuyển đổi số trong kinh doanh	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh hiện đại gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
30	Tổ chức công tác kế toán	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kế toán, những kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong đơn vị kế toán, kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kế toán
31	Kế toán tài chính 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận, kiến thức thực tế vững chắc về kế toán tài sản và kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất; phục vụ hoạt động điều hành và hoạt động quản lý về kế toán tại doanh nghiệp
32	Kế toán tài chính 2*	Đào tạo sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng và kỹ năng thực tế về kế toán chi phí- doanh thu- kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập, trình bày BCTC;

		sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động về kế toán tài chính tại doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận về kế toán chi phí- doanh thu- kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập, trình bày BCTC và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân
33	Kế toán tài chính 3*	Đào tạo sinh viên có kiến thức lý luận cũng như khả năng thực hành về kế toán hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ; sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động về kế toán hoạt động thương mại và dịch vụ tại doanh nghiệp. Có kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động kế toán hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ trong doanh nghiệp; có khả năng tự học và tự nghiên cứu, có khả năng tự định hướng, có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân và đưa ra các quyết định xử lý các tình huống về kế toán thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ.
34	Kế toán quốc tế	Cung cấp cho sinh viên lý luận chung và kiến thức cơ bản của các chuẩn mực kế toán về trình bày báo cáo tài chính quốc tế làm nền tảng cho việc nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn kế toán tại các doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng vận dụng các chuẩn mực kế toán về trình bày báo cáo tài chính quốc tế tại các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài và các tổ chức khác.
35	Kế toán quản trị doanh nghiệp	Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện và kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kế toán quản trị; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; có khả năng tự học và phát huy khả năng của bản thân trong công việc. Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng thực hiện và tổ chức thực hiện kế toán quản trị tại các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài và các tổ chức khác.
36	Kiểm toán căn bản	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết cơ bản và toàn diện về kiểm toán làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các loại kiểm toán cụ thể. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp kiểm toán để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động kế toán, kiểm toán trong các đơn vị, tổ chức.
37	Kế toán công 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện và thực tế vững chắc về đặc điểm hoạt động, nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phân hành cụ thể trong đơn vị hành chính sự nghiệp, giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tại đơn vị. Sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng để thực hiện, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp.

38	Phân tích kinh tế doanh nghiệp	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về phân tích kinh tế doanh nghiệp, sau khi học xong sinh viên có thể: <i>Hiểu</i> được các khái niệm, bản chất của phân tích kinh tế doanh nghiệp, nội dung và phương pháp; <i>tổ chức</i> công tác phân tích kinh tế trong doanh nghiệp; <i>Áp dụng</i> kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động phân tích kinh tế tại các doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề, các tình huống phân tích phát sinh; <i>Phân tích</i> , phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý, điều hành hoạt động phân tích chuyên môn trong doanh nghiệp; <i>Đánh giá</i> , giám sát chất lượng công việc phân tích sau khi hoàn thành để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động phân tích kinh tế trong các doanh nghiệp, có khả năng tự học, tự nghiên cứu; <i>Tổ chức</i> thực hiện đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
39	Kiểm toán báo cáo tài chính	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết vững chắc và thực tế chuyên sâu về kiểm toán BCTC. Từ đó, giúp sinh viên có kỹ năng để áp dụng các kiến thức trong lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động kiểm toán Báo cáo tài chính tại các đơn vị, tổ chức; có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp và tự định hướng đưa ra các kết luận chuyên môn liên quan đến các hoạt động kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp.
40	Hệ thống thông tin kế toán	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng trong và ngoài doanh nghiệp nhằm phục vụ việc ra quyết định quản lý và điều hành doanh nghiệp. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để vận hành hệ thống thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị theo các chu trình hoạt động trong doanh nghiệp.
41	Thực hành kế toán máy	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế và kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo nhằm đào tạo các chuyên gia kế toán, kiểm toán đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập kinh tế.
42	Kế toán công 2	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và kiến thức cơ bản về nguyên tắc kế toán, phương pháp và quy trình kế toán ngân sách Nhà nước. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hiện kế toán các hoạt động trong các đơn vị quản lý ngân sách nhà nước. Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng thực hiện và tổ chức thực hiện kế toán trong Kho bạc Nhà nước, cơ quan xã, phường.
43	Kiểm toán nội bộ	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tế vững chắc về kiểm toán nội bộ; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kiểm toán nội bộ. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, khả năng để lập kế hoạch, thực hiện, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá

		công tác kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.
44	Kế toán ngân hàng thương mại	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế cơ bản trong các ngân hàng thương mại. Sinh viên học xong có thể thực hiện các công việc kế toán và tham gia giám sát, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn kế toán tại các ngân hàng thương mại.
45	Phân tích báo cáo tài chính	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về phân tích báo cáo tài chính, sau khi học xong sinh viên có thể: <i>Phân tích</i> , áp dụng các phương pháp, lựa chọn nội dung phân tích báo cáo tài chính phù hợp tại các doanh nghiệp; <i>có kỹ năng</i> đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm; kết hợp kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác; <i>kỹ năng</i> phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; <i>thực hiện</i> lập kế hoạch, tổ chức công tác phân tích BCTC; đánh giá và cải thiện hiệu quả công tác phân tích BCTC, cải thiện tình hình tài chính trong đơn vị.
46	Kế toán thuế trong doanh nghiệp	Trang bị cho sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tế vững chắc về luật thuế, kế toán thuế trong doanh nghiệp, có đủ khả năng tác nghiệp, tổ chức thực hiện và tư vấn các vấn đề về kế toán thuế trong doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.
47	Kiểm toán ngân sách nhà nước	Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.
48	Quản trị tài chính 1	Học phần Quản trị tài chính 1 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp cơ bản.
49	Thống kê kinh doanh	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về thống kê kinh doanh, sau khi học xong sinh viên có thể: <i>Vận dụng</i> những kiến thức chuyên môn thống kê đã được trang bị trong học phần, người học có thể tổ chức phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết các tình huống trong hoạt động kinh doanh của đơn vị; <i>tổ chức</i> triển khai điều hành hoạt động thống kê trong các đơn vị; <i>phân tích</i> , so sánh thông tin trên cơ sở đó có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động thống kê trong các doanh nghiệp, có khả năng tự học, tự nghiên cứu; <i>hiểu, nắm được</i> kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế liên quan tới thống kê trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

50	Quản trị tài chính 2	Học phần Quản trị tài chính 2 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp chuyên sâu
51	Thương mại điện tử căn bản	Học phần thương mại điện tử căn bản cung cấp cho sinh viên những khái niệm, những nguyên lý căn bản của thương mại điện tử, làm nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu của ngành thương mại điện tử và các ngành khác.
52	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững kiến thức cơ bản và thực tiễn hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu; Rèn luyện kỹ năng phân tích, xử lý tình huống trong hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu; Người học có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thái độ tích cực trong triển khai các nghiệp vụ thanh toán và tài trợ xuất nhập khẩu tại các NHTM và doanh nghiệp xuất nhập khẩu.
53	Pháp luật tài chính và ngân hàng	Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng đáp ứng thực hiện công việc liên quan đến pháp luật trong lĩnh vực ngân sách, thuế (gọi chung là tài chính) và ngân hàng.
54	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện, kết hợp lý luận với thực tiễn, tạo điều kiện để sinh viên tiếp tục học thêm kiến thức, kỹ năng từ thực tế hoạt động của doanh nghiệp. Từ đó, giúp sinh viên củng cố kiến thức, nâng cao kỹ năng, phát triển khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành đào tạo.
55	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện, kết hợp lý luận với thực tiễn, tạo điều kiện để sinh viên tiếp tục học thêm kiến thức, kỹ năng từ thực tế hoạt động của doanh nghiệp. Từ đó, giúp sinh viên củng cố kiến thức, nâng cao kỹ năng, phát triển khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành đào tạo, gắn với một chủ đề cụ thể tại doanh nghiệp.

2. Chương trình đào tạo Kế toán công

STT	Tên học phần	Mục tiêu học phần
1	Triết học Mác - Lênin	Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phản biện những nhận thức sai lệch và

		sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	<p>Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. - Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. - Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.
6	Tiếng Anh 1	Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng Tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng Tiếng Anh.
7	Tiếng Anh 2	Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng Tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng Tiếng Anh.
8	Tiếng Anh 3	Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền

		tăng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai
9	Toán cao cấp 1	Cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản nhất về Đại số tuyến tính và Hàm một biến số, rèn luyện cho họ cách suy luận, trình bày các vấn đề theo phương pháp và ngôn ngữ của Toán học. Trang bị thêm cho người học một số phương tiện tính toán, phương pháp giải quyết các vấn đề giúp ích cho việc học các môn học khác và cho công việc sau này.
10	Lý thuyết xác suất thống kê toán	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về biến cố, xác suất của biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các số đặc trưng chính của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết ước lượng, lý thuyết kiểm định, và các bài toán ứng dụng các kiến thức này trong thực tiễn, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế-xã hội. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.
11	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.
13	Tin học quản lý	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học để quản lý công việc, học tập.
14	Xã hội học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; một số vấn đề chuyên biệt của xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; biết cách vận dụng kiến thức xã hội học để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận

		và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học.
15	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giúp người học nhận thức đầy đủ các vấn đề cơ bản của kinh tế thị trường; tiếp cận với các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế, thương mại quốc tế. Từ đó có cơ sở để học tốt các môn khoa học kinh tế khác, đặc biệt nghiên cứu các môn kinh tế ngành, chuyên ngành đào tạo.
16	Giáo dục thể chất	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học Giáo dục thể chất. Trên cơ sở đó giúp sinh viên lựa chọn cho mình phương pháp rèn luyện thể chất phù hợp nhằm tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực, phòng ngừa các chấn thương trong tập luyện
17	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
18	Nguyên lý kế toán	Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện về nguyên lý kế toán, làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp, kế toán đơn vị sự nghiệp và kiểm toán; trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán trong các đơn vị kế toán.
19	Nhập môn tài chính tiền tệ	Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính và sự vận hành các khâu tài chính trong hệ thống tài chính quốc gia làm tiền đề giúp cho người học có thể đi vào nghiên cứu các học phần chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, kinh tế, kế toán – kiểm toán, quản trị kinh doanh, kinh doanh thương mại,...; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính - tiền tệ; hình thành kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có thái độ nghiêm túc, làm việc tích cực, tinh thần tự học trong thực hiện các nhiệm vụ của học phần.
20	Nguyên lý thống kê	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, chuyên sâu của thống kê học, sau khi học xong sinh viên có thể : <i>vận dụng</i> kiến thức cơ bản, chuyên sâu của thống kê học để giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc chuyên môn kế toán; <i>hình thành</i> kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề liên quan tới hoạt động thống kê trong đơn vị; <i>sử dụng</i> được kỹ năng phản biện, phê phán để đề xuất giải pháp thay thế liên quan đến công tác thống kê trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi; <i>kết hợp</i> các kỹ năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong đơn vị.
21	Tài chính công	Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính công, hệ thống ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính ngoài ngân sách và tài sản công; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính công, tính toán được tỉ lệ điều tiết ngân sách nhà nước;

		tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính công.
22	Tiếng Anh thương mại 1	Phát triển các kỹ năng Tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau.
22	Tiếng Anh thương mại 2	Phát triển các kỹ năng Tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau.
23	Thị trường chứng khoán	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK), hoạt động giao dịch trên TTCK, đăng kí và lưu kí chứng khoán, hoạt động giao dịch TTCK; kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện năng lực nghiên cứu phân tích chứng khoán và TTCK ra quyết định đầu tư; có lòng yêu nghề và có năng lực tự chủ và trách nhiệm, khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK.
24	Luật đầu tư	Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật về đầu tư, giúp người học có khả năng giải quyết được những vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn thực hiện hoạt động đầu tư trong nước và hoạt động đầu tư ra nước ngoài.
25	Marketing căn bản	Nắm vững lý thuyết cơ bản về nguyên lý marketing, có năng lực thực tiễn trong triển khai hoạt động marketing trong môi trường có tính hội nhập và thay đổi.
26	Kinh tế thương mại đại cương	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Các kiến thức nền tảng này là cơ sở giúp người học vận dụng nghiên cứu những vấn đề kinh tế thương mại của Việt Nam và các nước.
27	Tài chính vi mô	Sau khi kết thúc học phần người học được trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính vi mô, hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; người học vận dụng kiến thức trong thực hiện nghiệp vụ kinh doanh tại tổ chức tài chính vi mô; Người học có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế.
28	Kinh tế công cộng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản để hiểu được sự cần thiết, vai trò của Chính phủ, cơ sở khoa học của các quyết định, chính sách của Chính phủ. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết để phân tích và giải thích có căn cứ khoa học về cách thức can thiệp của Chính phủ, phần nào dự đoán được các chính sách có thể được ban hành của một Chính phủ hiện đại trong thực tế.
29	Kinh tế vi mô 1	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về kinh tế vi mô để sinh viên hiểu được cơ sở của việc ra các quyết định kinh tế tối ưu

		của người tiêu dùng và hãng sản xuất - kinh doanh trong điều kiện nguồn lực có hạn.
30	Kinh tế vĩ mô 1	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.
31	Kế toán công 1*	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện và thực tế vững chắc về đặc điểm hoạt động, nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phân hành cụ thể trong đơn vị hành chính sự nghiệp, giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tại đơn vị. Sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng để thực hiện, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp.
32	Kế toán công 2	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và kiến thức cơ bản về nguyên tắc kế toán, phương pháp và quy trình kế toán ngân sách Nhà nước. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hiện kế toán các hoạt động trong các đơn vị quản lý ngân sách nhà nước. Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng thực hiện và tổ chức thực hiện kế toán trong Kho bạc Nhà nước, cơ quan xã, phường.
33	Kế toán công 3	Học phần kế toán công 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành Kế toán công. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về: Đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán ngân sách trong khu vực công; Những kiến thức về nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phân hành cụ thể trong kế toán ngân sách liên quan đến kế toán tài sản, kế toán thu chi ngân sách, kế toán các khoản thanh toán và những vấn đề chung về báo cáo và phương pháp lập báo cáo kế toán ngân sách tại Kho bạc nhà nước. Ngoài ra học phần còn cung cấp kiến thức về kế toán ngân sách xã, phường.
34	Kế toán tài chính 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận, kiến thức thực tế vững chắc về kế toán tài sản và kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất; phục vụ hoạt động điều hành và hoạt động quản lý về kế toán tại doanh nghiệp.
35	Kế toán tài chính 2*	Đào tạo sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng và kỹ năng thực tế về kế toán chi phí- doanh thu- kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập, trình bày BCTC; sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động về kế toán tài chính tại doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận về kế toán chi phí- doanh thu- kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập, trình bày BCTC và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân
36	Kế toán quản trị đơn vị công	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, phương pháp kế toán quản trị áp dụng cho các đơn vị thuộc khu vực công để có thể thực hiện các công việc kế toán quản

		trị và tham gia giám sát, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn kế toán phục vụ quản trị trong các đơn vị khu vực công.
37	Kiểm toán căn bản	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết cơ bản và toàn diện về kiểm toán làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các loại kiểm toán cụ thể. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp kiểm toán để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động kế toán, kiểm toán trong các đơn vị, tổ chức.
38	Kiểm toán ngân sách nhà nước	Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.
39	Phân tích kinh tế khu vực công	Cung cấp cho người học lý thuyết toàn diện, kiến thức thực tế cần thiết về phân tích kinh tế khu vực công; có kỹ năng phân tích, phân biện, tổng hợp các vấn đề có liên quan đến kinh tế đơn vị công; kỹ năng thực hành các nghiệp vụ phân tích chuyên môn; khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi. Người học có đủ khả năng thực hiện và tổ chức công tác phân tích kinh tế tại các đơn vị công.
40	Chuẩn mực kế toán công quốc tế	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và những kiến thức cơ bản về chuẩn mực kế toán công quốc tế để có thể thực hiện các công việc kế toán trong các đơn vị công hiện đang áp dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế, tham gia xây dựng, hoàn thiện chuẩn mực kế toán công và các chính sách kế toán công của Việt Nam.
41	Tổ chức công tác kế toán	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kế toán, những kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong đơn vị kế toán, kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kế toán.
42	Kiểm toán nội bộ	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tế vững chắc về kiểm toán nội bộ; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kiểm toán nội bộ. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, khả năng để lập kế hoạch, thực hiện, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá công tác kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.
43	Thực hành kế toán công	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực tế vững chắc và kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ trong công việc của kế toán tại các đơn vị công.
44	Hệ thống thông tin kế toán	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng trong và ngoài doanh nghiệp nhằm phục vụ việc ra quyết định quản lý và điều hành doanh nghiệp. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng vận

		dụng kiến thức để vận hành hệ thống thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị theo các chu trình hoạt động trong doanh nghiệp.
45	Kế toán ngân hàng thương mại	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế cơ bản trong các ngân hàng thương mại. Sinh viên học xong có thể thực hiện các công việc kế toán và tham gia giám sát, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn kế toán tại các ngân hàng thương mại.
46	Kế toán tài chính 3	Đào tạo sinh viên có kiến thức lý luận cũng như khả năng thực hành về kế toán hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ; sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động về kế toán hoạt động thương mại và dịch vụ tại doanh nghiệp. Có kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động kế toán hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ trong doanh nghiệp; có khả năng tự học và tự nghiên cứu, có khả năng tự định hướng, có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân và đưa ra các quyết định xử lý các tình huống về kế toán thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ.
47	Quản lý ngân sách nhà nước	Sau khi hoàn thành chương trình học phần, người học hiểu, có khả năng trình bày, tổng hợp và vận dụng được các kiến thức cơ bản về quản lý NSNN. Trên cơ sở đó, có thể phân tích thông tin, xử lý, giải quyết tình huống trong tác nghiệp quản lý thu chi NSNN, thực hiện chu trình NSNN ở các cơ quan nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức thụ hưởng NSNN; Thông qua học phần này, người học được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, rèn luyện khả năng tự chủ và chịu trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động quản lý NSNN.
48	Quản lý tài chính dự án đầu tư công	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và kiến thức thực tế về quản lý tài chính dự án đầu tư công; giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề và tình huống trong quản lý tài chính dự án đầu tư công.
49	Định giá tài sản	Sau khi học xong học phần, người học nắm bắt và vận dụng được các kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và kiến thức thực tế về định giá tài sản và xác định giá trị doanh nghiệp; rèn luyện các kỹ năng, phương pháp giải quyết vấn đề, năng lực tự chủ, thái độ chuyên nghiệp trong định giá tài sản và xác định giá trị doanh nghiệp.
50	Nghiệp vụ kho bạc nhà nước	Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước, có khả năng phân tích thông tin để giải quyết tình huống tác nghiệp cụ thể theo chức năng của KBNN, tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, kỹ năng làm việc ở các vị trí khác nhau trong

		hệ thống KBNN, năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực KBNN..
51	Thuế	Sau khi học xong học phần, người học hiểu và nắm bắt được các kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu của thuế và hệ thống thuế Việt Nam; vận dụng được các kiến thức để tính toán được tiền thuế phải nộp, xử lý được các vấn đề đặt ra trong từng tình huống thuế; nâng cao ý thức tuân thủ thuế, hình thành kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ của học phần.
52	Thống kê kinh tế	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về thống kê kinh tế, sau khi học xong sinh viên có thể: <i>Vận dụng</i> kiến thức cơ bản được trang bị trong học phần đánh giá được các tác động của các yếu tố vĩ mô tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; <i>vận dụng</i> các kiến thức trong thống kê kinh để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế như Tài chính ngân hàng, quản lý kinh tế, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế; <i>giải quyết</i> các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động kinh tế trong các đơn vị nhờ khả năng phân tích và đánh giá vấn đề một cách khách quan dựa trên cơ sở tính toán nguồn số liệu thu thập được một cách khoa học, hợp lý; có khả năng tự học, tự nghiên cứu; <i>đề xuất các</i> giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi, có kỹ năng phản biện, phê phán và bảo vệ quan điểm
53	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần phát triển kỹ năng cho sinh viên của Ngành Thương mại điện tử, đồng thời bổ trợ kỹ năng cho sinh viên các ngành, chuyên ngành như Quản trị kinh doanh, Quản trị Marketing, Tài chính ngân hàng, Kinh tế thương mại trong sử dụng các công cụ tìm kiếm thông dụng và phổ biến nhất hiện nay trên thế giới để khai thác thông tin, dữ liệu theo nhu cầu trên mạng Internet.
54	Chính phủ điện tử	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành quản trị thương mại điện tử những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, một phương thức quản trị nhà nước hiện đại được quan tâm triển khai ứng dụng trên thế giới và tại Việt Nam.
54	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	Thực tập tốt nghiệp và viết BCTTTH nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện, kết hợp lý luận với thực tiễn, tạo điều kiện để sinh viên tiếp tục bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng thông qua việc tìm hiểu hoạt động của các đơn vị thuộc khu vực công và thực tế công tác kế toán tại các đơn vị này. Từ đó, sinh viên sẽ củng cố được kiến thức, nâng cao kỹ năng, phát triển khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành đào tạo.

55	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện, kết hợp lý luận với thực tiễn, tạo điều kiện để sinh viên tiếp tục bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng thông qua việc tìm hiểu hoạt động của các đơn vị thuộc khu vực công và thực tế công tác kế toán tại các đơn vị này. Từ đó, sinh viên sẽ củng cố được kiến thức, nâng cao kỹ năng, phát triển khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành đào tạo.
----	---------------------------------------	--

3. Chương trình đào tạo Kiểm toán

STT	Tên học phần	Mục tiêu học phần
1	Triết học Mác - Lênin	Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phản biện những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	<p>Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. - Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. - Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.

5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.
6	Tiếng Anh 1	Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.
7	Tiếng Anh 2	Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.
8	Tiếng Anh 3	Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai
9	Toán cao cấp 1	Cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản nhất về Đại số tuyến tính và Hàm một biến số, rèn luyện cho họ cách suy luận, trình bày các vấn đề theo phương pháp và ngôn ngữ của Toán học. Trang bị thêm cho người học một số phương tiện tính toán, phương pháp giải quyết các vấn đề giúp ích cho việc học các môn học khác và cho công việc sau này.
10	Lý thuyết xác suất thống kê toán	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về biến cố, xác suất của biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các số đặc trưng chính của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết ước lượng, lý thuyết kiểm định, và các bài toán ứng dụng các kiến thức này trong thực tiễn, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế-xã hội. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.
11	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên

		những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.
13	Tin học quản lý	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học để quản lý công việc, học tập.
14	Lịch sử kinh tế Việt nam	Học phần Lịch sử kinh tế Việt Nam giúp người học hiểu được bối cảnh lịch sử, đặc điểm tình hình kinh tế; đường lối, chính sách kinh tế Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau; Học phần cũng giúp người học nhận thức được những thành tựu (kết quả), hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế của các chính sách kinh tế, bài học kinh nghiệm, đặc biệt là giai đoạn sau năm 1975; trên cơ sở đó người học có thể vận dụng vào phân tích, đánh giá và ra quyết định nhằm xử lý các tình huống bất gặp trong hoạt động nghề nghiệp.
15	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giúp người học nhận thức đầy đủ các vấn đề cơ bản của kinh tế thị trường; tiếp cận với các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế, thương mại quốc tế. Từ đó có cơ sở để học tốt các môn khoa học kinh tế khác, đặc biệt nghiên cứu các môn kinh tế ngành, chuyên ngành đào tạo.
16	Giáo dục thể chất	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học Giáo dục thể chất. Trên cơ sở đó giúp sinh viên lựa chọn cho mình phương pháp rèn luyện thể chất phù hợp nhằm tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực, phòng ngừa các chấn thương trong tập luyện
17	Giáo dục quốc phòng - an ninh	
18	Kinh tế vi mô 1	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về kinh tế vi mô để sinh viên hiểu được cơ sở của việc ra các quyết định kinh tế tối ưu của người tiêu dùng và hãng sản xuất - kinh doanh trong điều kiện nguồn lực có hạn.
19	Nguyên lý kế toán	Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện về nguyên lý kế toán, làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp, kế toán đơn vị sự nghiệp và kiểm toán; trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán trong các đơn vị kế toán
20	Kiểm toán căn bản	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết cơ bản và toàn diện về kiểm toán làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các loại kiểm toán cụ thể. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề

		<p>ngành kiểm toán để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động kế toán, kiểm toán trong các đơn vị, tổ chức</p>
21	Nguyên lý thống kê	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của thống kê học, sau khi học xong sinh viên có thể vận dụng kiến thức cơ bản của thống kê học để hỗ trợ giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc chuyên môn kế toán; phân tích kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm, có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác, kỹ năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; xác định cách thức làm việc độc lập hoặc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có đạo đức nghề nghiệp</p>
22	Nhập môn tài chính tiền tệ	<p>Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính và sự vận hành các khâu tài chính trong hệ thống tài chính quốc gia làm tiền đề giúp cho người học có thể đi vào nghiên cứu các học phần chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, kinh tế, kế toán – kiểm toán, quản trị kinh doanh, kinh doanh thương mại,...; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính - tiền tệ; hình thành kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có thái độ nghiêm túc, làm việc tích cực, tinh thần tự học trong thực hiện các nhiệm vụ của học phần.</p>
23	Tiếng Anh thương mại 1	<p>Học phần Tiếng Anh Thương mại 1 phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng cho sinh viên trong lĩnh vực tiếng Anh chuyên ngành thương mại, giúp người học ứng dụng được kiến thức đã học trong giao tiếp kinh doanh thương mại và công việc sau này</p>
24	Tiếng Anh thương mại 2	<p>Học phần cung cấp ngôn ngữ và vốn từ vựng trong lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại và phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ chính: nghe, nói, đọc, viết cho sinh viên</p>
25	Quản trị học	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức mang tính nguyên lý về quản trị các tổ chức, trong đó tập trung vào các tổ chức là doanh nghiệp. Rèn luyện và phát triển kỹ năng quản trị cho người học. Hình thành năng lực làm việc độc lập và tham gia làm việc nhóm đối với người học.</p>
26	Kinh tế lượng	<p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản để phân tích định lượng mối quan hệ giữa các biến số kinh tế - xã hội bằng cách sử dụng mô hình hồi quy. Sinh viên được cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích độ phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình nhằm đưa ra các dự báo hữu ích. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy và có thể thực hiện các kỹ thuật phân tích hồi quy cơ bản với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng. Đây là kiến</p>

		thức nền tảng hoặc hỗ trợ cho các học phần khác như: Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, ...
27	Luật kinh tế 1	Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng áp dụng thực hiện công việc liên quan đến pháp luật điều chỉnh về việc thành lập, hoạt động và chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh.
28	Thị trường chứng khoán	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK), hoạt động giao dịch trên TTCK, đăng kí và lưu kí chứng khoán, hoạt động giao dịch TTCK; kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện năng lực nghiên cứu phân tích chứng khoán và TTCK ra quyết định đầu tư; có lòng yêu nghề và có năng lực tự chủ và trách nhiệm, khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK.
29	Thanh toán điện tử	Nhằm trang bị cho sinh viên Ngành Thương mại điện tử, chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử những kiến thức chuyên sâu và hỗ trợ các Ngành đào tạo như Hệ thống thông tin Quản lý, Tài chính ngân hàng, Kế toán Kiểm toán về các phương thức thanh toán hiện đại được thực hiện trên mạng Internet trong so sánh với các hình thức của thanh toán truyền thống.
30	Nguyên lý quản lý kinh tế	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, mang tính nguyên lý về quản lý kinh tế, tiếp cận ở cả góc độ vĩ mô và vi mô nhằm giúp người học có khả năng nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về quản lý từng lĩnh vực kinh tế hoặc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
31	Kinh tế vĩ mô 1	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.
32	Thống kê kinh tế	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về thống kê kinh tế, sau khi học xong sinh viên có thể: <i>Vận dụng</i> kiến thức cơ bản được trang bị trong học phần đánh giá được các tác động của các yếu tố vĩ mô tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; <i>vận dụng</i> các kiến thức trong thống kê kinh để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế như Tài chính ngân hàng, quản lý kinh tế, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế; <i>giải quyết</i> các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động kinh tế trong các đơn vị nhờ khả năng phân tích và đánh giá vấn đề một cách khách quan dựa trên cơ sở tính toán nguồn số liệu thu thập được một cách khoa học, hợp lý; có khả năng tự học, tự nghiên cứu; <i>đề xuất</i> các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi, có kỹ năng phản biện, phê phán và bảo vệ quan điểm
33	Kế toán tài chính 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận, kiến thức thực tế vững chắc về kế toán tài sản và kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản

		xuất; phục vụ hoạt động điều hành và hoạt động quản lý về kế toán tại doanh nghiệp.
34	Kế toán tài chính 2	Đào tạo sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng và kỹ năng thực tế về kế toán chi phí- doanh thu- kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập, trình bày BCTC; sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động về kế toán tài chính tại doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận về kế toán chi phí- doanh thu- kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập, trình bày BCTC và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân
35	Kế toán công 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện và thực tế vững chắc về đặc điểm hoạt động, nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phần hành cụ thể trong đơn vị hành chính sự nghiệp, giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tại đơn vị. Sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng để thực hiện, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp.
36	Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam; giúp sinh viên có đủ khả năng vận dụng các chuẩn mực này trong quá trình thực hiện kiểm toán BCTC tại các đơn vị, tổ chức.
37	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực tế chuyên sâu về kiểm toán báo cáo tài chính nói chung, kiểm toán các khoản mục thuộc Bảng cân đối kế toán nói riêng. Từ đó, giúp sinh viên có kỹ năng áp dụng các kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động kiểm toán đối với các khoản mục cụ thể của Bảng cân đối kế toán; có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp và tự định hướng đưa ra các kết luận chuyên môn liên quan đến các hoạt động kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp.
38	Kiểm toán báo cáo tài chính 2*	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức thực tế chuyên sâu về tổ chức thực hiện, giám sát, quản lý điều hành, giải quyết các vấn đề phức tạp về kiểm toán báo cáo tài chính, nhất là đối với các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và hình thành ý kiến về báo cáo tài chính. Sau khi học xong học phần, sinh viên có kỹ năng đánh giá chất lượng các công việc, định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn liên quan đến kế toán, kiểm toán.
39	Kiểm toán ngân sách Nhà nước	Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.
40	Kiểm toán nội bộ	Trang bị cho sinh viên các kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng, hiện đại về kiểm toán nội bộ trong bối cảnh hội

		nhập quốc tế và sự thay đổi của công nghệ; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kiểm toán nội bộ. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, khả năng để lập kế hoạch, thực hiện, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá công tác kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.
41	Thực hành Kiểm toán báo cáo tài chính	Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành nghề nghiệp về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, quản lý, điều hành các hoạt động kiểm toán. Từ đó, sinh viên có được những kỹ năng đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến các hoạt động kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp; có kỹ năng làm việc độc lập trong điều kiện thay đổi; có kỹ năng phân tích, đánh giá, đưa ra nhận định chuyên môn để hướng dẫn, giám sát, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
42	Phân tích báo cáo tài chính	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận, phương pháp, tổ chức công tác phân tích và vận dụng những kiến thức đó để thực hiện phân tích các báo cáo tài chính của doanh nghiệp, nhằm cung cấp những thông tin cần thiết giúp các đối tượng sử dụng đánh giá khách quan về năng lực tài chính của doanh nghiệp và dự báo các chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo tài chính. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng về tổng hợp, phân tích, kỹ năng thực hành trong việc phân tích báo cáo tài chính ở một doanh nghiệp cụ thể, kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.
43	Kế toán thuế trong doanh nghiệp	Trang bị cho sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tế vững chắc về luật thuế, kế toán thuế trong doanh nghiệp, có đủ khả năng tác nghiệp, tổ chức thực hiện và tư vấn các vấn đề về kế toán thuế trong doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.
44	Phân tích kinh tế doanh nghiệp	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về phân tích kinh tế doanh nghiệp, sau khi học xong sinh viên có thể: Hiểu được các khái niệm, bản chất của phân tích kinh tế doanh nghiệp, nội dung và phương pháp; tổ chức công tác phân tích kinh tế trong doanh nghiệp; Áp dụng kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động phân tích kinh tế tại các doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề, các tình huống phân tích phát sinh; Phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý, điều hành hoạt động phân tích chuyên môn trong doanh nghiệp; Đánh giá, giám sát chất lượng công việc phân tích sau khi hoàn thành để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động phân tích kinh tế trong các doanh nghiệp, có khả năng tự học, tự nghiên cứu; Tổ chức thực hiện đánh

		giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
45	Kế toán công 2	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và kiến thức cơ bản về nguyên tắc kế toán, phương pháp và quy trình kế toán ngân sách Nhà nước. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hiện kế toán các hoạt động trong các đơn vị quản lý ngân sách nhà nước. Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng thực hiện và tổ chức thực hiện kế toán trong Kho bạc Nhà nước, cơ quan xã, phường.
46	Hệ thống thông tin kế toán	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng trong và ngoài doanh nghiệp nhằm phục vụ việc ra quyết định quản lý và điều hành doanh nghiệp. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để vận hành hệ thống thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị theo các chu trình hoạt động trong doanh nghiệp.
47	Kế toán quản trị doanh nghiệp	Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện và kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kế toán quản trị; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; có khả năng tự học và phát huy khả năng của bản thân trong công việc. Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng thực hiện và tổ chức thực hiện kế toán quản trị tại các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài và các tổ chức khác.
48	Kế toán ngân hàng thương mại	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế cơ bản trong các ngân hàng thương mại. Sinh viên học xong có thể thực hiện các công việc kế toán và tham gia giám sát, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn kế toán tại các ngân hàng thương mại.
49	Quản trị tài chính 1	Học phần Quản trị tài chính 1 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp cơ bản.
50	Thực hành kế toán máy	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế và kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo nhằm đào tạo các chuyên gia kế toán, kiểm toán đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập kinh tế.
51	Thuế	Sau khi học xong học phần, người học hiểu và nắm bắt được các kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu của thuế và hệ thống thuế Việt Nam; vận dụng được các kiến thức để tính toán được tiền thuế phải nộp, xử lý được các vấn đề đặt ra trong từng tình huống thuế; nâng cao ý thức tuân thủ thuế, hình thành kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ của học phần.
52	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần phát triển kỹ năng cho sinh viên của Ngành Thương mại điện tử, đồng thời bổ trợ kỹ năng cho sinh viên các ngành, chuyên ngành như Quản

		trị kinh doanh, Quản trị Marketing, Tài chính ngân hàng, Kinh tế thương mại trong sử dụng các công cụ tìm kiếm thông dụng và phổ biến nhất hiện nay trên thế giới để khai thác thông tin, dữ liệu theo nhu cầu trên mạng Internet.
53	Khởi sự kinh doanh	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể đánh giá và lựa khởi sự kinh doanh như một định hướng nghề nghiệp; và thực hiện khởi sự hoạt động kinh doanh ở quy mô nhỏ.
54	Luật thương mại điện tử	Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để đáp ứng thực hiện các công việc liên quan đến pháp luật về thương mại điện tử.
55	Chuyển đổi số trong kinh doanh	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh hiện đại gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
56	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	Thực tập tốt nghiệp và viết BCTTTH nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện, kết hợp lý luận với thực tiễn, tạo điều kiện để sinh viên tiếp tục bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng thông qua việc tìm hiểu hoạt động của các đơn vị thuộc khu vực công và thực tế công tác kế toán tại các đơn vị này. Từ đó, sinh viên sẽ củng cố được kiến thức, nâng cao kỹ năng, phát triển khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành đào tạo.
57	Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện, kết hợp lý luận với thực tiễn, tạo điều kiện để sinh viên tiếp tục bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng thông qua việc tìm hiểu hoạt động của các đơn vị thuộc khu vực công và thực tế công tác kế toán tại các đơn vị này. Từ đó, sinh viên sẽ củng cố được kiến thức, nâng cao kỹ năng, phát triển khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành đào tạo.

4. Chương trình đào tạo Kế toán tích hợp chương trình ICAEW CFAB (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế)

STT	Tên học phần	Mục tiêu học phần	Tóm tắt nội dung chính
1	Triết học Mác – Lênin (3TC) Philosophy Marxism- Leninism	Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.	Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy

			vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2TC) Marxist Political Economy	<p>Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới</p> <p>Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung.</p> <p>Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam.</p> <p>Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.</p>	<p>Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.</p> <p>Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).</p> <p>Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.</p>
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC) Ho Chi Minh Ideology	<p>Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Làm cho người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt nam, làm cho tư tưởng của Người</p>	<p>Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ</p>

		ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ nước ta.	thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2TC) History of the Communist Party of Vietnam	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam (1920-1930); về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.	Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC) Science Socialism	Trang bị một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của học phần CNXHKKH; cùng với các môn lý luận chính trị khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.	Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn

			giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.
6	Pháp luật đại cương (2TC) Introduction to Laws	Là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau của Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật Dân sự, Luật Hình sự và Luật Hành chính, Luật Phòng chống tham nhũng.	Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung

			quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng
7	Tiếng Anh tăng cường 1.1 Intensive English 1.1 (4TC)	Học phần <i>Tiếng Anh Tăng cường 1.1</i> sử dụng giáo trình <i>Life (Upper Intermediate)</i> (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.	Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.
8	Tiếng Anh tăng cường 1.2 Intensive English 1.2 (4TC)	Học phần <i>Tiếng Anh Tăng cường 1.2</i> sử dụng giáo trình <i>Life (Upper Intermediate)</i> (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những	Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

		kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.	* Chú ý: Sinh viên phải hoàn thành tối thiểu 50% tổng số lượng bài được giao online và phải đạt tối thiểu 50% câu trả lời đúng.
9	Tiếng Anh nâng cao 1.1 Advanced English 1.1 (5TC)	Học phần <i>Tiếng Anh nâng cao 1.1</i> sử dụng giáo trình <i>Life (Advanced)</i> (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.	Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.
10	Tiếng Anh nâng cao 1.2 Advanced English 1.2 (5TC)	Học phần <i>Tiếng Anh nâng cao 1.2</i> sử dụng giáo trình <i>Life (Advanced)</i> (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.	Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.
11	Ứng dụng CNTT căn bản (3TC) Information Technology Foundation	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học để quản lý công việc, học tập. Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về CNTT (phần cứng và phần mềm), máy tính điện tử, hệ điều hành, mạng máy tính và cách sử dụng một số phần	Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên

		<p>mềm CNTT cơ bản như: hệ soạn thảo văn bản; trình diễn văn bản; tổ chức và xử lý dữ liệu. Ngoài ra sinh viên còn nắm được các kiến thức về một số ứng dụng CNTT hiện đại như Chatbot; Chat GPT; Cloud Computing; ...</p> <p>Sinh viên có khả năng vận dụng một số thao tác cơ bản và nâng cao trong soạn thảo văn bản, phân tích dữ liệu, tổng hợp, thống kê, trình chiếu,..</p> <p>Sinh viên có tinh thần lao động say mê, sáng tạo; ý thức tự giác, nhiệt tình trong công việc; có ý thức trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội</p>	<p>cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.</p>
12	<p>Kinh tế lượng (3TC)</p> <p>Econometrics</p>	<p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản để phân tích định lượng mối quan hệ giữa các biến số kinh tế - xã hội bằng cách sử dụng mô hình hồi quy. Sinh viên được cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích độ phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình nhằm đưa ra các dự báo hữu ích. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy và có thể thực hiện các kỹ thuật phân tích hồi quy cơ bản với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng. Đây là kiến thức nền tảng hoặc hỗ trợ cho các học phần khác như: Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, ...</p>	<p>Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.</p>
13	<p>Giao tiếp trong kinh doanh (3TC)</p> <p>Communication in business</p>	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh như: kỹ năng giao tiếp trực tiếp, kỹ năng giao tiếp gián tiếp, kỹ năng thương lượng và thuyết phục, kỹ năng giao tiếp nội bộ và giao tiếp với bên ngoài tổ chức, kỹ năng giao tiếp với khách hàng. Trên cơ sở những kiến thức và kỹ năng được học,</p>	<p>Người học sẽ được trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ</p>

		<p>người học sẽ nhận thức rõ tầm quan trọng của giao tiếp trong kinh doanh, có thể tự đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của mình trong giao tiếp để tìm ra giải pháp hoàn thiện bản thân đặc biệt khi giao tiếp trong môi trường kinh doanh. Qua đó, người học có thể tự tin hơn khi đối mặt với những tình huống khó khăn trong thực tiễn của hoạt động giao tiếp kinh doanh và xử lý tốt các tình huống đó. Hình thành thái độ tích cực, lịch sự trong giao tiếp đối với người học.</p>	<p>năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh.</p> <p>Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.</p>
14	Kinh tế học (3TC) Economics	<p>The course provides students with basic knowledge of economics to help students understand its basic principles when making optimal economic decisions in conditions of scarcity of resources, and then apply knowledge to analyze and predict the behavior of households, businesses and government interventions in the market economy. The course also equips students with basic knowledge of macroeconomics so that students can understand basic macroeconomic variables and the impact of macroeconomic policies on the operation of the economy.</p>	<p>The course provides basic knowledge of economics: (i) as for microeconomics, the course focuses on the study of supply and demand for goods and services, market mechanism, theories of business behavior, the structure of different markets in the economy; (ii) as for macroeconomics, the course provides basic knowledge of macroeconomics, including an overview of the objectives and tools of macroeconomics with AD - AS model, measurement of basic macroeconomic indicators such as output, employment, prices, inflation, unemployment, etc., and analysis of aggregate demand and fiscal, monetary and monetary policies and the impact of the two central macroeconomic policies (fiscal and monetary</p>

			policies) on prices, output and employment in the economy.
15	Chuyển đổi số trong kinh doanh (2TC) Digital transformation in business	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh hiện đại gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.	Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.
16	Thực tập nghề nghiệp (2TC) Internship	Giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về nghề nghiệp, về kiến thức và kỹ năng cần thiết của hoạt động chuyên môn; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm; qua đó sinh viên có động cơ, kế hoạch học tập và định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Kết thúc quá trình thực tập nghề nghiệp, sinh viên hiểu và tóm tắt được khái quát công tác kế toán trong một đơn vị, có ý thức rèn luyện bản thân về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm để nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc trong tương lai.	Sinh viên sẽ tìm hiểu các nội dung tại đơn vị thực tập, gồm: Thông tin cơ bản của một doanh nghiệp (hình thức sở hữu, lịch sử hình thành phát triển, sứ mệnh, tầm nhìn...), đặc điểm hoạt động kinh doanh và tổ chức quản lý, tình hình hoạt động của đơn vị; thông tin cơ bản về công tác kế toán trong doanh nghiệp (bộ máy kế toán, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận kế toán; chính sách kế toán và hệ thống thông tin kế toán của đơn vị); rút ra bài học và chủ động xây dựng kế hoạch hành động của bản thân để phát triển năng lực nghề nghiệp trong tương lai.
17	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (3TC)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo để tăng sự hiểu biết về chuyển đổi số trong doanh nghiệp.	Là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản của sinh viên đại học. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của

	Artificial Intelligence for Business	<p>(Kiến thức): Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo (TTNT), các kỹ thuật cơ bản trong trí tuệ nhân tạo bao gồm học máy, học sâu, dữ liệu lớn (Big data),... Sinh viên nắm được tiềm năng, thách thức và phương pháp vận dụng TTNT trong hoạt động kinh doanh.</p> <p>(Kỹ năng): Sinh viên có khả năng vận dụng một số công nghệ của trí tuệ nhân tạo để phân tích dữ liệu kinh doanh và ứng dụng vào trong thiết kế quy trình kinh doanh thực tế.</p> <p>(Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên có tinh thần lao động say mê, sáng tạo; ý thức tự giác, nhiệt tình trong công việc; có ý thức trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.</p>	TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.
18	Quản trị học (3TC) Fundamentals of Management	The course focuses on providing learners with fundamental knowledge of management, especially management in companies. It also develops management skills for the learners and allows them to form the ability to work independently and in groups.	The course includes the following basic contents: Definition and functions of management, definition of managers, managerial roles, and management levels and skills, organizational environment, social responsibility and ethics; definition and types of managerial decisions, the managerial decision-making process, approaches to managerial decision making; and in-depth knowledge of the functions of management, including planning, organizing, leading, and controlling.
19	Marketing căn bản (3TC) Principles of marketing	Understanding the principles of marketing, having practical capacity in processing marketing activities in integrated and changing environment.	Beyond the introduction the nature of marketing and marketing concepts, this subject focus on two block marketing knowledge; the first is understanding the marketing environment, marketplace, customer behavior and the

			marketing information system; the second are principles of marketing to create and provide value for customers, included marketing strategy planning and developing marketing mixed (4Ps) included: product, pricing, place, promotion. The subject also develops to perspectives for application of the marketing mindsets in the 21 st century.
20	Nguyên lý quản trị nhân lực (3TC) Principles of Human Resource Management	This course gives a broad overview of HRM. It gives foundation in any sector, as well as developing the essential 'soft' skills that employers demand.	This module is one of basis major modules in training program of Human Resource Management Major. It includes some main contents as: concept and role of human resource management; essential contents of human resource management (job analysis, recruitment and selection, training and development employee, performance management, compensation management), trends in human resource management
21	Nguyên lý kế toán (3TC) Principles of Accounting	Training students with knowledge about principles of financial accounting. Students can understand and apply the accounting concepts in order to handle transactions in company; analyse, evaluate the fluctuation of economic transactions affecting to financial position and financial performance of company. Using english fluently to delivery specialism area clearly and easily for understanding. Analyse, evaluate ojectively quality of work and performance result of members in a group	This module provides students with the knowledge of accounting including: the definition of accounting and types of accounting, accounting assumptions and principle, the qualitative characteristic of financial information, the accouting equation, source documents and account, nominal ledger, and introduction of accounting software and cloud accounting; trial balance and financial statements.
22	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (3TC)	After completing the course, students understand the basic knowledge of money, banking and financial markets;	The course provides systematically basic knowledge the system of finance and

	Money, Banking and Financial Markets	apply knowledge that they have learned to detect, explain, analyze and assess economic phenomena in the financial - monetary field. Moreover, students are formed independent working skill, teamwork skill to understand, analyze phenomena in financial – monetary field	monetary, including domestic operation and global operation of the system. The concepts of money, inflation and financial market are discussed to improve learner's awareness of basically financial issue. Then, monetary policy and its operation in Vietnam are introduced and analyzed. The rest of the course is basic knowledge of banking system.
23	Khởi sự kinh doanh (3TC) Entrepreneurship	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể đánh giá và lựa khởi sự kinh doanh như một định hướng nghề nghiệp; và thực hiện khởi sự hoạt động kinh doanh ở quy mô nhỏ.	Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới. Ngoài ra học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về khởi sự kinh doanh sáng tạo và khởi sự kinh doanh xã hội.
24	Phương pháp NCKH (3TC) Scientific Research Methodology	Mục tiêu chung: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.	Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù

			hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.
25	Quản trị dịch vụ (3TC) Service Management	Học phần trang bị cho sinh viên các nguyên lý về lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ. Sinh viên có khả năng lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các nguồn lực của doanh nghiệp dịch vụ, đồng thời có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất và áp dụng giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh dịch vụ, thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.	Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.
26	Luật kinh tế 1 (3TC) Economic Law 1	Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng áp ứng thực hiện công việc liên quan đến pháp luật điều chỉnh về việc thành lập, hoạt động và chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh.	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên

			cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.
27	Kinh doanh quốc tế (3TC) International Business	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế, động cơ tiến hành hoạt động kinh doanh quốc tế, tác động của toàn cầu hóa và các yếu tố thuộc môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, địa lý kinh tế, nhân khẩu học tới hoạt động kinh doanh quốc tế, các phương thức thâm nhập thị trường, chiến lược kinh doanh quốc tế và cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng, quản trị marketing quốc tế, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số vấn đề về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế.	Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.
28	Lý thuyết kinh tế số (3TC) Theory of digital economics	Học phần cung cấp cho người học cơ sở lý thuyết về kinh tế số, một số nguyên tắc cơ bản, một số vấn đề chiến lược của kinh tế số và kinh tế số nâng cao. Học phần cũng chỉ ra sự tương tác giữa các thị trường số; những đổi mới quan trọng của công nghệ thông tin, truyền thông (ICT) và giúp người học vận dụng vào	Học phần có các nội dung về kinh tế số; số hóa nền kinh tế; sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; hệ sinh thái nền kinh tế số; một số nguyên tắc cơ bản của kinh tế số như hàng hóa và dịch vụ số, các mô hình giá trị; một số vấn đề chiến lược của

		việc nghiên cứu các hiện tượng kinh doanh, kinh tế học trong thế giới thực. Ngoài ra, học phần cũng giúp người học có thái độ làm việc tích cực, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.	kinh tế số; các đặc điểm chính của thị trường số; kinh tế số nâng cao.
29	Nguyên lý thống kê (3TC) Principle of Statistics	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của thống kê học, sau khi học xong sinh viên có thể vận dụng kiến thức cơ bản của thống kê học để hỗ trợ giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc chuyên môn kế toán; phân tích kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm, có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác, kỹ năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; xác định cách thức làm việc độc lập hoặc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có đạo đức nghề nghiệp.	Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý thông tin; phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.
30	Thị trường chứng khoán (3TC) Securities Market	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK), hoạt động giao dịch trên TTCK, đăng ký và lưu ký chứng khoán, hoạt động giao dịch TTCK; kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện năng lực nghiên cứu phân tích chứng khoán và TTCK ra quyết định đầu tư; có lòng yêu nghề và có năng lực tự chủ và trách nhiệm, khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK.	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.
31	Quản trị công ty (3TC) Corporate Governance	Học phần Quản trị công ty cung cấp cho người học những kiến thức cũng như kỹ năng phân tích và đánh giá các lý thuyết cơ bản, các mô hình và các quy tắc quản trị công ty điển hình trên thế giới. Từ đó, người học có thể vận dụng các kiến thức, kỹ năng này trong việc đánh giá và xây dựng hệ thống quản trị công ty minh bạch và hiệu quả, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, đồng	Học phần Quản trị công ty bao gồm 6 chương. Chương 1 đưa ra kiến thức Tổng quan về quản trị công ty, các khái niệm cơ bản cũng như vai trò và lợi ích của quản trị công ty; Chương 2 tập trung và hệ thống hóa các lý thuyết, qui tắc và mô hình quản trị công ty phổ biến trên thế giới đồng thời giới thiệu về các mô

		thời tối đa hóa lợi ích của cổ đông và thỏa mãn kỳ vọng các bên có liên quan.	hình quản trị công ty chủ yếu ở Việt Nam; Chương 3 đi sâu vào làm rõ nội dung về cổ đông và các bên có liên quan; Chương 4 trình bày các nội dung về Hội đồng quản trị; Chương 5 là vấn đề công bố thông tin và kiểm soát trong quản trị công ty; Cuối cùng, chương 6 thảo luận về đánh giá hệ thống quản trị công ty theo một số thông lệ quản trị công ty tốt nhất trên thế giới và Việt Nam.
32	Thương mại điện tử căn bản (3TC) Fundamentals of Electronic commerce	Học phần thương mại điện tử căn bản cung cấp cho sinh viên những khái niệm, những nguyên lý căn bản của thương mại điện tử, làm nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu của ngành thương mại điện tử và các ngành khác.	Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.
33	Thuế (3TC) Taxation	Sau khi học xong học phần, người học hiểu và nắm bắt được các kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu của thuế và hệ thống thuế Việt Nam; vận dụng được các kiến thức để tính toán được tiền thuế phải nộp, xử lý được các vấn đề đặt ra trong từng tình huống thuế; nâng cao ý thức tuân thủ thuế, hình thành kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ	Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về thuế như khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, hệ thống thuế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, học phần đề cập các nội dung cơ bản của các sắc thuế thông dụng hiện hành của Việt Nam như: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu

		của học phần.	thuế đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu các nội dung cơ bản của các loại thuế khác.
34	Kế toán 1 (ICAEW CFAB) (3TC) Accounting 1 (ICAEW CFAB)	Training students with in-depth knowledge about international accounting. Students can apply conceptual framework and international accounting standards to account economic transactions in company. Analyse some specialism area in individual business and applying suitable accounting policies for changes in business operation of company. Using english fluently to transmit specialism area clearly and easily for understanding. Analyse, evaluate objectively quality of work and performance result of members in a group.	Module Accounting 1 provides students with the specialized knowledge of international accounting including: the overview of financial accounting, accounting for cash and receivables, accounting for inventory, accounting for plant, property and equipment, accounting for intangible asset.
35	Kế toán quản trị 1 (ICAEW CFAB) (3TC) Managerial Accounting 1 (ICAEW CFAB)	The subject provides students with basic and modern theoretical knowledge, solid practical knowledge on management accounting; have skills in analyzing, evaluating and using appropriate methods to solve problems related to management accounting in organizations; ability to work independently or in a team, have professional ethics	The subject provides students with basic and modern knowledge of value accounting, focusing on the followings: concepts and roles of management accounting; costs and cost classification, methods of determining costs in management accounting include: unit cost, marginal cost, total cost, total costing methods, direct cost and transfer pricing; The role and method of budgeting in the organization.
36	Kế toán tài chính (3TC) Financial Accounting	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về kế toán tài chính Việt Nam, các nguyên tắc và phương pháp của kế toán tài chính. Đồng thời cung cấp cho sinh viên kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về kế toán tài sản, doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập,	Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính trên các nội dung kế toán tài sản, doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập BCTC doanh nghiệp.

		trình bày BCTC; sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động về kế toán tài chính tại doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận về kế toán tài chính và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	
37	Phân tích kinh tế doanh nghiệp (3TC) Enterprise economic analysis	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về phân tích kinh tế doanh nghiệp, sau khi học xong sinh viên có thể: <i>Hiểu</i> được các khái niệm, bản chất của phân tích kinh tế doanh nghiệp, nội dung và phương pháp; tổ chức công tác phân tích kinh tế trong doanh nghiệp; <i>Áp dụng</i> kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động phân tích kinh tế tại các doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề, các tình huống phân tích phát sinh; <i>Phân tích</i> , phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý, điều hành hoạt động phân tích chuyên môn trong doanh nghiệp; <i>Đánh giá</i> , giám sát chất lượng công việc phân tích sau khi hoàn thành để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động phân tích kinh tế trong các doanh nghiệp, có khả năng tự học, tự nghiên cứu; <i>Tổ chức</i> thực hiện đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về phân tích kinh tế doanh nghiệp để vận dụng vào thực hiện các nội dung: Phân tích tình hình mua, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu, hàng hóa; phân tích chi phí sản xuất kinh doanh; phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ; phân tích kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp; phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp.
38	Hệ thống thông tin kế toán (3TC) Accounting Information System	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng trong và ngoài doanh nghiệp nhằm phục vụ việc ra quyết định quản lý và điều hành doanh nghiệp. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để vận hành hệ thống thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị theo các chu trình hoạt động trong doanh nghiệp.	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán: bản chất, phân loại hệ thống thông tin kế toán; Mục đích, vai trò của hệ thống thông tin kế toán; Quy trình xử lý và cung cấp hệ thống thông tin kế toán phục vụ cho quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin về hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí, doanh thu.

39	Kiểm toán nội bộ (3TC) Internal Auditing	Trang bị cho sinh viên các kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng, hiện đại về kiểm toán nội bộ trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự thay đổi của công nghệ; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kiểm toán nội bộ. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, khả năng để lập kế hoạch, thực hiện, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá công tác kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.	Học phần Kiểm toán nội bộ thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản của kiểm toán nội bộ, như: bản chất kiểm toán nội bộ, vai trò chức năng, nội dung và phương pháp kiểm toán, qui trình kiểm toán, chuẩn mực thực hành kiểm toán nội bộ, các vấn đề hiện đại gắn với KTNB như quản trị công ty, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ từ đó tạo cơ sở cho tổ chức công tác kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp và một số đơn vị đặc thù: đơn vị hành chính sự nghiệp, ngân hàng thương mại.... Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành nghề nghiệp như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đề xuất giải pháp, giám sát, đánh giá hoạt động kiểm toán...
40	Thực hành kế toán máy (3TC) Accounting by Software	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế và kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo nhằm đào tạo các chuyên gia kế toán, kiểm toán đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập kinh tế.	Học phần cung cấp những kỹ năng thực hành kế toán trên phần mềm bao gồm: xây dựng hệ thống danh mục từ điển và cập nhật số dư đầu kỳ; đọc và phân loại chứng từ, cập nhật số phát sinh trong kỳ theo phân hệ nghiệp vụ; kết chuyển số dư cuối kỳ, xác định số thuế phải nộp và lập báo cáo thuế và lập báo cáo tài chính.
41	Kế toán 2 (ICAEW CFAB) (3TC) Accounting 2 (ICAEW CFAB)	Training students with in-depth knowledge about international accounting. Students can apply pattern, some international accounting standards to implement accounting of economic transaction in company. Analyse some specialism area of independent accounting, apply accounting policies suitably in changing business condition	Module Accounting 2 provides students with the specialized knowledge of international accounting including: accounting for Equity, liability, revenue; accrual and prepayment, reconciliation and correction of errors and preparation of financial

		of company. Using english fluently to transmit specialism area clearly and easily for understanding. Analyse, evaluate ojectively quality of work and performance result of members in a group	statement for company, statements for sole trader and partnership under UK GAAP.
42	Kế toán quản trị 2 (ICAEW CFAB) (3TC) Managerial Accounting 2 (ICAEW CFAB)	The subject provides students with basic and modern theoretical knowledge, solid practical knowledge about management accounting; have skills in analyzing, evaluating and using appropriate methods to solve problems related to management accounting in the units; Ability to work independently or in a team, have professional ethics. After completing the course, students are able to implement and organize the implementation, supervision and administration of accounting work in enterprises and organizations.	The subject provides students with basic and modern knowledge of management accounting on working capital and treasury management, control and evaluation of business activities in the organization; analysis of cost fluctuations between estimation and implementation; responsibility accounting and performance evaluation of responsibility centers; break-even analysis and management accounting information analysis to advise managers in making business and investment decisions in the enterprise.
43	Kinh doanh, công nghệ và tài chính (ICAEW CFAB) (3TC) Business, Technology and Finance (ICAEW CFAB)	Training students with basic and modern theoretical and practical knowledge about business, technology and finance to support the management of the unit's accounting activities. Upon completion, students will be able to: Apply theories of business and finance to finding solutions to specific and complex situations, to planning and inspecting related activities in enterprises; Applying critical skills and using alternative methods related to business, technology and finance.	This course introduces the student to the theories of business, technology and finance analysis such as the concept of firm, types of firm, organizational structure in firms, method of business and finance analysis. The topics also covered contents including appraisal analysis, risk analysis, and financial analysis, data analysis.
44	Kiểm toán (3TC) Auditing	Equip students with fundamental and contemporary knowledge and skills in assurance and auditing in general. Students have necessary skills to apply their knowledge and to find solutions to	This course focuses on conceptual and theoretical aspects of auditing. Topics include the roles and responsibilities of auditors including the audit process:

		complex issues related to accounting and auditing in different defined contexts.	preliminary engagement, risk assessment, understanding internal control, audit strategy and planning, audit evidence and procedures, audit completion, audit report and auditing the revenue cycle, purchasing cycle, human resources-payroll cycle.
45	Thực tập chuyên môn (3TC) Professional Internship	Giúp sinh viên củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm chuyên dụng (nếu có) để giải quyết các nội dung chuyên môn gắn với các tình huống tại doanh nghiệp. Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc về công tác kế toán trong doanh nghiệp, cải thiện các kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm để đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghề nghiệp trong tương lai.	Sinh viên trực tiếp tìm hiểu và thực tập chuyên môn tại đơn vị thực tế, tập trung vào các nội dung chính sau (nhưng không giới hạn): Thông tin cơ bản của doanh nghiệp (hình thức sở hữu, lịch sử hình thành phát triển, sứ mệnh, tầm nhìn, đặc điểm hoạt động kinh doanh và tổ chức quản lý, tình hình hoạt động của đơn vị); thông tin cơ bản về công tác kế toán trong doanh nghiệp (bộ máy kế toán, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận kế toán; chính sách kế toán và hệ thống thông tin kế toán của đơn vị); nội dung và phương pháp kế toán (tài sản, nợ phải trả, VCSH, doanh thu, chi phí và kết quả); qui trình lập và trình bày hệ thống báo cáo kế toán; đánh giá, nhận xét và đề xuất cải thiện công tác kế toán tại đơn vị.
46	Thực tập và viết báo cáo dự án nhóm Professional internship and Group project	Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm của sinh viên là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế nhằm mục tiêu đào tạo toàn diện, kết hợp lý luận với thực tiễn, tạo điều kiện để sinh viên có thêm kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm từ thực tế hoạt động của doanh nghiệp, có khả năng hội nhập tốt trong môi trường làm việc trong nước và quốc tế. Từ đó, giúp sinh viên củng cố kiến thức, rèn luyện, nâng cao kỹ năng, ý thức nghề nghiệp, phát	Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị về kế toán, kiểm toán, phân tích kinh tế và kinh doanh vào điều kiện cụ thể của doanh nghiệp; trực tiếp tham gia vào một hoặc một số công việc thực tế theo sự phân công của đơn vị thực tập để rèn luyện kỹ năng phục vụ cho việc hoàn thành <i>Báo cáo dự án nhóm</i> và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh

		triển khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành đào tạo.	vực thuộc chuyên ngành đào tạo để <i>đề xuất tên đề tài luận văn tốt nghiệp</i> . Kết thúc giai đoạn thực tập, sinh viên phải hoàn thành và nộp Báo cáo dự án nhóm đúng thời hạn quy định.
47	Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp Graduation thesis	Giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn công tác kế toán, kiểm toán (nội bộ), phân tích kinh tế, kinh doanh tại đơn vị; kết hợp lý thuyết đã học trong trường với hoạt động thực tiễn liên quan đến chuyên môn nghề nghiệp, đề: phát hiện, phân biện và giải quyết một vấn đề chuyên sâu mà thực tiễn đặt ra. Dựa trên đề tài luận văn tốt nghiệp được Khoa chuyên ngành giao phù hợp với phát hiện của sinh viên trong quá trình thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm ở giai đoạn thực tập tổng hợp, sinh viên sẽ tiếp tục thực tập chuyên sâu tại đơn vị thực tập và hoàn thành luận văn tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giáo viên.	Trong quá trình thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp, sinh viên sẽ vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị về kế toán, kiểm toán, phân tích kinh tế và kinh doanh vào điều kiện cụ thể của doanh nghiệp; nghiên cứu và giải quyết một vấn đề cụ thể gắn với đề tài luận văn do Khoa chuyên ngành giao phù hợp với phát hiện của sinh viên ở giai đoạn thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm. Kết thúc giai đoạn thực tập, sinh viên phải hoàn thành luận văn tốt nghiệp và bảo vệ luận văn tốt nghiệp theo quy định của chương trình đào tạo.

V. KINH TẾ & KINH DOANH QUỐC TẾ

1. Chương trình đào tạo Kinh tế quốc tế

1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1 Các học phần bắt buộc

Triết học Mác - Lê Nin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).

Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1

Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ

điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiếng Anh 2

Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

Toán đại cương

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toan phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Tin học quản lý

Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

1.2 Các học phần tự chọn

Lịch sử các học thuyết kinh tế

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên

tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Xã hội học đại cương

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; một số vấn đề chuyên biệt của xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; biết cách vận dụng kiến thức xã hội học để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học.

Kinh tế thương mại đại cương

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở ngành

a. Các học phần bắt buộc

Kinh tế vi mô 1

Kinh tế vi mô 1 là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

Kinh tế vĩ mô 1

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Kinh tế quốc tế 1

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

Kinh tế môi trường

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Kinh tế lao động

Học phần cung cấp những kiến thức cơ sở ngành cốt lõi và những ứng dụng thực tiễn để phân tích những nguyên lý kinh tế chi phối ba nhân tố trong thị trường lao động là người lao động, doanh nghiệp và chính phủ, bao gồm việc phân tích thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến cầu lao động của doanh nghiệp cũng như các nhân tố chi phối người lao động khi tham gia cung ứng lao động trên thị trường, các yếu tố ảnh hưởng đến tiền công, mối quan hệ giữa tiền công và năng suất lao động, phân tích lợi ích và chi phí của doanh nghiệp và người lao động trong việc đào tạo lao động, các chính sách của chính phủ và tác động của các chính sách tới thị trường lao động.

Tiếng Anh thương mại 1

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

Tiếng Anh thương mại 2

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

b. Các học phần tự chọn

Kinh tế vi mô 2

Kinh tế vi mô 2 cung cấp các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết hành vi, lý thuyết về hành vi của các hãng đặc biệt là nghiên cứu sâu hơn về các hãng trên thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; phân tích chính sách phân biệt giá của các hãng độc quyền, lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp độc quyền nhóm; Phân tích cân bằng tổng quát và các điều kiện hiệu quả trong thị trường cạnh tranh. Ngoài ra, học phần cũng phân tích về những khuyết tật của thị trường và vai trò của Chính phủ.

Kinh tế vĩ mô 2

Cung cấp những kiến thức chuyên sâu về hoạt động của nền kinh tế trong ngắn hạn, kiến thức mở rộng và chuyên sâu về hoạt động của nền kinh tế trong dài hạn. Tiếp cận và hiểu rõ các mô hình phân tích và dự báo các biến động kinh tế vĩ mô; các mô hình phân tích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến các chỉ số kinh tế vĩ mô như sản lượng, giá cả, việc làm, cán cân thương mại, lãi suất, tỷ giá hối đoái...; Lý giải các hiện tượng kinh tế vĩ mô trong dài hạn như lạm phát, thất nghiệp và các giải pháp nhằm kiểm soát lạm phát, thất nghiệp; Giới thiệu các lý thuyết tăng trưởng kinh tế, giải thích nguyên nhân của tăng trưởng trong dài hạn và các chính sách kinh tế vĩ mô cho tăng trưởng dài hạn.

Người học có thể hiểu và vận dụng những kiến thức được học để lý giải những biến động kinh tế trong ngắn hạn và sự điều chỉnh của nền kinh tế trong dài hạn, phân tích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong những điều kiện khác nhau.

Quản lý nguồn nhân lực xã hội

Học phần trang bị các kiến thức cơ bản, cốt yếu về quản lý nguồn nhân lực xã hội. Học phần tập trung vào nội dung và công cụ quản lý nhà nước đối với nguồn nhân lực xã hội, cụ thể: tổng quan về quản lý NNL XH, chiến lược phát triển NNL XH, kế hoạch và quy hoạch phát triển NNL XH, chính sách phát triển NNL XH, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực XH. Học phần có mối quan hệ với các học phần kinh tế nguồn nhân lực căn bản và quản trị nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

Nguyên lý quản lý kinh tế

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

Kinh tế công cộng

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản gồm: bản chất, nội dung của khu vực công cộng và tính quy luật phát triển của nó trong mối quan hệ hữu cơ với khu vực tư nhân; những thất bại của thị trường làm cơ sở đề xuất các giải pháp can thiệp của Chính phủ; đánh giá các chính sách can thiệp của Chính phủ theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội cũng như tác động của những chính sách này tới lợi ích của các đối tượng khác nhau trong xã hội.

Kinh tế học quản lý

Kinh tế học quản lý là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức ngành kinh tế, là khoa học kinh tế vi mô ứng dụng. Học phần sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng để ước lượng và dự báo cung - cầu, sản xuất, chi phí sản xuất; phân tích và nghiên cứu sâu về hành vi lựa chọn của người tiêu dùng và của doanh nghiệp trong các trường hợp chắc chắn, rủi ro và bất định. Thêm vào đó, học phần nghiên cứu việc ra quyết định của các nhà quản lý trong các cấu trúc thị trường khác nhau dựa vào các kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất - kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác, giúp người học tiếp cận những học phần chuyên ngành chuyên sâu thuộc các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

Kinh tế doanh nghiệp

Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán doanh nghiệp, kinh tế quốc tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, tiếng Anh thương mại; Là học phần thuộc khối kiến thức ngành của các chuyên ngành: Quản

lý kinh tế, thương mại quốc tế trong Trường Đại học Thương mại. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiêu thụ, cung ứng, hoạt động sản xuất và hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ của doanh nghiệp. Đồng thời học phần trang bị kỹ năng ra quyết định kinh tế trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; Đảm bảo các nguồn lực và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để triển khai các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ của doanh nghiệp; Các nguồn lực chủ yếu và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành kinh tế và quản trị trong chương trình đào tạo ngành kinh tế và một số chương trình đào tạo có liên quan trong Trường.

Kinh tế phát triển

Học phần giới thiệu lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng và phúc lợi con người. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế : lao động, vốn, công nghệ kỹ thuật. Các chính sách phát triển kinh tế : chính sách phát triển nông thôn, chính sách công nghiệp hoá và sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt nam.

Quản lý nhà nước về kinh tế

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản quản lý nhà nước về kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm: những vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực kinh tế chủ yếu như: thương mại, đầu tư, tài chính - tiền tệ, kinh tế đối ngoại, khoa học - công nghệ và tài nguyên môi trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng loại hình doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước; vấn đề đổi mới, hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta hiện nay.

Kinh tế lượng

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Luật thương mại quốc tế I

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về Luật thương mại quốc tế có sự tham gia của các quốc gia gồm các thiết chế điều chỉnh thương mại quốc tế, thương mại hàng hóa quốc tế, thương mại dịch vụ quốc tế, vấn đề quyền sở hữu trí tuệ, đầu tư nước ngoài trong thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các quốc gia. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này.

Thị trường ngoại hối

Học phần giới thiệu kiến thức về thị trường ngoại hối và kinh doanh ngoại hối: tổ chức hoạt động giao dịch của thị trường ngoại hối, nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối,

phân tích kinh doanh ngoại hối, thu nhập và rủi ro trong kinh doanh ngoại hối..

2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành

a. Các học phần bắt buộc

Kinh doanh quốc tế

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

*Kinh tế quốc tế 2**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các chính sách kinh tế vĩ mô áp dụng trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới; giới thiệu các hình thức liên kết kinh tế quốc tế, các chính sách và định hướng cho xuất nhập khẩu tại các nước đang phát triển ; phân tích tác động của các chính sách này tới cân bằng bên trong, cân bằng bên ngoài và lợi ích của các quốc gia trong điều kiện kinh tế mở.

Kinh tế đầu tư quốc tế

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về Kinh tế đầu tư quốc tế. Học phần cũng tìm hiểu bản chất của hoạt động đầu tư quốc tế, các lý thuyết cơ bản về đầu tư quốc tế, vai trò quan trọng của đầu tư quốc tế đối với tăng trưởng, phát triển mọi mặt của kinh tế, xã hội và doanh nghiệp. Bên cạnh đó học phần cũng phân tích rõ các yếu tố cầu thành nên môi trường đầu tư quốc tế, ảnh hưởng của nó đến kết quả hiệu quả của hoạt động đầu tư quốc tế. Học phần cũng nghiên cứu về tự do hóa đầu tư và các hiệp định đầu tư quốc tế bên cạnh các chính sách có liên quan đến đầu tư quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế

Học phần Hội nhập kinh tế quốc tế giới thiệu về bản chất, mục tiêu và nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế, các giai đoạn phát triển của hội nhập kinh tế quốc tế, các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, những nhân tố thúc đẩy và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế. Từ nội dung khái quát đó, học phần phân tích sâu hơn về các hình thức hội nhập, bao gồm hội nhập kinh tế toàn cầu và hội nhập kinh tế khu vực, chỉ ra đặc trưng của mỗi hình thức cùng với những thông tin thực tế, cụ thể về hội nhập trong khuôn khổ WTO, hội nhập trong khu vực ASEAN, APEC, EU,... và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, những cơ hội, thách thức đối với Việt Nam khi tham gia tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

*Đầu tư quốc tế **

Học phần nghiên cứu những hình thức cơ bản về Đầu tư quốc tế. Nghiên cứu cụ thể sự hình thành và phát triển của hoạt động Đầu tư quốc tế, tại sao các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động đầu tư quốc tế, bản chất, đặc điểm và các hình thức của ĐTQT, vai trò của từng loại hình đầu tư quốc tế với nước nhận đầu tư, nước đầu tư và nhà đầu tư; bên cạnh đó cũng xem xét đến các vấn đề còn nhiều tranh luận liên quan đến đầu tư quốc tế ; học phần đồng thời nghiên cứu hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài với hình thức và nội dung cơ bản có liên quan.

Kinh tế khu vực và ASEAN

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về liên kết kinh tế khu vực, sự hình thành và phát triển của Cộng đồng Kinh tế ASEAN, đặc điểm của Cộng đồng Kinh tế ASEAN với các tổ chức liên kết kinh tế khu vực điển hình trên thế giới. Học phần đồng thời nghiên cứu đặc điểm và các chính sách kinh tế của các quốc gia ASEAN 6 và CLMV qua từng thời kỳ phát triển, cũng như cơ hội hợp tác kinh tế giữa các quốc gia thành viên.

Chính sách kinh tế quốc tế

- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các chính sách thương mại quốc tế bao gồm khái niệm, các bộ phận cấu thành của chính sách thương mại quốc tế cũng như các xu hướng phát triển chủ yếu của thế giới ảnh hưởng chính sách thương mại quốc tế của một quốc gia.

- Học phần nghiên cứu những nội dung cơ bản của chính sách thương mại quốc tế, chính sách đầu tư quốc tế, chính sách tài chính và hệ thống tiền tệ quốc tế cũng như các định chế điều tiết chính sách thương mại quốc tế của một quốc gia.

Kinh tế hải quan

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát về kinh tế hải quan với góc độ quản lý vĩ mô. Học phần cũng cung cấp cho người học những hiểu biết, kỹ năng phân tích và nhận định các nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan như: vấn đề quản lý các đối tượng XNK, quản lý thuế XNK trong bối cảnh hội nhập. Ngoài ra học phần cũng cung cấp cho người học những nguyên tắc và thực tiễn tiến trình hợp tác hải quan quốc tế cũng như các hoạt động quản lý gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan của cơ quan quản lý Hải quan Việt nam

Kinh tế chia sẻ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế chia sẻ, bao gồm: khái niệm, đặc trưng, phân loại, vai trò, tác động, xu hướng phát triển của kinh tế chia sẻ. Trên cơ sở đó phân tích sự vận hành của kinh tế chia sẻ, và từ đó tìm hiểu về cách thức quản trị hiệu quả nền tảng kinh tế chia sẻ.

Quản lý môi trường trong thương mại quốc tế

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về môi trường và thương mại quốc tế, sự tăng cường áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn cầu được thể hiện thông qua các hiệp định môi trường đa biên và đặc biệt là bảo vệ môi trường trở thành yêu cầu mang tính bắt buộc đối với các hiệp định thương mại tự do song và đa phương. Bên cạnh đó cũng luận giải đầy đủ về các nguyên tắc, bản chất hình thành và các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng các rào cản kỹ thuật môi trường trong thương mại quốc tế từ đó giúp cho người học không chỉ nhận biết được mà còn đánh giá được ảnh hưởng cũng như có cơ sở khoa học đưa ra các biện pháp nhằm vượt qua các rào cản khi tham gia trực tiếp vào các hoạt động thương mại quốc tế. Học phần cũng đồng thời cung cấp cho người học những nội dung cơ bản nhất về vấn đề quản lý nhà nước về môi trường trong hoạt động thương mại, một số hàng rào kỹ thuật môi trường với một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam phải đối mặt và một số hệ thống quản lý môi trường hiệu quả đối với doanh nghiệp khi tham gia hoạt động thương mại quốc tế.

b. Các học phần tự chọn

Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu bao gồm: phương tiện thanh toán quốc tế và điều kiện thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu.

Quản trị đa văn hóa

Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

Tài chính công

Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản về hoạt động tài chính ở khu vực công với các nội dung chủ yếu như: các đặc trưng cơ bản và kết cấu tài chính công, chức năng, vai trò và nguyên tắc hoạt động của tài chính công; quản lý tài chính công; chính sách tài chính công; về thu nhập công và chi tiêu công; tổ chức hoạt động của hệ thống Ngân sách nhà nước, tín dụng Nhà nước; nợ công; hoạt động của các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước.

Tài chính quốc tế

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, các giao dịch trên thị trường ngoại hối và chính sách điều hành tỉ giá hối đoái, các hoạt động thanh toán, đầu tư, tín dụng và hỗ trợ phát triển chính thức, liên minh thuế quan giữa các quốc gia và cán cân thanh toán quốc tế

Chính sách kinh tế xã hội

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về bản chất và nguyên lý cơ bản trong hoạch định, phân tích, đánh giá các chính sách kinh tế và xã hội dưới góc độ tiếp cận quản lý kinh tế. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị cho người học kỹ năng và phương pháp vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn để phân tích, đánh giá thực trạng ban hành, tổ chức thực thi chính sách kinh tế và xã hội của Việt Nam cũng như một số nước trong quá trình hội nhập và phát triển.

Quản trị chiến lược toàn cầu

Học phần Quản trị chiến lược toàn cầu trang bị những kiến thức, nguyên lý cơ bản và có hệ thống về quản trị chiến lược trong bối cảnh kinh doanh toàn cầu; giúp người học có thể phân tích bối cảnh kinh doanh toàn cầu và dự báo xu hướng phát triển trong tương lai. Thông qua nghiên cứu quy trình và nội dung của các giai đoạn quản trị chiến lược toàn cầu, người học có thể hiểu và ứng dụng để hoạch định nội dung chiến lược toàn cầu và các cách quản trị vận hành của các công ty toàn cầu trong kế hoạch xâm nhập và phát triển thị trường quốc tế.

Khoa học hàng hóa

Học phần đề cập những vấn đề chung đối với hàng hoá, bao gồm: phân loại, cơ cấu mặt hàng và cơ sở hình thành cơ cấu mặt hàng hợp lý, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hoá, các yêu cầu chung đối với chất lượng hàng hoá, các chỉ tiêu chất lượng, phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng và làm biến động đến chất lượng hàng hoá, các biện pháp chăm sóc bảo quản, đồng thời đề cập đến vấn đề tiêu chuẩn hoá, quy chuẩn kỹ thuật cũng như tác động của nó đến sản xuất và kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Quản trị tài chính công ty đa quốc gia

Nội dung của học phần Quản trị tài chính công ty đa quốc gia bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính công ty đa quốc gia; Quản trị rủi ro hối đoái; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị tài trợ ngắn hạn; Quyết định đầu tư trực tiếp nước ngoài; Chi phí vốn và kết cấu vốn của công ty đa quốc gia; Quản trị tài trợ dài hạn; Môi trường thuế quốc tế và tác động tới chính sách của công ty đa quốc gia.

Trọng tài thương mại quốc tế

Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng nhằm phân tích, đánh giá được các quy định của pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế và giải quyết được những vấn đề pháp lý liên quan đến phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài thương mại hiện nay

Pháp luật môi trường quốc tế

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật môi trường quốc tế, đặc biệt tập trung nghiên cứu một số lĩnh vực điều chỉnh cơ bản của pháp luật môi trường quốc tế, bao gồm: Môi trường biển; Khí quyển; Đa dạng sinh học. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về giải quyết các tranh chấp quốc tế về môi trường. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế.

Logistic quốc tế

Học phần logistics quốc tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản về logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. Học phần mô tả cấu trúc mạng lưới logistics quốc tế và việc sử dụng các hoạt động thuê ngoài logistics trong bối cảnh thương mại toàn cầu. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế tham gia vào chuỗi cung ứng quốc tế có thể thích nghi các hoạt động tầm chiến lược và tác nghiệp của mình trước những biến đổi liên tục của môi trường kinh doanh quốc tế.

Quản trị chuỗi cung ứng

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

2.3 Kiến thức bổ trợ

a. Học phần bắt buộc

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế

Đàm phán thương mại quốc tế

Học phần Đàm phán thương mại quốc tế nghiên cứu các vấn đề cơ bản trong đàm phán thương mại quốc tế bao gồm đặc điểm và vai trò của đàm phán thương mại quốc tế, các hình thức đàm phán thương mại quốc tế, một số chiến lược, các phương pháp tiếp cận trong đàm phán thương

mại quốc tế. Đặc biệt học phần nghiên cứu về văn hóa đàm phán của một số đối tác trên thế giới; những nội dung, các kỹ thuật, quy trình tổ chức đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế cũng như nội dung, quy trình tiến hành đàm phán ký kết hiệp định thương mại quốc tế. Ngoài những kiến thức cơ bản về đàm phán thương mại quốc tế, người học còn được cung cấp những tình huống về đàm phán ký kết hợp đồng và đàm phán ký kết hiệp định thương mại quốc tế.

b. Học phần tự chọn

Quản trị dịch vụ

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Marketing căn bản

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing–mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Thương mại điện tử căn bản

Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Quản trị thương hiệu 1

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế

Học phần Quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế giới thiệu về dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế, các phương thức giao nhận vận chuyển và các chứng từ vận chuyển thường gặp. Học phần cung cấp kiến thức về quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều hành quy trình giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế.

Logistics trong thương mại điện tử

Học phần cung cấp các kiến thức của toàn bộ quá trình hoạch định, tổ chức và triển khai hoạt động logistics trong thương mại điện tử. Học phần gồm có 6 chương, bắt đầu với phần giới thiệu về logistics TMĐT với những tính chất đặc trưng của logistics trong bối cảnh kinh tế mạng. Chương 2 nghiên cứu các yếu tố hạ tầng căn bản của hệ thống logistics thương mại điện tử. Chương 3 mô tả các hoạt động logistics đầu vào trong thương mại điện tử. Chương 4 tiếp nối với các hoạt động logistics đầu ra trong thương mại điện tử. Chương 5 đề cập về hoạt động vận chuyển và quản lý kho hàng trong logistics TMĐT. Chương cuối cùng, trình bày về các loại hình logistics bán lẻ và xuyên biên giới để doanh nghiệp có thể hiện thực hóa một cách thành công các cơ hội kinh doanh trong nền kinh tế mạng.

2.4 Thực tập tốt nghiệp

Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp

Học phần giúp người học tìm hiểu khái quát thực tiễn hoạt động kinh tế quốc tế của đơn vị thực tập. Từ đó, người học phát hiện các vấn đề tồn tại trong hoạt động kinh tế quốc tế của đơn vị thực tập để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp

Học phần này giúp người học củng cố kiến thức chuyên sâu thông qua vận dụng kiến thức và các kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế tại đơn vị thực tập và trình bày báo cáo khóa luận tốt nghiệp dưới dạng công trình nghiên cứu.

2. Chương trình đào tạo Thương mại quốc tế

1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1 Các học phần bắt buộc

Triết học Mác - Lê Nin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).

Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2

đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1

Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiếng Anh 2

Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

Toán đại cương

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toan phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Tin học quản lý

Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

1.2 Các học phần tự chọn

Tâm lý học lao động

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực. Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về tâm lý học lao động; cơ sở tâm lý của tổ chức quá trình lao động và quản trị nhóm; tâm lý học an toàn lao động; giao tiếp và nghệ thuật đàm phán nhân sự; đặc điểm tâm lý của lao động quản lý và các kích thích tâm lý người lao động. Học phần có mối quan hệ với các học phần trả công lao động, quản trị nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

Kinh tế phát triển

Học phần giới thiệu lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan

hệ giữa tăng trưởng và phúc lợi con người. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế : lao động, vốn, công nghệ kỹ thuật. Các chính sách phát triển kinh tế : chính sách phát triển nông thôn, chính sách công nghiệp hoá và sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt nam.

Lịch sử các học thuyết kinh tế

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở ngành

a.Các học phần bắt buộc

Kinh tế vi mô 1

Kinh tế vi mô 1 là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

Kinh tế vĩ mô 1

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Kinh tế quốc tế 1

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

Khoa học hàng hóa

Học phần đề cập những vấn đề chung đối với hàng hoá, bao gồm: phân loại, cơ cấu mặt hàng và cơ sở hình thành cơ cấu mặt hàng hợp lý, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hoá, các yêu cầu chung đối với chất lượng hàng hoá, các chỉ tiêu chất lượng, phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng và làm biến động đến chất lượng hàng hoá, các biện pháp chăm sóc

bảo quản, đồng thời đề cập đến vấn đề tiêu chuẩn hoá, quy chuẩn kỹ thuật cũng như tác động của nó đến sản xuất và kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Khởi sự kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Tiếng Anh thương mại 1

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

Tiếng Anh thương mại 2

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

b. Các học phần tự chọn

Kinh tế đầu tư quốc tế

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về Kinh tế đầu tư quốc tế. Học phần cũng tìm hiểu bản chất của hoạt động đầu tư quốc tế, các lý thuyết cơ bản về đầu tư quốc tế, vai trò quan trọng của đầu tư quốc tế đối với tăng trưởng, phát triển mọi mặt của kinh tế, xã hội và doanh nghiệp. Bên cạnh đó học phần cũng phân tích rõ các yếu tố cấu thành nên môi trường đầu tư quốc tế, ảnh hưởng của nó đến kết quả hiệu quả của hoạt động đầu tư quốc tế. Học phần cũng nghiên cứu về tự do hóa đầu tư và các hiệp định đầu tư quốc tế bên cạnh các chính sách có liên quan đến đầu tư quốc tế.

Kinh tế lượng

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.

Marketing căn bản

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing–mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Quản trị chuỗi cung ứng

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

Quản trị rủi ro

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Kiến thức chuyên sâu về các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng và phân tích rủi ro ; Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

Kinh tế lao động

Học phần cung cấp những kiến thức cơ sở ngành cốt lõi và những ứng dụng thực tiễn để phân tích những nguyên lý kinh tế chi phối ba nhân tố trong thị trường lao động là người lao động, doanh nghiệp và chính phủ, bao gồm việc phân tích thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến cầu lao động của doanh nghiệp cũng như các nhân tố chi phối người lao động khi tham gia cung ứng lao động trên thị trường, các yếu tố ảnh hưởng đến tiền công, mối quan hệ giữa tiền công và năng suất lao động, phân tích lợi ích và chi phí của doanh nghiệp và người lao động trong việc đào tạo lao động, các chính sách của chính phủ và tác động của các chính sách tới thị trường lao động.

Quản trị học

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Quản trị tài chính 1

Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

Chuyển đổi số trong kinh doanh

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

Quản trị chiến lược

Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Quản trị công ty

Học phần Quản trị công ty bao gồm 6 chương. Chương 1 đưa ra kiến thức Tổng quan về quản trị công ty, các khái niệm cơ bản cũng như vai trò và lợi ích của quản trị công ty; Chương 2 tập trung và hệ thống hóa các lý thuyết, qui tắc và mô hình quản trị công ty phổ biến trên thế giới đồng thời giới thiệu về các mô hình quản trị công ty chủ yếu ở Việt Nam; Chương 3 đi sâu vào làm rõ nội dung về cổ đông và các bên có liên quan; Chương 4 trình bày các nội dung về Hội đồng quản trị; Chương 5 là vấn đề công bố thông tin và kiểm soát trong quản trị công ty; Cuối cùng, chương 6 thảo luận về đánh giá hệ thống quản trị công ty theo một số thông lệ quản trị công ty tốt nhất trên thế giới và Việt Nam.

2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành

a. Các học phần bắt buộc

*Kinh doanh quốc tế**

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường

đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

Đầu tư quốc tế

Học phần nghiên cứu những hình thức cơ bản về Đầu tư quốc tế. Nghiên cứu cụ thể sự hình thành và phát triển của hoạt động Đầu tư quốc tế, tại sao các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động đầu tư quốc tế, bản chất, đặc điểm và các hình thức của ĐTQT, vai trò của từng loại hình đầu tư quốc tế với nước nhận đầu tư, nước đầu tư và nhà đầu tư; bên cạnh đó cũng xem xét đến các vấn đề còn nhiều tranh luận liên quan đến đầu tư quốc tế ; học phần đồng thời nghiên cứu hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài với hình thức và nội dung cơ bản có liên quan.

Quản trị đa văn hóa

Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

Quản trị chiến lược toàn cầu

Học phần Quản trị chiến lược toàn cầu trang bị những kiến thức, nguyên lý cơ bản và có hệ thống về quản trị chiến lược trong bối cảnh kinh doanh toàn cầu; giúp người học có thể phân tích bối cảnh kinh doanh toàn cầu và dự báo xu hướng phát triển trong tương lai. Thông qua nghiên cứu quy trình và nội dung của các giai đoạn quản trị chiến lược toàn cầu, người học có thể hiểu và ứng dụng để hoạch định nội dung chiến lược toàn cầu và các cách quản trị vận hành của các công ty toàn cầu trong kế hoạch xâm nhập và phát triển thị trường quốc tế.

Quản lý môi trường trong thương mại quốc tế

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về môi trường và thương mại quốc tế, sự tăng cường áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn cầu được thể hiện thông qua các hiệp định môi trường đa biên và đặc biệt là bảo vệ môi trường trở thành yêu cầu mang tính bắt buộc đối với các hiệp định thương mại tự do song và đa phương. Bên cạnh đó cũng luận giải đầy đủ về các nguyên tắc, bản chất hình thành và các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng các rào cản kỹ thuật môi trường trong thương mại quốc tế từ đó giúp cho người học không chỉ nhận biết được mà còn đánh giá được ảnh hưởng cũng như có cơ sở khoa học đưa ra các biện pháp nhằm vượt qua các rào cản khi tham gia trực tiếp vào các hoạt động thương mại quốc tế. Học phần cũng đồng thời cung cấp cho người học những nội dung cơ bản nhất về vấn đề quản lý nhà nước về môi trường trong hoạt động thương mại, một số hàng rào kỹ thuật môi trường với một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam phải đối mặt và một số hệ thống quản lý môi trường hiệu quả đối với doanh nghiệp khi tham gia hoạt động thương mại quốc tế.

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi

ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế

Nghiệp vụ hải quan

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát về hải quan, trị giá hải quan, thủ tục hải quan cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan và quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan. Đặc biệt, học phần cũng cung cấp cho người học những hiểu biết, kỹ năng cần thiết để thực hiện khai hải quan và làm thủ tục hải quan đối với các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Học phần cũng đề cập đến cơ sở luận và thực tiễn về hoạt động quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan để đảm bảo hạn chế được các gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan.

Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế

Học phần Quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế giới thiệu về dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế, các phương thức giao nhận vận chuyển và các chứng từ vận chuyển thường gặp. Học phần cung cấp kiến thức về quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều hành quy trình giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế.

Đàm phán thương mại quốc tế

Học phần Đàm phán thương mại quốc tế nghiên cứu các vấn đề cơ bản trong đàm phán thương mại quốc tế bao gồm đặc điểm và vai trò của đàm phán thương mại quốc tế, các hình thức đàm phán thương mại quốc tế, một số chiến lược, các phương pháp tiếp cận trong đàm phán thương mại quốc tế. Đặc biệt học phần nghiên cứu về văn hóa đàm phán của một số đối tác trên thế giới; những nội dung, các kỹ thuật, quy trình tổ chức đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế cũng như nội dung, quy trình tiến hành đàm phán ký kết hiệp định thương mại quốc tế. Ngoài những kiến thức cơ bản về đàm phán thương mại quốc tế, người học còn được cung cấp những tình huống về đàm phán ký kết hợp đồng và đàm phán ký kết hiệp định thương mại quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế

Học phần Hội nhập kinh tế quốc tế giới thiệu về bản chất, mục tiêu và nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế, các giai đoạn phát triển của hội nhập kinh tế quốc tế, các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, những nhân tố thúc đẩy và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế. Từ nội dung khái quát đó, học phần phân tích sâu hơn về các hình thức hội nhập, bao gồm hội nhập kinh tế toàn cầu và hội nhập kinh tế khu vực, chỉ ra đặc trưng của mỗi hình thức cùng với những thông tin thực tế, cụ thể về hội nhập trong khuôn khổ WTO, hội nhập trong khu vực ASEAN, APEC, EU,... và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, những cơ hội, thách thức đối với Việt Nam khi tham gia tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

b. Các học phần tự chọn

Quản trị logistics kinh doanh

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cách khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng

bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

Marketing quốc tế

Học phần bao gồm hai phần:

+ *Phân tích thị trường và quản trị thời cơ marketing quốc tế*: Khái quát các quan điểm quản trị marketing quốc tế, phân tích các nhân tố môi trường marketing quốc tế và thị trường quốc tế làm cơ sở đánh giá và quản trị thời cơ marketing quốc tế của công ty kinh doanh.

+ *Quản trị marketing quốc tế*: Chiến lược marketing quốc tế, quản trị các nỗ lực marketing-mix và từng thành tố của marketing mix trên thị trường quốc tế, tổ chức và kế hoạch hóa marketing quốc tế của công ty kinh doanh.

Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu bao gồm: phương tiện thanh toán quốc tế và điều kiện thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu.

Quản trị thương hiệu I

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Quản trị tài chính công ty đa quốc gia

Nội dung của học phần Quản trị tài chính công ty đa quốc gia bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính công ty đa quốc gia; Quản trị rủi ro hối đoái; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị tài trợ ngắn hạn; Quyết định đầu tư trực tiếp nước ngoài; Chi phí vốn và kết cấu vốn của công ty đa quốc gia; Quản trị tài trợ dài hạn; Môi trường thuế quốc tế và tác động tới chính sách của công ty đa quốc gia.

Luật kinh tế I

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

Logistic quốc tế

Học phần logistics quốc tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản về logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. Học phần mô tả cấu trúc mạng lưới logistics quốc tế và việc sử dụng các hoạt động thuê ngoài logistics trong bối cảnh thương mại toàn cầu. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế tham gia vào chuỗi cung ứng quốc tế có thể thích nghi các hoạt động tầm chiến lược và tác nghiệp của mình trước những biến đổi liên tục của môi trường kinh doanh quốc tế.

Kinh tế doanh nghiệp

Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán doanh nghiệp, kinh tế quốc tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, tiếng Anh thương mại; Là học phần thuộc khối kiến thức ngành của các chuyên ngành: Quản lý kinh tế, thương mại quốc tế trong Trường Đại học Thương mại. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiêu thụ, cung ứng, hoạt động sản xuất và hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ của doanh nghiệp. Đồng thời học phần trang bị kỹ năng ra quyết định kinh tế trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; Đảm bảo các nguồn lực và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để triển khai các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ của doanh nghiệp; Các nguồn lực chủ yếu và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành kinh tế và quản trị trong chương trình đào tạo ngành kinh tế và một số chương trình đào tạo có liên quan trong Trường.

Quản trị kênh phân phối

Học phần quản trị kênh phân phối là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức lý luận và thực tiễn về quản trị chiến lược kênh phân phối gắn với một doanh nghiệp đầu mối trong chuỗi cung ứng hiện đại. Học phần trang bị những kiến thức nền tảng như vị trí, vai trò, đặc tính và chức năng của kênh phân phối trong chuỗi cung ứng. Từ đó trình bày khung lý luận cơ bản về quản trị chiến lược kênh phân phối tại một doanh nghiệp đầu mối theo trình tự: Phân tích môi trường, thiết kế cấu trúc, lựa chọn chiến lược và quản lý chiến lược kênh phân phối. Đây là khung khổ cốt lõi để có được các chiến lược kênh phân phối thích nghi với thị trường và chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp. Học phần cũng đề cập tới cấu trúc và chiến lược kênh phân phối của các loại hình doanh nghiệp đầu mối cơ bản trong chuỗi cung ứng như bán lẻ, bán buôn và hình thức nhượng quyền, giúp người học có cái nhìn toàn diện và linh hoạt khi tiếp cận các tình huống chiến lược kênh phân phối trong thực tế.

Chiến lược kinh doanh quốc tế

Học phần Chiến lược kinh doanh quốc tế (CLKDQT) là học phần chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh; bao gồm những nội dung, kiến thức căn bản về quản trị CLKDQT và vận dụng thực tiễn của DN trong kinh doanh quốc tế nói chung. Học phần Chiến lược kinh doanh quốc tế được chia thành 5 chương chính. Chương 1 đề cập tới những diễn biến hiện thời trên thị trường quốc tế, đánh giá những động cơ thúc đẩy một doanh nghiệp cần và nên thực hiện kinh doanh quốc tế. Chương 2 và chương 3 phân tích môi trường bên ngoài và bên trong của DN kinh doanh quốc tế. Chương 4 trình bày những chiến lược kinh doanh quốc tế điển hình mà doanh nghiệp theo đuổi, dựa trên 2 biến số thích ứng địa phương và tích hợp toàn cầu. Chương 5 cung cấp cái nhìn đầy đủ về tổ chức triển khai CLKDQT của doanh nghiệp và các vấn đề về quản trị sự thay đổi và xung đột trong kinh doanh.

Quản trị đổi mới, sáng tạo

Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo gồm 5 Chương. Chương 1 đưa ra các kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo. Chương 2 giới thiệu nội dung đầu tiên trong quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là phân tích môi trường và tìm kiếm cơ hội và nguồn cho đổi mới sáng tạo. Chương 3 tập trung vào nội dung thứ 2 của quy trình đổi mới sáng tạo đó là lựa chọn định hướng đổi mới

sáng tạo, Chương 4 là nội dung thứ 3 của quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là triển khai. Và cuối cùng chương 5 cung cấp kiến thức về nội dung và các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

2.3 Kiến thức bổ trợ

a. Học phần bắt buộc

Chính sách kinh tế quốc tế

- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các chính sách thương mại quốc tế bao gồm khái niệm, các bộ phận cấu thành của chính sách thương mại quốc tế cũng như các xu hướng phát triển chủ yếu của thế giới ảnh hưởng chính sách thương mại quốc tế của một quốc gia.

- Học phần nghiên cứu những nội dung cơ bản của chính sách thương mại quốc tế, chính sách đầu tư quốc tế, chính sách tài chính và hệ thống tiền tệ quốc tế cũng các định chế điều tiết chính sách thương mại quốc tế của một quốc gia.

Kinh tế khu vực và ASEAN

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về liên kết kinh tế khu vực, sự hình thành và phát triển của Cộng đồng Kinh tế ASEAN, đặc điểm của Cộng đồng Kinh tế ASEAN với các tổ chức liên kết kinh tế khu vực điển hình trên thế giới. Học phần đồng thời nghiên cứu đặc điểm và các chính sách kinh tế của các quốc gia ASEAN 6 và CLMV qua từng thời kỳ phát triển, cũng như cơ hội hợp tác kinh tế giữa các quốc gia thành viên.

b. Học phần tự chọn

Thương mại điện tử căn bản

Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Mua và quản trị nguồn cung

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ và mức độ cạnh tranh ngày càng tăng cao, các doanh nghiệp phải không ngừng nỗ lực để tìm cách cải thiện hiệu suất và phân biệt với đối thủ. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, các nhà cung cấp có thể có tác động lớn đến tổng chi phí, đồng thời trợ giúp các doanh nghiệp trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Rõ ràng, trong tình thế như vậy, hoạt động mua và quản lý nguồn cung đóng vai trò vô cùng quan trọng. Các công ty cần phải thay đổi sự tập trung của mình từ việc mua hàng theo các giao dịch đơn thuần sang một cái nhìn rộng hơn, chiến lược hơn, để nắm bắt được tất cả các hoạt động liên quan đến quá trình mua sắm, từ việc xác định nhà cung cấp tiềm năng, xây dựng mối quan hệ với nhà cung cấp, cho đến việc đảm bảo đáp ứng đúng yêu cầu về số lượng và chất lượng hàng hóa cũng như phát triển các chiến lược nhằm đảm bảo nguồn cung không bị gián đoạn. Xuất phát từ thực tế trên, học phần Mua và quản lý nguồn cung sẽ cung cấp những kiến thức khái quát nhất liên quan đến hoạt động mua hàng và quản lý nguồn cung tại các doanh nghiệp, từ đó giúp sinh viên nhận thức được các nhu cầu đặt ra khi tiến hành hoạt động mua hàng, đồng thời hiểu được vai trò của hoạt động này đối với thành công tại mỗi doanh nghiệp hiện nay.

Quản lý tài sản trí tuệ

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về quản lý các tài sản trí tuệ trên cả 2 phạm trù là quản lý nhà nước và quản trị trong các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học như các trường đại học, các viện nghiên cứu...

Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát chung về tài sản trí tuệ và các quyền đối với tài sản trí tuệ; Nhận diện và phân định các loại tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, tổ chức; Các quy định pháp lý về các đối tượng sở hữu trí tuệ và những vấn đề cơ bản Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nguồn vốn trí tuệ và quản lý quá trình hình thành các tài sản trí tuệ; Quản lý và xác lập các quyền đối với các tài sản trí tuệ (như quyền tài sản, quyền nhân thân, quyền sử dụng và quyền quản lý); Quản lý quá trình sử dụng, khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, tổ chức; Định giá và chuyển giao các tài sản trí tuệ của tổ chức doanh nghiệp.

Quản trị dịch vụ

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.

Logistics trong thương mại điện tử

Học phần cung cấp các kiến thức của toàn bộ quá trình hoạch định, tổ chức và triển khai hoạt động logistics trong thương mại điện tử. Học phần gồm có 6 chương, bắt đầu với phần giới thiệu về logistics TMĐT với những tính chất đặc trưng của logistics trong bối cảnh kinh tế mạng. Chương 2 nghiên cứu các yếu tố hạ tầng căn bản của hệ thống logistics thương mại điện tử. Chương 3 mô tả các hoạt động logistics đầu vào trong thương mại điện tử. Chương 4 tiếp nối với các hoạt động logistics đầu ra trong thương mại điện tử. Chương 5 đề cập về hoạt động vận chuyển và quản lý kho hàng trong logistics TMĐT. Chương cuối cùng, trình bày về các loại hình logistics bán lẻ và xuyên biên giới để doanh nghiệp có thể hiện thực hóa một cách thành công các cơ hội kinh doanh trong nền kinh tế mạng.

2.4 Thực tập tốt nghiệp

Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp

Học phần Thực tập nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của các chuyên ngành đào tạo thuộc khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: Tìm hiểu cơ cấu, tổ chức hoạt động của doanh nghiệp/ tổ chức; tìm hiểu các nguồn lực, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức; phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và các hoạt động kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế nói riêng của doanh nghiệp/tổ chức; phát hiện các vấn đề đặt ra tại doanh nghiệp/tổ chức.

Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp

Học phần là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của các chuyên ngành đào tạo thuộc khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: Tìm hiểu cơ cấu, tổ chức hoạt động của doanh nghiệp/ tổ chức; tìm hiểu các nguồn lực, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức; phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và các hoạt động kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế nói riêng của doanh nghiệp/tổ chức; phát hiện các vấn đề đặt ra tại doanh nghiệp/tổ chức; tổng hợp các lý thuyết có liên quan đến vấn đề được phát hiện tại doanh nghiệp, từ đó đánh giá toàn diện nội dung và có giải pháp hiệu quả cho vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp.

3. Chương trình đào tạo Thương mại quốc tế (chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế)

Triết học Mác - Lê Nin	MLNP0221	Tiếng Việt	3TC	36,18
Phylosophy of Maxism – Leninism				
Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.				
Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	RLCP1211	Tiếng Việt	2TC	24,12
Political economics of Maxism – Leninism				
Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.				
Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM10111	Tiếng Việt	2TC	24,12
Ho Chi Minh Ideology				
Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.				
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCM10131		2TC	21,18

History of Vietnamese Communist Party		Tiếng Việt		
Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.				
Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCMIO121	Tiếng Việt	2TC	24,12
Scientific socialism				
Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.				
Pháp luật đại cương	TLAW0111	Tiếng Việt	2TC	24,12
Introduction to Laws				
Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của chuyên ngành Luật kinh tế và Luật Thương mại quốc tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công				
Tiếng Anh tăng cường 1.1	ENPR7011	Tiếng Anh	4TC	48,24
Intensive English 1.1				
Học phần <i>Tiếng Anh Tăng cường 1.1</i> sử dụng giáo trình <i>Life (Upper Intermediate)</i> (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2 nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch.				

Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.				
Tiếng Anh tăng cường 1.2	ENPR7111	Tiếng Anh	4TC	48,24
Intensive English 1.2				
Học phần <i>Tiếng Anh Tăng cường 1.2</i> sử dụng giáo trình <i>Life (Upper Intermediate)</i> (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2 nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.				
Tiếng Anh nâng cao 1.1	ENTI3111	Tiếng Anh	5TC	60,30
Advanced English 1.1				
Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.1 sử dụng giáo trình <i>Life (Advanced)</i> (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.				
Tiếng Anh nâng cao 1.2	ENTI3211	Tiếng Anh	5TC	60,30
Advanced English 1.2				
Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.2 sử dụng giáo trình <i>Life (Advanced)</i> (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.				
Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản	INFO3511	Tiếng Việt	3TC	36,18
Information Technology Foundation				
Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.				

Kinh tế lượng	AMAT0411	Tiếng Việt	3TC	36,18
Econometrics				
Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.				
Giao tiếp trong kinh doanh		Tiếng Việt	3TC	0,90
Communication in business				
<p>Người học sẽ được trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh.</p> <p>Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.</p>				
Kinh tế học	MIEC1031	Tiếng Anh	3TC	36,18
Economics				
Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế: (i) Đối với kinh tế vi mô, môn học tập trung nghiên cứu về cung cầu hàng hóa, dịch vụ, cơ chế thị trường, lý thuyết về hành vi kinh doanh, cấu trúc các thị trường khác nhau trong nền kinh tế; (ii) Đối với kinh tế vĩ mô, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô, bao gồm tổng quan về mục tiêu và công cụ của kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS, đo lường các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả, lạm phát, thất nghiệp, v.v. và phân tích tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ, tiền tệ và tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm (chính sách tài chính và tiền tệ) đến giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.				
Chuyển đổi số trong kinh doanh	PCOM1111	Tiếng Việt	2TC	24, 12
Digital transformation in business				
Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.				

Thực tập nghề nghiệp	KDQT1011	Tiếng Việt	2TC	0,60
Internship				
Học phần Thực tập nghề nghiệp bao gồm các vấn đề: Tìm hiểu cơ cấu, tổ chức hoạt động của doanh nghiệp/ tổ chức; tìm hiểu các nguồn lực, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức; phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và các hoạt động kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế nói riêng của doanh nghiệp/tổ chức; phát hiện các vấn đề đặt ra tại doanh nghiệp/tổ chức.				
Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong Kinh doanh	INFO3611	Tiếng Việt	3TC	36,18
AI for business				
Là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản của sinh viên đại học. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.				
Quản trị học	BMGM0531	Tiếng Anh	3TC	36,18
Fundamentals of Management				
Khóa học bao gồm các nội dung cơ bản sau: Định nghĩa và chức năng của quản lý, định nghĩa về người quản lý, vai trò quản lý, trình độ và kỹ năng quản lý, môi trường tổ chức, trách nhiệm xã hội và đạo đức; định nghĩa và các loại quyết định quản lý, quy trình ra quyết định quản lý, các phương pháp ra quyết định quản lý; và kiến thức chuyên sâu về các chức năng quản lý, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.				
Marketing căn bản	BMKT3231	Tiếng Anh	3TC	36,18
Principles of Marketing				
Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.				
Nguyên lý quản trị nhân lực	HRMG2531	Tiếng Anh	3TC	36,18
Principles of Human Resource Management				
Học phần này bao gồm một số nội dung chính như: khái niệm và vai trò của quản lý nguồn nhân lực; nội dung thiết yếu của quản lý nguồn nhân lực (phân tích công việc, tuyển dụng và lựa chọn, đào tạo và phát triển nhân viên, quản lý hiệu suất, quản lý lương thưởng), xu hướng quản lý nguồn nhân lực.				

Nguyên lý kế toán	FACC0112	Tiếng Anh	3TC	36,18
Principles of Accounting				
Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán bao gồm: định nghĩa về kế toán và các loại kế toán, các giả định và nguyên tắc kế toán, đặc tính chất lượng của thông tin tài chính, phương trình kế toán, chứng từ và tài khoản gốc, sổ cái danh nghĩa, giới thiệu phần mềm kế toán và các phần mềm kế toán. kế toán đám mây; sổ dư dùng thử và báo cáo tài chính.				
Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	EFIN2812	Tiếng Anh	3TC	36,18
Money, Banking and Financial Market				
Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản một cách có hệ thống về hệ thống tài chính tiền tệ, bao gồm cả hoạt động trong nước và hoạt động toàn cầu của hệ thống. Các khái niệm về tiền tệ, lạm phát và thị trường tài chính được thảo luận nhằm nâng cao nhận thức của người học về vấn đề tài chính cơ bản. Sau đó, chính sách tiền tệ và hoạt động của nó ở Việt Nam được giới thiệu và phân tích. Phần còn lại của khóa học là những kiến thức cơ bản về hệ thống ngân hàng.				
Khởi sự kinh doanh	CEMG4411	Tiếng Việt	3TC	36,18
Entrepreneurship				
Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới. Ngoài ra học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về khởi sự kinh doanh sáng tạo và khởi sự kinh doanh xã hội.				
Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0211	Tiếng Việt	3TC	36,18
Scientific Research Methodology				
Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.				
Quản trị dịch vụ	TEMG2911	Tiếng Việt	3TC	36,18
Service Management				
Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.				

Luật kinh tế 1	PLAW0321	Tiếng Việt	3TC	36,18
Economic law 1				
Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.				
Kinh doanh quốc tế	ITOM1311	Tiếng Việt	3TC	36,18
International Business				
Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.				
Lý thuyết kinh tế số	DECO0111	Tiếng Việt	3TC	36,18
Theory of digital economy				
Học phần có các nội dung về kinh tế số; số hóa nền kinh tế; sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; hệ sinh thái nền kinh tế số; một số nguyên tắc cơ bản của kinh tế số như hàng hóa và dịch vụ số, các mô hình giá trị; một số vấn đề chiến lược của kinh tế số; các đặc điểm chính của thị trường số; kinh tế số nâng cao.				
Kinh tế quốc tế 1	FECO1711	Tiếng Việt	3TC	36,18
International economics 1				
Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.				
Khoa học hàng hóa	ITOM2611	Tiếng Việt	3TC	36,18
Science of merchandise				
Học phần đề cập những vấn đề chung đối với hàng hoá, bao gồm: phân loại hàng hóa, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hoá, cơ cấu mặt hàng và cơ sở hình thành cơ cấu mặt hàng hợp lý, các yêu cầu đối với chất lượng hàng hoá, các chỉ tiêu chất lượng, các phương pháp kiểm tra và đánh giá chất lượng hàng hóa, các yếu tố ảnh hưởng và làm biến động chất lượng hàng hoá,				

các biện pháp chăm sóc bảo quản. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến nội dung tiêu chuẩn hoá, quy chuẩn kỹ thuật cũng như tác động của nó đến sản xuất và kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, hàng giả hàng nhái và cách phòng tránh hàng giả hàng nhái.

Hội nhập kinh tế quốc tế

International economic integration

ITOM2011

**Tiếng
Việt**

3TC

36,18

Học phần Hội nhập kinh tế quốc tế giới thiệu về bản chất, mục tiêu và nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế, các giai đoạn phát triển của hội nhập kinh tế quốc tế, các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, những nhân tố thúc đẩy và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế. Từ nội dung khái quát đó, học phần phân tích sâu hơn về các hình thức hội nhập, bao gồm hội nhập kinh tế toàn cầu và hội nhập kinh tế khu vực, chỉ ra đặc trưng của mỗi hình thức cùng với những thông tin thực tế, cụ thể về hội nhập trong khuôn khổ WTO, hội nhập trong khu vực ASEAN, APEC, EU,... và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, những cơ hội, thách thức đối với Việt Nam khi tham gia tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Kinh tế chia sẻ

Sharing economy

FECO1911

**Tiếng
Việt**

3TC

36,18

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế chia sẻ, bao gồm: khái niệm, đặc trưng, phân loại, vai trò, tác động, xu hướng phát triển của kinh tế chia sẻ. Trên cơ sở đó phân tích sự vận hành của kinh tế chia sẻ, và từ đó tìm hiểu về cách thức quản trị hiệu quả nền tảng kinh tế chia sẻ.

Quản trị logistics kinh doanh

Business logistics management

BLOG1511

**Tiếng
Việt**

3TC

36,18

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một các khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế

**International Trade Operation
Management**

ITOM2531

**Tiếng
Anh**

3TC

36,18

Môn học chứa đựng những kiến thức cơ bản về quản lý hợp tác thương mại quốc tế, bao gồm: phương thức giao dịch, điều kiện thương mại; kỹ năng cũng như phương pháp quản lý việc hoạch định, đàm phán, ký kết và thực hiện các hợp đồng thương mại quốc tế. Ngoài ra, đề tài còn đề cập đến những kiến thức liên quan đến rủi ro và quản lý rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu.

Đầu tư quốc tế	FECO2631	Tiếng Anh	3TC	36,18
International investment				
Học phần nghiên cứu những hình thức cơ bản về Đầu tư quốc tế. Nghiên cứu cụ thể sự hình thành và phát triển của hoạt động Đầu tư quốc tế, tại sao các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động đầu tư quốc tế, bản chất, đặc điểm và các hình thức của ĐTQT, vai trò của từng loại hình đầu tư quốc tế với nước nhận đầu tư, nước đầu tư và nhà đầu tư; bên cạnh đó cũng xem xét đến các vấn đề còn nhiều tranh luận liên quan đến đầu tư quốc tế ; học phần đồng thời nghiên cứu hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài với hình thức và nội dung cơ bản có liên quan..				
Thực tập nghề nghiệp về kinh doanh quốc tế	KDQT1461	Tiếng Việt	3TC	0,90
Professional Practice in International business				
Học phần Thực tập nghề nghiệp về kinh doanh quốc tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của CTĐT Thương mại quốc tế định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, thuộc khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Học phần bao gồm những nội dung cụ thể, thực tế liên quan hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp, tác động của hội nhập kinh tế quốc tế và những biến động từ môi trường kinh doanh quốc tế đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp, những biện pháp được doanh nghiệp thực hiện để thích ứng với biến động của môi trường kinh doanh quốc tế và những nội dung về hoạt động đổi mới sáng tạo, quản lý đổi mới sáng tạo trong kinh doanh quốc tế tại doanh nghiệp.				
Quản trị đa văn hóa	ITOM2031	Tiếng Anh	3TC	36,18
Cross-culture management				
Học phần này đề cập đến kiến thức cần thiết về các khía cạnh văn hóa và quản lý đa văn hóa trong kinh doanh quốc tế. Kiến thức về mối quan hệ giữa văn hóa quốc gia và văn hóa doanh nghiệp cũng như phong cách lãnh đạo đa văn hóa, đặc biệt trong trường hợp các tập đoàn đa quốc gia và tác động của văn hóa đối với giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế.				
Công ty đa quốc gia	ITOM2311	Tiếng Việt	3TC	36,18
Multinational corporation				
Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về công ty đa quốc gia và tác động của loại hình doanh nghiệp này đến thị trường toàn cầu. Cụ thể, học phần làm rõ các nội dung liên quan đến công ty đa quốc gia, bao gồm: lịch sử ra đời và đặc điểm của loại hình doanh nghiệp này; động lực hình thành; quá trình mở rộng kinh doanh quốc tế hoá; cách thức tổ chức các hoạt động trong mối liên hệ giữa bên trong và bên ngoài doanh nghiệp; tác động từ dòng vốn đầu tư trực tiếp, năng lực công nghệ, việc làm, và hoạt động chuyển giá của các công ty đa quốc gia đến thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến sự nổi lên trong những năm của các công ty đa quốc gia đến từ các nước đang phát triển và vai trò của Chính phủ các nước đến sự phát triển của các doanh nghiệp này.				

Quản trị tài chính 1 Financial Management 1	FMGM 0215	Tiếng Anh	3TC	36,18
Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn				
Logistics quốc tế	BLOG3051	Tiếng	3TC	36,18
International Logistics		Việt		
Học phần logistics quốc tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản về logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. Học phần mô tả cấu trúc mạng lưới logistics quốc tế và việc sử dụng các hoạt động thuê ngoài logistics trong bối cảnh thương mại toàn cầu. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế tham gia vào chuỗi cung ứng quốc tế có thể thích nghi các hoạt động tầm chiến lược và tác nghiệp của mình trước những biến đổi liên tục của môi trường kinh doanh quốc tế.				
Quản trị vận chuyển hàng hóa quốc tế	ITOM2411	Tiếng	3TC	36,18
International Transportation Management		Việt		
Học phần Quản trị vận chuyển hàng hóa quốc tế giới thiệu về hoạt động vận chuyển hàng hóa quốc tế, các phương thức giao nhận vận chuyển và các chứng từ vận chuyển thường gặp. Học phần cung cấp kiến thức về quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều hành quy trình giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế.				
Nghiep vụ hải quan	ITOM1721	Tiếng	3TC	36,18
Customs practice		Việt		
Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát về hải quan, trị giá hải quan, thủ tục hải quan cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan và quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan. Đặc biệt, học phần cũng cung cấp cho người học những hiểu biết, kỹ năng cần thiết để thực hiện khai hải quan và làm thủ tục hải quan đối với các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Học phần cũng đề cập đến cơ sở luận và thực tiễn về hoạt động quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan để đảm bảo hạn chế được các gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan.				
Đàm phán thương mại quốc tế	ITOM2231	Tiếng	3TC	36,18
International trade negotiation		Anh		
Học phần giới thiệu bản chất của đàm phán thương mại quốc tế, văn hóa đàm phán của một số quốc gia, chiến lược, kỹ thuật và quy trình đàm phán thương mại quốc tế, bao gồm đàm phán hợp đồng thương mại quốc tế và đàm phán hiệp định thương mại quốc tế. Học phần cũng giới thiệu một số trường hợp đàm phán thương mại quốc tế.				
Quản lý chuỗi cung ứng	BLOG3331	Tiếng	3TC	36,18
Supply chain management		Anh		
Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá				

giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

Thực tập nghề nghiệp TMQT				
Professional Practice in International trade	KDQT1561	Tiếng Việt	3TC	0,90
<p>Học phần Thực tập nghề nghiệp TMQT là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế Thương mại quốc tế, thuộc khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: phân tích các hoạt động kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, nghiệp vụ hải quan, đàm phán thương mại quốc tế, quản lý chuỗi cung ứng, công ty đa quốc gia.</p>				

4. Chương trình đào tạo Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng

1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1 Các học phần bắt buộc

Triết học Mác - Lênin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).

Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1

Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh

ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiếng Anh 2

Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

Toán đại cương

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toan phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Tin học quản lý

Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

1.2 Các học phần tự chọn

Khoa học hàng hoá

Học phần đề cập những vấn đề chung đối với hàng hoá, bao gồm: phân loại, cơ cấu mặt hàng và cơ sở hình thành cơ cấu mặt hàng hợp lý, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hoá, các yêu cầu chung đối với chất lượng hàng hoá, các chỉ tiêu chất lượng, phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng và làm biến động đến chất lượng hàng hoá, các biện pháp chăm sóc bảo quản, đồng thời đề cập đến vấn đề tiêu chuẩn hoá, quy chuẩn kỹ thuật cũng như tác động của nó đến sản xuất và kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Chuyển đổi số trong kinh doanh

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động,

công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

Lịch sử các học thuyết kinh tế

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở ngành

a.Các học phần bắt buộc

Kinh tế vi mô 1

Kinh tế vi mô 1 là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

Kinh tế vĩ mô 1

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Quản trị học

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Marketing căn bản

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó

có chiến lược marketing và ứng xử marketing–mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Nhập môn về logistics và quản trị chuỗi cung ứng

Học phần *Nhập môn về logistics và quản trị chuỗi cung ứng* là học phần kiến thức bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và tiền đề về sự phát triển và các cơ hội của ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Học phần trình bày về sự ra đời, phát triển, các trường phái logistics và quản trị chuỗi cung ứng trên thế giới. Học phần cũng giới thiệu nguyên tắc chung, cách thức tiếp cận, khung định hướng và các vấn đề cơ bản trong quản trị logistics và chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp, đồng thời khái quát một số xu thế phát triển của ngành logistics và chuỗi cung ứng và làm rõ các tiêu chuẩn với nguồn nhân lực logistics và chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp hiện nay.

Tiếng Anh thương mại 1

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

Tiếng Anh thương mại 2

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn

b. Các học phần tự chọn

Kinh tế lượng

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Nguyên lý thống kê

Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý thông tin; phương pháp tính toán các chỉ

tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.

Nhập môn Tài chính – Tiền tệ

Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

Khởi sự kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Phân phối trong chuỗi cung ứng toàn cầu

Học phần Phân phối trong chuỗi cung ứng toàn cầu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức lý luận và thực tiễn về quản trị chiến lược kênh phân phối gắn với một doanh nghiệp đầu mối trong chuỗi cung ứng hiện đại. Học phần trang bị những kiến thức nền tảng như vị trí, vai trò, đặc tính và chức năng của kênh phân phối trong chuỗi cung ứng. Từ đó trình bày khung lý luận cơ bản về quản trị chiến lược kênh phân phối tại một doanh nghiệp đầu mối theo trình tự: Phân tích môi trường, thiết kế cấu trúc, lựa chọn chiến lược và quản lý chiến lược kênh phân phối. Đây là khung khổ cốt lõi để có được các chiến lược kênh phân phối thích nghi với thị trường và chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp. Học phần cũng đề cập tới cấu trúc và chiến lược kênh phân phối của các loại hình doanh nghiệp đầu mối cơ bản trong chuỗi cung ứng như bán lẻ, bán buôn và hình thức nhượng quyền, giúp người học có cái nhìn toàn diện và linh hoạt khi tiếp cận các tình huống chiến lược kênh phân phối trong thực tế.

Quản trị thương hiệu điện tử

Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về quản trị thương hiệu tương tác online (internet và mobile) theo tiếp cận tư duy chiến lược, đáp ứng xu hướng phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận hiện đại về thương hiệu điện tử, các nội dung và quy trình xây dựng thương hiệu, các biện pháp bảo vệ và xử lý khủng hoảng thương hiệu trên internet và mạng di động.

2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành

a. Các học phần bắt buộc

Marketing B2B

Marketing B2B là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản và nội dung hoạt động marketing B2B; trong đó tập trung phân định sự khác biệt giữa marketing B2B với marketing B2C. Đồng thời làm rõ hành vi mua của khách hàng tổ chức để phân đoạn thị trường B2B, xác lập chiến lược marketing, phát triển marketing-mix (nhấn mạnh những khác biệt đặc trưng khác biệt trong quyết định các biến số marketing B2B với marketing B2C) và phát triển, quản trị mối quan hệ B2B. Học phần còn bao

hàm các bài tập và tình huống cụ thể nhằm rèn luyện các kỹ năng điều tra khảo sát, phân tích hiện trạng và các giải pháp ứng xử trong thực tiễn kinh doanh hiện nay.

Quản trị chất lượng

Chất lượng được coi là yếu tố then chốt quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Quản trị chất lượng hiệu quả cũng là hoạt động chính để xây dựng và phát triển thương hiệu. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo các ngành quản trị kinh doanh và marketing.

Quản trị chiến lược

Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Quản trị chuỗi cung ứng

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

Quản trị logistics kinh doanh

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cái nhìn khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với

cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

Mua và quản trị nguồn cung

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ và mức độ cạnh tranh ngày càng tăng cao, các doanh nghiệp phải không ngừng nỗ lực để tìm cách cải thiện hiệu suất và phân biệt với đối thủ. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, các nhà cung cấp có thể có tác động lớn đến tổng chi phí, đồng thời trợ giúp các doanh nghiệp trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Rõ ràng, trong tình thế như vậy, hoạt động mua và quản lý nguồn cung đóng vai trò vô cùng quan trọng. Các công ty cần phải thay đổi sự tập trung của mình từ việc mua hàng theo các giao dịch đơn thuần sang một cái nhìn rộng hơn, chiến lược hơn, để nắm bắt được tất cả các hoạt động liên quan đến quá trình mua sắm, từ việc xác định nhà cung cấp tiềm năng, xây dựng mối quan hệ với nhà cung cấp, cho đến việc đảm bảo đáp ứng đúng yêu cầu về số lượng và chất lượng hàng hóa cũng như phát triển các chiến lược nhằm đảm bảo nguồn cung không bị gián đoạn. Xuất phát từ thực tế trên, học phần Mua và quản lý nguồn cung sẽ cung cấp những kiến thức khái quát nhất liên quan đến hoạt động mua hàng và quản lý nguồn cung tại các doanh nghiệp, từ đó giúp sinh viên nhận thức được các nhu cầu đặt ra khi tiến hành hoạt động mua hàng, đồng thời hiểu được vai trò của hoạt động này đối với thành công tại mỗi doanh nghiệp hiện nay.

*Logistics trong thương mại điện tử**

Học phần cung cấp các kiến thức của toàn bộ quá trình hoạch định, tổ chức và triển khai hoạt động logistics trong thương mại điện tử. Học phần gồm có 6 chương, bắt đầu với phần giới thiệu về logistics TMĐT với những tính chất đặc trưng của logistics trong bối cảnh kinh tế mạng. Chương 2 nghiên cứu các yếu tố hạ tầng căn bản của hệ thống logistics thương mại điện tử. Chương 3 mô tả các hoạt động logistics đầu vào trong thương mại điện tử. Chương 4 tiếp nối với các hoạt động logistics đầu ra trong thương mại điện tử. Chương 5 đề cập về hoạt động vận chuyển và quản lý kho hàng trong logistics TMĐT. Chương cuối cùng, trình bày về các loại hình logistics bán lẻ và xuyên biên giới để doanh nghiệp có thể hiện thực hóa một cách thành công các cơ hội kinh doanh trong nền kinh tế mạng.

Quản lý kho và trung tâm phân phối

Học phần Quản lý kho và trung tâm phân phối là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hoạt động quản lý kho và trung tâm phân phối. Học phần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau: Các dạng chiến lược phân phối hàng hóa và cấu trúc mạng lưới phân phối tương ứng để thực hiện những chiến lược này; Các hoạt động quản lý kho hàng và trung tâm phân phối trên các khía cạnh không gian, thời gian, lưu lượng dòng hàng dự trữ, nguồn nhân lực, hệ thống thông tin, quản lý thiết bị; Các quy trình nghiệp vụ cơ bản trong kho hàng và trung tâm phân phối theo các dòng và phương pháp công nghệ; Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động quản lý kho và trung tâm phân phối.

Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế

Học phần Quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế giới thiệu về dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế, các phương thức giao nhận vận chuyển và các chứng từ vận chuyển thường gặp. Học phần cung cấp kiến thức về quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều hành quy trình giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế.

b. Các học phần tự chọn

Quản trị công nghệ

Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản giúp người học nắm vững các vấn đề liên quan tới quản trị công nghệ như: vai trò của công nghệ và quản trị công nghệ, nhận dạng được các yếu tố cấu thành và các loại công nghệ; các hoạt động cơ bản của quản trị công nghệ; và kinh nghiệm chuyển giao công nghệ ở các nước đang phát triển. Từ đó, học phần cũng giúp người học nhận thức được những thuận lợi, khó khăn và điều kiện để chuyển giao công nghệ thành công ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các hoạt động tác nghiệp của quản trị công nghệ như đánh giá năng lực công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp, đổi mới và chuyển giao công nghệ.

Logistic quốc tế

Học phần logistics quốc tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản về logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. Học phần mô tả cấu trúc mạng lưới logistics quốc tế và việc sử dụng các hoạt động thuê ngoài logistics trong bối cảnh thương mại toàn cầu. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế tham gia vào chuỗi cung ứng quốc tế có thể thích nghi các hoạt động tầm chiến lược và tác nghiệp của mình trước những biến đổi liên tục của môi trường kinh doanh quốc tế.

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế

Luật thương mại quốc tế

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về Luật thương mại quốc tế có sự tham gia của các quốc gia gồm các thiết chế điều chỉnh thương mại quốc tế, thương mại hàng hóa quốc tế, thương mại dịch vụ quốc tế, vấn đề quyền sở hữu trí tuệ, đầu tư nước ngoài trong thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các quốc gia. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này.

Marketing quốc tế

Học phần bao gồm hai phần:

- + *Phân tích thị trường và quản trị thời cơ marketing quốc tế*: Khái quát các quan điểm quản trị marketing quốc tế, phân tích các nhân tố môi trường marketing quốc tế và thị trường quốc tế làm cơ sở đánh giá và quản trị thời cơ marketing quốc tế của công ty kinh doanh.
- + *Quản trị marketing quốc tế*: Chiến lược marketing quốc tế, quản trị các nỗ lực marketing-mix và từng thành tố của marketing mix trên thị trường quốc tế, tổ chức và kế hoạch hóa marketing quốc tế của công ty kinh doanh.

Nghiệp vụ hải quan

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát về hải quan, trị giá hải quan, thủ tục hải quan cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan và quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan. Đặc biệt, học phần cũng cung cấp cho người học những hiểu biết, kỹ năng cần thiết để thực hiện khai hải quan và làm thủ tục hải quan đối với các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Học

phần cũng đề cập đến cơ sở luận và thực tiễn về hoạt động quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan để đảm bảo hạn chế được các gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan.

Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu bao gồm: phương tiện thanh toán quốc tế và điều kiện thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu.

Quản trị PR

Quản trị quan hệ công chúng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng các giai đoạn của quá trình quản trị PR; đồng thời cung cấp cho người học có được kiến thức tổng quát và hữu dụng về các công cụ và các công chúng trong hoạt động PR làm cơ sở tạo lập một giải pháp sáng tạo và phù hợp nhất cho những vấn đề gặp phải sau này.

2.3 Kiến thức bổ trợ

a. Học phần bắt buộc

Quản trị thương hiệu 1

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Thương mại điện tử căn bản

Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

b. Học phần tự chọn

Chiến lược thương hiệu

Học phần cung cấp những kiến thức nâng cao về chiến lược thương hiệu và quản trị chiến lược thương hiệu trong doanh nghiệp. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Định hướng chiến lược thương hiệu trong quan hệ với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; Các vấn đề về định vị và liên kết thương hiệu; các kỹ năng phân tích và xác lập kiến trúc thương hiệu, lựa chọn mô hình thương hiệu cũng như danh mục thương hiệu chiến lược trong doanh nghiệp; vấn đề rủi ro và quản trị rủi ro trong xây dựng thương hiệu; kỹ năng xác lập và điều hành các dự án truyền thông thương hiệu.

Quản trị nhân lực căn bản

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công

việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

Quản lý nhà nước về thương mại

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản của quản lý nhà nước đối với các loại hình và hoạt động thương mại. Nội dung chính của học phần bao gồm: bản chất, đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về thương mại; Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về thương mại; nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về thương mại; các quan điểm và phương hướng đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với thương mại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Hệ thống thông tin quản lý

Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các đơn vị công; giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng hệ thống thông tin, từ đó sinh viên có thể vận dụng các phương pháp và công cụ để phân tích, thiết kế được hệ thống cũng như quản trị hệ thống thông tin trong đơn vị công. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức giúp sinh viên tiếp cận các hệ thống tốt hơn sau khi ra trường.

2.4 Thực tập tốt nghiệp

Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp

Sinh viên đi thực tập ở các tổ chức và doanh nghiệp và viết báo cáo thực tập tổng hợp về khái quát về công ty; mô tả, phân tích và đánh giá bối cảnh và hoạt động kinh doanh, logistics và quản lý chuỗi cung ứng của các tổ chức/ doanh nghiệp.

Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp

Các kiến thức, kỹ năng, và năng lực người học tích lũy từ các học phần trong chương trình đào tạo để giải quyết một vấn đề trong quản trị Logistics hoặc Quản lý Chuỗi cung ứng của đơn vị thực tập. Người học phải thực tập ở đơn vị thực tập, nghiên cứu tìm hiểu vấn đề Logistics hoặc Quản lý Chuỗi cung ứng đã nhận dạng của đơn vị. Dựa trên các lý luận đã được học, nghiên cứu phân tích làm rõ thực trạng vấn đề đã chọn nghiên cứu và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề của Logistics hoặc Quản lý Chuỗi cung ứng đã được chọn làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

5. Chương trình đào tạo Logistics và Xuất nhập khẩu (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế)

I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1.1 Giáo dục đại cương

1.1.1 Các học phần bắt buộc

Triết học Mác - Lê Nin (Philosophy of Marxism - Leninism): 3TC (36,18)

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political economics of Marxism - Leninism): 2TC (24,12)

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology): 2TC (24,12)

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party): 2TC (21,18)

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism): 2TC (24, 12)

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương (Introduction to Laws): 2TC (24,12)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội

dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh tăng cường 1.1 (Intensive English 1.1): 4TC (48,24)

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.1 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh tăng cường 1.2 (Intensive English 1.2): 4TC (48,24)

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.2 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh nâng cao 1.1 (Advanced English 1.1): 5TC (60,30)

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới

Tiếng Anh nâng cao 1.2 (Advanced English 1.2): 5TC (60,30)

Học phần Tiếng Anh nâng cao 2 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Information Technology Foundation): 3TC (36,18)

Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến

thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

1.1.1 Các học phần tự chọn

Kinh tế lượng (Econometrics): 03 TC (36,18)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in business): 03 TC (0,90)

Người học sẽ được trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh. Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.

1.2 Giáo dục thể chất

1.2.1 Các học phần bắt buộc

Giáo dục thể chất chung (Physical Education): 1 TC (12,18)

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

1.2.2 Các học phần tự chọn

Cầu lông (Badminton): 1 TC (12, 18)

Bóng chuyền (Volleyball): 1 TC (12, 18)

Bóng ném (Handball): 1 TC (12, 18)

Bóng bàn (Table Tennis): 1 TC (12, 18)

Bóng rổ (Basketball): 1 TC (12, 18)

Cờ vua (Chess): 1 TC (12, 18)

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về cờ Vua, môn thể thao có tác dụng phát triển tư duy logic, luyện trí thông minh, tính tổ chức kỷ luật, rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, tính quyết đoán và táo bạo trong xử lý tình huống.

II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

2.1 Kiến thức liên ngành

2.1.1 Các học phần bắt buộc

Kinh tế học (Economics): 3TC (36,18)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vi mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế

vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

Chuyển đổi số trong kinh doanh (Digital transformation in business): 2TC (24,12)

Học phần cung cấp kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm, phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT, đặc điểm chuyển đổi số, hệ sinh thái của chuyển đổi số, các giai đoạn chuyển đổi số, quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh, giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

Thực tập nghề nghiệp (Internship): 2TC (0,60)

Học phần Thực tập nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức liên ngành của CTĐT Định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, thuộc khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: Vận dụng kiến thức quản trị học và khởi sự kinh doanh để tìm hiểu về quá trình hình thành, phát triển của doanh nghiệp/tổ chức, tìm hiểu về lĩnh vực ngành nghề của doanh nghiệp/tổ chức, nguồn lực và các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp/tổ chức như: marketing, nhân lực, kế toán, tài chính của doanh nghiệp... Hiểu về các vị trí nghề nghiệp logistics và xuất nhập khẩu tại một doanh nghiệp/tổ chức; chức năng, nhiệm vụ của vị trí nghề nghiệp đó; các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng đối với nhân lực làm việc tại từng vị trí nghề nghiệp.

Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong Kinh doanh (Artificial Intelligence for business): 3TC (36,18)

Là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản của sinh viên đại học. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Quản trị học (Fundamentals of Management): 3TC (36,18)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Marketing căn bản (Principles of Marketing): 3TC (36,18)

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Nguyên lý quản trị nhân lực (Principles of Human Resource Management): 3TC (36,18)

Học phần này trang bị cho người học một số nội dung chính như: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực; nội dung thiết yếu của quản trị nhân lực (phân tích công việc, tuyển dụng và lựa

chọn, đào tạo và phát triển nhân viên, quản lý hiệu suất, quản lý lương thưởng), xu hướng quản trị nhân lực.

Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting): 3TC (36,18)

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.

Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (Money, Banking and Financial Market) 3TC (36,18)

Sau khi hoàn thành môn học, học viên nắm được những kiến thức cơ bản về tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính; vận dụng những kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ. Hơn nữa, sinh viên được hình thành kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm để hiểu, phân tích các hiện tượng trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản một cách có hệ thống về hệ thống tài chính tiền tệ, bao gồm cả hoạt động trong nước và hoạt động toàn cầu của hệ thống: Các khái niệm về tiền tệ, lạm phát và thị trường tài chính; chính sách tiền tệ và hoạt động của nó ở Việt Nam; những kiến thức cơ bản về hệ thống ngân hàng.

Khởi sự kinh doanh (Entrepreneurship): 3TC (36,18)

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới. Ngoài ra học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về khởi sự kinh doanh sáng tạo và khởi sự kinh doanh xã hội.

2.1.2 Các học phần tự chọn

Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methodology): 3TC (36,18)

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

Quản trị dịch vụ (Service Management): 3TC (36,18)

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Luật kinh tế 1 (Economic law 1): 3TC (36,18)

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh

doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

Kinh doanh quốc tế (International Business): 3TC (36,18)

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

Kinh tế quốc tế 1 (International economics 1): 3TC (36,18)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

Khoa học hàng hóa (Commodity Science): 3TC (36,18)

Học phần đề cập những vấn đề chung đối với hàng hoá, bao gồm: phân loại, cơ cấu mặt hàng và cơ sở hình thành cơ cấu mặt hàng hợp lý, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hoá, các yêu cầu chung đối với chất lượng hàng hoá, các chỉ tiêu chất lượng, phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng và làm biến động đến chất lượng hàng hoá, các biện pháp chăm sóc bảo quản, đồng thời đề cập đến vấn đề tiêu chuẩn hoá, quy chuẩn kỹ thuật.

Đàm phán thương mại quốc tế (International trade negotiation): 3 TC (36,18)

Học phần Đàm phán thương mại quốc tế nghiên cứu các vấn đề cơ bản trong đàm phán thương mại quốc tế bao gồm đặc điểm và vai trò của đàm phán thương mại quốc tế, các hình thức đàm phán thương mại quốc tế, một số chiến lược, các phương pháp tiếp cận trong đàm phán thương mại quốc tế. Đặc biệt học phần nghiên cứu về văn hóa đàm phán của một số đối tác trên thế giới; những nội dung, các kỹ thuật, quy trình tổ chức đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế cũng như nội dung, quy trình tiến hành đàm phán ký kết hiệp định thương mại quốc tế. Ngoài những kiến thức cơ bản về đàm phán thương mại quốc tế, người học còn được cung cấp những tình huống về đàm phán ký kết hợp đồng và đàm phán ký kết hiệp định thương mại quốc tế.

Quản trị logistics Kinh doanh (Business Logistics Management): 3TC (36,18)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cách khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng

bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

Mua và Quản trị nguồn cung (Purchasing and Supply Management): 3TC (36,18)

Học phần này cung cấp các kiến thức tổng quan từ khái niệm, lịch sử phát triển & quan điểm tiếp cận tới cấu trúc tổ chức trong công tác mua và quản trị nguồn cung. Học phần còn nghiên cứu các chính sách, quá trình tác nghiệp, quản trị chi phí, quyết định thuê ngoài, quá trình chiến lược mua và quản trị quan hệ nhà cung cấp. Đồng thời, học phần còn giới thiệu những xu hướng phát triển của công tác mua và quản trị nguồn cung trong tương lai.

2.2 Kiến thức ngành

2.2.1 Các học phần bắt buộc

Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management): 3TC (36,18)

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế (International Trade Operation Management): 3TC (36,18)

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế.

Thực hành nghề nghiệp Xuất nhập khẩu (Professional Practice in Export - Import): 3TC (0,90)

Học phần Thực hành nghề nghiệp Xuất nhập khẩu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của CTĐT Logistics và Xuất nhập khẩu định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, Khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: phân tích môi trường vĩ mô, môi trường ngành và nguồn lực logistics của doanh nghiệp; nắm bắt thực trạng hoạt động logistics tại doanh nghiệp sản xuất, thương mại hoặc doanh nghiệp dịch vụ logistics; phát hiện được các vấn đề tồn tại trong hoạt động logistics của các doanh nghiệp này và đề xuất hướng giải quyết vấn đề.

2.2.2 Các học phần tự chọn

Kinh tế chia sẻ (Sharing economy): 3TC (36,18)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế chia sẻ, bao gồm: khái niệm, đặc trưng, phân loại, vai trò, tác động, xu hướng phát triển của kinh tế chia sẻ. Trên cơ sở đó phân tích

sự vận hành của kinh tế chia sẻ, và từ đó tìm hiểu về cách thức quản trị hiệu quả nền tảng kinh tế chia sẻ.

Quản trị đổi mới sáng tạo (Innovation management): 3TC (36,18)

Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo gồm 5 Chương. Chương 1 đưa ra các kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo. Chương 2 giới thiệu nội dung đầu tiên trong quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là phân tích môi trường và tìm kiếm cơ hội và nguồn cho đổi mới sáng tạo. Chương 3 tập trung vào nội dung thứ 2 của quy trình đổi mới sáng tạo đó là lựa chọn định hướng đổi mới sáng tạo, Chương 4 là nội dung thứ 3 của quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là triển khai. Và cuối cùng chương 5 cung cấp kiến thức về nội dung và các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

Quản lý kho và Trung tâm phân phối (Warehouse and Distribution Center): 3TC (36,18)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hoạt động quản lý kho và trung tâm phân phối. Học phần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau: Các dạng chiến lược phân phối hàng hóa và cấu trúc mạng lưới phân phối tương ứng để thực hiện những chiến lược này; Các hoạt động quản lý kho hàng và trung tâm phân phối trên các khía cạnh không gian, thời gian, lưu lượng dòng hàng dự trữ, nguồn nhân lực, hệ thống thông tin, quản lý thiết bị; Các quy trình nghiệp vụ cơ bản trong kho hàng và trung tâm phân phối theo các dòng và phương pháp công nghệ; Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động quản lý kho và trung tâm phân phối.

Đầu tư quốc tế (International investment): 3TC (36,18)

Học phần nghiên cứu những hình thức cơ bản về Đầu tư quốc tế. Nghiên cứu cụ thể sự hình thành và phát triển của hoạt động Đầu tư quốc tế, tại sao các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động đầu tư quốc tế, bản chất, đặc điểm và các hình thức của ĐTQT, vai trò của từng loại hình đầu tư quốc tế với nước nhận đầu tư, nước đầu tư và nhà đầu tư; bên cạnh đó cũng xem xét đến các vấn đề còn nhiều tranh luận liên quan đến đầu tư quốc tế; học phần đồng thời nghiên cứu hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài với hình thức và nội dung cơ bản có liên quan.

2.3 Kiến thức chuyên ngành

Logistics quốc tế (International Logistics): 3TC (36,18)

Cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng về cấu trúc mạng lưới logistics quốc tế với các điểm nút trọng yếu, làm rõ những thay đổi cơ bản của cả chuỗi hoạt động logistics quốc tế và sự hỗ trợ tích cực của chiến lược thuê ngoài trong môi trường này. Học phần cung cấp các kỹ năng phân tích, hoạch định và triển khai hoạt động logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. Kỹ năng giải quyết các vấn đề, phối kết hợp và xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. Trang bị cho sinh viên có ý thức cố gắng trong học tập, trong thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu; có ý thức phấn đấu trở thành người am hiểu rộng và có kiến thức về logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế.

Logistics trong thương mại điện tử (Logistics for e-commerce): 3TC (36,18)

Học phần cung cấp các kiến thức của toàn bộ quá trình hoạch định, tổ chức và triển khai hoạt động logistics trong thương mại điện tử. Học phần gồm có 6 chương, bắt đầu với phần giới thiệu về logistics TMĐT với những tính chất đặc trưng của logistics trong bối cảnh kinh tế mạng. Chương 2 nghiên cứu các yếu tố hạ tầng căn bản của hệ thống logistics thương mại điện tử. Chương 3 mô tả các hoạt động logistics đầu vào trong thương mại điện tử. Chương 4 tiếp nối với các hoạt động logistics đầu ra trong thương mại điện tử. Chương 5 đề cập về hoạt động vận chuyển và quản lý kho hàng trong logistics TMĐT. Chương cuối cùng, trình bày về các loại hình chiến lược

logistics TMĐT để doanh nghiệp có thể hiện thực hóa một cách thành công các cơ hội kinh doanh trong nền kinh tế mạng.

Quản trị vận chuyển hàng hoá quốc tế (International Transportation Management): 3TC (36,18)

Học phần Quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế giới thiệu về dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế, các phương thức giao nhận vận chuyển và các chứng từ vận chuyển thường gặp. Học phần cung cấp kiến thức về quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều hành quy trình giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế.

Nghệp vụ hải quan (Customs practice) 3TC (36,18)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát về hải quan, trị giá hải quan, thủ tục hải quan cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan và quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan. Đặc biệt, học phần cũng cung cấp cho người học những hiểu biết, kỹ năng cần thiết để thực hiện khai hải quan và làm thủ tục hải quan đối với các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Học phần cũng đề cập đến cơ sở luận và thực tiễn về hoạt động quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan để đảm bảo hạn chế được các gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan.

Thực hành nghề nghiệp logistics (Professional practice in Logistics): 3TC (0,90)

Học phần Thực hành nghề nghiệp Logistics là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của CTĐT Logistics và Xuất nhập khẩu định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, Khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: phân tích môi trường vĩ mô, môi trường ngành và nguồn lực logistics của doanh nghiệp; nắm bắt thực trạng hoạt động logistics tại doanh nghiệp sản xuất, thương mại hoặc doanh nghiệp dịch vụ logistics; phát hiện được các vấn đề tồn tại trong hoạt động logistics của các doanh nghiệp này và đề xuất hướng giải quyết vấn đề.

2.4 Thực tập nghề nghiệp về logistics

Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp (Internship project report): 3TC (0,90)

Sinh viên đi thực tập ở các tổ chức và doanh nghiệp và viết báo cáo thực tập tổng hợp về khái quát về công ty; mô tả, phân tích và đánh giá bối cảnh và hoạt động kinh doanh, hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng của các tổ chức/doanh nghiệp.

Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp (Graduation Thesis): 7 TC (0,210)

Các kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học đã tích lũy từ các học phần trong chương trình đào tạo được sử dụng để giải quyết một vấn đề liên quan đến logistics hoặc quản lý chuỗi cung ứng của đơn vị thực tập. Người học phải thực tập ở đơn vị thực tập, nghiên cứu tìm hiểu vấn đề logistics hoặc quản lý chuỗi cung ứng của đơn vị. Dựa trên các lý luận đã được học, người học nghiên cứu, phân tích làm rõ thực trạng vấn đề và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề liên quan đến logistics hoặc quản lý chuỗi cung ứng của đơn vị thực tập đã chọn làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

VI. KINH TẾ - LUẬT

1. Chương trình đào tạo Quản lý kinh tế

1. Triết học Mác – Lênin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất

và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

6. Tiếng Anh 1

“Tiếng Anh 1” gồm 6 bài đầu của giáo trình “Market Leader -Elementary” của David Cotton, David Falvey và Simon Kent (2007) giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về công việc và sở thích, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại, cách thức đặt phòng trong khách sạn và kiểm tra việc đặt trước, cách thức gọi món ăn trong nhà hàng, thực hiện một bài nói giới thiệu sản phẩm, cách thức

giải quyết những vấn đề cơ bản, cách thức tham gia thảo luận, v.v. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu và giúp sinh viên thực hành một số hiện tượng ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.

7. Tiếng Anh 2

Học phần “Tiếng Anh 2” giúp sinh viên tiếp tục làm quen với ngôn ngữ Anh trong môi trường thương mại qua giáo trình “Market Leader – Elementary” (bài 7, 8, 9, 10, 11, 12) của David Cotton, David Falvey và Simon Kent (2007). Học phần giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như giao tiếp với đồng nghiệp, lãnh đạo, thực hiện một bài thuyết trình về công ty hoặc về một sản phẩm, bày tỏ ý kiến của bản thân về một vấn đề, v.v. giúp sinh viên có thể thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu một số yếu tố khác như từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

8. Tiếng Anh 3

Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Market Leader” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 6 chương cung cấp nội dung kiến thức trong lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại gồm: Sự nghiệp, Mua hàng trên mạng, Công ty, Sáng kiến, Sự căng thẳng, Hoạt động giải trí của doanh nghiệp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: động từ khuyết thiếu chỉ khả năng, yêu cầu và đề nghị; động từ khuyết thiếu must, need to, have to, should; thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành và động từ kép. Sau khi hoàn thành 6 chương, sinh viên có thể thực hiện các cuộc gọi trên điện thoại, đàm phán, thuyết trình về một công ty, tham gia một cuộc họp, thảo luận về những nghề gây căng thẳng, stress nhất và có thể chào hỏi và nói chuyện phiếm bằng tiếng Anh.

9. Tin học quản lý

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,... Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS-Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

10. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

11. Pháp luật đại cương

Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo các ngành không chuyên luật nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm của nhà nước và pháp luật, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, mối liên hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội, hình thức tồn tại và sự vận hành của pháp luật trong đời sống xã hội. Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung: Nguồn gốc, bản chất đặc điểm của nhà nước và pháp luật; Các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử; Hình thức pháp luật; Thực hiện pháp luật và Vi phạm

pháp luật; Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Hệ thống pháp luật nước CHXHCN Việt Nam. Học phần cũng tập trung nghiên cứu một số nội dung pháp lý cơ bản của Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính và pháp luật về phòng chống tham nhũng.

12. Toán đại cương

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vector, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.

13. Cơ sở văn hoá Việt Nam

Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (*Định hướng nghề nghiệp*) và Quản trị khách sạn (*Định hướng nghề nghiệp*). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hoá Việt Nam; văn hoá Việt Nam vùng Tây Bắc, Việt Bắc và châu thổ Bắc Bộ; văn hoá Việt Nam vùng Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

14. Lịch sử các học thuyết kinh tế

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay: Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

15. Lịch sử kinh tế Việt Nam

Nội dung học phần gồm 7 chương, trong đó chương 1 giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và vai trò, ý nghĩa của học phần. Từ chương 2 đến chương 7, giới thiệu quá trình hình thành, phát triển của nền kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ: Tiền phong kiến và phong kiến (từ nguyên thủy đến năm 1858), thực dân Pháp thống trị (1858-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), kinh tế cả nước thời kỳ 1955-1975, kinh tế thời kỳ trước đổi mới (1976-1985) và kinh tế trong 30 năm đổi mới (1986-2016).

16. Kinh tế vi mô 1

Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

17. Kinh tế vĩ mô 1

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài

khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

18. Kinh tế lượng

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

19. Nguyên lý quản lý kinh tế

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò và mục tiêu của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

20. Tiếng Anh thương mại 1

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

21. Tiếng Anh thương mại 2

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

22. Kinh tế vi mô 2

Kinh tế vi mô 2 cung cấp các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết hành vi, lý thuyết về hành vi của các hãng đặc biệt là nghiên cứu sâu hơn về các hãng trên thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; phân tích chính sách phân biệt giá của các hãng độc quyền, lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp độc quyền nhóm; Phân tích cân bằng tổng quát và các điều kiện hiệu

quả trong thị trường cạnh tranh. Ngoài ra, học phần cũng phân tích về những khuyết tật của thị trường và vai trò của Chính phủ.

23. Kinh tế vĩ mô 2

Hai chương đầu đề cập đến hoạt động của nền kinh tế trong ngắn hạn bao gồm: phân tích tổng cầu, tổng cung và lý giải các dao động kinh tế trong ngắn hạn, nghiên cứu mô hình phân tích tác động trong ngắn hạn của chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở. Bốn chương tiếp theo đề cập đến hoạt động của nền kinh tế trong dài hạn. Trong đó đề cập đến các nội dung về sản xuất và phân bổ sản lượng và trạng thái cân bằng của thị trường hàng hóa dịch vụ, nghiên cứu mối quan hệ giữa tiết kiệm và đầu tư, xuất khẩu ròng và đầu tư nước ngoài ròng, mô hình cân bằng của thị trường vốn vay trong nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở, mô hình xác định tỷ giá hối đoái thực và phân tích tác động của các chính sách vĩ mô trong dài hạn. Chương tiếp theo đề cập đến thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn. Lý thuyết về tăng trưởng kinh tế được trình bày ở chương cuối cùng nêu ra các mô hình để giải thích nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

24. Kinh tế phát triển

Học phần giới thiệu lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng và phúc lợi con người. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế : lao động, vốn, công nghệ kỹ thuật. Các chính sách phát triển kinh tế : chính sách phát triển nông thôn, chính sách công nghiệp hoá và sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt nam.

25. Nguyên lý thống kê

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần cung cấp cho người học những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu; Các phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê

26. Nhập môn tài chính – tiền tệ

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,... Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS-Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

27. Kinh tế thương mại đại cương

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như: bản chất kinh tế, chức năng và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề kinh tế cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; Các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; Phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

28. Kinh tế môi trường

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

29. Chính phủ điện tử

Là học phần bắt buộc thuộc bộ phận kiến thức chuyên ngành quản trị thương mại điện tử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.

30. Khởi sự kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

31. Luật hành chính

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,... Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS-Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

32. Chuyển đổi số trong kinh doanh: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

33. Kinh tế công cộng

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản gồm: bản chất, nội dung của khu vực công cộng và tính quy luật phát triển của nó trong mối quan hệ hữu cơ với khu vực tư nhân; những thất bại của thị trường làm cơ sở đề xuất các giải pháp can thiệp của Chính phủ; đánh giá các chính sách can thiệp của Chính phủ theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội cũng như tác động của những chính sách này tới lợi ích của các đối tượng khác nhau trong xã hội

34. Kinh tế đầu tư (*)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo kinh tế, quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong Trường. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến lĩnh vực đầu tư nhằm thực hiện các mục tiêu phát

triển kinh tế - xã hội. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về đầu tư và đầu tư phát triển, các nguồn vốn đầu tư, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung của đầu tư công, đầu tư quốc tế và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư.

35. Quản lý nhà nước về kinh tế (*)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm: Những vấn đề chung về quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực kinh tế chủ yếu như: đầu tư, tài chính - tiền tệ, kinh tế đối ngoại, khoa học - công nghệ và tài nguyên - môi trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng loại hình doanh nghiệp, bao gồm cả hai khu vực: doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước; vấn đề đổi mới, hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta hiện nay.

36. Chính sách kinh tế - xã hội

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về chính sách kinh tế - xã hội. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức về: bản chất và vai trò của chính sách kinh tế - xã hội; các nguyên tắc của chính sách kinh tế - xã hội; quá trình hoạch định, tổ chức, thực thi, đánh giá và điều chỉnh chính sách kinh tế - xã hội; các yếu tố ảnh hưởng đến thực thi chính sách; một số chính sách kinh tế - xã hội chủ yếu của nhà nước.

37. Quản lý phát triển kinh tế địa phương

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý phát triển kinh tế địa phương. Nội dung chính của học phần bao gồm: những vấn đề chung về quản lý phát triển kinh tế địa phương như: bản chất, cơ chế hình thành và vai trò của quản lý phát triển kinh tế địa phương; một số lý thuyết, mô hình và các công cụ, chính sách quản lý phát triển kinh tế địa phương; quan hệ phát triển kinh tế giữa các địa phương; chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế địa phương.

38. Quản lý nhà nước về thương mại

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý của nhà nước đối với các loại hình và hoạt động thương mại. Nội dung chính của học phần bao gồm: bản chất, đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về thương mại; Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về thương mại; Nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về thương mại; các quan điểm và phương hướng đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với thương mại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

39. Kế hoạch hóa phát triển

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kế hoạch hóa phát triển. Nội dung chính của học phần bao gồm: Bản chất của kế hoạch hóa phát triển, gồm: bản chất của kế hoạch hóa tập trung và kế hoạch hóa định hướng; quá trình và một số vấn đề đổi mới công tác kế hoạch hóa ở Việt Nam; các nội dung kế hoạch hóa phát triển như: dự báo, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; vấn đề về cân đối ngân sách trong kế hoạch phát triển.

40. Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường và công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này thông qua việc giới thiệu khái niệm, mục tiêu, chức năng, các nội dung, nguyên tắc và bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Học phần đi sâu phân tích các công cụ luật pháp, công cụ kinh tế và quy hoạch bảo vệ tài nguyên và môi trường được sử dụng trong quá trình quản lý nhà nước về lĩnh vực này.

41. Kinh tế học quản lý

Kinh tế học quản lý là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức ngành kinh tế, là khoa học kinh tế vi mô ứng dụng. Học phần sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng để ước lượng và dự báo cung - cầu, sản xuất, chi phí sản xuất; phân tích và nghiên cứu sâu về hành vi lựa chọn của người tiêu dùng và của doanh nghiệp trong các trường hợp chắc chắn, rủi ro và bất định. Thêm vào đó, học phần nghiên cứu việc ra quyết định của các nhà quản lý trong các cấu trúc thị trường khác nhau dựa vào các kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất - kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác, giúp người học tiếp cận những học phần chuyên ngành chuyên sâu thuộc các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

42. Kinh tế doanh nghiệp

Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán doanh nghiệp, kinh tế quốc tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, tiếng Anh thương mại; Là học phần thuộc khối kiến thức ngành của các chuyên ngành: Quản lý kinh tế, thương mại quốc tế trong Trường Đại học Thương mại. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiêu thụ, cung ứng, hoạt động sản xuất và hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ của doanh nghiệp. Đồng thời học phần trang bị kỹ năng ra quyết định kinh tế trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; Đảm bảo các nguồn lực và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để triển khai các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

43. Luật kinh tế

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế. Học phần cung cấp những kiến thức pháp luật trong hoạt động kinh doanh do vậy nội dung cơ bản của học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về các loại hình doanh nghiệp (về bản chất pháp lý, về quản lý nội bộ, quy chế thành lập, giải thể, tổ chức lại và phá sản của Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân và Doanh nghiệp nhà nước); học phần cũng tập trung nghiên cứu pháp luật về Hợp đồng thương mại và một số hoạt động thương mại cụ thể; các tranh chấp kinh doanh thương mại và phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và bằng tòa án. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo này nhằm giúp người học đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo.

44. Các chính sách và mô hình phân tích dự báo KT-XH

Phương pháp dự báo dựa trên mô hình hồi quy nhiều biến (dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt), các kỹ thuật phân tích và dự báo trên chuỗi thời gian (các kỹ thuật san, phương pháp Box-Jenkins).

45. Kinh tế quốc tế 1

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

46. Quản lý đầu tư kinh doanh bất động sản

Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chuyên ngành Quản lý kinh tế. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về bất động sản, thị trường bất động

sản, định giá bất động sản, các hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản và quản lý nhà nước về đầu tư kinh doanh bất động sản.

47. Tài chính quốc tế

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, các giao dịch trên thị trường ngoại hối và chính sách điều hành tỉ giá hối đoái, các hoạt động thanh toán, đầu tư, tín dụng và hỗ trợ phát triển chính thức, liên minh thuế quan giữa các quốc gia và cán cân thanh toán quốc tế

48. Quản trị chiến lược

Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

49. Quản trị dịch vụ

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

50. Kinh doanh quốc tế

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

51. Pháp luật về phòng vệ thương mại

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế của trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

52. Pháp luật về hợp đồng

+ Luật Hợp đồng là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế.

+ Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng và pháp luật về hợp đồng ở Việt nam gồm khái niệm, các tiêu chí để nhận diện bản chất pháp lý của các loại hợp đồng; nguồn luật về hợp đồng và các nguyên tắc áp dụng pháp luật về hợp đồng. Trên cơ sở những vấn đề lý luận nêu trên, học phần đề cập tới các nội dung pháp lý cụ thể gắn liền với vấn đề Giao kết hợp đồng và Thực hiện hợp đồng gồm: Xác định sự hình thành hợp đồng; các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu; cơ sở pháp lý cho việc giải thích hợp đồng; thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng; trách nhiệm pháp lý khi có sự vi phạm hợp đồng.

+ Từ những vấn đề lý luận và nội dung pháp lý nền tảng về hợp đồng nêu trên học phần tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về các loại hợp đồng thông dụng phát sinh trong quá trình chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và trong quá trình thực hiện các dịch vụ khác nhau trong đời sống kinh tế xã hội hiện nay.

53. Thống kê kinh tế

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức của thống kê kinh tế như: Đối tượng nghiên cứu, hệ thống tài khoản quốc gia; thống kê các chỉ tiêu phản ánh nguồn lực của nền kinh tế quốc dân và việc sử dụng các nguồn lực này; thống kê kết quả sản xuất thông qua chỉ tiêu giá trị sản xuất, tổng sản phẩm trong nước; thống kê ngân sách nhà nước, tiền tệ và tín dụng.

54. Hệ thống thông tin quản lý

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý, làm cơ sở cho các học phần khác thuộc chuyên ngành.

Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

55. Kiểm toán căn bản

Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

56. Quản lý tài sản trí tuệ

Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức căn bản về quản lý các tài sản trí tuệ trên cả 2 phạm trù là quản lý nhà nước và quản trị trong các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học như các trường đại học, các viện nghiên cứu...

Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát chung về tài sản trí tuệ và các quyền đối với tài sản trí tuệ; Nhận diện và phân định các loại tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, tổ chức; Các quy định pháp lý về các đối tượng sở hữu trí tuệ và những vấn đề cơ bản Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nguồn vốn trí tuệ và quản lý quá trình hình thành các tài sản trí tuệ; Quản lý và xác lập các quyền đối với các tài sản trí tuệ (như quyền tài sản, quyền nhân thân, quyền sử dụng và quyền quản lý); Quản lý quá trình sử dụng, khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, tổ chức; Định giá và chuyển giao các tài sản trí tuệ của tổ chức doanh nghiệp.

57. Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.

58. Quản trị đa văn hóa

Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

59. Quản trị chuỗi cung ứng

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

VI. LUẬT

1. Chương trình đào tạo Luật kinh tế

1. Triết học Mác – Lênin: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. Chủ nghĩa xã hội khoa học: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

6. Tiếng Anh 1: Học phần “*Tiếng Anh 1*” gồm 4 bài đầu của giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

7. Tiếng Anh 2: Học phần “*Tiếng Anh 2*” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

8. Tiếng Anh 3: Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “*Life*” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

9. Tin học quản lý: Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và

học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu... Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

10. Phương pháp nghiên cứu khoa học: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

11. Kinh tế vi mô 1: Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

12. Kinh tế vĩ mô 1: Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

13. Cơ sở văn hóa Việt Nam: Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (*Định hướng nghề nghiệp*) và Quản trị khách sạn (*Định hướng nghề nghiệp*). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hoá Việt Nam; văn hoá Việt Nam vùng Tây Bắc, Việt Bắc và châu thổ Bắc Bộ; văn hoá Việt Nam vùng Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

14. Logic học: Logic học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn nhằm nhận thức đúng thế giới hiện thực khách quan. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi logic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác, chặt chẽ và vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác.

15. Lịch sử kinh tế Việt Nam: Nội dung học phần gồm 7 chương, trong đó chương 1 giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và vai trò, ý nghĩa của học phần. Từ chương 2 đến chương 7, giới thiệu quá trình hình thành, phát triển của nền kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ: Tiền phong kiến và phong kiến (từ nguyên thủy đến năm 1858), thực dân Pháp thống trị (1858-

1945), kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), kinh tế cả nước thời kỳ 1955-1975, kinh tế thời kỳ trước đổi mới (1976-1985) và kinh tế trong 30 năm đổi mới (1986-2016).

16. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức lý luận nền tảng về nhà nước và pháp luật, cụ thể gồm: Khái quát Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; Những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức ... của nhà nước và pháp luật; Những vấn đề pháp lý về Hệ thống pháp luật và quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật và thực hiện pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật.

17. Luật dân sự 1: Luật Dân sự 1 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý về dân sự như hệ thống các khái niệm về đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguyên tắc của luật dân sự...; quan hệ pháp luật dân sự và một số chế định pháp lý cơ bản của đời sống dân sự như: giao dịch dân sự; đại diện; thời hạn và thời hiệu; tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; quyền thừa kế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế, giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

18. Luật dân sự 2: Luật Dân sự 2 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật kinh tế. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu các chế định pháp lý cơ bản của lĩnh vực dân sự như: nghĩa vụ dân sự; bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; nghĩa vụ ngoài hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế, giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

19. Luật hiến pháp: Luật Hiến pháp là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành luật kinh tế. Đây là học phần chuyên ngành tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản trong lĩnh vực lập hiến và xây dựng bộ máy nhà nước Việt Nam gồm: Lịch sử hình thành và phát triển của Hiến pháp Việt Nam; Các chế định cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội; Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam theo quy định của Hiến pháp hiện hành.

20. Luật hành chính: Đây là học phần thuộc bắt buộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về quản lý hành chính nhà nước. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về Quy phạm pháp luật hành chính và Quan hệ pháp Luật hành chính; Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính; Quyết định hành chính; Địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của cán bộ, công chức nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội; Địa vị pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; Các biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.

21. Tiếng Anh thương mại 1: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính

từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

22. Tiếng Anh thương mại 2: Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

23. Luật so sánh: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các hệ thống pháp luật trên thế giới làm nền tảng cho việc nghiên cứu về chuyên ngành luật nói chung và chuyên ngành luật thương mại quốc tế nói riêng, cụ thể là: những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu của luật học so sánh; Sự hình thành và phát triển của các hệ thống pháp luật đặc trưng trên thế giới; Các loại nguồn luật, cách thức áp dụng các nguồn luật khác nhau trong các hệ thống pháp luật; Hệ thống tòa án và thẩm quyền giải quyết các vụ việc của tòa án ở một số nước đặc trưng trên thế giới...

24. Xây dựng văn bản pháp luật: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản sau: Những vấn đề chung về văn bản pháp luật và xây dựng văn bản pháp luật; xác định các loại văn bản pháp luật và hiệu lực của các văn bản pháp luật; Quy trình xây dựng, soạn thảo văn bản pháp luật, Xác định các yêu cầu về thể thức, ngôn ngữ, nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật và văn bản hành chính; Kiểm tra rà soát và xử lý các văn bản pháp luật có khiếm khuyết.

25. Lịch sử nhà nước và pháp luật: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu hai nội dung chính là lịch sử nhà nước pháp luật Thế giới và lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam. Phần lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới sẽ nghiên cứu tập trung vào sự hình thành và phát triển của các kiểu Nhà nước và Pháp luật chiếm hữu nô lệ, Nhà nước và pháp luật phong kiến, Nhà nước và pháp luật Tư sản, Nhà nước và pháp luật Xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Phần lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam sẽ nghiên cứu tập trung một số nội dung cơ bản sau: Quá trình hình thành Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc; Nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam qua các giai đoạn: giai đoạn chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc, Nhà nước và pháp luật phong kiến Đại Việt, Nhà nước và pháp luật thời thuộc Pháp, Nhà nước và pháp luật từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay.

26. Công pháp quốc tế: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về luật quốc tế, cụ thể là: Các nguyên tắc pháp lý cơ bản của Công pháp quốc tế, các loại chủ thể của Quan hệ pháp luật quốc tế (Quốc gia, Tổ chức quốc tế liên chính phủ, các dân tộc có quyền tự quyết); Vấn đề dân cư và lãnh thổ trong luật quốc tế; Vấn đề giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể trong quan hệ pháp luật quốc tế; Vấn đề vi phạm nghĩa vụ quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế của các chủ thể trong quan hệ quốc tế

27. Thương mại điện tử căn bản: Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

28. Kinh tế thương mại đại cương: Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại

29. Nhập môn Tài chính – Tiền tệ: Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

30. Khởi sự kinh doanh: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

31. Kinh tế công cộng: Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản gồm: bản chất, nội dung của khu vực công cộng và tính quy luật phát triển của nó trong mối quan hệ hữu cơ với khu vực tư nhân; những thất bại của thị trường làm cơ sở đề xuất các giải pháp can thiệp của Chính phủ; đánh giá các chính sách can thiệp của Chính phủ theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội cũng như tác động của những chính sách này tới lợi ích của các đối tượng khác nhau trong xã hội.

32. Học phần Chuyển đổi số trong kinh doanh: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

33. Học phần Luật kinh tế 1: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác.

Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

34. Học phần Luật kinh tế 2: Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về việc thực hiện các hoạt động thương mại. Đây là học phần tự chọn của các chương trình đào tạo Quản lý kinh tế, Tài chính ngân hàng thương mại, Tài chính công của Trường đại học Thương mại. Cụ thể, học phần nghiên cứu khung pháp lý chung điều chỉnh các hoạt động thương mại phổ biến như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ... và một số hoạt động thương mại đặc thù như nhượng quyền thương mại, gia công hàng hóa, đấu thầu, đấu giá; các chế tài được áp dụng khi một bên có hành vi vi phạm; các phương thức giải quyết tranh chấp giữa các bên trong kinh doanh thương mại. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là cơ sở cho việc tiếp cận những học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành khác.

35. Pháp luật về đầu tư: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành luật kinh tế. Học phần nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo đảm, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; thủ tục thực hiện các hoạt động đầu tư trong nước và ra nước ngoài; nghiên cứu pháp luật đầu tư quốc tế bao gồm các biện pháp bảo hộ đầu tư, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

36. Luật sở hữu trí tuệ: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan; về quyền sở hữu công nghiệp; về quyền đối với giống cây trồng; về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế, nhằm giúp người học đáp ứng được chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo này.

37. Pháp luật lao động và an sinh xã hội: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề về pháp luật lao động, pháp luật về an sinh xã hội, bao gồm các nội dung cơ bản như: các vấn đề lý luận chung về luật lao động, luật an sinh xã hội như quan hệ pháp luật lao động, quan hệ pháp luật về an sinh xã hội, các nguyên tắc cơ bản trong lĩnh vực luật lao động và luật an sinh xã hội, tổ chức đại diện người lao động, quản lý nhà nước trong lĩnh vực luật lao động và luật an sinh xã hội; hợp đồng lao động; thoả ước lao động tập thể; chế độ tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, an toàn lao động, vệ sinh lao động; kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất; giải quyết tranh chấp lao động và giải quyết đình công; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm y tế; trợ giúp xã hội; ưu đãi xã hội.

38. Pháp luật tài chính và ngân hàng: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần tự chọn của chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp tại Trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu về các quy định pháp luật trong hoạt động thu, chi, quyết toán ngân sách Nhà nước, việc thu các loại thuế đặc biệt là các loại thuế trong hoạt động thương mại; về cơ cấu

tổ chức, hoạt động, vai trò của ngân hàng nhà nước, về cơ cấu tổ chức, hoạt động của các tổ chức tín dụng, và quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác của các chương trình đào tạo này, nhằm giúp người học có đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo.

39. Luật thương mại quốc tế: Là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Luật thương mại quốc tế. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Luật kinh tế và là học phần tự chọn của chương trình đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Cụ thể, học phần đi sâu nghiên cứu những kiến thức tổng quan về Luật thương mại quốc tế, quan hệ thương mại quốc tế giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau; và quan hệ thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo Luật kinh tế cũng như trong các chương trình đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo này.

40. Pháp luật môi trường - đất đai: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về đất đai và môi trường, pháp luật về chế độ sở hữu và sử dụng đất đai, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, quản lý nhà nước về đất đai và môi trường, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đất đai và môi trường. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

41. Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu về pháp luật cạnh tranh và pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bao gồm những vấn đề về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và giải quyết tranh chấp trong cạnh tranh; về hợp đồng giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh cũng như các phương thức giải quyết tranh chấp giữa họ. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

42. Luật tố tụng dân sự: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Cụ thể, học phần bao gồm những nội dung cơ bản: khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của tòa án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời, cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án; thủ tục giải quyết việc dân sự. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này.

43. Pháp luật đấu thầu: Luật Đấu Thầu là học phần tự chọn thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức pháp lý chung về đấu thầu và pháp luật hiện hành về đấu thầu. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về đấu thầu, pháp luật về đấu thầu ở Việt nam, gồm: Bản chất, ý nghĩa của hoạt động đấu thầu trong đời sống kinh tế xã hội; Nguồn pháp luật điều chỉnh hoạt động đấu thầu mua sắm, cung ứng dịch vụ và đầu tư ở Việt nam; Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; Quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; Phương pháp

đánh giá hồ sơ thầu và xét duyệt trúng thầu; Hợp đồng với nhà thầu hoặc nhà đầu tư được lựa chọn; Quản lý nhà nước về đấu thầu, hành vi cấm trong đấu thầu và xử lý vi phạm trong đấu thầu.

44. Luật chứng khoán: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế tại Trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về các hoạt động chứng khoán; về tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán, của các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; về thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp có liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

45. Pháp luật xuất nhập khẩu: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế của trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu bao gồm bao gồm những vấn đề về quản lý nhà nước về hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và các thủ tục liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

46. Luật kinh doanh bảo hiểm: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về hợp đồng bảo hiểm nói chung và đi sâu vào một số hợp đồng bảo hiểm cơ bản gồm: hợp đồng bảo hiểm con người; hợp đồng bảo hiểm tài sản và hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Bên cạnh đó học phần cũng đi sâu nghiên cứu pháp luật về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm tương hỗ, đại lý bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo này.

47. Luật thương mại điện tử: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế tại trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về thương mại điện tử, trong đó nghiên cứu pháp luật điều chỉnh về hợp đồng thương mại điện tử, website thương mại điện tử; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo này.

48. Pháp luật kinh doanh bất động sản: Là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần nghiên cứu chuyên sâu về thị trường bất động sản và pháp luật điều chỉnh thị trường bất động sản. Học phần cung cấp cho người học những quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản. Học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức trọng tâm về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản.

49. Luật hình sự: Học phần nghiên cứu những lý luận cơ bản nhất của Luật Hình sự về Tội phạm, Hình phạt và một số tội phạm cụ thể: Bản chất tội phạm; Cấu thành tội phạm; Các giai đoạn

thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi; Trách nhiệm hình sự của chủ thể tội phạm nói chung và Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội; Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp khác; Quyết định hình phạt; Chấp hành hình phạt. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu những vấn đề chung và cấu thành chi tiết của một số tội phạm cụ thể: Các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu; Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế...

50. Tư pháp quốc tế: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và chuyên ngành Luật thương mại quốc tế tại Trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu kiến thức cơ bản về tư pháp quốc tế bao gồm những vấn đề về xung đột pháp luật và xung đột thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế. Học phần cũng đi sâu nghiên cứu những quy định chuyên biệt của tư pháp quốc tế Việt Nam trong một số quan hệ cụ thể như sở hữu, hôn nhân và gia đình, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng,... Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế và chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo này.

51. Kỹ năng thực hành pháp luật: Kỹ năng thực hành pháp luật là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề luật; đạo đức và ứng xử trong nghề luật; thu thập thông tin, quản lý hồ sơ vụ việc; nghiên cứu hồ sơ vụ việc, xác định giải pháp giải quyết vụ việc; đàm phán và soạn thảo hợp đồng; tranh luận; soạn thảo thư tư vấn và bài biện hộ. Việc nghiên cứu, giảng dạy học phần này nhằm giúp người học tiếp cận, hiểu và nâng cao nhận thức về thực hành pháp luật.

52. Pháp luật hợp đồng: Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng và pháp luật về hợp đồng ở Việt nam gồm khái niệm, các tiêu chí để nhận diện bản chất pháp lý của các loại hợp đồng; nguồn luật về hợp đồng và các nguyên tắc áp dụng pháp luật về hợp đồng. Trên cơ sở những vấn đề lý luận nêu trên, học phần đề cập tới các nội dung pháp lý cụ thể gắn liền với vấn đề giao kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng gồm: Xác định sự hình thành hợp đồng; các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu; cơ sở pháp lý cho việc giải thích hợp đồng; thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng; trách nhiệm pháp lý khi có sự vi phạm hợp đồng. Từ những vấn đề lý luận và nội dung pháp lý nền tảng về hợp đồng nêu trên học phần tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về các loại hợp đồng thông dụng phát sinh trong quá trình chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và trong quá trình thực hiện các dịch vụ khác nhau trong đời sống kinh tế xã hội hiện nay.

53. Nguyên lý quản lý kinh tế: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

54. Kiểm toán căn bản: Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

55. Thống kê kinh doanh: Học phần cung cấp các kiến thức về thống kê kinh doanh bao gồm: Những vấn đề cơ bản của thống kê kinh doanh; thống kê kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; thống kê lao động và thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp; thống kê tài

sản trong doanh nghiệp, thống kê nguồn vốn và năng lực tài chính của doanh nghiệp; thống kê giá thành và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

56. Kinh doanh quốc tế: Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

57. Kinh tế đầu tư: Học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo kinh tế, quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong Trường. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến lĩnh vực đầu tư nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về đầu tư và đầu tư phát triển, các nguồn vốn đầu tư, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung của đầu tư công, đầu tư quốc tế và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư.

58. Quản lý nhà nước về thương mại: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản của quản lý nhà nước đối với các loại hình và hoạt động thương mại. Nội dung chính của học phần bao gồm: bản chất, đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về thương mại; Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về thương mại; nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về thương mại; các quan điểm và phương hướng đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với thương mại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế

1. Triết học Mác – Lênin: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. Chủ nghĩa xã hội khoa học: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ

Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa; vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

6. Tiếng Anh 1: Học phần “*Tiếng Anh 1*” gồm 4 bài đầu của giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

7. Tiếng Anh 2: Học phần “*Tiếng Anh 2*” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

8. Tiếng Anh 3: Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “*Life*” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

9. Tin học quản lý: Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,... Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint),

Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

10. Phương pháp nghiên cứu khoa học: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

11. Kinh tế vi mô 1: Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

12. Kinh tế vĩ mô 1: Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

13. Cơ sở văn hóa Việt Nam: Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, bắt buộc của chuyên ngành Quản trị khách sạn và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (thuộc chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù); tự chọn cho các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Quản trị khách sạn và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (trình độ đại học chính quy). Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các chuyên ngành: Luật kinh tế, Quản trị nhân lực, Tiếng Pháp Thương mại, Tiếng Trung thương mại và Tiếng Anh Thương mại. Nội dung học phần bao gồm: khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; văn hóa các vùng Tây Bắc, Việt Bắc, Châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

14. Logic học: Logic học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn nhằm nhận thức đúng thế giới hiện thực khách quan. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật logic hình thức cơ bản của tư duy như: Luật đồng nhất; Luật cấm mâu thuẫn; Luật bài trung; Luật lý do đầy đủ. Từ đó, sinh viên hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy logic trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi logic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác, chặt chẽ và vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác.

15. Lịch sử kinh tế Việt Nam: Nội dung học phần gồm 7 chương, trong đó chương 1 giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và vai trò, ý nghĩa của học phần. Từ chương 2 đến chương 7, giới thiệu quá trình hình thành, phát triển của nền kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ:

Tiền phong kiến và phong kiến (từ nguyên thủy đến năm 1858), thực dân Pháp thống trị (1858-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), kinh tế cả nước thời kỳ 1955-1975, kinh tế thời kỳ trước đổi mới (1976-1985) và kinh tế trong 30 năm đổi mới (1986-2016).

16. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về nhà nước và pháp luật, cụ thể gồm: Những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật; Các kiểu Nhà nước và pháp luật trong lịch sử (chủ nô và phong kiến; tư sản; xã hội chủ nghĩa); Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam; Những vấn đề pháp lý liên quan đến quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Vấn đề ý thức pháp luật và thực hiện pháp luật; Vấn đề vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý).

17. Luật dân sự 1: Luật Dân sự 1 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Luật Kinh tế. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý về dân sự như hệ thống các khái niệm về đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguyên tắc của luật dân sự...; quan hệ pháp luật dân sự và một số chế định pháp lý cơ bản của đời sống dân sự như: giao dịch dân sự; đại diện; thời hạn và thời hiệu; tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; quyền thừa kế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

18. Luật dân sự 2: Luật Dân sự 2 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Luật Kinh tế. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu các chế định pháp lý cơ bản của lĩnh vực dân sự như: nghĩa vụ dân sự; bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; nghĩa vụ ngoài hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

19. Luật hiến pháp: Luật Hiến pháp là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành luật kinh tế. Đây là học phần chuyên ngành tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản trong lĩnh vực lập hiến và xây dựng bộ máy nhà nước Việt Nam gồm: Lịch sử hình thành và phát triển của Hiến pháp Việt Nam; Các chế định cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội; Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam theo quy định của Hiến pháp hiện hành.

20. Luật hành chính: Đây là học phần thuộc bắt buộc của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và học phần tự chọn của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý kinh tế thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về quản lý hành chính nhà nước. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về Quy phạm pháp luật hành chính và Quan hệ pháp Luật hành chính; Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính; Quyết định hành chính; Địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của cán bộ, công chức nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội; Địa vị pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; Các biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.

21. Tiếng Anh thương mại 1: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng

Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

22. Tiếng Anh thương mại 2: Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

23. Luật so sánh: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các hệ thống pháp luật trên thế giới làm nền tảng cho việc nghiên cứu về chuyên ngành luật nói chung và chuyên ngành luật kinh tế nói riêng, cụ thể là: những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu của luật học so sánh; Sự hình thành và phát triển của các hệ thống pháp luật đặc trưng trên thế giới; Các loại nguồn luật, cách thức áp dụng các nguồn luật khác nhau trong các hệ thống pháp luật; Hệ thống toà án và thẩm quyền giải quyết các vụ việc của toà án ở một số nước đặc trưng trên thế giới.

24. Xây dựng văn bản pháp luật: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản sau: Những vấn đề chung về văn bản pháp luật và xây dựng văn bản pháp luật; xác định các loại văn bản pháp luật và hiệu lực của các văn bản pháp luật; Quy trình xây dựng, soạn thảo văn bản pháp luật, Xác định các yêu cầu về thể thức, ngôn ngữ, nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật và văn bản hành chính; Kiểm tra rà soát và xử lý các văn bản pháp luật có khiếm khuyết.

25. Lịch sử nhà nước và pháp luật: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu hai nội dung chính là lịch sử nhà nước pháp luật Thế giới và lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam. Phần lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới sẽ nghiên cứu tập trung vào sự hình thành và phát triển của các kiểu Nhà nước và Pháp luật chiếm hữu nô lệ, Nhà nước và pháp luật phong kiến, Nhà nước và pháp luật Tư sản, Nhà nước và pháp luật Xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Phần lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam sẽ nghiên cứu tập trung một số nội dung cơ bản sau: Quá trình hình thành Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc; Nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam qua các giai đoạn: giai đoạn chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc, Nhà nước và pháp luật phong kiến Đại Việt, Nhà nước và pháp luật thời thuộc Pháp, Nhà nước và pháp luật từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay.

26. Công pháp quốc tế: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về luật

quốc tế, cụ thể là: Các nguyên tắc pháp lý cơ bản của Công pháp quốc tế, các loại chủ thể của Quan hệ pháp luật quốc tế (Quốc gia, Tổ chức quốc tế liên chính phủ, các dân tộc có quyền tự quyết); Vấn đề dân cư và lãnh thổ trong luật quốc tế; Vấn đề giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể trong quan hệ pháp luật quốc tế; Vấn đề vi phạm nghĩa vụ quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế của các chủ thể trong quan hệ quốc tế.

27. Thương mại điện tử căn bản: Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

28. Kinh tế thương mại đại cương: Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại

29. Nhập môn Tài chính – Tiền tệ: Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

30. Khởi sự kinh doanh: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

31. Kinh tế quốc tế: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

32. Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu bao gồm: phương tiện thanh toán quốc tế và điều kiện thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu.

33. Luật thương mại quốc tế 1: Là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về Luật thương mại quốc tế có sự tham gia của các quốc gia gồm các thiết chế điều chỉnh

thương mại quốc tế, thương mại hàng hóa quốc tế, thương mại dịch vụ quốc tế, vấn đề quyền sở hữu trí tuệ, đầu tư nước ngoài trong thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các quốc gia. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này.

34. Luật thương mại quốc tế 2: Là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức pháp luật cơ bản điều chỉnh quan hệ hợp đồng thương mại quốc tế giữa các thương nhân; một số giao dịch trong kinh doanh thương mại quốc tế giữa các thương nhân như mua bán hàng hóa quốc tế, vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa quốc tế, thanh toán quốc tế, nhượng quyền thương mại quốc tế; về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế.

35. Luật kinh tế: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

36. Pháp luật về đầu tư: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế. Học phần nghiên cứu các qui định của pháp luật Việt Nam về bảo đảm, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; thủ tục thực hiện các hoạt động đầu tư trong nước và ra nước ngoài; nghiên cứu pháp luật đầu tư quốc tế bao gồm các biện pháp bảo hộ đầu tư, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

37. Luật sở hữu trí tuệ: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan; về quyền sở hữu công nghiệp; về quyền đối với giống cây trồng; về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

38. Kỹ năng thực hành pháp luật: Kỹ năng thực hành pháp luật là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề luật; đạo đức và ứng xử trong nghề luật; thu thập thông tin, quản lý hồ sơ vụ việc; nghiên cứu hồ sơ vụ việc, xác định giải pháp giải quyết vụ việc; đàm phán và soạn thảo hợp đồng; tranh luận; soạn thảo thư tư vấn và bài biện hộ. Việc nghiên cứu, giảng dạy học phần này nhằm giúp người học tiếp cận, hiểu và nâng cao nhận thức về thực hành

pháp luật.

39. Pháp luật hải quan: Pháp luật hải quan là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế. Học phần tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật hải quan bao gồm các nội dung về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công sản xuất hàng hóa xuất khẩu, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm pháp luật. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

40. Pháp luật về cạnh tranh: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế. Học phần tập trung nghiên cứu về pháp luật cạnh tranh, bao gồm những vấn đề về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

41. Tư pháp quốc tế: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế tại Trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu kiến thức cơ bản về tư pháp quốc tế bao gồm những vấn đề về xung đột pháp luật và xung đột thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế. Học phần cũng đi sâu nghiên cứu những quy định chuyên biệt của tư pháp quốc tế Việt Nam trong một số quan hệ cụ thể như hôn nhân và gia đình, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, ... Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

42. Pháp luật về phòng vệ thương mại: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế của trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

43. Pháp luật về đấu thầu: Pháp luật đấu thầu là học phần tự chọn thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Thương Mại Quốc tế. Học phần nghiên cứu các kiến thức pháp lý cơ bản về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu ở Việt nam, quan hệ pháp lý giữa các quốc gia cũng như hoạt động thương mại quốc tế của các thương nhân trong lĩnh vực đấu thầu. Nội dung của học phần gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành và những học phần chuyên ngành khác trong chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này.

44. Pháp luật về vận tải hàng hóa quốc tế: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế của trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về vận tải hàng hoá quốc tế quốc tế; các loại hình vận tải hàng hoá quốc tế cụ thể như: vận tải biển quốc tế, vận tải hàng không quốc tế, vận tải đường bộ, đường sắt quốc tế và vận tải đa phương thức quốc tế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này

45. Trọng tài thương mại quốc tế: Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài thương mại, các

khía cạnh pháp lý liên quan đến luật áp dụng, thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp, quyết định trọng tài, công nhận và thi hành Trọng tài thương mại quốc tế; nghiên cứu tổ chức, hoạt động của một số tổ chức trọng tài thương mại quốc tế trên thế giới và trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC). Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này

46. Luật kinh doanh bảo hiểm: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về hợp đồng bảo hiểm nói chung và đi sâu vào một số hợp đồng bảo hiểm cơ bản gồm: hợp đồng bảo hiểm con người; hợp đồng bảo hiểm tài sản và hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Bên cạnh đó học phần cũng đi sâu nghiên cứu pháp luật về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm tương hỗ, đại lý bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

47. Luật thương mại điện tử: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử tại trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về thương mại điện tử, trong đó nghiên cứu pháp luật điều chỉnh về hợp đồng thương mại điện tử, website thương mại điện tử; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và chương trình đào tạo Quản trị thương mại điện tử nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

48. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế. Học phần tập trung nghiên cứu về pháp luật bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, bao gồm những nội dung về quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng, bảo vệ người tiêu dùng trong các hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong các giao dịch xuyên biên giới, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các phương thức giải quyết các tranh chấp giữa người tiêu dùng và cá nhân, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

49. Pháp luật về thuế: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu về các quy định pháp luật trong quá trình thu nộp các loại thuế liên quan đến hoạt động thương mại của thương nhân như: xác định đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, cơ quan có thẩm quyền thu thuế, phương pháp và căn cứ tính thuế, nguyên tắc đánh thuế, các vấn đề miễn giảm thuế và trình tự thủ tục nộp thuế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

50. Luật hình sự: Học phần nghiên cứu những lý luận cơ bản nhất của Luật Hình sự về Tội phạm, Hình phạt và một số tội phạm cụ thể. Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung sau: Bản chất tội phạm; Cấu thành tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Những

tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi; Trách nhiệm hình sự của chủ thể tội phạm nói chung và Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội; Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp khác; Quyết định hình phạt; Chấp hành hình phạt. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu những vấn đề chung và cấu thành chi tiết của một số tội phạm cụ thể trong các nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; xâm phạm quyền sở hữu; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế...

51. Luật tố tụng dân sự: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về lĩnh vực tố tụng dân sự. Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế. Cụ thể, học phần bao gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của tòa án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời, cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án; thủ tục giải quyết việc dân sự. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần có tính hỗ trợ nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

52. Pháp luật môi trường quốc tế: Đây là học phần tự chọn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật thương mại quốc tế. Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật môi trường quốc tế, đặc biệt tập trung nghiên cứu một số lĩnh vực điều chỉnh cơ bản của pháp luật môi trường quốc tế, bao gồm: Môi trường biển; Khí quyển; Đa dạng sinh học. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về giải quyết các tranh chấp quốc tế về môi trường. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế.

53. Pháp luật về dịch vụ phân phối: Đây là học phần tự chọn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật thương mại quốc tế. Học phần tập trung nghiên cứu thực tiễn quy định của pháp luật Việt Nam về dịch vụ phân phối, đặc biệt đi sâu vào quy định của pháp luật về ngành nghề kinh doanh dịch vụ phân phối, chủ thể kinh doanh, điều kiện kinh doanh dịch vụ phân phối, về nội dung và hình thức của hợp đồng phân phối, luật điều chỉnh hợp đồng phân phối. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế.

54. Nguyên lý quản lý kinh tế: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

55. Kiểm toán căn bản: Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

56. Thống kê kinh doanh: Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức của thống kê kinh tế như: Đối tượng nghiên cứu, hệ thống tài khoản quốc gia; thống kê các chỉ tiêu phản ánh nguồn lực của nền kinh tế quốc dân và việc sử dụng các

nguồn lực này; thống kê kết quả sản xuất thông qua chỉ tiêu giá trị sản xuất, tổng sản phẩm trong nước; thống kê ngân sách nhà nước, tiền tệ và tín dụng.

57. Kinh doanh quốc tế: Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

58. Kinh tế đầu tư: Học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo kinh tế, quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong Trường. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến lĩnh vực đầu tư nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về đầu tư và đầu tư phát triển, các nguồn vốn đầu tư, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung của đầu tư công, đầu tư quốc tế và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư.

59. Quản trị chuỗi cung ứng: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

60. Quản lý nhà nước về thương mại: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản của quản lý nhà nước đối với các loại hình và hoạt động thương mại. Nội dung chính của học phần bao gồm: bản chất, đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về thương mại; Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về thương mại; nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về thương mại; các quan điểm và phương hướng đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với thương mại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

VII. TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

1. Chương trình đào tạo Tài chính - Ngân hàng thương mại

1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1 Các học phần bắt buộc

Triết học Mác - Lê Nin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).

Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan

hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1

Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiếng Anh 2

Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

Toán đại cương

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toan phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế

nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Tin học quản lý

Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

1.2 Các học phần tự chọn

Lịch sử các học thuyết kinh tế

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Xã hội học đại cương

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; một số vấn đề chuyên biệt của xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; biết cách vận dụng kiến thức xã hội học để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học.

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở ngành

a.Các học phần bắt buộc

Kinh tế vi mô 1

Kinh tế vi mô 1 là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

Kinh tế vĩ mô 1

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối

cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Nhập môn tài chính tiền tệ

Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính Doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

Kinh tế lượng

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Tiếng Anh thương mại 1

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

Tiếng Anh thương mại 2

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

b. Các học phần tự chọn

Luật kinh tế 2

Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về việc thực hiện các hoạt động thương mại. Cụ thể, học phần nghiên cứu khung pháp lý chung điều chỉnh các hoạt động thương mại phổ biến như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ... và một số hoạt động thương mại đặc thù như nhượng quyền thương mại, gia công hàng hóa, đấu thầu, đấu giá; các chế tài được áp dụng khi một bên có hành vi vi phạm; các phương thức giải quyết tranh chấp giữa các bên trong

kinh doanh thương mại. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo của trường Đại học Thương mại.

Nguyên lý thống kê

Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý thông tin; phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.

Quản trị học

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Marketing căn bản

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing-mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Thương mại điện tử căn bản

Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Kinh tế phát triển

Học phần giới thiệu lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng và phúc lợi con người. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế : lao động, vốn, công nghệ kỹ thuật. Các chính sách phát triển kinh tế : chính sách phát triển nông thôn, chính sách công nghiệp hoá và sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt nam.

Kinh tế phát triển

Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán doanh nghiệp, kinh tế quốc tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, tiếng Anh thương mại; Là học phần thuộc khối kiến thức ngành của các chuyên ngành: Quản lý kinh tế, thương mại quốc tế trong Trường Đại học Thương mại. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiêu thụ, cung ứng, hoạt động sản xuất và hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, thương mại và

dịch vụ của doanh nghiệp. Đồng thời học phần trang bị kỹ năng ra quyết định kinh tế trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; Đảm bảo các nguồn lực và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để triển khai các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ của doanh nghiệp; Các nguồn lực chủ yếu và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành kinh tế và quản trị trong chương trình đào tạo ngành kinh tế và một số chương trình đào tạo có liên quan trong Trường.

Kinh tế môi trường

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Chuyển đổi số trong kinh doanh

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành

a.Các học phần bắt buộc

Quản trị tài chính 1

Học phần này được thiết kế nhằm phát triển kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu và thảo luận về các quyết định quản trị tài chính doanh nghiệp. Các chủ đề nghiên cứu chính bao gồm: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn. Quá trình học đòi hỏi sử dụng máy tính cá nhân và cung cấp cơ hội để phát triển kỹ năng sử dụng các bảng tính tin học văn phòng.

*Quản trị tài chính 2**

Học phần này được thiết kế nhằm phát triển kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu và thảo luận về các vấn đề chuyên sâu trong quản trị tài chính doanh nghiệp. Các chủ đề nghiên cứu chính bao gồm: Định giá trong quản trị tài chính; Rủi ro và lợi nhuận; Phân tích dòng vốn và lập kế hoạch tài chính; Đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính; Quyết định cấu trúc vốn; Chính sách cổ tức và Quản trị tài chính trong một số bối cảnh đặc biệt. Quá trình học đòi hỏi sử dụng máy tính cá nhân và cung cấp cơ hội để phát triển kỹ năng sử dụng các bảng tính tin học văn phòng.

Tài chính quốc tế

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, các giao dịch trên thị trường ngoại hối và chính sách điều hành

tỉ giá hối đoái, các hoạt động thanh toán, đầu tư, tín dụng và hỗ trợ phát triển chính thức, liên minh thuế quan giữa các quốc gia và cán cân thanh toán quốc tế.

Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà Nước đối với thị trường chứng khoán.

Quản trị ngân hàng thương mại 1

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị vốn chủ sở hữu, vốn tiền gửi và vốn phi tiền gửi; quản trị kết hợp tài sản - nợ và khả năng thanh khoản; quản trị hoạt động cho vay và quản trị dịch vụ thanh toán của NHTM.

Quản trị ngân hàng thương mại 1

Nối tiếp học phần “Quản trị ngân hàng thương mại 1”, học phần “Quản trị ngân hàng thương mại 2” cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị cho thuê và đầu tư tài chính; quản trị kinh doanh ngoại hối, bảo lãnh, tư vấn, ủy thác; quản trị rủi ro; định giá dịch vụ ngân hàng và phân tích, đánh giá và xếp hạng NHTM.

Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng

Học phần được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên những vấn đề lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng. Các chủ đề nghiên cứu chính bao gồm: tổng quan về các tổ chức tài chính phi ngân hàng; quản trị huy động vốn; quản trị sử dụng vốn; phân tích kết quả tài chính, quản trị rủi ro của các tổ chức tài chính phi ngân hàng.

Tài chính công

Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản về hoạt động tài chính ở khu vực công với các nội dung chủ yếu như: các đặc trưng cơ bản và kết cấu tài chính công, chức năng, vai trò và nguyên tắc hoạt động của tài chính công; quản lý tài chính công; chính sách tài chính công; về thu nhập công và chi tiêu công; tổ chức hoạt động của hệ thống Ngân sách nhà nước, tín dụng Nhà nước; nợ công; hoạt động của các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước.

Định giá tài sản

Học phần đề cập đến các vấn đề chung về định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường trên các khía cạnh khái niệm định giá tài sản, đối tượng của định giá tài sản, các nguyên tắc và quy trình chung trong định giá tài sản. Trên cơ sở đó, học phần đề cập đến các nội dung ứng dụng các nguyên tắc và sử dụng các phương pháp cụ thể để định giá bất động sản, định giá máy móc thiết bị, định giá tài sản vô hình và xác định giá trị doanh nghiệp

b.Các học phần tự chọn

Thuế

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về thuế như khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, hệ thống thuế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, học phần đề cập các nội dung cơ bản của các sắc thuế thông dụng hiện hành của Việt Nam như: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu các nội dung cơ bản của các loại thuế khác.

Kế toán ngân hàng thương mại

Học phần Kế toán ngân hàng thương mại thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về: Các đặc điểm hoạt động của ngân hàng

thương mại ảnh hưởng đến công tác kế toán; nội dung tổ chức công tác kế toán; nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh doanh cơ bản như: huy động vốn, tín dụng, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán vốn giữa các ngân hàng thương mại, kế toán các khoản thu, chi và xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.

Kinh doanh chứng khoán

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh chứng khoán, doanh lợi và rủi ro trong đầu tư chứng khoán, phân tích và định giá chứng khoán, các hoạt động môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn và quản lý danh mục đầu tư của các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư.

Bảo hiểm

Học phần giới thiệu tổng quan về lý thuyết và thực hành quản trị rủi ro và kinh doanh bảo hiểm. Các chủ đề nghiên cứu chính bao gồm: Tổng quan về quản trị rủi ro và bảo hiểm; Khuôn khổ pháp lý hoạt động bảo hiểm; Bảo hiểm an sinh xã hội; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm hàng hóa và tài sản; Bảo hiểm trách nhiệm. Các tình huống kinh doanh bảo hiểm được nghiên cứu trong điều kiện thị trường bảo hiểm Việt Nam

Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế, tín dụng và bảo lãnh xuất nhập khẩu như: Các luật, thông lệ và tập quán quốc tế, các chứng từ và điều kiện thanh toán quốc tế, các hình thức tín dụng và bảo lãnh xuất nhập khẩu.

Tài chính vi mô

Học phần giới thiệu khái quát về khái niệm, đặc điểm, vai trò của tài chính vi mô, cấu trúc tổ chức, chức năng hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô, các dịch vụ tài chính vi mô phổ biến, mô hình tổ chức và nội dung quản trị hoạt động và quản trị rủi ro của tổ chức tài chính vi mô. Học phần giới thiệu các nguyên lý chung trong phân tích, đánh giá tình hình tài chính của tổ chức tài chính vi mô, nghiên cứu điển hình các chương trình dự án tài chính vi mô, kinh nghiệm phát triển tài chính vi mô của một số quốc gia và bài học đối với Việt Nam; thảo luận về các chính sách khuyến khích phát triển tài chính vi mô của Việt Nam trong mối quan hệ với xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp – nông thôn và mở cửa hệ thống tài chính theo các thỏa ước thương mại và đầu tư sau khi Việt Nam gia nhập WTO.

Quản trị tài chính công ty đa quốc gia

Học phần được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên những vấn đề lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực quản trị tài chính công ty đa quốc gia. Các chủ đề nghiên cứu chính bao gồm: Tổng quan về quản trị tài chính công ty đa quốc gia; Quản trị rủi ro hối đoái; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị tài trợ ngắn hạn; Quyết định đầu tư trực tiếp nước ngoài; Chi phí vốn và kết cấu vốn của công ty đa quốc gia; Quản trị tài trợ dài hạn; Môi trường thuế quốc tế và tác động tới chính sách của công ty đa quốc gia.

Thị trường ngoại hối

Học phần giới thiệu kiến thức về thị trường ngoại hối và kinh doanh ngoại hối: tổ chức hoạt động giao dịch của thị trường ngoại hối, nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, phân tích kinh doanh ngoại hối, thu nhập và rủi ro trong kinh doanh ngoại hối..

2.3 Kiến thức bổ trợ

a. Học phần bắt buộc

Quản trị chiến lược

Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Kinh doanh quốc tế

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

Khởi sự kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

b. Các học phần tự chọn

Thanh toán điện tử

Học phần Thanh toán điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho sinh viên Quản trị TMĐT về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi

ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế

Quản trị kênh phân phối

Học phần quản trị kênh phân phối là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức lý luận và thực tiễn về quản trị chiến lược kênh phân phối gắn với một doanh nghiệp đầu mối trong chuỗi cung ứng hiện đại. Học phần trang bị những kiến thức nền tảng như vị trí, vai trò, đặc tính và chức năng của kênh phân phối trong chuỗi cung ứng. Từ đó trình bày khung lý luận cơ bản về quản trị chiến lược kênh phân phối tại một doanh nghiệp đầu mối theo trình tự: Phân tích môi trường, thiết kế cấu trúc, lựa chọn chiến lược và quản lý chiến lược kênh phân phối. Đây là khung khổ cốt lõi để có được các chiến lược kênh phân phối thích nghi với thị trường và chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp. Học phần cũng đề cập tới cấu trúc và chiến lược kênh phân phối của các loại hình doanh nghiệp đầu mối cơ bản trong chuỗi cung ứng như bán lẻ, bán buôn và hình thức nhượng quyền, giúp người học có cái nhìn toàn diện và linh hoạt khi tiếp cận các tình huống chiến lược kênh phân phối trong thực tế.

Tài chính khởi nghiệp

Nội dung của học phần Tài chính khởi nghiệp bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về tài chính khởi nghiệp; Phân tích tài chính khởi nghiệp; Quản lý tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp khởi nghiệp; Định giá khởi nghiệp; Quản lý tài trợ khởi nghiệp.

2.4. Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học

Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp

Học phần Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tiễn về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; các kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá được các vấn đề liên quan đến hoạt động chuyên môn của các tổ chức tài chính, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp,...; khả năng phát hiện các vấn đề cần giải quyết tại đơn vị nơi sinh viên thực tập. Sinh viên rèn luyện ý thức kỷ luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm và thực hiện các trách nhiệm được phân công với cộng đồng và xã hội.

Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp

Học phần Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tiễn về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; các kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá được các vấn đề liên quan đến hoạt động chuyên môn của các tổ chức tài chính, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp; khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong hoạt động thực tiễn của đơn vị nơi sinh viên thực tập. Sinh viên rèn luyện ý thức kỷ luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm và thực hiện các trách nhiệm được phân công với cộng đồng và xã hội.

2. Chương trình đào tạo Tài chính - Ngân hàng thương mại (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế)

1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1. Giáo dục đại cương

1.1.1. Các học phần bắt buộc

Triết học Mác - Lê Nin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương

3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).

Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch

dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh tăng cường 1.1

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.1 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh tăng cường 1.2

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.2 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh nâng cao 1.1

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.1 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh nâng cao 1.2

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.2 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản

Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này,

cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

1.1.2. Các học phần tự chọn

Kinh tế lượng

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Giao tiếp trong kinh doanh

Người học sẽ được trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh. Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức liên ngành

2.1.1. Các học phần bắt buộc

Kinh tế học

The course provides basic knowledge of economics: (i) as for microeconomics, the course focuses on the study of supply and demand for goods and services, market mechanism, theories of business behavior, the structure of different markets in the economy; (ii) as for macroeconomics, the course provides basic knowledge of macroeconomics, including an overview of the objectives and tools of macroeconomics with AD - AS model, measurement of basic macroeconomic indicators such as output, employment, prices, inflation, unemployment, etc., and analysis of aggregate demand and fiscal, monetary and monetary policies and the impact of the two central macroeconomic policies (fiscal and monetary policies) on prices, output and employment in the economy.

Chuyển đổi số trong kinh doanh

Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

Thực tập nghề nghiệp

Học phần Thực tập nghề nghiệp (Internship) thuộc khối kiến thức liên ngành trong chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại (IPOP). Nội dung chủ yếu của học phần gồm việc tìm hiểu, quan sát, trải nghiệm và tiếp thu, lĩnh hội các yêu cầu kiến thức thực tế và kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm đối với các vị trí việc làm thuộc chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại tại đơn vị thực tập.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh

Là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản của sinh viên đại học. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Quản trị học

The course includes the following basic contents: Definition and functions of management, definition of managers, managerial roles, and management levels and skills, organizational environment, social responsibility and ethics; definition and types of managerial decisions, the managerial decision-making process, approaches to managerial decision making; and in-depth knowledge of the functions of management, including planning, organizing, leading, and controlling.

Marketing căn bản

Beyond the introduction the nature of marketing and marketing concepts, this course focus on two blocks marketing knowledge; the first is understanding marketing environment, marketplace, customer behavior and marketing information system; the second are principles of marketing to create and provide value for customers, including marketing strategy planning and developing marketing mix (4Ps): product, pricing, place, communication. The course also opens up prospects for the application and development of modern marketing mindset in the 21st century.

Nguyên lý quản trị nhân lực

This module is one of basis major modules in training program of Human Resource Management Major. It includes some main contents as: concept and role of human resource management; essential contents of human resource management (job analysis, recruitment and selection, training and development employee, performance management, compensation management), trends in human resource management.

Nguyên lý kế toán

This module provides students with the knowledge of accounting including: the definition of accounting and types of accounting, accounting assumptions and principle, the qualitative characteristic of financial information, the accounting equation, source documents and account, nominal ledger, and introduction of accounting software and cloud accounting; trial balance and financial statements.

Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính

The course provides systematically basic knowledge the system of finance and monetary, including domestic operation and global operation of the system. The concepts of money, inflation and financial market are discussed to improve learner's awareness of basically financial issue. Then, monetary policy and its operation in Vietnam are introduced and analyzed. The rest of the course is basic knowledge of banking system.

Khởi sự kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

2.1.2. Các học phần tự chọn

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Quản trị dịch vụ

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Luật kinh tế 1

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

Kinh doanh quốc tế

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

Lý thuyết kinh tế số

Học phần có các nội dung về kinh tế số; số hóa nền kinh tế; sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; hệ sinh thái nền kinh tế số; một số nguyên tắc cơ bản của kinh tế số như hàng hóa và dịch vụ số, các mô hình giá trị; một số vấn đề chiến lược của kinh tế số; các đặc điểm chính của thị trường số; kinh tế số nâng cao.

Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và

thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với thị trường chứng khoán.

Quản trị đổi mới sáng tạo

Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo gồm 5 Chương. Chương 1 đưa ra các kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo. Chương 2 giới thiệu nội dung đầu tiên trong quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là phân tích môi trường và tìm kiếm cơ hội và nguồn cho đổi mới sáng tạo. Chương 3 tập trung vào nội dung thứ 2 của quy trình đổi mới sáng tạo đó là lựa chọn định hướng đổi mới sáng tạo, Chương 4 là nội dung thứ 3 của quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là triển khai. Và cuối cùng chương 5 cung cấp kiến thức về nội dung và các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

Thương mại điện tử căn bản

Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Nguyên lý thống kê

Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý thông tin; phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế.

2.2. Kiến thức ngành

2.2.1. Các học phần bắt buộc

Quản trị tài chính 1

The following topics are covered in the course of Financial Management 1: Overview of financial management; Time value of money; Financial statements analysis; Working capital management; Long-term investment management; Financing management; The cost of capital.

Quản trị ngân hàng thương mại 1

The subject provides basic knowledge about commercial bank management, including the overview about banking industry and banking operations; managing bank's equity, managing deposit services, managing non-deposit liabilities and other sources of borrowed funds; providing loans to business and consumer customers.

Thuế

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về thuế như khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, hệ thống thuế của Việt Nam. Học phần đề cập các nội

dung cơ bản của các sắc thuế thông dụng hiện hành của Việt Nam như: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các nội dung cơ bản của các loại thuế khác.

2.2.2. Các học phần tự chọn

Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu

The subject provides basic knowledge about international payment activities, export and import financing and import and export guarantee such as: Laws, international customs and practice, international documents of payment, international conditions of payment, export and import financing and import and export guarantee.

Quản trị tài chính công ty đa quốc gia

The following topics are covered in the course of Multinational Financial Management: Introduction to financial management of the multinational firm; Foreign exchange risk management; Current asset management; Short-term multinational financing management; Multinational capital budgeting of the multinational firm; Cost and capital structure of the multinational firm; Long-term multinational financing management; International tax environment and policy of the multinational firm.

Quản trị rủi ro trong ngân hàng

The subject provides advanced topics about risk management in commercial bank, including: Risk and Risk management, Liquidity risk management and Liquidity gaps, Interest rate gaps and interest rate risk management, Credit risk management.

Toán tài chính

The following topics are covered in the course of Financial Mathematics: Interest theory; Financial flows, annuities; Profitability and risk of financial transactions; Portfolio analysis and Bonds.

2.3. Kiến thức chuyên ngành

Quản trị tài chính 2

The following topics are covered in the course of Financial Management 2: Valuation in financial management; Risk and Profit; Capital flow analysis and Financial planning; Operating leverage and Financial leverage; Capital structure determinants; Dividend policy; and Key financial management decisions in special contexts.

Quản trị ngân hàng thương mại 2

The subject provides advanced topics about commercial bank management, including asset-liability management and hedging against interest rate and credit risk; managing the bank's investment portfolio and liquidity position; managing international banking services. The methods of evaluating a bank's performance are also included in the course.

Định giá tài sản

Học phần đề cập đến các vấn đề chung về định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường trên các khía cạnh khái niệm định giá tài sản, đối tượng của định giá tài sản, các nguyên tắc và quy trình chung trong định giá tài sản. Trên cơ sở đó, học phần đề cập đến các nội dung ứng dụng các nguyên tắc và sử dụng các phương pháp cụ thể để định giá bất động sản, định giá máy móc thiết bị, định giá tài sản vô hình và xác định giá trị doanh nghiệp.

Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng

Nội dung của học phần Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về các tổ chức tài chính phi ngân hàng; Quản trị huy động vốn; Quản trị sử dụng

vốn; Phân tích kết quả tài chính và Quản trị rủi ro của các tổ chức tài chính phi ngân hàng.

Thực hành kinh doanh sản phẩm, dịch vụ tài chính - ngân hàng

Học phần cung cấp các kiến thức và huấn luyện các kỹ năng kinh doanh sản phẩm, dịch vụ cụ thể của doanh nghiệp tài chính.

3. Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học

Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm

Tại đơn vị thực tập, nhóm sinh viên (3-5 người) được hướng dẫn bởi 1 giáo viên hướng dẫn và 1 huấn luyện viên của đơn vị. Nhóm thực tập sẽ lựa chọn 1 dự án kinh doanh của đơn vị thực tập:

+ Tại đơn vị thực tập là các chi nhánh ngân hàng thương mại, các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng: Nghiên cứu kỹ lưỡng một nhóm khách hàng cụ thể, gắn với một sản phẩm dịch vụ tài chính, ngân hàng cụ thể, các biến số môi trường kinh doanh liên quan tới sản phẩm dịch vụ đó, thực hiện các hoạt động nghiên cứu triển khai sản phẩm, dịch vụ tài chính mới của đơn vị thực tập, các hoạt động truyền thông, quảng bá, xúc tiến bán sản phẩm dịch vụ tài chính, ngân hàng của đơn vị thực tập, tung ra thị trường một sản phẩm dịch vụ tài chính mới,...

+ Tại đơn vị thực tập là các doanh nghiệp phi tài chính: Nghiên cứu các vị trí công việc cụ thể trong bộ máy quản trị tài chính của một doanh nghiệp, gắn với những công việc cụ thể, tác nghiệp cụ thể, các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh tác động tới hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập, triển khai các tác nghiệp tài chính liên quan tới các dự án đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, thực hiện các hoạt động hỗ trợ công tác tài chính của đơn vị thực tập, ...

Nhóm sinh viên thực tập sẽ vận dụng các kiến thức chuyên môn đã được học, kỹ năng đã được trang bị để thực hành thông qua việc thực hiện dự án và viết Báo cáo dự án nhóm. Sau thời gian thực tập, xuất phát từ kết quả khảo sát thực trạng của đơn vị thực tập, phát hiện các vấn đề (những tồn tại, vướng mắc) cần nghiên cứu giải quyết, mỗi sinh viên đề xuất 1 đến 2 chủ đề định hướng viết luận văn tốt nghiệp.

Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp

Sinh viên thực tập chuyên sâu với vị trí chuyên môn kinh doanh sản phẩm dịch vụ tài chính - ngân hàng hoặc vị trí chuyên môn quản lý tài chính tại đơn vị thực tập. Trên cơ sở trải nghiệm thực tế, kết hợp với kiến thức và kỹ năng đã được cung cấp, sinh viên xây dựng khuôn khổ lý thuyết ứng dụng để làm cơ sở cho việc giải quyết các vấn đề được đặt ra trong luận văn, thu thập các thông tin (trích dẫn, tổng hợp, khảo sát,...), phân tích các yếu tố môi trường kinh doanh và điều kiện làm việc, đánh giá tình hình kinh doanh sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng hoặc tình hình quản lý tài chính tại đơn vị thực tập, phát hiện các vấn đề (những tồn tại, vướng mắc) cần giải quyết, từ đó đưa ra những khuyến nghị, hàm ý quản trị đối với đơn vị thực tập và những kiến nghị có liên quan để tạo điều kiện thực hiện các khuyến nghị, hàm ý quản trị đã đề xuất với đơn vị thực tập.

3. Chương trình đào tạo Tài chính công

1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1 Các học phần bắt buộc

Triết học Mác - Lê Nin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất

và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).

Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm

pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1

Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiếng Anh 2

Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên.

Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Tin học quản lý

Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản

(Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo của nhiều chuyên ngành. Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng liên quan chặt chẽ về nội dung:

- + Phần lý thuyết xác suất cung cấp các kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố, các định lý xác suất; đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số phân phối thường gặp trong thực tế.

- + Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: cơ sở lý thuyết mẫu, các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê.

Kinh tế lượng

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

1.2 Các học phần tự chọn

Lịch sử các học thuyết kinh tế

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Xã hội học đại cương (General Sociology)

Học phần Xã hội học đại cương giới thiệu: Những kiến thức cơ bản về xã hội (dưới góc độ Xã hội học) như: Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và thiết chế xã hội; Bất bình đẳng xã hội; Các nội dung về xã hội hóa; Các vấn đề về biến đổi xã hội. Đồng thời trong học phần cũng đề cập nghiên cứu một số nội dung của các lĩnh vực xã hội học chuyên biệt, như: Xã hội học giáo dục, Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội học quản lý.

Cơ sở văn hóa Việt Nam

Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (*Định hướng nghề nghiệp*) và Quản trị khách sạn (*Định hướng nghề nghiệp*). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hoá Việt Nam; văn hoá Việt Nam vùng Tây Bắc, Việt Bắc và châu thổ Bắc Bộ; văn hoá Việt Nam vùng Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở ngành

a. Các học phần bắt buộc

Kinh tế vi mô 1

Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

Kinh tế vĩ mô 1

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Nhập môn Tài chính tiền tệ

Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

Kinh tế công cộng

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản gồm: bản chất, nội dung của khu vực công cộng và tính quy luật phát triển của nó trong mối quan hệ hữu cơ với khu vực tư nhân; những thất bại của thị trường làm cơ sở đề xuất các giải pháp can thiệp của Chính phủ; đánh giá các chính sách can thiệp của Chính phủ theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội cũng như tác động của những chính sách này tới lợi ích của các đối tượng khác nhau trong xã hội.

Nguyên lý kế toán

Nội dung học phần đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán.

Tiếng Anh thương mại 1

Học phần *Tiếng Anh thương mại 1* được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học

phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

Tiếng Anh thương mại 2

Học phần *Tiếng Anh thương mại 2* là sự tiếp nối học phần *Tiếng Anh thương mại 1* được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội

Phương pháp dự báo dựa trên mô hình hồi quy nhiều biến (dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt), các kỹ thuật phân tích và dự báo trên chuỗi thời gian (các kỹ thuật san, phương pháp Box-Jenkins).

Luật Hành chính

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung pháp lý cơ bản trong lĩnh vực hành chính nhà nước gồm: Những vấn đề lý luận cơ bản về luật hành chính; Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính; Quyết định hành chính; Địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của cán bộ, công chức nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội; Địa vị pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính.

Kinh tế phát triển

Học phần giới thiệu lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng và phúc lợi con người. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế : lao động, vốn, công nghệ kỹ thuật. Các chính sách phát triển kinh tế : chính sách phát triển nông thôn, chính sách công nghiệp hoá và sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam.

Chính sách công

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách công như nghiên cứu các khái niệm, đặc trưng, vai trò và phân loại chính sách công. Học phần tập trung phân tích các chu trình của chính sách công; nghiên cứu cụ thể các chính sách kinh tế, văn hóa và xã hội trong chính sách công. Tiếp đến, học phần giúp người học hiểu về bối cảnh của chính sách công để phân tích thực tiễn và đổi mới chính sách công ở Việt Nam.

Chuyển đổi số trong kinh doanh

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

Kinh tế môi trường

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Kế toán công 1

Học phần kế toán công 1 thuộc khối kiến thức Chuyên ngành Kế toán công. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về: Đặc điểm của các đơn vị hành chính sự nghiệp; cơ sở và nguyên tắc kế toán trong các đơn vị này; khái quát hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế và sự tác động đến kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế; những kiến thức về nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phần hành cụ thể trong đơn vị hành chính sự nghiệp liên quan đến kế toán tài sản, kế toán thu chi các hoạt động, kế toán nguồn vốn và các quỹ cơ quan, kế toán các khoản thanh toán và những vấn đề chung về báo cáo và phương pháp lập báo cáo kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp.

Nguyên lý thống kê

Học phần cung cấp cho người học những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu; Các phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.

Kiểm toán căn bản

Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

Luật kinh tế 2

Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về việc thực hiện các hoạt động thương mại. Cụ thể, học phần nghiên cứu khung pháp lý chung điều chỉnh các hoạt động thương mại phổ biến như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ... và một số hoạt động thương mại đặc thù như nhượng quyền thương mại, gia công hàng hóa, đấu thầu, đấu giá; các chế tài được áp dụng khi một bên có hành vi vi phạm; các phương thức giải quyết tranh chấp giữa các bên trong kinh doanh thương mại. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo của trường Đại học Thương mại.

Định giá tài sản

Học phần đề cập đến các vấn đề chung về định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường trên các khía cạnh khái niệm định giá tài sản, đối tượng của định giá tài sản, các nguyên tắc và quy trình chung trong định giá tài sản. Trên cơ sở đó, học phần đề cập đến các nội dung ứng dụng các nguyên tắc và sử dụng các phương pháp cụ thể để định giá bất động sản, định giá máy móc thiết bị, định giá tài sản vô hình và xác định giá trị doanh nghiệp

Quản trị học

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về quản trị tổ chức. Bao gồm: Khái niệm và chức năng quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị và quản trị sự thay đổi. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội

của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm : chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Nguyên lý quản lý kinh tế

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

Kinh tế vĩ mô 2

Hai chương đầu đề cập đến hoạt động của nền kinh tế trong ngắn hạn bao gồm: phân tích tổng cầu, tổng cung và lý giải các dao động kinh tế trong ngắn hạn, nghiên cứu mô hình phân tích tác động trong ngắn hạn của chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở. Bốn chương tiếp theo đề cập đến hoạt động của nền kinh tế trong dài hạn. Trong đó đề cập đến các nội dung về sản xuất và phân bổ sản lượng và trạng thái cân bằng của thị trường hàng hóa dịch vụ, nghiên cứu mối quan hệ giữa tiết kiệm và đầu tư, xuất khẩu ròng và đầu tư nước ngoài ròng, mô hình cân bằng của thị trường vốn vay trong nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở, mô hình xác định tỷ giá hối đoái thực và phân tích tác động của các chính sách vĩ mô trong dài hạn. Chương tiếp theo đề cập đến thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn. Lý thuyết về tăng trưởng kinh tế được trình bày ở chương cuối cùng nêu ra các mô hình để giải thích nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Kinh tế học quản lý

Kinh tế học quản lý là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức ngành kinh tế, là khoa học kinh tế vi mô ứng dụng. Học phần sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng để ước lượng và dự báo cung - cầu, sản xuất, chi phí sản xuất; phân tích và nghiên cứu sâu về hành vi lựa chọn của người tiêu dùng và của doanh nghiệp trong các trường hợp chắc chắn, rủi ro và bất định. Thêm vào đó, học phần nghiên cứu việc ra quyết định của các nhà quản lý trong các cấu trúc thị trường khác nhau dựa vào các kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất - kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác, giúp người học tiếp cận những học phần chuyên ngành chuyên sâu thuộc các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

2.2 Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)

2.2.1 Các học phần bắt buộc

Quản trị tài chính 1

Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

*Tài chính công**

Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản về hoạt động tài chính ở khu vực công với các nội dung chủ yếu như: các đặc trưng cơ bản và kết cấu tài chính công, chức năng, vai trò và nguyên tắc hoạt động của tài chính công; quản lý tài chính công; chính sách tài chính công; về thu nhập công và chi tiêu công; tổ chức hoạt động của hệ thống Ngân sách nhà nước, tín dụng Nhà nước; nợ công; hoạt động của các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước.

Thuế

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về thuế như khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, hệ thống thuế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, học phần

đề cập các nội dung cơ bản của các sắc thuế thông dụng hiện hành của Việt Nam như: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu các nội dung cơ bản của các loại thuế khác.

Nghệp vụ kho bạc nhà nước

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ KBNN với các nội dung chủ yếu như: Khái niệm, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của KBNN, phân định chức năng quản lý quỹ NSNN trong hệ thống KBNN, phân định trách nhiệm giữa các bộ phận trong KBNN; các nguyên tắc tổ chức hệ thống KBNN; Nghiệp vụ quản lý NSNN của KBNN; Tín dụng Nhà nước qua hệ thống KBNN; Điều hòa vốn trong hệ thống KBNN; Nghiệp vụ quản lý ngân quỹ, kho tiền và tài sản khác; Hệ thống mục lục NSNN.

*Quản lý ngân sách nhà nước**

Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản về hoạt động quản lý, kiểm soát các khoản thu chi NSNN với các nội dung chủ yếu như: khái niệm, đặc điểm, mục tiêu, vai trò và nguyên tắc quản lý NSNN; nội dung quản lý NSNN và tổ chức công tác quản lý NSNN như là tổ chức xây dựng dự toán Thu-Chi NSNN, tổ chức chấp hành dự toán Thu và các khoản Chi NSNN, Kiểm toán Thu và Quyết toán Chi NSNN; đánh giá công tác quản lý NSNN thông qua các phương pháp và chỉ số chuyên môn.

Quản lý tài chính dự án đầu tư công

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu và thảo luận về các nguyên lý lý thuyết và vấn đề thực tế trong phân tích và quản lý tài chính dự án đầu tư ở khu vực công. Học phần sẽ đề cập đến các chủ đề, kết hợp lý thuyết và thực hành cần thiết để hiểu về cơ sở và phương pháp quản lý tài chính dự án đầu tư trong khu vực công. Nội dung chính bao gồm: tổng quan về dự án đầu tư công và quản lý tài chính dự án đầu tư công; phân tích tài chính dự án đầu tư công; phân tích kinh tế dự án đầu tư công, phân tích chi phí – lợi ích; dự toán và quản lý chi phí dự án đầu tư công; quản lý rủi ro dự án đầu tư công.

Quản lý tài chính các tổ chức phi lợi nhuận

Nội dung của học phần Quản lý tài chính các tổ chức phi lợi nhuận bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản lý tài chính tổ chức phi lợi nhuận; Quản lý thanh khoản; Thiết kế hệ thống báo cáo tài chính; Quản lý ngân sách ngắn hạn; Kế hoạch tài chính dài hạn; Quản lý nợ của tổ chức phi lợi nhuận.

Tài chính vi mô (MicroFinance)

Học phần trình bày khái quát về sự hình thành, phát triển cũng như những đặc trưng, vai trò của hoạt động tài chính vi mô, giới thiệu về tổ chức tài chính vi mô với những nội dung cụ thể về mô hình tổ chức, chức năng và các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô như: hoạt động cho vay, hoạt động huy động vốn, hoạt động bảo hiểm... Mặt khác, học phần cũng cung cấp các kiến thức về các nguyên lý và kỹ thuật trong phân tích, đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Quản lý tài sản công

Học phần giới thiệu các vấn đề lý thuyết cơ bản về tài sản công và quản lý tài sản công với các nội dung chủ yếu như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò của tài sản công trong nền kinh tế; các nguyên tắc, công cụ, biện pháp quản lý, phân cấp quản lý tài sản công; các nguyên lý tổ chức các hoạt động quản lý tài sản công trong khu vực hành chính sự nghiệp, tài sản công trong các doanh nghiệp, tài sản công thuộc kết cấu hạ tầng, tài sản dự trữ nhà nước, tài sản công là đất

đai và tài nguyên, tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước. Bên cạnh đó, học phần còn đề cập đến các nguyên lý quản lý tài chính đối với đất đai và tài nguyên khác, quản lý thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

2.2.2 Các học phần tự chọn

Quản lý tài chính an sinh xã hội

Nội dung của học phần Quản lý tài chính an sinh xã hội bao gồm các chủ đề nghiên cứu chính: Tổng quan về quản lý an sinh xã hội; Điều hành tổ chức an sinh xã hội; Lập kế hoạch và đánh giá kết quả; Kiểm soát tài chính tổ chức an sinh xã hội và Quản lý đầu tư của tổ chức an sinh xã hội.

Tài chính quốc tế

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, các giao dịch trên thị trường ngoại hối và chính sách điều hành tỉ giá hối đoái, các hoạt động thanh toán, đầu tư, tín dụng và hỗ trợ phát triển chính thức, liên minh thuế quan giữa các quốc gia và cán cân thanh toán quốc tế

Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng

Học phần được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên những vấn đề lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng. Các chủ đề nghiên cứu chính bao gồm: tổng quan về các tổ chức tài chính phi ngân hàng; quản trị huy động vốn; quản trị sử dụng vốn; phân tích kết quả tài chính, quản trị rủi ro của các tổ chức tài chính phi ngân hàng.

Thị trường ngoại hối

Học phần giới thiệu kiến thức về thị trường ngoại hối và kinh doanh ngoại hối: tổ chức hoạt động giao dịch của thị trường ngoại hối, nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, phân tích kinh doanh ngoại hối, thu nhập và rủi ro trong kinh doanh ngoại hối..

Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế, tín dụng và bảo lãnh xuất nhập khẩu như: Các luật, thông lệ và tập quán quốc tế, các chứng từ và điều kiện thanh toán quốc tế, các hình thức tín dụng và bảo lãnh xuất nhập khẩu.

Quản trị ngân hàng thương mại 1

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị vốn chủ sở hữu, vốn tiền gửi và vốn phi tiền gửi; quản trị kết hợp tài sản - nợ và khả năng thanh khoản; quản trị hoạt động cho vay và quản trị dịch vụ thanh toán của NHTM.

2.3 Kiến thức bổ trợ

2.3.1. Học phần bắt buộc

Hệ thống thông tin quản lý trong đơn vị công

Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các đơn vị công; giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng hệ thống thông tin, từ đó sinh viên có thể vận dụng các phương pháp và công cụ để phân tích, thiết kế được hệ thống cũng như quản trị hệ thống thông tin trong đơn vị công. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức giúp sinh viên tiếp cận các hệ thống tốt hơn sau khi ra trường.

Chính phủ điện tử

Là học phần bắt buộc thuộc bộ phận kiến thức chuyên ngành quản trị thương mại điện tử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.

2.3.2. Học phần tự chọn

Kế toán quản trị đơn vị công

Học phần kế toán quản trị đơn vị công thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về: bản chất, vai trò, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị trong đơn vị thuộc khu vực công ; lập các dự toán ngân sách; cung cấp thông tin hỗ trợ lập kế hoạch, kiểm soát, chấp hành, quyết toán kế hoạch thu và dự báo thu NSNN, thu HCSN; xác định chi phí và tính giá thành dịch vụ hành chính, sự nghiệp; xác định kết quả hoạt động hành chính, sự nghiệp và hỗ trợ cho việc ra các quyết định trong các đơn vị công.

Kiểm toán ngân sách Nhà nước

- Học phần Kiểm toán ngân sách nhà nước thuộc học phần kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản của kiểm toán BCTC đơn vị công, như: phương pháp và qui trình kiểm toán báo cáo tài chính, thủ tục kiểm toán các nội dung của báo cáo tài chính đơn vị công, tổng hợp kết quả kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán.

Kế toán công 2

Học phần kế toán công 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành Kế toán công. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về: Đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán ngân sách trong khu vực công; Những kiến thức về nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phần hành cụ thể trong kế toán ngân sách liên quan đến kế toán tài sản, kế toán thu chi ngân sách, kế toán các khoản thanh toán và những vấn đề chung về báo cáo và phương pháp lập báo cáo kế toán ngân sách tại Kho bạc nhà nước. Ngoài ra học phần còn cung cấp kiến thức về kế toán ngân sách xã, phường.

Chuẩn mực kế toán công quốc tế

Học phần thuộc chuyên ngành Kế toán công cung cấp những kiến thức cơ bản về: khái niệm, quy trình ban hành chuẩn mực kế toán công quốc tế, cơ sở kế toán áp dụng trong chuẩn mực kế toán công quốc tế, nội dung các chuẩn mực kế toán công quốc tế về tài sản, thu nhập, chi phí và lập báo cáo tài chính trong các đơn vị công.

Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà Nước đối với thị trường chứng khoán.

Bảo hiểm

Học phần giới thiệu tổng quan về lý thuyết và thực hành quản trị rủi ro và kinh doanh bảo hiểm. Các chủ đề nghiên cứu chính bao gồm: Tổng quan về quản trị rủi ro và bảo hiểm; Khuôn khổ pháp lý hoạt động bảo hiểm; Bảo hiểm an sinh xã hội; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm hàng hóa và tài sản; Bảo hiểm trách nhiệm. Các tình huống kinh doanh bảo hiểm được nghiên cứu trong điều kiện thị trường bảo hiểm Việt Nam

Kiểm toán nội bộ

Học phần Kiểm toán nội bộ thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản của kiểm toán nội bộ, như: bản chất kiểm toán nội bộ, vai

trò chức năng, nội dung và phương pháp kiểm toán, qui trình kiểm toán, chuẩn mực thực hành kiểm toán nội bộ, các vấn đề hiện đại gắn với KTNB như quản trị công ty, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ từ đó tạo cơ sở cho tổ chức công tác kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp và một số đơn vị đặc thù: đơn vị hành chính sự nghiệp, ngân hàng thương mại.... Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành nghề nghiệp như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đề xuất giải pháp, giám sát, đánh giá hoạt động kiểm toán...

Quản trị dịch vụ

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Thanh toán điện tử

Học phần Thanh toán điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho sinh viên Quản trị TMĐT về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

2.4. Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học

Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp

Học phần Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tiễn về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; các kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá được các vấn đề liên quan đến hoạt động chuyên môn của các tổ chức tài chính khu vực công; khả năng phát hiện các vấn đề cần giải quyết tại đơn vị nơi sinh viên thực tập. Sinh viên rèn luyện ý thức kỷ luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm và thực hiện các trách nhiệm được phân công với cộng đồng và xã hội.

Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp

Học phần Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tiễn về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; các kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá được các vấn đề liên quan đến hoạt động chuyên môn của các đơn vị/tổ chức tài chính khu vực công; khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong hoạt động thực tiễn của đơn vị nơi sinh viên thực tập. Sinh viên rèn luyện ý thức kỷ luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm và thực hiện các trách nhiệm được phân công với cộng đồng và xã hội.

Hành vi khách hàng

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các

khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức và các loại hình, đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là tổ chức.

Kinh tế lượng

Học phần cung cấp phương pháp ước lượng các mô hình hồi quy hai biến và nhiều biến. Các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (xác định khoảng tin cậy, kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt). Các vấn đề liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Thương mại điện tử căn bản

Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến hiện nay, kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng internet

Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới : Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.

Kinh tế thương mại đại cương

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại

2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành

a. Các học phần bắt buộc

Quản trị nhân lực căn bản

Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

Quản trị chiến lược

Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình

triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Quản trị sản xuất

Quản trị sản xuất là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: Bản chất của sản xuất và quản trị sản xuất; Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất; Dự báo nhu cầu sản phẩm và các phương pháp dự báo; Thiết kế sản phẩm; Lựa chọn quá trình sản xuất; Hoạch định công suất; Xác định địa điểm sản xuất của doanh nghiệp; Bố trí mặt bằng sản xuất; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; Tổ chức mua nguyên vật liệu; Lập lịch trình sản xuất; Quản trị dự trữ và Quản lý chất lượng trong sản xuất.

*Quản trị bán hàng **

Học phần Quản trị bán hàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh, bao gồm các nội dung Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Kỹ năng bán hàng và Quản lý chế độ khách hàng lớn; Lập kế hoạch bán hàng; Quản trị đội ngũ bán hàng; Tổ chức điểm bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

Quản trị dự án

Học phần Quản trị dự án thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái luận về dự án và quản trị dự án; tổ chức dự án và nhà quản trị dự án; các hoạt động cơ bản của quản trị dự án: xác định và lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, điều phối các nguồn lực dự án, quản trị chi phí dự án, quản trị chất lượng dự án, quản trị rủi ro dự án, giám sát và kết thúc dự án.

Mua và quản trị nguồn cung

Học phần này cung cấp các kiến thức tổng quan từ khái niệm, lịch sử phát triển & quan điểm tiếp cận tới cấu trúc tổ chức trong công tác mua và quản trị nguồn cung. Học phần còn nghiên cứu các chính sách, quá trình tác nghiệp, quản trị chi phí, quyết định thuê ngoài, quá trình chiến lược mua và quản trị quan hệ nhà cung cấp. Đồng thời, học phần còn giới thiệu những xu hướng phát triển của công tác mua và quản trị nguồn cung trong tương lai.

Khởi sự kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Quản trị công ty

Học phần Quản trị công ty bao gồm 6 chương. Chương 1 đưa ra kiến thức Tổng quan về quản trị công ty, các khái niệm cơ bản cũng như vai trò và lợi ích của quản trị công ty; Chương 2 tập trung và hệ thống hóa các lý thuyết, qui tắc và mô hình quản trị công ty phổ biến trên thế giới đồng thời giới thiệu về các mô hình quản trị công ty chủ yếu ở Việt Nam; Chương 3 đi sâu vào làm rõ nội dung về cổ đông và các bên có liên quan; Chương 4 trình bày các nội dung về Hội đồng

quản trị; Chương 5 là vấn đề công bố thông tin và kiểm soát trong quản trị công ty; Cuối cùng, chương 6 thảo luận về đánh giá hệ thống quản trị công ty theo một số thông lệ quản trị công ty tốt nhất trên thế giới và Việt Nam.

Quản trị rủi ro

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Kiến thức chuyên sâu về các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng và phân tích rủi ro ; Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

Văn hóa kinh doanh

Học phần bao gồm những nội dung: Tổng quan về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh. Đặc trưng văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Vai trò của văn hóa doanh nhân, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nhân như năng lực, tố chất, đạo đức, phong cách doanh nhân. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp. Phát triển văn hóa kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển văn hóa kinh doanh.

b.Các học phần tự chọn

Quản trị thương hiệu 1

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Quản trị chất lượng

Chất lượng được coi là yếu tố then chốt quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Quản trị chất lượng hiệu quả cũng là hoạt động chính để xây dựng và phát triển thương hiệu. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo các ngành quản trị kinh doanh và marketing. Với 8 chương, học phần cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng. Các kỹ năng mà người học có thể rèn luyện được trong suốt quá trình nghiên cứu học phần bao gồm: Kỹ năng lập kế hoạch chất lượng; kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá hệ thống quản trị chất lượng; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật kiểm soát chất lượng; kỹ năng làm việc theo nhóm....

Quản trị logistics kinh doanh

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cách khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết

nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

Quản trị dịch vụ

Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung, có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Quản trị marketing I

Học phần đề cập tới nội dung quản trị chiến lược marketing của doanh nghiệp; khái niệm cơ bản của marketing hiện đại và các quan điểm quản trị marketing; triết lý giá trị khách hàng; quản trị thời cơ marketing thông qua nghiên cứu và phân tích marketing; quản trị marketing mục tiêu và chiến lược marketing ở doanh nghiệp; vận dụng các kiến thức trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing.

Quản trị đổi mới, sáng tạo

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về quản trị đổi mới sáng tạo. Bao gồm: Kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo; Quy trình quản trị đổi mới sáng tạo; Các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

Quản trị hành chính văn phòng

Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, triển khai đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá kết quả đào tạo và phát triển nhân lực.

Quản trị nhóm làm việc

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về công tác quản trị nhóm làm việc trong các tổ chức và doanh nghiệp bao gồm các nội dung như: Đặc điểm và vai trò của nhóm làm việc; Các giai đoạn phát triển nhóm; Thành lập nhóm làm việc; Tổ chức quản lý nhóm; Lãnh đạo và kiểm soát nhóm làm việc, Giải quyết xung đột trong nhóm, Kỹ năng giao tiếp nhóm; Đánh giá hiệu suất nhóm; Các kỹ năng và năng lực của người trưởng nhóm. Người học có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng trên để xây dựng và triển khai hoạt động của nhóm làm việc theo các mục tiêu và nhiệm vụ đã xác định.

2.3 Kiến thức bổ trợ

a. Học phần bắt buộc

Chiến lược kinh doanh quốc tế

Học phần cung cấp các kiến thức căn bản về quản trị CLKDQT và vận dụng thực tiễn của DN trong kinh doanh quốc tế nói chung. Học phần Chiến lược kinh doanh quốc tế được chia thành 5 chương chính. Chương 1 đề cập tới những diễn biến hiện thời trên thị trường quốc tế, đánh giá những động cơ thúc đẩy một doanh nghiệp cần và nên thực hiện kinh doanh quốc tế. Chương 2 và chương 3 phân tích môi trường bên ngoài và bên trong của DN kinh doanh quốc tế. Chương 4 trình bày những chiến lược kinh doanh quốc tế điển hình mà doanh nghiệp theo đuổi, dựa trên 2 biến số thích ứng địa phương và tích hợp toàn cầu. Chương 5 cung cấp cái nhìn đầy đủ về tổ chức triển khai CLKDQT của doanh nghiệp và các vấn đề về quản trị sự thay đổi và xung đột trong kinh

doanh.

Luật kinh tế 1

Học phần cung cấp những kiến thức pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu các quy định pháp luật về loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhà nước; Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về phá sản và luật phá sản; thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần chuyên ngành khác. Học phần này được nghiên cứu sau khi sinh viên đã nắm được kiến thức cơ bản ở các học phần cơ sở ngành.

b. Học phần tự chọn

Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.

Kế toán quản trị doanh nghiệp

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp; Phân loại chi phí; Dự toán sản xuất kinh doanh; Các phương pháp xác định chi phí truyền thống và hiện đại trong kế toán quản trị doanh nghiệp; Kế toán theo các trung tâm trách nhiệm; Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.

Quản lý Nhà nước về kinh tế

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản quản lý nhà nước về kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm: những vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực kinh tế chủ yếu như: thương mại, đầu tư, tài chính - tiền tệ, kinh tế đối ngoại, khoa học - công nghệ và tài nguyên môi trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng loại hình doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước; vấn đề đổi mới, hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta hiện nay.

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế

2.4 Thực tập tốt nghiệp

Báo cáo thực tập tổng hợp

Học phần giúp người học tìm hiểu khái quát thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị của đơn vị thực tập. Từ đó, người học phát hiện các vấn đề tồn tại trong hoạt động quản trị của đơn vị thực tập để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Người học thực tập tại doanh nghiệp thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực, ngành kinh doanh khác nhau để tìm hiểu thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp. Người học phát hiện các hạn chế trong hoạt động quản trị để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp

Học phần này giúp người học củng cố kiến thức chuyên sâu thông qua vận dụng kiến thức và các kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập và trình bày báo cáo khóa luận tốt nghiệp dưới dạng công trình nghiên cứu. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, Người học hệ thống hóa có lựa chọn một số cơ sở lý luận đã có để vận dụng giải quyết một vấn đề cụ thể về quản trị kinh doanh tại một doanh nghiệp.

4. Chương trình đào tạo Công nghệ tài chính ngân hàng

Tên học phần	Mục tiêu của học phần	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
Triết học Mác - Lênin	Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn	Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người
Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới - Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. - Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam.	Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội

	<p>- Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.</p>	<p>chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình</p>
Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ.</p>	<p>Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.</p>
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.</p> <p>Giúp sinh viên hiểu được quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; cơ sở hình thành và nội dung đường lối của Đảng; cũng như quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện đường lối đó từ thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến thời kỳ cách mạng XHCN. Củng cố và phát triển cho sinh viên năng lực tư duy lịch sử, khả năng vận dụng kiến thức đã học vào lý giải các vấn đề thực tiễn. Bồi dưỡng</p>	<p>Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của</p>

	niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng
Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phản biện những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta	Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta
Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng	Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố

		<p>cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng</p>
Tiếng Anh 1	<p>Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.</p>	<p>Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới</p>
Tiếng Anh 2	<p>Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng tiếng Anh cơ bản (Nghe, Nói, Đọc, Viết), củng cố kiến thức ngữ pháp về các cách diễn đạt hành động trong tương lai, phân biệt thời hiện tại hoàn thành và thời quá khứ đơn, câu</p>	<p>Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5,6,7,8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn</p>

	<p>điều kiện loại 0 và loại 1, mệnh đề quan hệ, v.v. và cung cấp từ vựng chung liên quan đến các chủ đề như: Môi trường; Các giai đoạn trong cuộc đời; Công việc; Công nghệ; giải quyết các tình huống đơn giản nhằm phục vụ cho việc giao tiếp Tiếng Anh nói chung cũng như tiếng Anh phục vụ công việc sau này như: đặt hàng qua điện thoại, lời mời, chấp nhận và từ chối lời mời, phỏng vấn việc làm, v.v. Ngoài ra, sinh viên thực hành kỹ năng thuyết trình tiếng Anh và làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị tốt cho việc học tập tiếng Anh ở các học kỳ sau.</p>	<p>tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.</p>
Tiếng Anh 3	<p>Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai</p>	<p>Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên.</p> <p>Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2.</p> <p>Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học</p>
Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học để quản lý công việc, học tập. Cụ thể:</p> <p>+ Về kiến thức: Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về CNTT (phần cứng và phần mềm), máy tính điện tử, hệ điều hành, mạng máy tính và cách sử dụng một số phần mềm CNTT cơ bản như: hệ soạn thảo văn bản; trình diễn văn bản; tổ chức và xử lý dữ liệu. Ngoài ra sinh viên còn nắm được các kiến thức về một số ứng dụng CNTT hiện đại như Chatbot; Chat GPT; Cloud Computing; ...</p> <p>+ Về Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận</p>	<p>Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ</p>

	<p>dụng một số thao tác cơ bản và nâng cao trong soạn thảo văn bản, phân tích dữ liệu, tổng hợp, thống kê, trình chiếu,..</p> <p>+ Về mức độ tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có tinh thần lao động say mê, sáng tạo; ý thức tự giác, nhiệt tình trong công việc; có ý thức trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.</p>	<p>liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.</p>
<p>Phương pháp Nghiên cứu Khoa học</p>	<p>Mục tiêu chung: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.</p> <p>Mục tiêu cụ thể</p> <p>+ Sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học</p> <p>+ Sinh viên hình thành các kỹ năng thiết kế, triển khai, thu thập, phân tích, tổng hợp dữ liệu, viết và trình bày báo cáo nghiên cứu.</p> <p>+ Sinh viên rèn luyện phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân; hình thành thái tích cực, chủ động và trung thực trong hoạt động nghiên cứu khoa học</p>	<p>Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.</p>
<p>Kinh Tế Lượng</p>	<p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản để phân tích định lượng mối quan hệ giữa các biến số kinh tế - xã hội bằng cách sử dụng mô hình hồi quy. Sinh viên được cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích độ phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình nhằm đưa ra các dự báo hữu ích. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy và có thể thực hiện các kỹ thuật phân tích hồi quy cơ bản với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng. Đây là kiến thức nền tảng hoặc bổ trợ cho các học phần khác như: Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, ...</p>	<p>Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình</p>

Khởi sự kinh doanh	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể đánh giá và lựa khởi sự kinh doanh như một định hướng nghề nghiệp; và thực hiện khởi sự hoạt động kinh doanh ở quy mô nhỏ	Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới
Chuyển đổi số trong kinh doanh	<p>- Mục tiêu chung: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh hiện đại gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ Kiến thức: Cung cấp những kiến thức về chuyển đổi số trong kinh doanh như khái niệm, lợi ích và trở ngại, các giai đoạn và quá trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hạ tầng chuyển đổi số; đồng thời, giúp người học hiểu rõ ý nghĩa, đánh giá sự cần thiết và khả năng chuyển đổi số trong kinh doanh của các doanh nghiệp trong bối cảnh mới.</p> <p>+ Kỹ năng: Giúp người học hình thành ban đầu các kỹ năng phân tích và đánh giá các giai đoạn và quá trình chuyển đổi số nhằm thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số trong kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế số.</p> <p>+ Thái độ: Có ý thức học tập, tư duy sáng tạo, và nghị lực để hoàn thành tốt công việc; có văn hóa và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường kinh doanh hiện đại; có ý thức kỷ luật, chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.</p>	Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.
Tiếng Anh thương mại 1	Học phần trang bị cho người học vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp (intermediate) trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau.	Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn

		<p>diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.</p>
Tiếng Anh thương mại 2	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp để có thể giao tiếp thành thục bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh thương mại.</p>	<p>Học phần Tiếng Anh thương mại 2 là sự tiếp nối học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.</p>
Kinh tế vi mô 1	<p>- Mục tiêu chung: Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về kinh tế vi mô để sinh viên hiểu được cơ sở của việc ra các quyết định kinh tế tối ưu của người tiêu dùng và hãng sản xuất - kinh doanh trong điều kiện nguồn lực có hạn.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể: Trang bị cho sinh viên những căn cứ khoa học về hành vi của các tác nhân trong nền kinh tế như người tiêu dùng, doanh nghiệp và Chính phủ. Từ đó, giúp sinh viên hiểu được cơ chế hoạt động của thị trường trong việc hình thành giá cả của hàng</p>	<p>Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các</p>

	<p>hoá - dịch vụ và phân bổ nguồn lực có hạn cho các mục tiêu sử dụng khác nhau. Giúp sinh viên hiểu được hành vi và các quyết định của người tiêu dùng, nhà sản xuất; hiểu được các điều kiện, nguyên tắc hoạt động của các cấu trúc thị trường khác nhau; và những vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố của sản xuất. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức vào việc giải thích được các vấn đề mang tính thực tiễn như chi phí cơ hội, sự thay đổi cung cầu, các nguyên tắc quyết định tối ưu trong tiêu dùng và sản xuất</p>	<p>cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh</p>
Kinh tế vĩ mô I	<p>Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>Mục tiêu về kiến thức: Hiểu được nguyên lý của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố ảnh hưởng đến sản lượng, việc làm, giá cả, lãi suất, tỷ giá hối đoái, lạm phát và thất nghiệp cũng như nguyên lý về chu kỳ kinh tế; nắm được nội dung và có khả năng phân tích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô mà trung tâm là chính sách tài khoá và tiền tệ đối với tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất và tỷ giá hối đoái.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Phát triển các kỹ năng phân tích kinh tế thông qua mô hình, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng phân tích tổng thể, kỹ năng trình bày và thuyết trình các vấn đề kinh tế</p>	<p>Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khoá, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khoá và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô</p>
Nhập môn tài chính tiền tệ	<p>Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính và sự vận hành các khâu tài chính trong hệ thống tài chính quốc gia làm tiền đề giúp cho người học có thể đi vào nghiên cứu các học phần chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, kinh tế, kế toán – kiểm toán, quản trị kinh doanh, kinh doanh</p>	<p>Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng;</p>

	thương mại,...; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính - tiền tệ; hình thành kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có thái độ nghiêm túc, làm việc tích cực, tinh thần tự học trong thực hiện các nhiệm vụ của học phần	đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia
Định giá tài sản	Sau khi học xong học phần, người học nắm bắt và vận dụng được các kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và kiến thức thực tế về định giá tài sản và xác định giá trị doanh nghiệp; rèn luyện các kỹ năng, phương pháp giải quyết vấn đề, năng lực tự chủ, thái độ chuyên nghiệp trong định giá tài sản và xác định giá trị doanh nghiệp.	Học phần đề cập đến các vấn đề chung về định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường trên các khía cạnh khái niệm định giá tài sản, đối tượng của định giá tài sản, các nguyên tắc và quy trình chung trong định giá tài sản. Trên cơ sở đó, học phần đề cập đến các nội dung ứng dụng các nguyên tắc và sử dụng các phương pháp cụ thể để định giá bất động sản, định giá máy móc thiết bị, định giá tài sản vô hình và xác định giá trị doanh nghiệp.
Học máy	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về quy trình xây dựng hệ thống học máy; các bài toán điển hình trong học máy; các thuật toán cơ bản và hiện đại để giải quyết các bài toán đó. Đồng thời, người học được hướng dẫn sử dụng phần mềm Python với các thư viện học máy thông dụng để giải quyết các bài toán trên.	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về quy trình xây dựng một hệ thống machine learning. Các nội dung kiến thức bao gồm giới thiệu các bài toán điển hình trong học máy (hồi quy, phân lớp, gom cụm) cùng các thuật toán cổ điển và hiện đại giải quyết các bài toán đó (hồi quy tuyến tính, k-Nearest Neighbors, cây quyết định, Support Vector Machines, K-Means, mạng Nơ ron nhân tạo, ...).
Lập trình với Python	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lập trình, nắm bắt một số nguyên tắc lập trình cơ bản với ngôn ngữ lập trình Python. Các kiến thức này là nền tảng cho các học phần khác liên quan như lập trình hướng đối tượng, hệ thống thông tin. - Mục tiêu cụ thể: + CO1 (Kiến thức): Sinh viên phân tích được các kiến thức về lập trình, phân tích và mô tả 	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin – định hướng nghề nghiệp. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ sở về lập trình bao gồm: thuật toán, sơ đồ khối; chương trình và ngôn ngữ lập trình; các phương pháp lập trình và kỹ thuật thiết kế chương trình, các thành phần cơ sở

	<p>thuật toán thông qua sơ đồ khối, cách thiết kế và tổ chức chương trình thông qua ngôn ngữ lập trình Python với các kiểu dữ liệu, các cấu trúc câu lệnh, cấu trúc hàm và tổ chức chương trình chính.</p> <p>+ CO2 (Kỹ năng): Sinh viên có khả năng phân tích bài toán, vận dụng kiến thức về sơ đồ khối để mô tả thuật toán và lập trình các chương trình bằng ngôn ngữ lập trình Python trên một công cụ phát triển phần mềm cụ thể, sau đó dịch, kiểm thử và chạy chương trình.</p> <p>+ CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.</p>	<p>của ngôn ngữ lập trình (tổ chức chương trình và các cấu trúc lệnh cơ bản; các kiểu dữ liệu có cấu trúc; ...). Ngôn ngữ lập trình Python sẽ được sử dụng làm phương tiện để trình bày.</p>
Sáng tạo và thiết kế nội dung	<p>-Mục tiêu chung: Nắm vững những lý thuyết cơ bản về sáng tạo và thiết kế nội dung, có năng lực thực tiễn triển khai, tập trung vào các hoạt động trong quá trình sáng tạo và thiết kế nội dung nhằm hướng tới các đối tượng công chúng qua các phương tiện truyền thông marketing nhằm hỗ trợ đắc lực nhất cho hoạt động marketing số của doanh nghiệp nhằm khai thác các cơ hội của thị trường.</p> <p>-Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ CO1: Cung cấp cho người học nền tảng lý thuyết, phương pháp tư duy hệ thống, tính năng động, tính sáng tạo và hiệu quả mục tiêu của sáng tạo nội dung trong marketing nhằm đạt được các mục tiêu marketing số của doanh nghiệp.</p> <p>+ CO2: Cung cấp cơ sở lý thuyết nền tảng về quy trình và phương thức sáng tạo, thiết kế nội dung trên cơ sở phân tích dữ liệu khách hàng, triển khai trên các phương tiện số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động marketing số của tổ chức.</p> <p>+ CO3: Trang bị các phương pháp và kỹ năng trong hoạch định, thực thi và kiểm tra một cách có hiệu lực quy trình sáng tạo và thiết kế nội dung trên các phương tiện số nhằm thu hút đối tượng nhận tin. Phát triển cho người học phương pháp và kỹ năng nghiên cứu, phân tích dữ liệu khách hàng và vận dụng vào</p>	<p>Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung của sáng tạo nội dung trong hoạt động marketing với các phương tiện số về quy trình và phương thức sáng tạo nội dung nhằm hướng tới đáp ứng nhu cầu và đặc điểm của khách hàng, và nghiên cứu thiết kế các nội dung cho có sức thu hút cao với các đối tượng khách hàng và các đối tượng có liên quan trong hoạt động marketing số của đơn vị.</p>

	<p>quá trình sáng tạo và thiết kế nội dung cho các công cụ và phương tiện.</p> <p>+ CO4: Hình thành nhận thức và quan điểm đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của sáng tạo và thiết kế nội dung trong hoạt động marketing số. Hình thành ý thức tìm hiểu, cập nhật và vận dụng kiến thức về marketing số trong hoạt động thực tiễn của chính bản thân.</p>	
Quản lý tài sản trí tuệ	<p>Học phần giúp người học nắm chắc được kiến thức cả ở tầm chiến lược và thực tiễn triển khai liên quan đến các vấn đề về nhận diện và quản lý quá trình hình thành các tài sản trí tuệ; quản lý các quyền (sở hữu, sử dụng và quản lý) đối với các tài sản trí tuệ; quản lý quá trình khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ. Học phần cũng giúp người học phát triển các kỹ năng phân tích các tình huống trong những điều kiện khác nhau để đưa ra mô hình quản lý tối ưu các tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp và các tổ chức.</p>	<p>: Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức căn bản về quản lý các tài sản trí tuệ trên cả 2 phạm trù là quản lý nhà nước và quản trị trong các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học như các trường đại học, các viện nghiên cứu...</p> <p>Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát chung về tài sản trí tuệ và các quyền đối với tài sản trí tuệ; Nhận diện và phân định các loại tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, tổ chức; Các quy định pháp lý về các đối tượng sở hữu trí tuệ và những vấn đề cơ bản Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nguồn vốn trí tuệ và quản lý quá trình hình thành các tài sản trí tuệ; Quản lý và xác lập các quyền đối với các tài sản trí tuệ (như quyền tài sản, quyền nhân thân, quyền sử dụng và quyền quản lý); Quản lý quá trình sử dụng, khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, tổ chức; Định giá và chuyển giao các tài sản trí tuệ của tổ chức doanh nghiệp.</p>
Các công cụ trực quan hóa dữ liệu	<p>- Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về trực quan hóa dữ liệu bằng Power BI.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ CO1 (Kiến thức): Cung cấp kiến thức về trực quan hóa dữ liệu nói chung và cách thức tổ chức dữ liệu trên các biểu đồ nói riêng để sinh viên có thể tạo ra các</p>	<p>Học phần sẽ cung cấp từ các kiến thức và các kỹ năng thực hành cơ bản đến các kiến thức chuyên sâu hơn trong việc trực quan hóa dữ liệu với công cụ cụ thể ví dụ như Tableau. Chương trình được giảng dạy theo phương pháp thực hành, trong đó sinh viên sẽ được cung cấp hệ thống</p>

	<p>biểu đồ hoặc dashboard biểu diễn dữ liệu một cách trực quan.</p> <p>+ CO2 (Kỹ năng): Sử dụng một công cụ biểu diễn trực quan dữ liệu để nhằm mục đích phân tích dữ liệu cho các bài toán quản lý trong kinh tế.</p> <p>+ CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.</p>	<p>bài tập thực hành và trực tiếp ứng dụng các kiến thức về trực quan hóa dữ liệu nhằm giải các bài tập từ cơ bản đến nâng cao dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên sẽ thực hành các cách kết nối dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, biểu diễn dữ liệu với các biểu đồ và phân tích dữ liệu thông qua việc xây dựng các dashboard.</p>
Quản trị đổi mới sáng tạo	<p>Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo cung cấp cho người học tư duy, kiến thức và kỹ năng quản trị đổi mới sáng tạo để có thể phân tích đánh giá và có giải pháp phát triển hoạt động đổi mới sáng tạo trong thực tiễn kinh doanh góp phần tạo dựng lợi thế cạnh tranh và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Học phần cũng giúp người học phát triển thái độ làm việc tích cực, có ý thức phấn đấu, hợp tác; có khả năng làm việc khoa học, độc lập, chủ động và có trách nhiệm.</p>	<p>Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo gồm 5 Chương. Chương 1 đưa ra các kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo. Chương 2 giới thiệu nội dung đầu tiên trong quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là phân tích môi trường và tìm kiếm cơ hội và nguồn cho đổi mới sáng tạo. Chương 3 tập trung vào nội dung thứ 2 của quy trình đổi mới sáng tạo đó là lựa chọn định hướng đổi mới sáng tạo, Chương 4 là nội dung thứ 3 của quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là triển khai. Và cuối cùng chương 5 cung cấp kiến thức về nội dung và các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.</p>
Chính phủ điện tử	<p>- Mục tiêu chung: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành quản trị thương mại điện tử những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, một phương thức quản trị nhà nước hiện đại được quan tâm triển khai ứng dụng trên thế giới và tại Việt Nam .</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ Về kiến thức: giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, đánh giá được sự cần thiết và khả năng ứng dụng chính phủ điện tử, nội hàm của chính phủ điện tử, việc ứng dụng chính phủ điện tử trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và các tổ chức công.</p>	<p>Là học phần bắt buộc thuộc bộ phận kiến thức chuyên ngành quản trị thương mại điện tử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.</p>

	<p>+ Về kỹ năng: Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng ban đầu về phân tích, đánh giá các hoạt động chính phủ điện tử nhằm tìm ra các giải pháp đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng chính phủ điện tử tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức công, cũng như hoàn thiện các tương tác doanh nghiệp- nhà nước.</p> <p>+ Về thái độ: Có thái độ chuyên cần ham học hỏi, say mê học tập biết kết hợp nghe giảng trên lớp với tự nghiên cứu, gắn kết lý thuyết với thực tiễn và những trải nghiệm từ thực tế để hoàn thành tốt môn học.</p>	
Luật sở hữu trí tuệ	Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng đáp ứng thực hiện công việc liên quan đến pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.	Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan; về quyền sở hữu công nghiệp; về quyền đối với giống cây trồng; về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.
Cơ sở dữ liệu	<p>- Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và các kỹ năng cần thiết về tổ chức cơ sở dữ liệu trên máy tính.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ CO1 (Kiến thức): Sinh viên nắm được các kiến thức về cơ sở dữ liệu như các mô hình dữ liệu, thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ, ngôn ngữ cơ bản ban đầu khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) quan hệ và nhận thức được vai trò và sự cần thiết của hệ thống quản lý dữ liệu đối với một tổ chức kinh tế xã hội.</p> <p>+ CO2 (Kỹ năng):Sinh viên biết tổ chức và thiết kế cơ sở dữ liệu theo nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp như xây dựng các thực thể, quan hệ, tạo lập, và khai thác CSDL sử dụng truy vấn cơ bản trong một hệ cơ sở dữ liệu cụ thể.</p> <p>+ CO3 (Thái độ): Có tinh thần lao động say mê, sáng tạo, lòng yêu nghề; ý thức tự giác, nhiệt tình trong công việc; có ý thức chấp</p>	Đây là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Để nắm được nội dung của học phần này, sinh viên nên (không bắt buộc) học trước học phần Tin học quản lý hoặc Tin học quản lý 1. Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và các vấn đề liên quan đến cơ sở dữ liệu như các loại mô hình dữ liệu, chuẩn hoá dữ liệu, ngôn ngữ khai thác cơ sở dữ liệu quan hệ. Cơ sở lý thuyết của mô hình dữ liệu quan hệ cũng được đề cập đến.

	hành nội quy, quy chế của tổ chức và pháp luật nhà nước.	
Truyền thông kinh doanh	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về truyền thông kinh doanh như : dữ liệu, thông tin, thông tin kinh doanh, các nguyên tắc và các công cụ truyền thông. Ngoài ra, học phần cũng giúp người học nắm được các loại hình truyền thông khác nhau, biết cách áp dụng những nguyên tắc truyền thông trong các hoàn cảnh khác nhau, ứng dụng các kiến thức đã học để thực hiện các dự án truyền thông, biết cách giải quyết các khủng hoảng gặp phải trong truyền thông.	Học phần thuộc khối kiến thức ngành cung cấp kiến thức tổng quan về truyền thông kinh doanh. Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về truyền thông kinh doanh, các nguyên tắc truyền thông và tầm quan trọng của truyền thông... Học phần cũng giúp sinh viên phân biệt các loại hình truyền thông khác nhau, từ đó sinh viên có thể lựa chọn loại hình truyền thông phù hợp trong từng hoàn cảnh cụ thể. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị các kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể thực hiện được các dự án truyền thông cho các tổ chức, doanh nghiệp hoặc bản thân mình.
Quản trị tài chính 1	Học phần Quản trị tài chính 1 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp cơ bản	Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn
Quản trị ngân hàng thương mại 1	Mục tiêu chung: sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững kiến thức cơ bản, phương pháp và kỹ năng quản trị các hoạt động kinh doanh theo chức năng chính của NHTM; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết tình huống tác nghiệp trong thực tiễn.	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị vốn chủ sở hữu, vốn tiền gửi và vốn phi tiền gửi; quản trị kết hợp tài sản - nợ và khả năng thanh khoản; quản trị hoạt động cho vay và quản trị dịch vụ thanh toán của NHTM.
Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng	Học phần Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng (NBFIs), giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng (NBFIs) ở cấp độ tác nghiệp	Nội dung của học phần Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về các tổ chức tài chính phi ngân hàng; Quản trị huy động vốn; Quản trị sử dụng vốn; Phân tích kết quả tài chính và Quản trị rủi ro của các tổ chức tài chính phi ngân hàng
Quản trị tài	Học phần Quản trị tài chính 2 (BCTT) nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ	Nội dung của học phần Quản trị tài chính 2 (BCTT) bao gồm các chủ đề

chính 2 (BCTT)	năng chuyên sâu gắn với kinh nghiệm thực tế về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp chuyên sâu.	chính: Định giá trong quản trị tài chính; Rủi ro và lợi nhuận; Phân tích dòng vốn và lập kế hoạch tài chính; Đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính; Quyết định cấu trúc vốn; Chính sách cổ tức và Quản trị tài chính trong một số bối cảnh đặc biệt và Bài học kinh nghiệm thực tế quản trị tài chính
Quản trị ngân hàng thương mại 2	Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững kiến thức, có phương pháp và kỹ năng tác nghiệp trong định giá dịch vụ NHTM, quản trị hoạt động cho thuê, quản trị hoạt động kinh doanh khác, quản trị rủi ro trong kinh doanh của NHTM; Người học có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế.	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị cho thuê và đầu tư tài chính; quản trị kinh doanh ngoại hối, bảo lãnh, tư vấn, ủy thác; quản trị rủi ro; định giá dịch vụ ngân hàng và phân tích, đánh giá và xếp hạng NHTM.
Tiền mã hóa	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và kiến thức thực tế về tiền mã hóa; giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề và tình huống liên quan khi tiếp cận và ứng dụng tiền mã hóa.	Học phần đề cập đến các chủ đề, kết hợp lý thuyết và thực hành cần thiết để nắm bắt được kiến thức cơ bản về tiền mã hóa và thị trường tiền mã hóa. Nội dung chính bao gồm: Những vấn đề cơ bản về blockchain, tiền và tiền mã hóa; lợi ích và rủi ro của tiền mã hóa trong thời đại mới; các quy định pháp lý liên quan đến phát triển tiền mã hóa; tiền mã hóa của ngân hàng trung ương, thị trường tiền mã hóa và đầu tư tiền mã hóa
Ngân hàng số	Học phần ngân hàng số học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngân hàng số từ đó đa dạng hoá sự hiểu biết của sinh viên về các mô hình kinh doanh của ngân hàng, hiện đại của ngân hàng trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Trên cơ sở đó sinh viên có thể nhận biết, so sánh mô hình kinh doanh truyền thống và mô hình kinh doanh hiện đại, đồng thời tích lũy các kỹ năng cần thiết để phù hợp với những yêu cầu mới của nghề nghiệp	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản, đặc trưng về ngân hàng số-mô hình kinh doanh hiện đại của ngân hàng trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 cụ thể là: các quan điểm về ngân hàng số, các mô hình ngân hàng số, bộ máy tổ chức ngân hàng số đặc điểm hoạt động của ngân hàng số, yêu cầu về bảo mật của ngân hàng số... Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các kiến thức cơ bản về các giai đoạn “chuyển đổi số” của ngân hàng, ứng dụng các công nghệ

		tài chính trong hoạt động của ngân hàng số, các sản phẩm của ngân hàng số, mô hình quản trị và giám sát rủi ro của ngân hàng số. Thông qua những kiến thức trên, học phần này cũng giúp sinh viên có khả năng nhận dạng, phân tích hoạt động của ngân hàng số trong môi trường thực tế.
Công nghệ bảo hiểm	Học phần Bảo hiểm công nghệ (Bảo hiểm số) nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị rủi ro và kinh doanh bảo hiểm có sử dụng công nghệ IT, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống thực tế trong lĩnh vực bảo hiểm công nghệ (bảo hiểm số) ở cấp độ tác nghiệp.	Nội dung chính của học phần Công nghệ bảo hiểm bao gồm các chủ đề Tổng quan về công nghệ bảo hiểm; Hợp đồng bảo hiểm số; Mô hình kinh doanh công nghệ bảo hiểm; Các sản phẩm công nghệ bảo hiểm; Quản trị rủi ro trong kinh doanh công nghệ bảo hiểm
Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	<p>- Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo để tăng sự hiểu biết về chuyển đổi số trong doanh nghiệp.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ CO1 (Kiến thức): Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo (TTNT), các kỹ thuật cơ bản trong trí tuệ nhân tạo bao gồm học máy, học sâu, dữ liệu lớn (Big data),... Sinh viên nắm được tiềm năng, thách thức và phương pháp vận dụng TTNT trong hoạt động kinh doanh.</p> <p>+ CO2 (Kỹ năng): Sinh viên có khả năng vận dụng một số công nghệ của trí tuệ nhân tạo để phân tích dữ liệu kinh doanh và ứng dụng vào trong thiết kế quy trình kinh doanh thực tế.</p> <p>+ CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên có tinh thần lao động say mê, sáng tạo; ý thức tự giác, nhiệt tình trong công việc; có ý thức trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.</p>	Là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản của sinh viên đại học. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.
Thuế	Sau khi học xong học phần, người học hiểu và nắm bắt được các kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu của thuế và hệ thống thuế Việt Nam; vận dụng được các kiến thức để	Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về thuế như khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, hệ thống

	<p>tính toán được tiền thuế phải nộp, xử lý được các vấn đề đặt ra trong từng tình huống thuế; nâng cao ý thức tuân thủ thuế, hình thành kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ của học phần</p>	<p>thuế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, học phần đề cập các nội dung cơ bản của các sắc thuế thông dụng hiện hành của Việt Nam như: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu các nội dung cơ bản của các loại thuế khác</p>
Thị trường chứng khoán	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK), hoạt động giao dịch trên TTCK, đăng ký và lưu ký chứng khoán, hoạt động giao dịch TTCK; kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện năng lực nghiên cứu phân tích chứng khoán và TTCK ra quyết định đầu tư; có lòng yêu nghề và có năng lực tự chủ và trách nhiệm, khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK</p>	<p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK</p>
Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng	<p>Học phần Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng (NBFIs), giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng (NBFIs) ở cấp độ tác nghiệp.</p>	
Bảo hiểm	<p>Học phần Bảo hiểm nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị rủi ro và kinh doanh bảo hiểm, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống thực tế trong lĩnh vực bảo hiểm ở cấp độ tác nghiệp</p>	<p>Nội dung của học phần Bảo hiểm bao gồm các chủ đề nghiên cứu chính: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm an sinh xã hội; Bảo hiểm thương mại; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm hàng hóa và bảo hiểm hỏa hoạn; Bảo hiểm vật chất phương tiện vận tải; Bảo hiểm trách nhiệm</p>
Tài chính vi mô	<p>Sau khi kết thúc học phần người học được trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính vi mô, hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; người học vận dụng kiến thức trong thực hiện nghiệp vụ kinh doanh tại tổ chức tài chính vi mô; Người học có năng lực tự chủ và trách</p>	<p>Học phần trình bày khái quát về sự hình thành, phát triển cũng như những đặc trưng, vai trò của hoạt động tài chính vi mô, giới thiệu về tổ chức tài chính vi mô với những nội dung cụ thể về mô hình tổ chức, chức</p>

	nhiệm, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế	năng và các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô như: hoạt động cho vay, hoạt động huy động vốn, hoạt động bảo hiểm... Mặt khác, học phần cũng cung cấp các kiến thức về các nguyên lý và kỹ thuật trong phân tích, đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức tài chính vi mô
Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững kiến thức cơ bản và thực tiễn hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu; Rèn luyện kỹ năng phân tích, xử lý tình huống trong hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu; Người học có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thái độ tích cực trong triển khai các nghiệp vụ thanh toán và tài trợ xuất nhập khẩu tại các NHTM và doanh nghiệp xuất nhập khẩu	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu bao gồm: phương tiện thanh toán quốc tế và điều kiện thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Học phần Quản trị tài chính công ty đa quốc gia nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính công ty đa quốc gia.	Nội dung của học phần Quản trị tài chính công ty đa quốc gia bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính công ty đa quốc gia; Quản trị rủi ro hối đoái; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị tài trợ ngắn hạn; Quyết định đầu tư trực tiếp nước ngoài; Chi phí vốn và kết cấu vốn của công ty đa quốc gia; Quản trị tài trợ dài hạn; Môi trường thuế quốc tế và tác động tới chính sách của công ty đa quốc gia
Tài chính quốc tế	Sau khi kết thúc học phần, người học có kiến thức cơ bản về các quan hệ tài chính quốc tế; Hiểu biết cơ sở pháp lý trong hoạt động tài chính quốc tế, vận dụng kiến thức trong phân tích, đánh giá, ra quyết định phòng ngừa rủi ro hối đoái, kinh doanh ngoại hối, đầu tư quốc tế và lựa chọn nguồn tài trợ; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, các giao dịch trên thị trường ngoại hối và chính sách điều hành tỉ giá hối đoái, các hoạt động thanh toán, đầu tư, tín dụng và hỗ trợ phát triển chính thức, liên minh thuế quan giữa các quốc gia và cán cân thanh toán quốc tế
Tài chính công	Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính công, hệ thống ngân sách nhà nước, các quỹ	Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản về hoạt động tài chính ở khu vực công với các nội dung chủ yếu như:

	tài chính ngoài ngân sách và tài sản công; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính công, tính toán được tỉ lệ điều tiết ngân sách nhà nước; tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính công.	các đặc trưng cơ bản và kết cấu tài chính công, chức năng, vai trò và nguyên tắc hoạt động của tài chính công; quản lý tài chính công; chính sách tài chính công; về thu nhập công và chi tiêu công; tổ chức hoạt động của hệ thống Ngân sách nhà nước, tín dụng Nhà nước; nợ công; hoạt động của các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước.
Phân tích dữ liệu lớn	Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về các phương pháp và công cụ phân tích dữ liệu lớn trên các nền tảng Hadoop, Spark, Cassandra và các hệ sinh thái liên quan. Người học được cung cấp kỹ năng thực hành các công cụ phân tích với công cụ hiện đại và vận dụng trong một số vấn đề phân tích kinh doanh.	Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về các phương pháp và công cụ phân tích, khai phá dữ liệu lớn. Các nội dung kiến thức tập trung vào các nền tảng Hadoop, Spark, Cassandra và các hệ sinh thái liên quan trên nền tảng ngôn ngữ lập trình Python. Các bài tập thực hành tập trung vào ứng dụng các nền tảng để lưu trữ, phân tích và rút trích thông tin từ các tập dữ liệu lớn trong phân tích kinh doanh.
Khai phá dữ liệu trong kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về khai phá thông tin từ các dữ liệu kinh doanh của doanh nghiệp. - Mục tiêu cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + CO1 (Kiến thức): Sinh viên phân tích được các thông tin thông qua các công cụ khai phá như cây quyết định; luật kết hợp, hồi quy tuyến tính, hoặc công cụ kinh doanh thông minh BI (Business Intelligence). + CO2 (Kỹ năng): Sinh viên có khả năng vận dụng một số công cụ khai phá dữ liệu để rút trích thông tin, tạo ra các báo cáo đa chiều, dự báo thông tin kinh doanh,.. + CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội. 	Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của quá trình khai phá dữ liệu với các công cụ của Business Intelligence.
An toàn và bảo mật thông tin	<ul style="list-style-type: none"> – Mục tiêu chung: Trang bị các kiến thức căn bản về các chính sách và giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh 	Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng lựa chọn các chính sách và giải pháp đảm bảo an toàn và bảo

tin	<p>doanh của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước. Giới thiệu một số công nghệ và giải pháp cập nhật trong đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trong không gian mạng Internet.</p> <p>– Mục tiêu cụ thể:</p> <p>Cung cấp những kiến thức căn về chính sách và các quy trình nhằm đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho các hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p>Cung cấp các phương pháp, quy trình trong phát hiện, phân loại, đánh giá các nguy cơ mất an toàn thông tin trong các hệ thống thông tin và trên không gian mạng Internet.</p> <p>Trang bị kiến thức để lựa chọn, đánh giá tính khả thi và thực hiện các giải pháp phòng tránh và phục hồi thông tin cho các hệ thống thông tin và người dùng cá nhân.</p>	<p>mật thông tin cho hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p>Học phần giới thiệu các khái niệm liên quan đến an toàn và bảo mật thông tin trong doanh nghiệp, đi sâu vào các hình thức tấn công, các phương pháp phòng tránh, một số cách thức phục hồi sự cố khi hệ thống thông tin của doanh nghiệp gặp rủi ro. Ngoài ra, học phần cũng đưa ra quy trình nhằm đánh giá rủi ro của hệ thống thông tin doanh nghiệp và một số ứng dụng để nâng cao độ an toàn, tính bảo mật cho các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.</p>
Các hệ thống thông tin và quy trình kinh doanh	<p>- Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh trong doanh nghiệp.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ CO1 (Kiến thức): Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về quy trình kinh doanh và hệ thống thông tin cơ bản như: hệ thống mua; hệ thống bán hàng; hệ thống sản xuất;....</p> <p>+ CO2 (Kỹ năng): Sinh viên biết cách sử dụng một số hệ thống thông tin cơ bản như: hệ thống mua hàng; hệ thống bán hàng; hệ thống quản lý kho hàng,....</p> <p>+ CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.</p>	<p>Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị hệ thống thông tin. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của hệ thống thông tin doanh nghiệp và các vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa quy trình kinh doanh và các hệ thống thông tin doanh nghiệp.</p>
Quản trị kênh phân phối	<p>Mục tiêu chung:</p> <p>Kênh phân phối với tư cách là toàn bộ đầu ra là khâu kết nối với thị trường của các doanh nghiệp đầu mối trong một chuỗi cung ứng sản phẩm. Học phần Quản trị kênh phân phối được tiếp cận theo góc độ chiến lược nhằm thống nhất với cấu trúc lý thuyết quản trị chuỗi cung ứng hiện nay. Mục tiêu cung cấp những kiến thức cơ bản về kênh phân phối và quá trình quản trị chiến lược kênh phân phối tại một</p>	<p>Học phần quản trị kênh phân phối là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức lý luận và thực tiễn về quản trị chiến lược kênh phân phối gắn với một doanh nghiệp đầu mối trong chuỗi cung ứng hiện đại. Học phần trang bị những kiến thức nền tảng như vị trí, vai trò, đặc tính và chức năng của kênh phân phối trong chuỗi cung ứng. Từ đó</p>

	<p>doanh nghiệp đầu mối trong chuỗi cung ứng sản phẩm.</p> <p>Mục tiêu cụ thể</p> <p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, cấu trúc và nội dung của kênh phân phối nắm các quá trình cơ bản chiến lược kênh phân phối. Kiến thức về quản trị kênh phân phối</p> <p>Có kỹ năng vận dụng lý thuyết để phân tích hoạch định và quản lý các chiến lược kênh phân phối tại một doanh nghiệp đầu mối trong chuỗi cung ứng thực tế.</p> <p>Có khả năng chủ động về chuyên môn, thiết kế các hoạt động quản trị chiến lược kênh phân phối. Sinh viên cần có ý thức phấn đấu vươn lên trở thành nhà quản trị giỏi, làm chủ các yêu cầu về quản lý, điều hành và phát triển tốt các mối quan hệ giữa các thành viên kênh phân phối.</p>	<p>trình bày khung lý luận cơ bản về quản trị chiến lược kênh phân phối tại một doanh nghiệp đầu mối theo trình tự Phân tích môi trường, thiết kế cấu trúc lựa chọn chiến lược và quản lý chiến lược kênh phân phối. Đây là khung khổ cốt lõi để có được các chiến lược kênh phân phối thích nghi với môi trường và chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp. Học phần cũng đề cập tới cấu trúc và chiến lược kênh phân phối của các loại hình doanh nghiệp đầu mối cơ bản trong chuỗi cung ứng như bán lẻ, bán buôn và hình thức nhượng quyền, giúp người học có cái nhìn toàn diện và linh hoạt khi tiếp cận các tình huống chiến lược kênh phân phối trong thực tế.</p>
Tài chính khởi nghiệp	<p>Học phần Tài chính khởi nghiệp nhằm cung cấp cho người học kiến thức, phương pháp và tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề cơ bản về tài chính khởi nghiệp.</p>	<p>Nội dung của học phần Tài chính khởi nghiệp bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về tài chính khởi nghiệp; Phân tích tài chính khởi nghiệp; Quản lý tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp khởi nghiệp; Định giá khởi nghiệp; Quản lý tài trợ khởi nghiệp.</p>
Quản trị thương hiệu điện tử	<p>Học phần cung cấp cho người học có được kiến thức chuyên sâu về quản trị thương hiệu số (thương hiệu điện tử) tiếp cận cả trên góc độ tư duy chiến lược và thực tiễn triển khai. Từ đó giúp người học có được những kỹ năng cần thiết trong hoạt động quản trị, thiết kế, bảo vệ, truyền thông, phát triển và khai thác thương hiệu trên môi trường số.</p>	<p>Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về quản trị thương hiệu tương tác online (internet và mobile) theo tiếp cận tư duy chiến lược, đáp ứng xu hướng phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận hiện đại về thương hiệu điện tử, các nội dung và quy trình xây dựng thương hiệu, các biện pháp bảo vệ và xử lý khủng hoảng thương hiệu trên internet và mạng di động.</p>

VIII. HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Chương trình đào tạo Quản trị hệ thống thông tin

1. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG

a. Các học phần bắt buộc

1, Triết học Mác – Lênin [MLNP0221] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn

Mô tả tóm tắt nội dung: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2, Chủ nghĩa xã hội khoa học [HCM10121] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phản biện những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.

Mô tả tóm tắt nội dung: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước.

3, Tư tưởng Hồ Chí Minh [HCM10111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ.

Mô tả tóm tắt nội dung: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 2 đến chương 6, học phần giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4, Kinh tế chính trị Mác – Lênin [RLCP1211] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới. Giúp người học hiểu và

nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.

Mô tả tóm tắt: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

5, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam [HCM10131] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.

Mô tả tóm tắt: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

6, Tiếng Anh 1 [ENTH3011] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.

Mô tả tóm tắt: Học phần Tiếng Anh 1 gồm 2 chương được chia thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến cuộc sống hằng ngày và chuyên ngành thương mại. Chương 1 đề cập đến vấn đề sống và làm việc tại nước ngoài và chương 2 cung cấp kiến thức về dịch vụ khách hàng. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng tiếng Anh, các bài học còn cung cấp những từ vựng liên quan và củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về thời hiện tại đơn, giới từ, danh từ đếm được và không đếm được, lời yêu cầu và đề nghị. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết khiếu nại của khách hàng qua điện thoại, kỹ năng viết và trả lời thư điện tử trong tình huống trang trọng cũng như thân mật.

7, Tiếng Anh 2 [ENTH3111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ

pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng tiếng Anh cơ bản (Nghe, Nói, Đọc, Viết), củng cố kiến thức ngữ pháp về các cách diễn đạt hành động trong tương lai, phân biệt thời hiện tại hoàn thành và thời quá khứ đơn, câu điều kiện loại 0 và loại 1, mệnh đề quan hệ,... Ngoài ra, sinh viên thực hành kỹ năng thuyết trình tiếng Anh và làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị tốt cho việc học tập tiếng Anh ở các học kỳ sau.

Mô tả học phần: Học phần Tiếng Anh 2 gồm 2 chương được chia thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương 1 đề cập đến các phương thức hoạt động của công ty và chương 2 cung cấp thông tin về những doanh nhân thành công. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng tiếng Anh, các bài học còn cung cấp những từ vựng liên quan và củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về thời hiện tại tiếp diễn, trạng từ, bị động ở thời hiện tại đơn, quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố và phát triển kỹ năng thuyết trình và kỹ năng học tập theo nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ được giao.

8, Tiếng Anh 3 [ENTH5611] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương g lai.

Mô tả tóm tắt nội dung: Học phần Tiếng Anh 3 gồm 2 chương được chia nhỏ thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương I cung cấp các kiến thức liên quan đến bán hàng và chương II tập trung vào chủ đề về công ty. Ngoài ra, học phần này cũng giúp tăng cường củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về so sánh hơn, so sánh nhất, đặt câu hỏi và câu gián tiếp. Trong suốt 12 bài học, sinh viên có cơ hội được rèn luyện củng cố kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán, kỹ năng lắng nghe và ngắt lời trong cuộc họp, và đặc biệt được làm quen với các văn bản cần thiết trong các cuộc họp như chương trình

9, Tin học quản lý 1 [INFO0321] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học để quản lý công việc, học tập. Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về tin học (phần cứng và phần mềm), máy tính điện tử, các khái niệm cơ bản về thuật toán, ngôn ngữ lập trình, cấu trúc điều khiển, hệ điều hành Windows, mạng máy tính và các thao tác sử dụng phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel). Sinh viên có khả năng vận dụng một số thao tác cơ bản và nâng cao để soạn thảo văn bản, phân tích dữ liệu, tổng hợp, thống kê dữ liệu, ... Sinh viên có tinh thần lao động say mê, sáng tạo; ý thức tự giác, nhiệt tình trong công việc; có ý thức trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu, ... Ngoài ra, đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS-Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

10, Phương pháp nghiên cứu khoa học [SCRE0111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên

những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

11, Pháp luật đại cương [TLAW0111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm của nhà nước và pháp luật, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, mối liên hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội, hình thức tồn tại và sự vận hành của pháp luật trong đời sống xã hội. Học phần cũng tập trung nghiên cứu các nội dung pháp lý cơ bản của Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính và pháp luật về phòng chống tham nhũng.

12, Toán đại cương [AMAT1011] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, Giải tích, Xác suất và Thống kê toán. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề Kinh tế - xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vectơ, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.

b. Các học phần tự chọn

1, Kinh tế thương mại đại cương [TECO0111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Các kiến thức nền tảng này là cơ sở giúp người học vận dụng nghiên cứu những vấn đề kinh tế thương mại của Việt Nam và các nước.

Mô tả tóm tắt: Học phần Kinh tế thương mại đại cương cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như: bản chất kinh tế, chức năng và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề kinh tế cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

2, Xã hội học đại cương [RLCP0421] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; một số vấn đề chuyên biệt của xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; biết cách vận dụng kiến thức xã hội học để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học.

Mô tả tóm tắt: Học phần Xã hội học đại cương giới thiệu: Những kiến thức cơ bản về xã hội (dưới góc độ Xã hội học) như: Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và thiết chế xã hội; Bất bình đẳng xã hội; Các nội dung về xã hội hóa; Các vấn đề về biến đổi xã hội. Đồng thời trong học phần cũng đề cập nghiên cứu một số nội dung của các lĩnh vực xã hội học chuyên biệt, như: Xã hội học giáo dục, Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội học quản lý.

2. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH

a. Các học phần bắt buộc

1, Kinh tế học [MIEC0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế học để giúp sinh viên hiểu được các nguyên lý cơ bản khi đưa ra các quyết định kinh tế tối ưu trong điều kiện khan hiếm nguồn lực, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức vào thực tiễn để phân tích, dự báo hành vi của hộ gia đình, doanh nghiệp và những can thiệp của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vi mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

2, Quản trị học [BMGM0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho người học những kiến thức mang tính nguyên lý về quản trị các tổ chức, trong đó tập trung vào các tổ chức là doanh nghiệp. Rèn luyện và phát triển kỹ năng quản trị cho người học. Hình thành năng lực làm việc độc lập và tham gia làm việc nhóm đối với người học.

Mô tả tóm tắt: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

3, Thương mại điện tử căn bản [PCOM0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần thương mại điện tử căn bản cung cấp cho sinh viên những khái niệm, những nguyên lý căn bản của thương mại điện tử, làm nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu của ngành thương mại điện tử và các ngành khác.

Mô tả tóm tắt: Học phần TMĐT căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành HTTTQL. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của TMĐT trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của TMĐT.

4, Cơ sở dữ liệu [INFO2311] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và các kỹ năng cần thiết về tổ chức cơ sở dữ liệu trên máy tính. Sinh viên nắm được các kiến thức về cơ sở dữ liệu như các mô hình dữ liệu, thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ, ngôn ngữ cơ bản ban đầu khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) quan hệ và nhận thức được vai trò và sự cần thiết của hệ thống quản lý dữ liệu đối với một tổ chức kinh tế xã hội. Sinh viên có khả năng tổ chức và thiết kế cơ sở dữ liệu theo nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp như xây dựng các thực thể, quan hệ, tạo lập, và khai thác CSDL sử dụng truy vấn cơ bản trong một hệ cơ sở dữ liệu cụ thể. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Để nắm được nội dung của học phần này, sinh viên nên (không bắt buộc) học trước học phần Tin học quản lý hoặc Tin học quản lý 1. Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và các vấn đề liên quan đến cơ sở dữ liệu như các loại mô hình dữ liệu, chuẩn hoá dữ liệu, ngôn ngữ khai thác cơ sở dữ liệu quan hệ. Cơ sở lý thuyết của mô hình dữ liệu quan hệ cũng được đề cập đến.

5, Lập trình với Python [INFO0621] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lập trình, nắm bắt một số nguyên tắc lập trình cơ bản với ngôn ngữ lập trình Python. Các kiến thức này là nền tảng cho các học phần khác liên quan như lập trình hướng đối tượng, hệ thống thông tin. Sinh viên phân tích được các kiến thức về lập trình, phân tích và mô tả thuật toán thông qua sơ đồ khối, cách thiết kế và tổ chức chương trình thông qua ngôn ngữ lập trình Python với các kiểu dữ liệu, các cấu trúc câu lệnh, cấu trúc hàm và tổ chức chương trình chính.

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ sở về lập trình bao gồm: thuật toán, sơ đồ khối; chương trình và ngôn ngữ lập trình; các phương pháp lập trình và kỹ thuật thiết kế chương trình, các thành phần cơ sở của ngôn ngữ lập trình (tổ chức chương trình và các cấu trúc lệnh cơ bản; các kiểu dữ liệu có cấu trúc; ...). Ngôn ngữ lập trình Python sẽ được sử dụng làm phương tiện để trình bày.

6, Tiếng Anh thương mại 1 [ENTI1011] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Phát triển các kỹ năng tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau. Học phần trang bị cho người học vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp (intermediate).

Mô tả tóm tắt: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết,

trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

7, Tiếng Anh thương mại 2 [ENTI1012] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Phát triển các kỹ năng tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trên trung cấp (upper-intermediate) để có thể giao tiếp thành thực bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh thương mại.

Mô tả tóm tắt: Học phần Tiếng Anh thương mại 2 là sự tiếp nối học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

b. Các học phần tự chọn

1, Lập trình hướng đối tượng [INFO1931] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên ngành Hệ thống thông tin quản lý những kiến thức và kỹ năng về phương pháp lập trình hướng đối tượng. Học phần cung cấp một cái nhìn khái quát về phương pháp lập trình hướng đối tượng, các nguyên tắc, và công cụ được sử dụng khi lập trình hướng đối tượng. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về một ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng cụ thể là ngôn ngữ C++ và một công cụ lập trình hỗ trợ ngôn ngữ C++ để có thể xây dựng các ứng dụng đơn giản cho một số bài toán quản lý thực tế. Kỹ năng vận dụng phương pháp lập trình hướng đối tượng trong xây dựng và phát triển các phần mềm quản lý cơ bản.

Mô tả tóm tắt: Học phần Lập trình hướng đối tượng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Để học được học phần này sinh viên nên (không bắt buộc) học trước học phần cơ sở lập trình. Học phần bao gồm tổng quan về lập trình hướng đối tượng, so sánh với lập trình truyền thống (hướng cấu trúc). Đồng thời học phần còn bao gồm các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng như: lớp, đối tượng, phương thức, kế thừa, ... cách khai báo, sử dụng chúng trong ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng Java

2, Các hệ thống thông tin và quy trình kinh doanh [INFO3411] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh trong doanh nghiệp. Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về quy trình kinh doanh và hệ thống thông tin cơ bản như: hệ thống mua; hệ thống bán hàng; hệ thống sản xuất, ... Sinh viên biết cách sử dụng một số hệ thống thông tin cơ bản như: hệ thống mua hàng; hệ thống bán hàng; hệ thống quản lý kho hàng, ... Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị hệ thống thông tin. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của hệ thống thông tin doanh nghiệp và các vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa quy trình kinh doanh và các hệ thống thông tin doanh nghiệp.

3, Chuyển đổi số trong kinh doanh [PCOM1111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về chuyển đổi số: Các khái niệm, các vấn đề liên quan đến chuyển đổi số cho doanh nghiệp; Tìm hiểu về các yếu tố để doanh nghiệp chuyển đổi số thành công; Nghiên cứu về các công đoạn triển khai công nghệ số trong kinh doanh. Cung cấp cho sinh viên các nội dung chính, các khối kiến thức cơ bản về chuyển đổi số. Hướng dẫn sinh viên vận dụng khối kiến thức đã học để lập kế hoạch cho một số dự án số hóa cơ bản cho doanh nghiệp; Chọn lựa được các phương pháp và công cụ phù hợp để triển khai chuyển đổi số cho doanh nghiệp. Giúp sinh viên có thể chủ động đề xuất các giải pháp chuyển đổi số phù hợp với các điều kiện thực tế tại doanh nghiệp; Có khả năng giải quyết một số vấn đề cơ bản trong quá trình triển khai chuyển đổi số tại doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần Chuyển đổi số trong kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm chuyển đổi số, quy trình và các khía cạnh trong quá trình chuyển đổi số trong kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung về: Chuyển đổi số, đề án chuyển đổi số quốc gia, quy trình chuyển đổi số trong tổ chức, các vấn đề gặp phải trong quá trình chuyển đổi số, lựa chọn và những lưu ý trong quá trình chuyển đổi số.

4, Khởi sự kinh doanh [CEMG3111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể đánh giá và lựa chọn khởi sự kinh doanh như một định hướng nghề nghiệp; và thực hiện khởi sự hoạt động kinh doanh ở quy mô nhỏ.

Mô tả tóm tắt: Học phần Khởi sự kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể lựa chọn khởi sự kinh doanh và thực hiện khởi sự kinh doanh ở quy mô nhỏ. Học phần bao gồm các nội dung Nhận thức về kinh doanh và khởi sự kinh doanh; Đánh giá sự phù hợp của bản thân với lựa chọn khởi nghiệp; Tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; Lập kế hoạch kinh doanh; Khởi sự và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

5, Hành vi khách hàng [BMKT3811] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về đặc điểm và hành vi của khách hàng (người tiêu dùng và các tổ chức) và vận dụng những kiến thức này trong hoạt động marketing của tổ chức. Phân tích được các kiến thức chung và nguyên lý hành vi khách hàng. Có kiến thức và kỹ năng phân tích và đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng người tiêu dùng: nhận thức, động cơ, học tập, thái độ, quan niệm về bản thân, lối sống, ảnh hưởng của văn hóa – xã hội, qui trình quyết định mua sắm; Có kiến thức và kỹ năng phân tích và đánh giá được hành vi khách hàng tổ chức: đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng, qui trình quyết định mua và cấu trúc bậc hành vi.

Mô tả tóm tắt: Học phần khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.

6, Cơ sở toán học cho tin học [ECIT2321] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở toán học cho tin học và phương pháp cài đặt một số thuật toán để từ đó vận dụng vào giải các bài toán trong tin học. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề, làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, tư duy sáng tạo chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc trong thực tế. Trang bị kiến thức về một số thuật toán, lý thuyết đồ thị, cây; toán logic nhằm tăng khả năng tư

duy, suy luận logic và phục vụ tốt cho các học phần thuộc kiến thức ngành của ngành hệ thống thông tin quản lý, ... Cung cấp kỹ năng vận dụng các thuật toán, phương pháp cài đặt, mô phỏng các bài toán trong việc phát triển các dự án trong thực tế. Giúp sinh viên nhận thức rõ tầm quan của học phần trong việc học tập các học phần thuộc khối kiến thức ngành và trong công việc sau này

Mô tả tóm tắt: Học phần Cơ sở toán học cho tin học là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng cơ bản về nguyên tắc hoạt động và cơ chế lưu trữ của hệ thống máy tính điện tử. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, làm tiền đề cho các học phần ở khối kiến thức ngành của sinh viên. Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất của thuật toán, bao gồm xác định độ phức tạp về thời gian của thuật toán, cài đặt thuật toán và các nguyên lý cơ bản nhất của lý thuyết tổ hợp. Ngoài ra, học phần cũng trình bày về lý thuyết đồ thị, lý thuyết otomat và các ứng dụng. Cuối cùng, giới thiệu một số bài toán tối ưu trên đồ thị và một số bài toán tối ưu được giải bằng cách ứng dụng lý thuyết đồ thị. Các bài toán này được cài đặt bằng ngôn ngữ lập trình trên máy tính.

7, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật [INFO1311] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về khai phá thông tin từ các dữ liệu kinh doanh của doanh nghiệp. Sinh viên nắm được tầm quan trọng của giải thuật và cách tổ chức dữ liệu trong xây dựng chương trình và giải quyết bài toán; các kiến thức từ khái niệm, tính chất, cách đánh giá giải thuật, cũng như các phương pháp tổ chức dữ liệu như mảng, danh sách, cây để giải quyết các bài toán. Sinh viên có khả năng vận dụng quy tắc trong thiết kế và đánh giá giải thuật để mô tả và đánh giá độ phức tạp của thuật toán, ứng dụng các cấu trúc dữ liệu để mô tả và giải quyết bài toán thành chương trình

Mô tả tóm tắt: Đây là một trong những kiến thức tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin. Học phần bao gồm một số khái niệm cơ bản về giải thuật và cấu trúc dữ liệu; vai trò của cấu trúc dữ liệu và giải thuật (CTDL và GT) trong hệ thống thông tin (HTTT); Một số cấu trúc dữ liệu cơ bản bao gồm: Mảng (Array), Danh sách (List), Danh sách liên kết (Linked List), Ngăn xếp (Stack) và Hàng đợi (Queue), và Cây (Tree).

8, Kinh tế lượng [AMAT0411] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản để phân tích định lượng mối quan hệ giữa các biến số kinh tế - xã hội bằng cách sử dụng mô hình hồi quy. Sinh viên được cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích độ phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình nhằm đưa ra các dự báo hữu ích. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy và có thể thực hiện các kỹ thuật phân tích hồi quy cơ bản với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng. Đây là kiến thức nền tảng hoặc hỗ trợ cho các học phần khác như: Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, ...

Mô tả tóm tắt: Học phần Kinh tế lượng cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dụng. Học phần này là nền tảng hoặc hỗ trợ kiến thức cho các học phần khác như Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế xã hội, ...

3. KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH (BAO GỒM CHUYÊN NGÀNH)

a. Các học phần bắt buộc

1, Mạng máy tính và truyền thông [ECIT2421] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về mạng máy tính: Các yếu tố cấu thành mạng; cấu trúc vật lý, logic của mạng máy tính cùng các giao thức, các nguyên tắc truyền thông thông trên hệ thống mạng máy tính; giao thức mạng... Thông qua mô hình chuẩn OSI và giao thức TCP/IP, sinh viên hiểu về nguyên tắc phân tầng, nguyên lý trao đổi thông tin giữa các tầng và cách thức truyền giữa các máy tính với nhau. Sinh viên có được hiểu biết về mạng nội bộ, cách thiết kế mạng nội bộ, giao thức phục vụ truyền thông và cách thức chia sẻ tài nguyên trên mạng.

Mô tả tóm tắt: Học phần Mạng máy tính và truyền thông trình bày tổng quan về mạng máy tính: Quá trình ra đời và sự phát triển của mạng máy tính. Ứng dụng của mạng máy tính trong cuộc sống nói chung và trong hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp nói riêng. Tiếp đó, trình bày các kiến thức về mạng máy tính, mô hình OSI, giao thức TCP/IP, các kiến thức về mạng LAN, mạng Internet cũng như cách thức lựa chọn cấu hình và giao thức mạng phù hợp cho tổ chức doanh nghiệp. Cuối cùng, học phần hướng dẫn phương thức truyền thông tin an toàn khi sử dụng mạng máy tính trong tổ chức doanh nghiệp.

2, Hệ thống thông tin quản lý [eCIT0311] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về các thành phần trong hệ thống thông tin và ứng dụng các hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, về hạ tầng công nghệ thông tin và các nguyên tắc trong lựa chọn ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Giới thiệu cơ bản về phát triển và quản trị hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức, đi sâu vào giới thiệu, phân tích về các hệ thống thông tin quản lý phổ biến được ứng dụng trong các tổ chức, doanh nghiệp hiện nay như các hệ thống thông tin ERP, CRM, SCM, HRM, v.v.

Mô tả tóm tắt: Học phần Hệ thống thông tin quản lý thuộc khối kiến thức chuyên ngành cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý. Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

3, Thiết kế và triển khai ứng dụng Web [ECIT5211] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách thức thiết kế các thành phần của hệ thống Web và quy trình chung để triển khai Web cho doanh nghiệp. Cung cấp khái niệm cơ bản về mạng Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML, ... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Giới thiệu một số công cụ thiết kế đồ họa, thiết kế nội dung hiển thị trên giao diện của website. Trình bày qui trình triển khai, nâng cấp, bảo trì và các phương thức quảng bá website trên các kênh truyền thông.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thiết kế và triển khai ứng dụng Web cung cấp các kiến thức tổng quát về cách thức thiết kế và triển khai một website cho một doanh nghiệp. Đầu tiên, học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML, ... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp một số công cụ sử dụng trong thiết kế đồ họa và giao diện

cho website. Cuối cùng, học phần trình bày qui trình chung và chi tiết các bước để triển khai một website cho doanh nghiệp.

4, Quản trị cơ sở dữ liệu [ECIT2521] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, các kỹ năng cần thiết về tổ chức, khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) trên máy tính và phương pháp để quản trị CSDL. Sinh viên nắm được các kiến thức về CSDL như các mô hình dữ liệu, thiết kế CSDL quan hệ, ngôn ngữ cơ bản ban đầu khai thác (CSDL) quan hệ và nhận thức được vai trò và sự cần thiết của hệ thống quản lý dữ liệu đối với một tổ chức kinh tế xã hội, nắm được các khái niệm cơ bản trong quản trị CSDL; Vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị CSDL; Các chuẩn của hệ CSDL cùng với các yêu cầu cài đặt tương ứng và giải thích thích được các hoạt động quản trị CSDL như: sao lưu, phục hồi, toàn vẹn và bảo mật CSDL,... Sinh viên có khả năng sử dụng các chức năng cơ bản của hệ quản trị SQL Server để quản trị CSDL và có thể sử dụng các ngôn ngữ lập trình kết hợp với hệ quản trị SQL Server để khai thác và quản trị cơ sở dữ liệu trong một bài toán quản lý cụ thể.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị cơ sở dữ liệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên cần phải học trước học phần cơ sở dữ liệu (CSDL) trước khi học học phần này. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về quản trị CSDL ứng dụng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Bao gồm các kỹ năng tổ chức, xây dựng, quản lý, khai thác CSDL dựa trên các chức năng mà hệ quản trị CSDL cung cấp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kỹ năng như đồng bộ dữ liệu, phân quyền người dùng, sao lưu dự phòng và đảm bảo an toàn CSDL một cách hiệu quả. Học phần sẽ giúp sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng theo chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp MTA (Microsoft Technology Associate) của Microsoft.

5, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin [INFO1821] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng đối tượng và giới thiệu một số công cụ hỗ trợ xây dựng tài liệu phân tích và thiết kế cho các dự án công nghệ thông tin. Người học có kiến thức chuyên sâu cho người học về phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng đối tượng và cấu trúc của một tài liệu phân tích và thiết kế cho một dự án công nghệ thông tin. Người học có kỹ năng lập kế hoạch, lựa chọn công cụ, kỹ năng xây dựng các lược đồ và viết tài liệu phân tích và thiết kế cho một dự án công nghệ thông tin. Người học có khả năng làm việc độc lập, có tư duy sáng tạo trong phân tích và thiết kế, chịu trách nhiệm với dự án và có đạo đức nghề nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng xây dựng, tổ chức và phát triển hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Học phần trình bày các kiến thức chuyên sâu về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, những nguyên tắc cơ bản trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, các khía cạnh và các hướng tiếp cận trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, ưu điểm của hướng tiếp cận theo hướng đối tượng. Trình bày phương pháp phân tích, thiết kế hướng đối tượng bằng UML và công cụ hỗ trợ phân tích thiết kế hệ thống thông tin.

6, Triển khai Hệ thống thông tin quản lý [ECIT4011] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về triển khai hệ thống thông tin. Học phần phân tích chi tiết các giai đoạn trong quy trình triển khai hệ thống cụ thể cho doanh nghiệp qua đó qua đó người học có thể xác định được các yêu cầu, áp dụng quy trình để hoàn thiện quá trình triển khai một hệ thống thông tin. Học phần giúp sinh viên hiểu được quy trình triển khai một hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức về Cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, quy trình nghiệp vụ để

triển khai HTTT cho doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần Triển khai hệ thống thông tin cung cấp các kiến thức và kỹ năng cho người học để triển khai được một hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Học phần bao gồm các nội dung: Giới thiệu và trình bày quy trình chung để triển khai một hệ thống thông tin bao gồm: Lựa chọn thời điểm, lập kế hoạch nhân sự, lựa chọn đối tác, truyền thông, thống nhất quy trình, các chức năng, cách thức chuyển đổi cơ sở dữ liệu, tiến hành cài đặt, tối ưu trải nghiệm người dùng trên hệ thống, khai thác và bảo trì. Học phần giúp sinh viên thực hiện một quy trình triển khai hệ thống cụ thể cho doanh nghiệp, bao gồm các bước: Chuẩn bị dự án; Khảo sát; Xây dựng quy trình nghiệp vụ chuẩn và hệ thống chỉ tiêu chuẩn; Phân tích thiết kế hệ thống; Phát triển chỉnh sửa hệ thống; Triển khai (Cài đặt, đào tạo); Vận hành hệ thống; Nghiệm thu hệ thống; Bảo hành và hỗ trợ.

7, Phát triển hệ thống thông tin kinh tế [eCIT1612] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp các khái niệm cơ bản về phát triển một hệ thống thông tin kinh tế. Cung cấp những kiến thức cơ bản từng giai đoạn phân tích yêu cầu phần mềm, phân tích thiết kế, lập trình, kiểm thử và cài đặt triển khai một hệ thống thông tin kinh tế cho doanh nghiệp. Sinh viên có thể phân tích, tổng hợp các nội dung của quy trình phát triển phát triển hệ thống thông tin kinh tế và vận dụng trong việc phát triển một hệ thống cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên có thể phân tích, so sánh, chọn lọc được các công cụ, phương pháp phù hợp với thực trạng của các hệ thống thông tin kinh tế. Sinh viên có khả năng vận dụng phương pháp, kỹ thuật phát triển hệ thống để tổ chức, triển khai các bước phát triển hệ thống trong một dự án hiện đại như các kỹ thuật phân tích yêu cầu, thiết kế, cài đặt, kiểm thử và triển khai. Sinh viên có thể trau dồi kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức quản lý, giám sát, kiểm soát công việc, phối hợp nhóm làm khi thực hiện một dự án. Ngoài ra, sinh viên có thể trau dồi tư duy phân tích, tư duy hình ảnh, tư duy trừu tượng và bao quát vấn đề, tư duy sáng tạo khi thực hiện quá trình phân tích nghiệp vụ, đề xuất giải pháp, thiết kế cho hệ thống thông tin kinh tế của tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với đội nhóm, phối kết hợp giữa các thành viên trong đội, nhóm

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn phương pháp, công cụ và kỹ thuật xây dựng, kiểm thử và triển khai hệ thống thông tin kinh tế cho doanh nghiệp. Học phần trình bày tổng quan về phát triển một hệ thống thông tin kinh tế cho doanh nghiệp khái niệm, quy trình, phương pháp luận, một số công cụ, kỹ thuật hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin. Sau đó học phần đi sâu phân tích, hướng dẫn cụ thể từng giai đoạn xây dựng và triển khai hệ thống thông tin: từ giai đoạn phân tích yêu cầu phần mềm, phân tích thiết kế, lập trình, kiểm thử, cài đặt và triển khai một hệ thống thông tin kinh tế trong doanh nghiệp.

8, Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp [ECIT1421] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp các kiến thức về quản trị, quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp; Các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của HTTT doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng vận dụng những công cụ xử lý dữ liệu, các mô hình lý thuyết liên quan, áp dụng các phương pháp để xác định những yếu tố tác động đến hệ thống thông tin trong mỗi môi trường doanh nghiệp khác nhau. Từ đó đề xuất các biện pháp nhằm mang lại hiệu quả cho hệ thống thông tin của doanh nghiệp. Sinh viên tự thực hiện một dự án nhỏ và trình bày kết quả của dự án. Quá trình thực hiện một dự án giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng và ý thức tự chủ và trách nhiệm.

Mô tả học phần: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kỹ năng lập phương án tổ chức hệ thống thông tin, lập chiến lược quản trị các thành phần trong hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp.

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về HTTT và quản trị HTTT trong DN. Giới thiệu các phương pháp tiếp cận HTTT trong DN: Tiếp cận trên khía cạnh quản trị công nghệ và khía cạnh quản trị doanh nghiệp. Khía cạnh công nghệ bao gồm: Quản trị các thành phần của HTTT (phần cứng, phần mềm, CSDL, mạng, nguồn nhân lực). Khía cạnh quản trị doanh nghiệp bao gồm: Quản trị các yếu tố thuộc môi trường bên trong và môi trường bên ngoài doanh nghiệp có tác động đến HTTT DN. Để tạo ra giá trị kinh doanh cho HTTT cần quản trị tất cả các yếu tố liên quan bao gồm cả yếu tố công nghệ và yếu tố phi công nghệ trong doanh nghiệp.

9, Phân tích nghiệp vụ phần mềm [ECIT3021] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản, các góc nhìn khác nhau về phân tích nghiệp vụ phần mềm, các kỹ năng cần thiết, kỹ thuật phổ biến nhất được sử dụng trong thực hành phân tích nghiệp vụ phần mềm nhằm giúp cho người học hiểu, phân tích, đánh giá được các yêu cầu về nghiệp vụ phần mềm, thực hành hiệu quả phân tích nghiệp vụ khi xây dựng phần mềm cho hệ thống thông tin quản lý. Sinh viên có thể phân tích được các nghiệp vụ gắn với phần mềm quản lý trong các lĩnh vực khác nhau của tổ chức/doanh nghiệp: Nắm được kiến thức về khai thác, phân tích và quản lý phần mềm; Đánh giá các giải pháp phần mềm đáp ứng chiến lược hoạt động, kinh doanh của tổ chức/doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng vận dụng phương pháp, kỹ thuật phân tích nghiệp vụ phần mềm phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm như: Kỹ thuật thu thập yêu cầu (phỏng vấn, trao đổi nhóm tập trung, thu thập tài liệu, thu thập yêu cầu Agile); Kỹ thuật phân tích và mô hình hóa mô hình kinh doanh (mô hình phân cấp tổ chức, sơ đồ các bên liên quan, sơ đồ luồng, sơ đồ ca sử dụng...) và mô hình kỹ thuật (sơ đồ bối cảnh hệ thống, sơ đồ luồng dữ liệu DFD, sơ đồ trạng thái, sơ đồ thực thể liên kết ERD...). Ngoài ra, sinh viên có thể trau dồi tư duy phân tích, tư duy hình ảnh, tư duy trừu tượng và bao quát vấn đề, tư duy sáng tạo khi thực hiện quá trình phân tích nghiệp vụ, yêu cầu và đề xuất giải pháp cho ứng dụng phần mềm cho hệ thống thông tin quản lý của tổ chức doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kiến thức về phương pháp, công cụ, kỹ thuật phân tích nghiệp vụ phần mềm và những kỹ năng cần thiết để phân tích nghiệp vụ một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về vòng đời phát triển phần mềm, các mô hình phát triển phần mềm qua đó thấy được vai trò sự phù hợp của các phương pháp phân tích nghiệp vụ phần mềm trong quá trình xây dựng. Học phần giới thiệu các giai đoạn phân tích nghiệp vụ, thu thập và phân tích yêu cầu, công việc của nhân viên phân tích nghiệp vụ. Học phần phân tích chi tiết các phương pháp khám phá, thu thập yêu cầu, những kỹ thuật phân tích yêu cầu và mô hình hóa được sử dụng phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn chi tiết về kỹ thuật đặc tả và tài liệu đặc tả yêu cầu cho một dự án phần mềm và việc quản lý thay đổi yêu cầu cùng quá trình phê duyệt yêu cầu cho dự án.

10, Quản trị dự án Công nghệ thông tin [eCIT2811] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức về các phương pháp Quản trị dự án công nghệ thông tin. Nắm được các bước lập kế hoạch thực hiện dự án, triển khai các giai đoạn của dự án như: xác định công việc, quản lý tài nguyên, tính toán chi phí, giám sát thực hiện, đánh giá tiến độ, chất lượng và rủi ro của dự án. Người học hiểu và phân tích được các bước thực hiện một dự án công nghệ thông tin; vận dụng trong việc triển khai lập kế hoạch và kiểm soát các bước thực hiện dự án công nghệ thông tin, vận dụng được quy trình lập và quản lý dự án công nghệ thông tin trên một số phần mềm ứng dụng. Có khả năng theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện dự án, tính toán được chi phí dự án, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cũng như những rủi ro của dự án.

Có trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp kiến thức về các phương pháp quản trị dự án công nghệ thông tin và các bước lập kế hoạch, triển khai một dự án từ khi bắt đầu đến khi kết thúc. Người học cũng được trang bị kiến thức về một số công cụ phần mềm giúp lập kế hoạch và quản trị dự án công nghệ thông tin. Để lập và quản lý dự án hiệu quả, học phần cung cấp cho người học các kiến thức quản trị dự án công nghệ thông tin gồm: quản lý phạm vi dự án; quản lý tiến độ dự án theo các giai đoạn; tính toán chi phí dự án; quản lý và điều phối các nguồn tài nguyên của dự án; quản lý chất lượng và đánh giá rủi ro dự án. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kiến thức về truyền thông trong quá trình thực hiện dự án, bao gồm việc truyền thông nội bộ giữa các thành viên trong nhóm, các nhóm trong dự án và giữa các bên (đối tác) tham gia vào dự án.

b. Các học phần tự chọn

1, Thực hành công cụ quản trị dự án [ECIT4311] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về quản trị dự án công nghệ thông tin và công cụ Microsoft (MS) Project hoặc một số công cụ phù hợp khác để lập và quản lý các dự án công nghệ thông tin. Học phần cung cấp kiến thức về quy trình xây dựng kế hoạch và quản trị dự án công nghệ thông tin bằng công cụ phần mềm. Thông qua các bài tập thực hành, sinh viên sẽ nắm được từng bước tạo và quản lý dự án, thiết lập và quản lý tài nguyên thực hiện các công việc của dự án, giám sát quá trình thực hiện qua các biểu đồ trực quan trên phần mềm. Ngoài ra, sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá tổng quát về chất lượng dự án, tính toán chi phí dự án cũng như đánh giá được các rủi ro trong quá trình thực hiện dự án. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về quản lý dự án CNTT bằng các phương pháp khác nhau và thực hành quản lý dự án CNTT thực tế trực tiếp trên phần mềm MS Project. Học phần được tổ chức thành các bài thực hành cụ thể, sinh viên sẽ thực hiện tại phòng thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Các bài học được tổ chức thống nhất để người học sẽ thực hiện được lần lượt các công việc của quá trình tạo và quản lý dự án CNTT trên MS Project, bao gồm: tạo dự án, thiết lập các tác vụ của dự án và thời gian thực hiện các tác vụ, nhập vào các tài nguyên thực hiện dự án, giám sát quá trình thực hiện dự án qua các báo cáo và các biểu đồ cụ thể. Ngoài ra, người học cũng được thực hành các nghiệp vụ về quản lý chất lượng và quản lý các rủi ro khi thực hiện dự án, ... Sinh viên có thể tích hợp kiến thức của các học phần khác như Hệ thống thông tin quản lý để xây dựng và quản lý một dự án CNTT hoàn chỉnh.

2, Nguyên lý Đảm bảo chất lượng phần mềm [ECIT3911] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị các kiến thức cập nhật về đảm bảo chất lượng phần mềm trong các pha của quy trình phát triển phần mềm. Cung cấp những kiến thức căn bản của các yếu tố trong đảm bảo chất lượng phần mềm và các quy định về chất lượng phần mềm trong các pha của quy trình phát triển phần mềm. Cung cấp các phương pháp, quy trình, công cụ và các bộ tiêu chuẩn trong đánh giá chất lượng phần mềm trong các tổ chức, doanh nghiệp. Trang bị kiến thức để lựa chọn các giải pháp, cách thức đánh giá và quy trình thực hiện đảm bảo chất lượng phần mềm.

Mô tả tóm tắt: Học phần Đảm bảo chất lượng phần mềm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Đảm bảo chất lượng phần mềm (Software Quality Assurance - SQA) là hết sức quan trọng trong quá trình phát triển phần mềm. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chất lượng phần mềm, đảm bảo chất lượng trong một dự án phát triển phần mềm, qui trình xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng phần mềm, ... Từ đó, người học có thể hiểu được cách thức xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng phần mềm và vai trò của những thành viên trong hệ

thống. Một số chuẩn đảm bảo chất lượng cũng được giới thiệu trong học phần và cập nhật theo các bộ tiêu chuẩn mới nhất.

3, Thực hành Các công cụ trực quan hóa dữ liệu [INFO3211] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về trực quan hóa dữ liệu bằng Power BI. Cung cấp kiến thức về trực quan hóa dữ liệu nói chung và cách thức tổ chức dữ liệu trên các biểu đồ nói riêng để sinh viên có thể tạo ra các biểu đồ hoặc dashboard biểu diễn dữ liệu một cách trực quan. Sử dụng một công cụ biểu diễn trực quan dữ liệu để nhằm mục đích phân tích dữ liệu cho các bài toán quản lý trong kinh tế. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần Các công cụ trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization) cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng trong trực quan hóa dữ liệu thành các dạng đồ họa như là đồ thị, biểu đồ hay sử dụng các phương pháp, công cụ khác nhau để trực quan hóa và minh họa dữ liệu được tốt nhất. Người học được trang bị các kiến thức để biến các nguồn dữ liệu thành những thông tin được thể hiện một cách trực quan, dễ quan sát, dễ hiểu, để truyền đạt rõ ràng những hiểu biết đầy đủ từ dữ liệu đến người dùng.

4, An toàn và bảo mật thông tin [ECIT0921] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị các kiến thức căn bản về các chính sách và giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước. Giới thiệu một số công nghệ và giải pháp cập nhật trong đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trong không gian mạng Internet. Cung cấp những kiến thức căn về chính sách và các quy trình nhằm đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho các hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp. Cung cấp các phương pháp, quy trình trong phát hiện, phân loại, đánh giá các nguy cơ mất an toàn thông tin trong các hệ thống thông tin và trên không gian mạng Internet. Trang bị kiến thức để lựa chọn, đánh giá tính khả thi và thực hiện các giải pháp phòng tránh và phục hồi thông tin cho các hệ thống thông tin và người dùng cá nhân.

Mô tả tóm tắt: Học phần An toàn và bảo mật thông tin thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn các giải pháp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho hệ thống thông tin của doanh nghiệp. Học phần giới thiệu các khái niệm liên quan đến an toàn và bảo mật thông tin trong doanh nghiệp, đi sâu vào các hình thức tấn công, các phương pháp phòng tránh, một số cách thức phục hồi sự cố khi hệ thống thông tin của doanh nghiệp gặp rủi ro. Ngoài ra, học phần cũng đưa ra quy trình nhằm đánh giá rủi ro của hệ thống thông tin doanh nghiệp và một số ứng dụng để nâng cao độ an toàn, tính bảo mật cho các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp

5, Kiểm thử phần mềm [ECIT3021] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức thực tế về hoạt động kiểm thử phần mềm, cho phép người học đánh giá và hiểu rõ các rủi ro khi thực thi phần mềm, nhằm tránh những lỗi phát sinh trong suốt quá trình tạo ra sản phẩm. Học phần giới thiệu những kiến thức chung về vòng đời phát triển phần mềm, quy trình kiểm thử phần mềm. Học phần tích chi tiết các công cụ, kỹ thuật trong kiểm thử để người học có thể thiết kế ca kiểm thử và tiến hành kiểm thử trên phần mềm thực. Sinh viên phân tích được vòng đời phát triển phần mềm, các mô hình phát triển phần mềm, kiểm thử và vai trò kiểm thử phần mềm trong quá trình xây dựng. Sinh viên có khả năng vận dụng phương pháp kiểm thử, những kỹ thuật kiểm thử được sử dụng phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm như kỹ thuật kiểm thử hộp trắng, hộp đen, hộp xám. Ngoài ra, sinh viên có kỹ năng thực hiện các bước thiết kế ca kiểm thử cho một dự án cụ thể từ bước lập kế hoạch, xây dựng kịch bản và sử dụng công cụ kiểm thử tự động nhằm hỗ trợ người học có thể

thực hành kiểm thử trên những dự án phần mềm thực tế tại doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp phương pháp, công cụ, kỹ thuật kiểm thử phần mềm và những kỹ năng cần thiết để kiểm thử một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về vòng đời phát triển phần mềm, các mô hình phát triển phần mềm, kiểm thử và vai trò kiểm thử phần mềm trong quá trình xây dựng. Học phần giới thiệu các giai đoạn kiểm thử phần mềm, công việc của người kiểm thử, nội dung kiểm thử tương ứng với từng giai đoạn xây dựng phần mềm. Học phần phân tích chi tiết các phương pháp kiểm thử, những kỹ thuật kiểm thử được sử dụng phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm như kỹ thuật kiểm thử hộp trắng, hộp đen, hộp xám. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn chi tiết các bước thiết kế ca kiểm thử cho một dự án cụ thể từ bước lập kế hoạch, xây dựng kịch bản và sử dụng công cụ kiểm thử tự động nhằm hỗ trợ người học có thể thực hành kiểm thử trên những dự án phần mềm thực tế tại doanh nghiệp

6, Thực hành kiểm thử phần mềm [ECIT4111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức thực tế về hoạt động kiểm thử phần mềm và trang bị các kỹ năng cần thiết về hoạt động kiểm thử thông qua các bài thực hành. Học phần củng cố những kiến thức cơ bản về quy trình phát triển phần mềm, quy trình kiểm thử phần mềm, các phương pháp kiểm thử và các mức kiểm thử cần được thực hiện để đảm bảo chất lượng phần mềm. Hoạt động kiểm thử có thể được thực hiện thủ công hoặc được thực hiện tự động với sự trợ giúp của các công cụ kiểm thử. Học phần này cung cấp các bài thực hành để người học có thể được rèn luyện các bước trong quy trình kiểm thử cho từng phần của phần mềm như chức năng, giao diện, cơ sở dữ liệu, hiệu năng cũng như cho các mức đơn vị, hệ con và hệ thống tổng thể.

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm tăng cường phần thực hành các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử phần mềm và những kỹ năng cần thiết để kiểm thử một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quy trình phát triển phần mềm, hoạt động kiểm thử và vai trò của hoạt động kiểm thử trong quy trình phát triển phần mềm. Học phần cung cấp các phương pháp, kỹ thuật thực hiện từng bước trong quy trình kiểm thử như lập kế hoạch kiểm thử, xác định và mô tả các ca kiểm thử, thực hiện kiểm thử, viết báo cáo kết quả kiểm thử. Học phần cũng cung cấp các bài thực hành cho hoạt động kiểm từng phần của phần mềm như chức năng, giao diện, cơ sở dữ liệu, hiệu năng cũng như kiểm thử tổng thể hệ thống. Qua đó, người học có thể thực hành kiểm thử trên những dự án phần mềm thực tế tại doanh nghiệp.

7, Thực hành quản trị cơ sở dữ liệu [INFO3111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức, phương pháp để xây dựng, quản lý, quản trị và khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL). Sinh viên có khả năng xây dựng CSDL và quản trị CSDL với hệ quản trị CSDL Microsoft SQL Server. Sinh viên có khả năng sử dụng các công cụ trong hệ quản trị CSDL SQL Server để quản trị một CSDL đã cho. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên nên học phần cơ sở dữ liệu (CSDL) trước khi học học phần này. Học phần thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên kỹ năng về quản trị CSDL ứng dụng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server hoặc Oracle. Bao gồm các kỹ năng tổ chức, xây dựng, quản lý, khai thác CSDL dựa trên các chức năng mà hệ quản trị CSDL cung cấp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kỹ năng như đồng bộ dữ liệu, phân quyền người dùng, sao lưu dự phòng và đảm bảo an toàn CSDL một cách hiệu quả. Học phần sẽ giúp sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng theo chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp MTA (Microsoft Technology Associate) của Microsoft.

4. KHỐI KIẾN THỨC BỔ TRỢ BẮT BUỘC

a. Các học phần bắt buộc

1, Nguyên lý kế toán [FACC0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện về nguyên lý kế toán, làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp, kế toán đơn vị sự nghiệp và kiểm toán; trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán trong các đơn vị kế toán.

Mô tả tóm tắt: Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.

2, Quản trị Thương mại điện tử 1 [ECOM2011] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử ngành Thương mại điện tử những kiến thức và kỹ năng về cách thức tổ chức và quản lý hoạt động bán lẻ trực tuyến của các doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu rõ cách lựa chọn mô hình bán lẻ trực tuyến, tổ chức bán lẻ trực tuyến, quản trị và bán hàng qua website TMĐT, bán hàng qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng, và quản trị mối quan hệ khách hàng mua lẻ trực tuyến. Kỹ năng quản trị bán hàng, bao gồm bán lẻ trực tuyến và bán lẻ truyền thống, kỹ năng quản trị vận hành một cửa hàng điện tử.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về bán lẻ điện tử, bao gồm: Khái niệm bán lẻ điện tử, lợi ích và những khó khăn bán lẻ điện tử, các mô hình bán lẻ điện tử, xây dựng kế hoạch mặt hàng trong bán lẻ điện tử, quản lý và vận hành website bán lẻ điện tử, tổ chức bán qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng điện tử, xử lý các vấn đề sau bán lẻ điện tử, quản trị quan hệ khách hàng trong bán lẻ điện tử.

b. Các học phần tự chọn

1, Quản trị công nghệ [QMGM0721] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về công nghệ và quản trị công nghệ trong nền kinh tế thị trường, từ đó sinh viên tạo lập được cơ sở và phương pháp luận để quản lý một cách hiệu quả công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa. Giúp người học nắm vững được cơ sở lý thuyết chung về công nghệ và vai trò của công nghệ đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị công nghệ và vận dụng chúng vào trong thực tiễn của doanh nghiệp. Nâng cao nhận thức về quản trị công nghệ trong cạnh tranh và phát triển kinh tế với vai trò quản lý Nhà nước trong quản lý khoa học và công nghệ

Mô tả tóm tắt: Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản giúp người học nắm vững các vấn đề liên quan tới quản trị công nghệ như: vai trò của công nghệ và quản trị công nghệ, nhận dạng được các yếu tố cấu thành và các loại công nghệ; các hoạt động cơ bản của quản trị công nghệ; và kinh nghiệm chuyển giao công nghệ ở các nước đang phát triển. Từ đó, học phần cũng giúp người học nhận thức được những thuận lợi, khó khăn và điều kiện để chuyển giao công nghệ thành công ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các hoạt động tác nghiệp của quản trị công nghệ như đánh giá năng lực công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp, đổi mới và chuyển giao công nghệ.

2, Quản trị tài chính [FMGM0231] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần Quản trị tài chính 1 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên

cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp cơ bản.

Mô tả tóm tắt: Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

3, Thanh toán điện tử [PCOM0411] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các phương thức thanh toán hiện đại được thực hiện trên mạng Internet trong so sánh với các hình thức của thanh toán truyền thống. Làm rõ những tương đồng và khác biệt giữa thanh toán điện tử với thanh toán truyền thống, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác. Cung cấp những kiến thức chuyên sâu từ đặc điểm, quy trình thực hiện đến các cách thức vận hành của những hệ thống thanh toán điện tử phổ biến nhất hiện nay trên thế giới. Sử dụng các công cụ thanh toán điện tử, vận dụng trong xây dựng và triển khai các công cụ hoặc hệ thống thanh toán điện tử trong doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

4, Quản trị nhân lực căn bản [CEMG0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị nhân lực trong các tổ chức/doanh nghiệp, cũng như trau dồi khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, phản biện, tư duy, sáng tạo. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp và dễ dàng tìm kiếm việc làm phù hợp về chuyên môn.

Mô tả tóm tắt: Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

5. THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP

1, Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp [REPI1311] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Thông qua việc tìm hiểu cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập, giúp sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế và có điều kiện so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn. Tiếp tục học thêm các kiến thức, kỹ năng từ thực tế hoạt động của doanh nghiệp về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin (HTTT) của doanh nghiệp. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị về xây dựng, triển khai và quản lý HTTT doanh nghiệp, trực tiếp tham gia vào một (hoặc một số) công việc của doanh nghiệp theo sự phân công của đơn vị thực tập để rèn luyện kỹ năng thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo ở đơn vị thực tập, phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế hoạt động của doanh nghiệp, nghiên cứu đề xuất tên đề tài viết khóa luận tốt nghiệp, khảo sát thực tế chuyên sâu để phục vụ viết Báo cáo thực tập tổng hợp và Khóa luận tốt nghiệp theo hướng đề xuất và được thông qua.

Sinh viên phải nắm được nội dung và cách thức tiến hành điều tra, khảo sát để thu thập thông tin phục vụ cho việc viết báo cáo thực tập tổng hợp, lựa chọn đề tài và viết khóa luận tốt nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Báo cáo thực tập tổng hợp là bài thu hoạch những kiến thức mà sinh viên học được, thấy được tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức (đơn vị thực tập) theo hướng dẫn của khoa. Kết thúc đợt thực tập tổng hợp, sinh viên phải viết Báo cáo thực tập tổng hợp (theo mẫu quy định), trong đó sinh viên phải phát hiện, đề xuất được từ 2 - 3 vấn đề cần nghiên cứu làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Những vấn đề đặt ra có tính thời sự cấp thiết cần giải quyết tại nơi thực tập và phải phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo của sinh viên. Báo cáo thực tập tổng hợp được trình bày trong khoảng từ 12 - 15 trang đánh máy khổ A4 tiêu chuẩn và có dấu xác nhận của đơn vị thực tập. Báo cáo thực tập tổng hợp được tính là một học phần 3 tín chỉ.

2, Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp [LVVI 1711] (7 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Người học vận dụng các kiến thức chuyên sâu và các kỹ năng đã được trang bị trong Nhà trường và từ thực tiễn nhằm giải quyết một bài toán cụ thể trên thực tế. Thông qua bài toán hoặc đề tài, sinh viên bước đầu đề xuất được một số kiến nghị đối với doanh nghiệp để hoàn thiện việc ứng dụng CNTT, HTTT, TMĐT cho các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Bài toán hoặc đề tài sinh viên đề xuất phải dựa trên tình hình thực tế, có sự định hướng và đánh giá của giáo viên hướng dẫn, được Bộ môn chuyên ngành và Khoa chuyên ngành duyệt. Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về HTTT và có kỹ năng sử dụng thành thục một số công cụ hiện đại để giải quyết bài toán đã đề xuất.

Mô tả tóm tắt: Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu về một đề tài cụ thể của sinh viên, sau khi đã đạt Báo cáo thực tập tổng hợp và điều kiện khác theo quy định của Nhà trường. Trong thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sinh viên tiếp tục thực tập tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức đã thực tập tổng hợp để hoàn thành khóa luận theo quy định của khoa. Khóa luận tốt nghiệp được trình bày trong khoảng từ 35-45 trang đánh máy khổ A4 tiêu chuẩn (không bao gồm phụ lục).

2. Chương trình đào tạo Quản trị hệ thống thông tin (Chương trình định hướng nghề nghiệp)

1. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1.1. Các học phần bắt buộc khối kiến thức giáo dục đại cương

1, Triết học Mác – Lênin [MLNP0221] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn

Mô tả tóm tắt nội dung: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2, Chủ nghĩa xã hội khoa học [HCM10121] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phản biện những nhận thức

sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.

Mô tả tóm tắt nội dung: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước.

3, Tư tưởng Hồ Chí Minh [HCM10111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ.

Mô tả tóm tắt nội dung: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 2 đến chương 6, học phần giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4, Kinh tế chính trị Mác – Lênin [RLCP1211] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới. Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.

Mô tả tóm tắt: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

5, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam [HCM10131] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.

Mô tả tóm tắt: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

6, Pháp luật đại cương [TLAW0111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm của nhà nước và pháp luật, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, mối liên hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội, hình thức tồn tại và sự vận hành của pháp luật trong đời sống xã hội. Học phần cũng tập trung nghiên cứu các nội dung pháp lý cơ bản của Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính và pháp luật về phòng chống tham nhũng.

7, Tiếng Anh 1 [ENTH1411] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.

Mô tả tóm tắt: Học phần Tiếng Anh 1 gồm 2 chương được chia thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến cuộc sống hằng ngày và chuyên ngành thương mại. Chương 1 đề cập đến vấn đề sống và làm việc tại nước ngoài và chương 2 cung cấp kiến thức về dịch vụ khách hàng. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng tiếng Anh, các bài học còn cung cấp những từ vựng liên quan và củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về thời hiện tại đơn, giới từ, danh từ đếm được và không đếm được, lời yêu cầu và đề nghị. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết khiếu nại của khách hàng qua điện thoại, kỹ năng viết và trả lời thư điện tử trong tình huống trang trọng cũng như thân mật.

8, Tiếng Anh 2 [ENTH1511] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng tiếng Anh cơ bản (Nghe, Nói, Đọc, Viết), củng cố kiến thức ngữ pháp về các cách diễn đạt hành động trong tương lai, phân biệt thời hiện tại hoàn thành và thời quá khứ đơn, câu điều kiện loại 0 và loại 1, mệnh đề quan hệ,... Ngoài ra, sinh viên thực hành kỹ năng thuyết trình tiếng Anh và làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị tốt cho việc học tập tiếng Anh ở các học kỳ sau.

Mô tả học phần: Học phần Tiếng Anh 2 gồm 2 chương được chia thành 12 bài học với các

chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương 1 đề cập đến các phương thức hoạt động của công ty và chương 2 cung cấp thông tin về những doanh nhân thành công. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng tiếng Anh, các bài học còn cung cấp những từ vựng liên quan và củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về thời hiện tại tiếp diễn, trạng từ, bị động ở thời hiện tại đơn, quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố và phát triển kỹ năng thuyết trình và kỹ năng học tập theo nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ được giao.

9, Tiếng Anh 3 [ENTH1611] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai.

Mô tả tóm tắt nội dung: Học phần Tiếng Anh 3 gồm 2 chương được chia nhỏ thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương I cung cấp các kiến thức liên quan đến bán hàng và chương II tập trung vào chủ đề về công ty. Ngoài ra, học phần này cũng giúp tăng cường củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về so sánh hơn, so sánh nhất, đặt câu hỏi và câu gián tiếp. Trong suốt 12 bài học, sinh viên có cơ hội được rèn luyện củng cố kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán, kỹ năng lắng nghe và ngắt lời trong cuộc họp, và đặc biệt được làm quen với các văn bản cần thiết trong các cuộc họp như chương trình

10, Toán đại cương [AMAT1011] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, Giải tích, Xác suất và Thống kê toán. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề Kinh tế - xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vector, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.

11, Phương pháp nghiên cứu khoa học [SCRE0111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

1.2. Các học phần tự chọn khối kiến thức giáo dục đại cương

1, Xã hội học đại cương [RLCP0421] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; một số vấn đề chuyên biệt của xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; biết cách vận dụng kiến thức xã hội học để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học.

Mô tả tóm tắt: Học phần Xã hội học đại cương giới thiệu: Những kiến thức cơ bản về xã hội (dưới góc độ Xã hội học) như: Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và thiết chế xã hội; Bất bình đẳng xã hội; Các nội dung về xã hội hóa; Các vấn đề về biến đổi xã hội. Đồng thời trong học phần cũng đề cập nghiên cứu một số nội dung của các lĩnh vực xã hội học chuyên biệt, như: Xã hội học giáo dục, Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội học quản lý.

2, Kinh tế thương mại đại cương [TECO0111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Các kiến thức nền tảng này là cơ sở giúp người học vận dụng nghiên cứu những vấn đề kinh tế thương mại của Việt Nam và các nước.

Mô tả tóm tắt: Học phần Kinh tế thương mại đại cương cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như: bản chất kinh tế, chức năng và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề kinh tế cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

3, Kinh tế môi trường [FECO1521] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị kiến thức cơ bản về Kinh tế Môi trường cho sinh viên. Đồng thời cung cấp các kỹ năng giải quyết những vấn đề ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và biến đổi khí hậu nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế nói chung và thương mại nói riêng.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

2. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CƠ SỞ NGÀNH

2.1. Các học phần bắt buộc khối kiến thức giáo dục cơ sở ngành

1, Kinh tế học [MIEC0821] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế học để giúp sinh viên hiểu được các nguyên lý cơ bản khi đưa ra các quyết định kinh tế tối ưu trong điều kiện khan hiếm nguồn lực, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức vào thực tiễn để phân tích, dự báo hành vi của hộ gia đình, doanh nghiệp và những can thiệp của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động

của nền kinh tế.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vĩ mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

2, Thương mại điện tử căn bản [PCOM0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần thương mại điện tử căn bản cung cấp cho sinh viên những khái niệm, những nguyên lý căn bản của thương mại điện tử, làm nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu của ngành thương mại điện tử và các ngành khác.

Mô tả tóm tắt: Học phần TMĐT căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành HTTTQL. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của TMĐT trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của TMĐT.

3, Quản trị học [BMGM0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho người học những kiến thức mang tính nguyên lý về quản trị các tổ chức, trong đó tập trung vào các tổ chức là doanh nghiệp. Rèn luyện và phát triển kỹ năng quản trị cho người học. Hình thành năng lực làm việc độc lập và tham gia làm việc nhóm đối với người học.

Mô tả tóm tắt: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

4, Cơ sở toán học cho tin học [ECIT2321] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở toán học cho tin học và phương pháp cài đặt một số thuật toán để từ đó vận dụng vào giải các bài toán trong tin học. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề, làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, tư duy sáng tạo chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc trong thực tế.

Mô tả học phần: Học phần Cơ sở toán học cho tin học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng cơ bản về nguyên tắc hoạt động và cơ chế lưu trữ của hệ thống máy tính điện tử. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, làm tiền đề cho các học phần ở khối kiến thức ngành của sinh viên. Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất của thuật toán, bao gồm xác định độ phức tạp về thời gian của thuật toán, cài đặt thuật toán và các nguyên lý cơ bản nhất của lý thuyết tổ hợp. Ngoài ra, học phần cũng trình bày về lý thuyết đồ thị, lý thuyết otomat và các ứng dụng. Cuối cùng, giới thiệu một số bài toán tối ưu trên đồ thị và một số bài toán tối ưu được giải bằng cách ứng dụng lý thuyết đồ thị. Các bài toán này được cài đặt bằng ngôn ngữ lập trình trên máy tính.

5, Lập trình với Python [INFO4511] (3 tín chỉ)

Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lập trình, nắm bắt một số nguyên tắc lập trình cơ bản với ngôn ngữ lập trình Python. Các kiến thức này là nền tảng cho các học phần khác liên quan như lập trình hướng đối tượng, hệ thống thông tin.

Mô tả học phần: Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ sở về lập trình bao gồm: thuật toán, sơ đồ khối; chương trình và ngôn ngữ lập trình; các phương pháp lập trình và kỹ thuật thiết kế chương trình, các thành phần cơ sở của ngôn ngữ lập trình (tổ chức chương trình và các cấu trúc lệnh cơ bản; các kiểu dữ liệu có cấu trúc; ...). Ngôn ngữ lập trình Python sẽ được sử dụng làm phương tiện để trình bày.

6, Tiếng Anh thương mại 1 [ENTI3311] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Phát triển các kỹ năng tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau. Học phần trang bị cho người học vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp (intermediate).

Mô tả tóm tắt: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

7, Tiếng Anh thương mại 2 [ENTI3411] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Phát triển các kỹ năng tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trên trung cấp (upper-intermediate) để có thể giao tiếp thành thực bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh thương mại.

Mô tả tóm tắt: Học phần Tiếng Anh thương mại 2 là sự tiếp nối học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

8, Mạng máy tính và truyền thông [eCIT2421] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về mạng máy tính: Các yếu tố cấu thành mạng; cấu trúc vật lý, logic của mạng máy tính cùng các giao thức, các nguyên tắc truyền thông thông trên hệ thống mạng máy tính; giao thức mạng... Thông qua mô hình chuẩn OSI và giao thức TCP/IP, sinh viên hiểu về nguyên tắc phân tầng, nguyên lý trao đổi thông tin giữa các tầng và cách thức truyền giữa các máy tính với nhau. Sinh viên có được hiểu biết về mạng nội bộ, cách thiết kế mạng nội bộ, giao thức phục vụ truyền thông và cách thức chia sẻ tài nguyên trên mạng.

Mô tả tóm tắt: Học phần Mạng máy tính và truyền thông trình bày tổng quan về mạng máy tính: Quá trình ra đời và sự phát triển của mạng máy tính. Ứng dụng của mạng máy tính trong cuộc

sống nói chung và trong hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp nói riêng. Tiếp đó, trình bày các kiến thức về mạng máy tính, mô hình OSI, giao thức TCP/IP, các kiến thức về mạng LAN, mạng Internet cũng như cách thức lựa chọn cấu hình và giao thức mạng phù hợp cho tổ chức doanh nghiệp. Cuối cùng, học phần hướng dẫn phương thức truyền thông tin an toàn khi sử dụng mạng máy tính trong tổ chức doanh nghiệp.

9, Hệ thống thông tin quản lý [eCIT0311] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về các thành phần trong hệ thống thông tin và ứng dụng các hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, về hạ tầng công nghệ thông tin và các nguyên tắc trong lựa chọn ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Giới thiệu cơ bản về phát triển và quản trị hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức, đi sâu vào giới thiệu, phân tích về các hệ thống thông tin quản lý phổ biến được ứng dụng trong các tổ chức, doanh nghiệp hiện nay như các hệ thống thông tin ERP, CRM, SCM, HRM, v.v.

Mô tả tóm tắt: Học phần Hệ thống thông tin quản lý thuộc khối kiến thức chuyên ngành cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý. Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

2.2. Các học phần tự chọn khối kiến thức giáo dục cơ sở ngành

1, Lập trình hướng đối tượng [INFO4111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Sinh viên hiểu và phân tích được các kiến thức về phương pháp lập trình hướng đối tượng, các nguyên tắc, và công cụ được sử dụng khi lập trình hướng đối tượng. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về một ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng cụ thể là ngôn ngữ Python, và một công cụ lập trình hỗ trợ ngôn ngữ Python để có thể xây dựng các ứng dụng đơn giản cho một số bài toán quản lý thực tế.

Mô tả học phần: Học phần Lập trình hướng đối tượng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Để học được học phần này sinh viên nên (không bắt buộc) học trước học phần cơ sở lập trình. Học phần bao gồm tổng quan về lập trình hướng đối tượng, so sánh với lập trình truyền thống (hướng cấu trúc). Đồng thời học phần còn bao gồm các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng như: lớp, đối tượng, phương thức, kế thừa,... cách khai báo, sử dụng chúng trong ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng Java

2, Kỹ thuật sử dụng SQL Server [INFO4011] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Nắm được các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu; mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ; tổ chức và cài đặt cơ sở dữ liệu trong SQL Server, các nhóm lệnh tạo lập và khai thác CSDL trong hệ quản trị SQL Server như các cấu trúc, khóa, ràng buộc, thủ tục, trigger, Sinh viên biết cài đặt cơ sở dữ liệu trong SQL Server; khai thác khai thác CSDL qua các truy vấn, xây dựng các hàm, thủ tục và trigger cơ bản cho CSDL.

Mô tả học phần: Học phần Kỹ thuật sử dụng SQL Server là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành. Sinh viên nên (không bắt buộc) học học phần cơ sở dữ liệu trước khi học môn học này. Học phần bao gồm các kiến thức về cách tổ chức, xây dựng và khai

thác CSDL cụ thể như: tạo CSDL, cập nhật, truy vấn CSDL, tạo trigger, store procedure để khai thác và quản lý CSDL.

3, Lý thuyết xác suất và thống kê toán [AMAT0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về biến cố, xác suất của biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các số đặc trưng chính của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết ước lượng, lý thuyết kiểm định, và các bài toán ứng dụng các kiến thức này trong thực tiễn, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế - xã hội. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.

Mô tả học phần: Học phần Lý thuyết xác suất và thống kê toán được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc, nhưng liên quan chặt chẽ về nội dung. Phần Lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phần Thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học. Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

4, Quản trị Thương mại điện tử 1 [ECOM2011] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử ngành Thương mại điện tử những kiến thức và kỹ năng về cách thức tổ chức và quản lý hoạt động bán lẻ trực tuyến của các doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu rõ cách lựa chọn mô hình bán lẻ trực tuyến, tổ chức bán lẻ trực tuyến, quản trị và bán hàng qua website TMĐT, bán hàng qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng, và quản trị mối quan hệ khách hàng mua lẻ trực tuyến. Kỹ năng quản trị bán hàng, bao gồm bán lẻ trực tuyến và bán lẻ truyền thống, kỹ năng quản trị vận hành một cửa hàng điện tử.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về bán lẻ điện tử, bao gồm: Khái niệm bán lẻ điện tử, lợi ích và những khó khăn bán lẻ điện tử, các mô hình bán lẻ điện tử, xây dựng kế hoạch mặt hàng trong bán lẻ điện tử, quản lý và vận hành website bán lẻ điện tử, tổ chức bán qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng điện tử, xử lý các vấn đề sau bán lẻ điện tử, quản trị quan hệ khách hàng trong bán lẻ điện tử.

3. KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH (BAO GỒM CHUYÊN NGÀNH)

3.1. Các học phần bắt buộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)

1, Phân tích nghiệp vụ phần mềm [ECIT2611] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản, các góc nhìn khác nhau về phân tích nghiệp vụ phần mềm, các kỹ năng cần thiết, kỹ thuật phổ biến nhất được sử dụng trong thực hành phân tích nghiệp vụ phần mềm nhằm giúp cho người học hiểu, phân tích, đánh giá được các yêu cầu về nghiệp vụ phần mềm, thực hành hiệu quả phân tích nghiệp vụ khi xây dựng phần mềm cho hệ thống thông tin quản lý. Sinh viên có thể phân tích được các nghiệp vụ gắn với phần mềm quản lý trong các lĩnh vực khác nhau của tổ chức/doanh nghiệp: Nắm được kiến thức về khai thác, phân tích và quản lý phần mềm; Đánh giá các giải pháp phần mềm đáp ứng chiến lược hoạt động, kinh doanh của tổ chức/doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng vận dụng phương pháp, kỹ thuật phân tích nghiệp vụ phần mềm phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm như: Kỹ thuật thu thập yêu cầu (phỏng vấn, trao đổi nhóm tập trung, thu thập tài liệu, thu thập yêu cầu Agile); Kỹ thuật phân tích và mô hình hóa mô hình kinh doanh (mô hình phân cấp tổ chức, sơ đồ

các bên liên quan, sơ đồ luồng, sơ đồ ca sử dụng...) và mô hình kỹ thuật (sơ đồ bối cảnh hệ thống, sơ đồ luồng dữ liệu DFD, sơ đồ trạng thái, sơ đồ thực thể liên kết ERD...). Ngoài ra, sinh viên có thể trau dồi tư duy phân tích, tư duy hình ảnh, tư duy trừu tượng và bao quát vấn đề, tư duy sáng tạo khi thực hiện quá trình phân tích nghiệp vụ, yêu cầu và đề xuất giải pháp cho ứng dụng phần mềm cho hệ thống thông tin quản lý của tổ chức doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kiến thức về phương pháp, công cụ, kỹ thuật phân tích nghiệp vụ phần mềm và những kỹ năng cần thiết để phân tích nghiệp vụ một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về vòng đời phát triển phần mềm, các mô hình phát triển phần mềm qua đó thấy được vai trò sự phù hợp của các phương pháp phân tích nghiệp vụ phần mềm trong quá trình xây dựng. Học phần giới thiệu các giai đoạn phân tích nghiệp vụ, thu thập và phân tích yêu cầu, công việc của nhân viên phân tích nghiệp vụ. Học phần phân tích chi tiết các phương pháp khám phá, thu thập yêu cầu, những kỹ thuật phân tích yêu cầu và mô hình hóa được sử dụng phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn chi tiết về kỹ thuật đặc tả và tài liệu đặc tả yêu cầu cho một dự án phần mềm và việc quản lý thay đổi yêu cầu cùng quá trình phê duyệt yêu cầu cho dự án.

2, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin [INFO2511] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng đối tượng và giới thiệu một số công cụ hỗ trợ xây dựng tài liệu phân tích và thiết kế cho các dự án công nghệ thông tin. Người học có kiến thức chuyên sâu cho người học về phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng đối tượng và cấu trúc của một tài liệu phân tích và thiết kế cho một dự án công nghệ thông tin. Người học có kỹ năng lập kế hoạch, lựa chọn công cụ, kỹ năng xây dựng các lược đồ và viết tài liệu phân tích và thiết kế cho một dự án công nghệ thông tin. Người học có khả năng làm việc độc lập, có tư duy sáng tạo trong phân tích và thiết kế, chịu trách nhiệm với dự án và có đạo đức nghề nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng xây dựng, tổ chức và phát triển hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Học phần trình bày các kiến thức chuyên sâu về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, những nguyên tắc cơ bản trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, các khía cạnh và các hướng tiếp cận trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, ưu điểm của hướng tiếp cận theo hướng đối tượng. Trình bày phương pháp phân tích, thiết kế hướng đối tượng bằng UML và công cụ hỗ trợ phân tích thiết kế hệ thống thông tin.

3, Các Hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp [INFO2911] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Hiểu và nắm bắt được các hệ thống phổ biến trong doanh nghiệp; Sinh viên có khả năng vận dụng thực hành các chức năng cơ bản trong một số hệ thống thông tin doanh nghiệp; Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần Các hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp các nghiệp vụ cơ bản của các hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Bao gồm nghiệp vụ trong các hệ thống thông tin theo quy mô tích hợp như ERP, CRM, SCM, ... nghiệp vụ trong các hệ thống thông tin theo thông tin đầu ra như hệ thống thông tin kế toán, nhân sự, bán hàng, marketing, ... nghiệp vụ trong một số hệ thống thông tin theo mức độ quản lý như hệ hỗ trợ ra quyết định, hệ chuyên gia, hệ thống dự báo, ...

4, Quản trị dự án Công nghệ thông tin [eCIT2811] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức về các phương pháp Quản trị dự án công nghệ thông tin. Nắm được các bước lập kế hoạch thực hiện dự án, triển khai các giai đoạn của dự án như: xác định công việc, quản lý tài nguyên, tính toán chi phí, giám sát thực hiện, đánh giá tiến độ, chất lượng và rủi ro của dự án. Người học hiểu và phân tích được các bước thực hiện một dự án công nghệ thông tin; vận dụng trong việc triển khai lập kế hoạch và kiểm soát các bước thực hiện dự án công nghệ thông tin, vận dụng được quy trình lập và quản lý dự án công nghệ thông tin trên một số phần mềm ứng dụng. Có khả năng theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện dự án, tính toán được chi phí dự án, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cũng như những rủi ro của dự án. Có trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp kiến thức về các phương pháp quản trị dự án công nghệ thông tin và các bước lập kế hoạch, triển khai một dự án từ khi bắt đầu đến khi kết thúc. Người học cũng được trang bị kiến thức về một số công cụ phần mềm giúp lập kế hoạch và quản trị dự án công nghệ thông tin. Để lập và quản lý dự án hiệu quả, học phần cung cấp cho người học các kiến thức quản trị dự án công nghệ thông tin gồm: quản lý phạm vi dự án; quản lý tiến độ dự án theo các giai đoạn; tính toán chi phí dự án; quản lý và điều phối các nguồn tài nguyên của dự án; quản lý chất lượng và đánh giá rủi ro dự án. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kiến thức về truyền thông trong quá trình thực hiện dự án, bao gồm việc truyền thông nội bộ giữa các thành viên trong nhóm, các nhóm trong dự án và giữa các bên (đối tác) tham gia vào dự án.

5, Kiểm thử phần mềm [ECIT3021] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức thực tế về hoạt động kiểm thử phần mềm, cho phép người học đánh giá và hiểu rõ các rủi ro khi thực thi phần mềm, nhằm tránh những lỗi phát sinh trong suốt quá trình tạo ra sản phẩm. Học phần giới thiệu những kiến thức chung về vòng đời phát triển phần mềm, quy trình kiểm thử phần mềm. Học phần tích chi tiết các công cụ, kỹ thuật trong kiểm thử để người học có thể thiết kế ca kiểm thử và tiến hành kiểm thử trên phần mềm thực. Sinh viên phân tích được vòng đời phát triển phần mềm, các mô hình phát triển phần mềm, kiểm thử và vai trò kiểm thử phần mềm trong quá trình xây dựng. Sinh viên có khả năng vận dụng phương pháp kiểm thử, những kỹ thuật kiểm thử được sử dụng phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm như kỹ thuật kiểm thử hộp trắng, hộp đen, hộp xám. Ngoài ra, sinh viên có kỹ năng thực hiện các bước thiết kế ca kiểm thử cho một dự án cụ thể từ bước lập kế hoạch, xây dựng kịch bản và sử dụng công cụ kiểm thử tự động nhằm hỗ trợ người học có thể thực hành kiểm thử trên những dự án phần mềm thực tế tại doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp phương pháp, công cụ, kỹ thuật kiểm thử phần mềm và những kỹ năng cần thiết để kiểm thử một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về vòng đời phát triển phần mềm, các mô hình phát triển phần mềm, kiểm thử và vai trò kiểm thử phần mềm trong quá trình xây dựng. Học phần giới thiệu các giai đoạn kiểm thử phần mềm, công việc của người kiểm thử, nội dung kiểm thử tương ứng với từng giai đoạn xây dựng phần mềm. Học phần phân tích chi tiết các phương pháp kiểm thử, những kỹ thuật kiểm thử được sử dụng phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm như kỹ thuật kiểm thử hộp trắng, hộp đen, hộp xám. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn chi tiết các bước thiết kế ca kiểm thử cho một dự án cụ thể từ bước lập kế hoạch, xây dựng kịch bản và sử dụng công cụ kiểm thử tự động nhằm hỗ trợ người học có thể thực hành kiểm thử trên những dự án phần mềm thực tế tại doanh nghiệp

6, Thiết kế và triển khai ứng dụng Web [ECIT5211] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách thức thiết kế các thành phần

của hệ thống Web và quy trình chung để triển khai Web cho doanh nghiệp. Cung cấp khái niệm cơ bản về mạng Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML, ... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Giới thiệu một số công cụ thiết kế đồ họa, thiết kế nội dung hiển thị trên giao diện của website. Trình bày qui trình triển khai, nâng cấp, bảo trì và các phương thức quảng bá website trên các kênh truyền thông.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thiết kế và triển khai ứng dụng Web cung cấp các kiến thức tổng quát về cách thức thiết kế và triển khai một website cho một doanh nghiệp. Đầu tiên, học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML, ... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp một số công cụ sử dụng trong thiết kế đồ họa và giao diện cho website. Cuối cùng, học phần trình bày qui trình chung và chi tiết các bước để triển khai một website cho doanh nghiệp..

7, Thực hành thiết kế và triển khai ứng dụng Web với PHP* [eCIT3011]

Mục tiêu học phần: Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức cơ bản thực hành phát triển các ứng dụng web trên môi trường PHP. Khai thác thế mạnh của ngôn ngữ lập trình PHP trong việc phát triển website. Giúp sinh viên nắm được các chức năng và cách tạo các điều khiển PHP server control; kết nối và thao tác với các hệ quản trị cơ sở dữ liệu: SQL Server, MS Access...; vận dụng các kiến thức đã học để phát triển một ứng dụng web. Đây là một học phần quan trọng, thuộc kiến thức chuyên ngành của ngành Hệ thống thông tin quản lý

Mô tả học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng hợp về lập trình ứng dụng Web, các thao tác kết nối và làm việc với cơ sở dữ liệu, kỹ năng phân tích thiết kế ứng dụng Web bao gồm thiết kế giao diện, thiết kế chương trình, thiết kế cơ sở dữ liệu. Cung cấp cho người học các quy trình và cách thức tổ chức và triển khai một ứng dụng Web trên nền tảng Internet. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học cách thức tiếp cận môi trường phát triển các ứng dụng web trên nền tảng PHP để xây dựng một ứng dụng web cụ thể cho các hệ thống thông tin của doanh nghiệp, tổ chức, các công ty, các trường học...

8, Quản trị cơ sở dữ liệu [ECIT2711] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, các kỹ năng cần thiết về tổ chức, khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) trên máy tính và phương pháp để quản trị CSDL. Sinh viên nắm được các kiến thức về CSDL như các mô hình dữ liệu, thiết kế CSDL quan hệ, ngôn ngữ cơ bản ban đầu khai thác (CSDL) quan hệ và nhận thức được vai trò và sự cần thiết của hệ thống quản lý dữ liệu đối với một tổ chức kinh tế xã hội, nắm được các khái niệm cơ bản trong quản trị CSDL; Vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị CSDL; Các chuẩn của hệ CSDL cùng với các yêu cầu cài đặt tương ứng và giải thích thích được các hoạt động quản trị CSDL như: sao lưu, phục hồi, toàn vẹn và bảo mật CSDL,... Sinh viên có khả năng sử dụng các chức năng cơ bản của hệ quản trị SQL Server để quản trị CSDL và có thể sử dụng các ngôn ngữ lập trình kết hợp với hệ quản trị SQL Server để khai thác và quản trị cơ sở dữ liệu trong một bài toán quản lý cụ thể.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị cơ sở dữ liệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên cần phải học trước học phần cơ sở dữ liệu (CSDL) trước khi học học phần này. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về quản trị CSDL ứng dụng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Bao gồm các kỹ năng tổ chức, xây dựng, quản lý, khai thác CSDL dựa trên các chức năng mà hệ quản trị CSDL cung cấp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kỹ năng như đồng bộ dữ liệu, phân quyền người dùng, sao lưu dự phòng và đảm bảo an toàn CSDL một cách hiệu quả. Học phần sẽ giúp sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng

theo chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp MTA (Microsoft Technology Associate) của Microsoft.

9, Hành vi khách hàng [BMKT3811] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Phân tích được các kiến thức chung và nguyên lý hành vi khách hàng; Phân tích và đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng người tiêu dùng: nhận thức, động cơ, học tập, thái độ, quan niệm về bản thân, lối sống, ảnh hưởng của văn hóa – xã hội, qui trình quyết định mua sắm; phân tích và đánh giá được hành vi khách hàng tổ chức: đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng, qui trình quyết định mua và cấu trúc bậc hành vi; Sinh viên có khả năng vận dụng và phân tích đặc điểm hành vi khách hàng người tiêu dùng và các giai đoạn trong qui trình quyết định mua sắm; có khả năng vận dụng và phân tích đặc điểm hành vi khách hàng tổ chức.

Mô tả học phần: Học phần Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này cũng cấp các nội dung liên quan đến việc xác định nội dung cơ bản về Hành vi khách hàng, phân tích được các yếu tố liên quan đến hành vi khách hàng, sinh viên trên cơ sở đó có thể vận dụng để phục vụ cho việc phân tích yêu cầu của khách hàng, phân tích các nghiệp vụ và hỗ trợ trong quá trình tư vấn, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin trong tổ chức.

10, Đảm bảo chất lượng phần mềm * [eCIT3111] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức thực tế về hoạt động đảm bảo chất lượng phần mềm. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy trình quản lý, đảm bảo, đánh giá chất lượng phần mềm, các chuẩn thể giới liên quan đến chất lượng phần mềm cũng như những công cụ để hiện thực những quy trình đó.

Mô tả học phần: Học phần Đảm bảo chất lượng phần mềm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Đảm bảo chất lượng phần mềm (Software Quality Assurance-SQA) là hết sức quan trọng trong quá trình phát triển phần mềm. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chất lượng phần mềm, đảm bảo chất lượng trong một dự án phát triển phần mềm, qui trình xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng phần mềm, ... Từ đó, người học có thể hiểu được cách thức xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng phần mềm và vai trò của những thành viên trong hệ thống. Một số chuẩn đảm bảo chất lượng cũng được giới thiệu trong học phần và cập nhật theo các bộ tiêu chuẩn mới nhất.

11, Truyền thông kinh doanh [eCIT0211] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về truyền thông kinh doanh như: dữ liệu, thông tin, thông tin kinh doanh, các nguyên tắc và các công cụ truyền thông. Ngoài ra, học phần cũng giúp người học nắm được các loại hình truyền thông khác nhau, biết cách áp dụng những nguyên tắc truyền thông trong các hoàn cảnh khác nhau, ứng dụng các kiến thức đã học để thực hiện các dự án truyền thông, biết cách giải quyết các khủng hoảng gặp phải trong truyền thông.

Mô tả học phần: Học phần Truyền thông kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp các phương pháp và kỹ thuật trong truyền thông kinh doanh bao gồm: Các quy trình chia sẻ thông tin, các kênh truyền thông nội bộ và bên ngoài, cách thức và công cụ hỗ trợ trong: Trình bày các lựa chọn, các ý tưởng, lập kế hoạch và đề xuất, thực thi các giải pháp, phương pháp đàm phán, gửi và hoàn thành các yêu cầu với đối tác, cách thức trình diễn, mô phỏng và viết bài trình bày.

12, Khai phá dữ liệu trong kinh doanh [INFO2111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Sinh viên phân tích được các thông tin thông qua các công cụ khai phá

như cây quyết định; luật kết hợp, hồi quy tuyến tính, hoặc công cụ kinh doanh thông minh BI (Business Intelligence). Sinh viên có khả năng vận dụng một số công cụ khai phá dữ liệu để rút trích thông tin, tạo ra các báo cáo đa chiều, dự báo thông tin kinh doanh,...

Mô tả học phần: Học phần Khai phá dữ liệu trong kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của quá trình khai phá dữ liệu với các công cụ khai phá BI (Business Intelligence) của SQL server. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức về quy trình khai phá dữ liệu nói chung, các bước để tiến hành việc làm sạch dữ liệu, sử dụng công cụ để tìm kiếm và rút trích các thông tin có ích từ kho dữ liệu để phục vụ các mục đích khác nhau trong lĩnh vực kinh doanh.

13, Đồ họa ứng dụng * [INFO 3021] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Sinh viên nắm được các kiến thức nâng cao của phần mềm Corel Draw để có thể thiết kế các sản phẩm đồ họa có tính ứng dụng cao trong thực tiễn, các kiến thức bao gồm: thiết kế các sản phẩm hàng hóa; các sản phẩm thời trang; các mẫu quảng cáo và kỹ năng tạo trang bìa sách, truyện, tạp chí; Sinh viên có khả năng vận dụng các kỹ năng nâng cao trong thiết kế các sản phẩm đồ họa bởi phần mềm Corel Draw như: Kỹ năng thiết kế các sản phẩm hàng hóa; các sản phẩm thời trang; các mẫu quảng cáo và kỹ năng tạo trang bìa sách, truyện, tạp chí có tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

Mô tả học phần: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin kinh tế thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý. Học phần cung cấp các kỹ năng thực hành cơ bản và nâng cao của một số phần mềm xử lý ảnh như Photoshop, Corel Draw, ... được áp dụng để thiết kế các sản phẩm đồ họa, thiết kế giao diện cho các ứng dụng trong các dự án công nghệ thông tin của các doanh nghiệp, tổ chức như: logo sản phẩm, hàng hóa; mẫu thời trang, quảng cáo; trang bìa; truyện tranh; sách, và tạp chí.

3.2. Các học phần tự chọn khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)

1, Chuyển đổi số trong kinh doanh [PCOM1111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về chuyển đổi số: Các khái niệm, các vấn đề liên quan đến chuyển đổi số cho doanh nghiệp; Tìm hiểu về các yếu tố để doanh nghiệp chuyển đổi số thành công; Nghiên cứu về các công đoạn triển khai công nghệ số trong kinh doanh. Cung cấp cho sinh viên các nội dung chính, các khối kiến thức cơ bản về chuyển đổi số. Hướng dẫn sinh viên vận dụng khối kiến thức đã học để lập kế hoạch cho một số dự án số hóa cơ bản cho doanh nghiệp; Chọn lựa được các phương pháp và công cụ phù hợp để triển khai chuyển đổi số cho doanh nghiệp. Giúp sinh viên có thể chủ động đề xuất các giải pháp chuyển đổi số phù hợp với các điều kiện thực tế tại doanh nghiệp; Có khả năng giải quyết một số vấn đề cơ bản trong quá trình triển khai chuyển đổi số tại doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần Chuyển đổi số trong kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm chuyển đổi số, quy trình và các khía cạnh trong quá trình chuyển đổi số trong kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung về: Chuyển đổi số, đề án chuyển đổi số quốc gia, quy trình chuyển đổi số trong tổ chức, các vấn đề gặp phải trong quá trình chuyển đổi số, lựa chọn và những lưu ý trong quá trình chuyển đổi số.

2, Thực hành quản trị cơ sở dữ liệu [INFO5041] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức, phương pháp để xây dựng, quản lý, quản trị và khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL). Sinh viên có khả năng xây dựng CSDL và quản trị CSDL với hệ quản trị CSDL Microsoft SQL Server. Sinh viên có khả năng sử dụng các công cụ trong hệ quản trị CSDL SQL Server để quản trị một CSDL đã cho. Sinh viên thể hiện được các

trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên nên học phần cơ sở dữ liệu (CSDL) trước khi học học phần này. Học phần thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên kỹ năng về quản trị CSDL ứng dụng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server hoặc Oracle. Bao gồm các kỹ năng tổ chức, xây dựng, quản lý, khai thác CSDL dựa trên các chức năng mà hệ quản trị CSDL cung cấp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kỹ năng như đồng bộ dữ liệu, phân quyền người dùng, sao lưu dự phòng và đảm bảo an toàn CSDL một cách hiệu quả. Học phần sẽ giúp sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng theo chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp MTA (Microsoft Technology Associate) của Microsoft.

3, Triển khai Hệ thống thông tin [eCIT3311] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về triển khai hệ thống thông tin. Học phần phân tích chi tiết các giai đoạn trong quy trình triển khai hệ thống cụ thể cho doanh nghiệp qua đó qua đó người học có thể xác định được các yêu cầu, áp dụng quy trình để hoàn thiện quá trình triển khai một hệ thống thông tin. Học phần giúp sinh viên hiểu được quy trình triển khai một hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức về Cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, quy trình nghiệp vụ để triển khai HTTT cho doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần Triển khai hệ thống thông tin cung cấp các kiến thức và kỹ năng cho người học để triển khai được một hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Học phần bao gồm các nội dung: Giới thiệu và trình bày quy trình chung để triển khai một hệ thống thông tin bao gồm: Lựa chọn thời điểm, lập kế hoạch nhân sự, lựa chọn đối tác, truyền thông, thống nhất quy trình, các chức năng, cách thức chuyển đổi cơ sở dữ liệu, tiến hành cài đặt, tối ưu trải nghiệm người dùng trên hệ thống, khai thác và bảo trì. Học phần giúp sinh viên thực hiện một quy trình triển khai hệ thống cụ thể cho doanh nghiệp, bao gồm các bước: Chuẩn bị dự án; Khảo sát; Xây dựng quy trình nghiệp vụ chuẩn và hệ thống chỉ tiêu chuẩn; Phân tích thiết kế hệ thống; Phát triển chỉnh sửa hệ thống; Triển khai (Cài đặt, đào tạo); Vận hành hệ thống; Nghiệm thu hệ thống; Bảo hành và hỗ trợ.

4, Thực hành kiểm thử phần mềm thủ công * [eCIT3411] (2 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức thực tế về hoạt động kiểm thử phần mềm và trang bị các kỹ năng cần thiết về hoạt động kiểm thử thủ công thông qua các bài thực hành. Học phần củng cố những kiến thức cơ bản về quy trình phát triển phần mềm, quy trình kiểm thử phần mềm, các phương pháp kiểm thử và các mức kiểm thử cần được thực hiện để đảm bảo chất lượng phần mềm. Hoạt động kiểm thử có thể được thực hiện thủ công hoặc được thực hiện tự động với sự trợ giúp của các công cụ kiểm thử. Học phần này tập trung vào hoạt động kiểm thử thủ công, cung cấp kiến thức cơ bản và các bài thực hành để người học có thể được rèn luyện các bước trong quy trình kiểm thử thủ công cho từng phần của phần mềm như chức năng, giao diện, cơ sở dữ liệu, API, hiệu năng cũng như cho các mức đơn vị, hệ con và hệ thống tổng thể.

Mô tả học phần: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm tăng cường phần thực hành các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử phần mềm được thực hiện thủ công và những kỹ năng cần thiết để kiểm thử một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quy trình phát triển phần mềm, hoạt động kiểm thử và vai trò của hoạt động kiểm thử trong quy trình phát triển phần mềm. Học phần cung cấp các phương pháp, kỹ thuật thực hiện từng bước trong quy trình kiểm thử như lập kế hoạch kiểm thử, thiết kế và mô tả các ca kiểm thử, thực hiện kiểm thử thủ công, viết báo cáo kết quả kiểm thử. Học phần cũng cung cấp các bài thực hành

cho hoạt động kiểm thử thủ công từng phần của phần mềm như chức năng, giao diện, cơ sở dữ liệu, API, hiệu năng cũng như kiểm thử tổng thể hệ thống. Qua đó, người học có thể thực hành kiểm thử trên những dự án phần mềm thực tế tại doanh nghiệp.

5, Thực hành kiểm thử phần mềm tự động * [eCIT3511] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức thực tế về hoạt động kiểm thử phần mềm và trang bị các kỹ năng cần thiết về hoạt động kiểm thử tự động thông qua các bài thực hành. Học phần củng cố những kiến thức cơ bản về quy trình phát triển phần mềm, quy trình kiểm thử phần mềm, các phương pháp kiểm thử và các mức kiểm thử cần được thực hiện để đảm bảo chất lượng phần mềm. Hoạt động kiểm thử có thể được thực hiện thủ công hoặc được thực hiện tự động với sự trợ giúp của các công cụ kiểm thử. Học phần này tập trung vào hoạt động kiểm thử tự động, cung cấp kiến thức cơ bản và các bài thực hành để người học có thể được rèn luyện các bước trong quy trình kiểm thử tự động cho từng loại ứng dụng như ứng dụng Web, ứng dụng di động và ứng dụng Desktop. Ngoài ra, học phần cũng đi sâu hơn vào hoạt động kiểm thử cho hai phần của ứng dụng, đó là API và hiệu năng của ứng dụng.

Mô tả học phần: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm tăng cường phần thực hành các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử phần mềm được thực hiện tự động và những kỹ năng cần thiết để kiểm thử một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quy trình phát triển phần mềm, hoạt động kiểm thử và vai trò của hoạt động kiểm thử trong quy trình phát triển phần mềm. Học phần cung cấp các phương pháp, kỹ thuật thực hiện từng bước trong quy trình kiểm thử như lập kế hoạch kiểm thử, thiết kế và mô tả các ca kiểm thử, viết kịch bản kiểm thử, thực hiện kiểm thử tự động, viết báo cáo kết quả kiểm thử. Học phần cũng cung cấp các bài thực hành cho hoạt động kiểm thử tự động cho mỗi loại phần mềm như ứng dụng Web, ứng dụng di động và ứng dụng Desktop. Qua đó, người học có thể thực hành kiểm thử trên những loại dự án phần mềm thực tế tương ứng tại doanh nghiệp.

6, An toàn và bảo mật thông tin [eCIT0921] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị các kiến thức căn bản về các chính sách và giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước. Giới thiệu một số công nghệ và giải pháp cập nhật trong đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trong không gian mạng Internet. Cung cấp những kiến thức căn về chính sách và các quy trình nhằm đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho các hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp. Cung cấp các phương pháp, quy trình trong phát hiện, phân loại, đánh giá các nguy cơ mất an toàn thông tin trong các hệ thống thông tin và trên không gian mạng Internet. Trang bị kiến thức để lựa chọn, đánh giá tính khả thi và thực hiện các giải pháp phòng tránh và phục hồi thông tin cho các hệ thống thông tin và người dùng cá nhân.

Mô tả tóm tắt: Học phần An toàn và bảo mật thông tin thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn các giải pháp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho hệ thống thông tin của doanh nghiệp. Học phần giới thiệu các khái niệm liên quan đến an toàn và bảo mật thông tin trong doanh nghiệp, đi sâu vào các hình thức tấn công, các phương pháp phòng tránh, một số cách thức phục hồi sự cố khi hệ thống thông tin của doanh nghiệp gặp rủi ro. Ngoài ra, học phần cũng đưa ra quy trình nhằm đánh giá rủi ro của hệ thống thông tin doanh nghiệp và một số ứng dụng để nâng cao độ an toàn, tính bảo mật cho các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp

7, Thực hành các công cụ quản trị dự án [eCIT3711] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về quản trị dự án công nghệ thông tin và công cụ Microsoft (MS) Project hoặc một số công cụ phù hợp khác để lập và

quản lý các dự án công nghệ thông tin. Học phần cung cấp kiến thức về quy trình xây dựng kế hoạch và quản trị dự án công nghệ thông tin bằng công cụ phần mềm. Thông qua các bài tập thực hành, sinh viên sẽ nắm được từng bước tạo và quản lý dự án, thiết lập và quản lý tài nguyên thực hiện các công việc của dự án, giám sát quá trình thực hiện qua các biểu đồ trực quan trên phần mềm. Ngoài ra, sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá tổng quát về chất lượng dự án, tính toán chi phí dự án cũng như đánh giá được các rủi ro trong quá trình thực hiện dự án. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về quản lý dự án CNTT bằng các phương pháp khác nhau và thực hành quản lý dự án CNTT thực tế trực tiếp trên phần mềm MS Project. Học phần được tổ chức thành các bài thực hành cụ thể, sinh viên sẽ thực hiện tại phòng thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Các bài học được tổ chức thống nhất để người học sẽ thực hiện được lần lượt các công việc của quá trình tạo và quản lý dự án CNTT trên MS Project, bao gồm: tạo dự án, thiết lập các tác vụ của dự án và thời gian thực hiện các tác vụ, nhập vào các tài nguyên thực hiện dự án, giám sát quá trình thực hiện dự án qua các báo cáo và các biểu đồ cụ thể. Ngoài ra, người học cũng được thực hành các nghiệp vụ về quản lý chất lượng và quản lý các rủi ro khi thực hiện dự án, ... Sinh viên có thể tích hợp kiến thức của các học phần khác như Hệ thống thông tin quản lý để xây dựng và quản lý một dự án CNTT hoàn chỉnh.

8, Thực hành thiết kế mô phỏng hệ thống với Axure [eCIT3811] – (3 tín chỉ - doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm Axure trong thiết kế mô phỏng dự án công nghệ thông tin; Học phần cung cấp các kiến thức về phần mềm Axure ứng dụng trong thiết kế các mô phỏng cho các dự án công nghệ thông tin; Sử dụng thành thạo phần mềm Axure trong thiết kế các mockup, prototype và wireframe

Mô tả học phần: Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm Axure ứng dụng trong thiết kế các mô phỏng cho các dự án công nghệ thông tin; Giúp sinh viên sử dụng thành thạo phần mềm Axure trong thiết kế các mockup, prototype và wireframe

9, Các công cụ trực quan hóa dữ liệu [INFO3811] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về trực quan hóa dữ liệu bằng Power BI. Cung cấp kiến thức về trực quan hóa dữ liệu nói chung và cách thức tổ chức dữ liệu trên các biểu đồ nói riêng để sinh viên có thể tạo ra các biểu đồ hoặc dashboard biểu diễn dữ liệu một cách trực quan. Sử dụng một công cụ biểu diễn trực quan dữ liệu để nhằm mục đích phân tích dữ liệu cho các bài toán quản lý trong kinh tế. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần Các công cụ trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization) cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng trong trực quan hóa dữ liệu thành các dạng đồ họa như là đồ thị, biểu đồ hay sử dụng các phương pháp, công cụ khác nhau để trực quan hóa và minh họa dữ liệu được tốt nhất. Người học được trang bị các kiến thức để biến các nguồn dữ liệu thành những thông tin được thể hiện một cách trực quan, dễ quan sát, dễ hiểu, để truyền đạt rõ ràng những hiểu biết đầy đủ từ dữ liệu đến người dùng.

4. KIẾN THỨC BỔ TRỢ

4.1. Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ

1, Nguyên lý kế toán [FACC0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện về nguyên lý kế toán, làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp, kế toán đơn vị sự nghiệp và kiểm toán; trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ

cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán trong các đơn vị kế toán.

Mô tả tóm tắt: Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.

2, Khởi sự kinh doanh [CEMG4111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể đánh giá và lựa chọn khởi sự kinh doanh như một định hướng nghề nghiệp; và thực hiện khởi sự hoạt động kinh doanh ở quy mô nhỏ.

Mô tả tóm tắt: Học phần Khởi sự kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể lựa chọn khởi sự kinh doanh và thực hiện khởi sự kinh doanh ở quy mô nhỏ. Học phần bao gồm các nội dung Nhận thức về kinh doanh và khởi sự kinh doanh; Đánh giá sự phù hợp của bản thân với lựa chọn khởi nghiệp; Tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; Lập kế hoạch kinh doanh; Khởi sự và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

4.2. Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ

1, Chính phủ điện tử [eCOM1311]

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành quản trị TMĐT những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, một phương thức quản trị nhà nước hiện đại được quan tâm triển khai ứng dụng trên thế giới và tại Việt Nam

Mô tả tóm tắt: Học phần Chính phủ điện tử cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.

2, Quản trị hành chính văn phòng [CEMG2431] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị hành chính văn phòng trong các tổ chức, doanh nghiệp. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp và dễ dàng tìm kiếm việc làm phù hợp về chuyên môn

Mô tả học phần: Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung chính như: Giới thiệu về quản trị hành chính văn phòng; Tổ chức cuộc họp, hội nghị, hội thảo; Tổ chức tiếp khách; Tổ chức chuyển đi công tác; Tổ chức quản lý, giải quyết văn bản và tổ chức lưu trữ tài liệu.

3, Quản trị rủi ro [BMGM0411] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro trong kinh doanh, quản trị rủi ro nhân lực và quản trị rủi ro tài sản. Giúp sinh viên có thêm kỹ năng vận dụng tốt những kiến thức cơ bản của học phần trong học tập các học phần quản trị khác của chương trình đào tạo chuyên ngành và trong thực tiễn công việc sau khi tốt nghiệp. Tăng cường cho sinh viên về thái độ tự chủ, tích cực trong hoạt động học tập và công việc sau này

Mô tả học phần: Học phần Quản trị rủi ro cung cấp khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Cung cấp các kiến thức về nhận dạng và phân tích rủi ro, kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

4, Quản trị chiến lược [SMGM 0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về quản trị chiến lược kinh doanh hiện đại áp dụng với tất cả các loại hình doanh nghiệp, từ đó tạo lập cho người học tư duy chiến lược trong mối quan hệ tương thích với môi trường kinh doanh thường xuyên thay đổi; kỹ năng hoạch định, thực thi và đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần cũng giúp người học rèn luyện và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức tốt; thái độ làm việc tích cực, ham học hỏi, ý thức phấn đấu, hợp tác; có khả năng làm việc khoa học, độc lập, chủ động và có trách nhiệm.

Mô tả học phần: Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

5, Thanh toán điện tử [PCOM0411] (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Nhằm trang bị cho sinh viên Ngành TMĐT, chuyên ngành Quản trị TMĐT những kiến thức chuyên sâu và hỗ trợ các Ngành đào tạo như Hệ thống thông tin Quản lý, Tài chính ngân hàng, Kế toán Kiểm toán về các phương thức thanh toán hiện đại được thực hiện trên mạng Internet trong so sánh với các hình thức của thanh toán truyền thống.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thanh toán điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành TMĐT và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho sinh viên Quản trị TMĐT về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

6, Quản trị thương hiệu 1 [BRMG2011] (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần giúp người học có được những kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu theo tiếp cận hiện đại cả trên góc độ tư duy chiến lược và thực tiễn triển khai. Từ đó giúp người học có được những kỹ năng cần thiết trong hoạt động thiết kế, triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu, bảo vệ, truyền thông và phát triển thương hiệu.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị thương hiệu 1 giúp người học có được những kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu theo tiếp cận hiện đại cả trên góc độ tư duy chiến lược và thực tiễn triển khai. Từ đó giúp người học có được những kỹ năng cần thiết trong hoạt động thiết kế, triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu, bảo vệ, truyền thông và phát triển thương hiệu. Học phần

cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

7, Quản trị nhân lực căn bản [CEMG0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị nhân lực trong các tổ chức/doanh nghiệp, cũng như trau dồi khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, phản biện, tư duy, sáng tạo. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp và dễ dàng tìm kiếm việc làm phù hợp về chuyên môn.

Mô tả tóm tắt: Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

5. THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP VÀ LÀM TỐT NGHIỆP KHÓA HỌC

1, Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp [REPI1411] (3 tín chỉ)

Báo cáo thực tập tổng hợp là bài thu hoạch những kiến thức mà sinh viên học được, thấy được tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức (đơn vị thực tập) theo hướng dẫn của khoa. Tại đơn vị thực tập, sinh viên phải vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị theo ngành vào tìm hiểu và tiếp tục học từ thực tiễn hoạt động, kinh doanh của đơn vị thực tập theo lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia vào một số công việc tại bộ phận thực tập theo phân công của đơn vị tiếp nhận thực tập để rèn luyện thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo ở đơn vị thực tập, phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế kinh doanh của đơn vị thực tập để đề xuất hướng khóa luận tốt nghiệp ở giai đoạn 2 của đợt thực tập và làm tốt nghiệp. Kết thúc đợt thực tập tổng hợp, sinh viên phải viết Báo cáo thực tập tổng hợp (theo mẫu quy định), trong đó sinh viên phải phát hiện, đề xuất được từ 2 - 3 vấn đề cần nghiên cứu làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Những vấn đề đặt ra có tính thời sự cấp thiết cần giải quyết tại nơi thực tập và phải phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo của sinh viên. Báo cáo thực tập tổng hợp được trình bày trong khoảng từ 12 - 15 trang đánh máy khổ A4 tiêu chuẩn và có dấu xác nhận của đơn vị thực tập. Báo cáo thực tập tổng hợp được tính là một học phần 3 tín chỉ.

2, Thực tập và viết khóa luận nghiệp [LVVI1811] (7 tín chỉ)

Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu về một đề tài cụ thể của sinh viên, sau khi đã đạt Báo cáo thực tập tổng hợp và điều kiện khác theo quy định của Nhà trường. Trong thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sinh viên tiếp tục thực tập tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức đã thực tập tổng hợp để hoàn thành khóa luận theo quy định của khoa. Khóa luận tốt nghiệp được trình bày trong khoảng từ 35-45 trang đánh máy khổ A4 tiêu chuẩn (không bao gồm phụ lục). Khóa luận tốt nghiệp của chương trình đào tạo ngành HTTTQL, chuyên ngành QHTTTT theo định hướng nghề nghiệp nhằm giúp sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động thực tiễn, giúp tăng cường và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị. Kết thúc đợt thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải nộp các sản phẩm như: Đề cương chi tiết có phê duyệt của giảng viên hướng dẫn; Bản thảo

nội dung khóa luận có bút tích sửa chữa của giảng viên hướng dẫn (được kẹp hoặc đóng lại thành 1 tập theo quy định của khoa quản lý); và 2 bản khóa luận chính thức được đóng theo quy định của khoa. Sinh viên tập hợp các sản phẩm trên vào 1 túi đựng, có ghi rõ Họ và Tên, mã sinh viên, giảng viên hướng dẫn và nộp cho bộ môn quản lý theo thời gian quy định. Khóa luận tốt nghiệp được tính là một học phần 7 tín chỉ.

3. Chương trình đào tạo Quản trị thương mại điện tử

3.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

3.1.1. Các học phần bắt buộc

[MLNP0221] Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

Mô tả tóm tắt: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

[RLCP1211] Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới. Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.

Mô tả tóm tắt: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

[HCM10111] Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ.

Mô tả tóm tắt: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

[HCM10131] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.

Mô tả tóm tắt: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

[HCM10121] Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phản biện những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.

Mô tả tóm tắt: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

[ENTH1411] Tiếng Anh 1 (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.

Mô tả tóm tắt: Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài

ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

[ENTH1511] Tiếng Anh 2 (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.

Mô tả tóm tắt: Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5,6,7,8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

[ENTH5611] Tiếng Anh 3 (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai.

Mô tả tóm tắt: Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

[TLAW0111] Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng.

Mô tả tóm tắt: Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và

tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

[AMAT1011] Toán đại cương (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, Giải tích, Xác suất và Thống kê toán. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề Kinh tế - xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vectơ, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.

[INFO0311] Tin học quản lý (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học để quản lý công việc, học tập.

Mô tả tóm tắt: Học phần Tin học quản lý là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu, ... Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS-Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

[SCRE0111] Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

8.2.1.2. Các học phần tự chọn

[TECO0111] Kinh tế thương mại đại cương (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Các kiến thức nền tảng này là cơ sở giúp người học vận dụng nghiên cứu những vấn đề kinh tế thương mại của Việt Nam và các nước.

Mô tả tóm tắt: Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

[RLCP0421] Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; một số vấn đề chuyên biệt của xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; biết cách vận dụng kiến thức xã hội học để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học.

Mô tả tóm tắt: Học phần Xã hội học đại cương được kết cấu thành 7 chương trong đó, chương 1 giới thiệu đối tượng, cơ cấu, chức năng và sơ lược lịch sử và các lý thuyết xã hội học. Chương 2 của học phần đề cập đến phương pháp nghiên cứu xã hội học. Các chương còn lại của học phần tập trung vào các chủ đề cơ bản của xã hội học theo logic từ hành động xã hội đến nhóm cơ cấu, tổ chức và thiết chế xã hội; từ văn hóa, xã hội hóa đến sai lệch và kiểm soát xã hội; từ bất bình đẳng, phân tầng, di động xã hội đến biến đổi xã hội và toàn cầu hóa.

8.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

8.2.2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Các học phần bắt buộc

[BMGM0111] Quản trị học (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp cho người học những kiến thức mang tính nguyên lý về quản trị các tổ chức, trong đó tập trung vào các tổ chức là doanh nghiệp. Rèn luyện và phát triển kỹ năng quản trị cho người học. Hình thành năng lực làm việc độc lập và tham gia làm việc nhóm đối với người học.

Mô tả tóm tắt: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

[MIEC0111] Kinh tế vi mô 1 (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về kinh tế vi mô để sinh viên hiểu được cơ sở của việc ra các quyết định kinh tế tối ưu của người tiêu dùng và hãng sản xuất - kinh doanh trong điều kiện nguồn lực có hạn.

Mô tả tóm tắt: Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học

phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

[PCOM0111] Thương mại điện tử căn bản (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần thương mại điện tử căn bản cung cấp cho sinh viên những khái niệm, những nguyên lý căn bản của thương mại điện tử, làm nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu của ngành thương mại điện tử và các ngành khác.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

[BMKT0111] Marketing căn bản (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Nắm vững lý thuyết cơ bản về nguyên lý marketing, có năng lực thực tiễn trong triển khai hoạt động marketing trong môi trường có tính hội nhập và thay đổi.

Mô tả tóm tắt: Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing–mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

[ENTH011] Tiếng Anh thương mại 1 (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Phát triển các kỹ năng tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau.

Mô tả tóm tắt: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

[ENTH012] Tiếng Anh thương mại 2 (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Phát triển các kỹ năng tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau.

Mô tả tóm tắt: Học phần Tiếng Anh thương mại 2 là sự tiếp nối học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông

qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

[CEMG3111] Khởi sự kinh doanh (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể đánh giá và lựa khởi sự kinh doanh như một định hướng nghề nghiệp; và thực hiện khởi sự hoạt động kinh doanh ở quy mô nhỏ.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

b. Các học phần tự chọn

[CEMG0111] Quản trị nhân lực căn bản (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị nhân lực trong các tổ chức/ doanh nghiệp, cũng như trau dồi khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, phản biện, tư duy, sáng tạo. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp và dễ dàng tìm kiếm việc làm phù hợp về chuyên môn.

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

[AMAT0411] Kinh tế lượng (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản để phân tích định lượng mối quan hệ giữa các biến số kinh tế - xã hội bằng cách sử dụng mô hình hồi quy. Sinh viên được cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích độ phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình nhằm đưa ra các dự báo hữu ích. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy và có thể thực hiện các kỹ thuật phân tích hồi quy cơ bản với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng. Đây là kiến thức nền tảng hoặc hỗ trợ cho các học phần khác như: Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, ...

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

[INFO0621] Cơ sở lập trình (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thuật toán và lập trình cho máy tính điện tử, làm quen với một số nguyên tắc và công cụ lập trình cơ bản. Các kiến thức này là nền

tăng cho các học phần khác liên quan như cấu trúc dữ liệu và giải thuật, lập trình hướng đối tượng, hệ thống thông tin.

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ sở về lập trình bao gồm: thuật toán, sơ đồ khối; chương trình và ngôn ngữ lập trình; các phương pháp lập trình và kỹ thuật thiết kế chương trình, các thành phần cơ sở của ngôn ngữ lập trình (tổ chức chương trình và các cấu trúc lệnh cơ bản; mảng, chuỗi, con trỏ, hàm và kiểu dữ liệu có cấu trúc; ...). Ngôn ngữ lập trình C sẽ được sử dụng làm phương tiện để trình bày. Ngôn ngữ lập trình C sẽ được sử dụng để làm phương tiện để trình bày.

[MAEC0111] Kinh tế vĩ mô 1

Mục tiêu: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.

Mô tả: Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Chuyển đổi số trong kinh doanh (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh hiện đại gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Mô tả: Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

[BMGM1221] Văn hóa kinh doanh (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm và vai trò của văn hóa kinh doanh; văn hóa doanh nhân; văn hóa doanh nghiệp; phát triển văn hóa kinh doanh. Học phần giúp sinh viên có thêm những kỹ năng vận dụng tốt kiến thức trong học tập và trong thực tiễn công việc thông qua làm việc cá nhân, làm việc nhóm. Tăng cường thái độ chuyên nghiệp trong học tập và làm việc.

Mô tả tóm tắt: Học phần bao gồm những nội dung: Tổng quan về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh. Đặc trưng văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Vai trò của văn hóa doanh nhân, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nhân như năng lực, tố chất, đạo đức, phong cách doanh nhân. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp. Phát triển văn hóa kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển văn hóa kinh doanh.

[ECIT2421] Mạng máy tính và truyền thông (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp kiến thức cơ bản về mạng máy tính: Các yếu tố cấu thành mạng; cấu trúc vật lý, logic của mạng máy tính cùng các giao thức, các nguyên tắc truyền thông trên hệ thống mạng máy tính; giao thức mạng... Thông qua mô hình chuẩn OSI và giao thức TCP/IP, sinh viên hiểu về nguyên tắc phân tầng, nguyên lý trao đổi thông tin giữa các tầng và cách thức truyền giữa các máy tính với nhau. Sinh viên có được hiểu biết về mạng nội bộ, cách thiết kế mạng nội bộ, giao thức phục vụ truyền thông và cách thức chia sẻ tài nguyên trên mạng.

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn phương án xây dựng và quản lý mạng máy tính cho doanh nghiệp của sinh viên. Học phần trước hết trình bày tổng quan về mạng máy tính: Quá trình ra đời và sự phát triển của mạng máy tính. Ứng dụng của mạng máy tính trong cuộc sống nói chung và trong hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp nói riêng. Tiếp đó, trình bày các kiến thức về mạng máy tính, mô hình OSI, giao thức TCP/IP, các kiến thức về mạng LAN, mạng Internet cũng như cách thức lựa chọn cấu hình và giao thức mạng phù hợp cho tổ chức doanh nghiệp. Cuối cùng, học phần hướng dẫn phương thức truyền thông tin an toàn khi sử dụng mạng máy tính trong tổ chức doanh nghiệp.

[PLAW3312] Pháp luật Thương mại điện tử (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để đáp ứng thực hiện các công việc liên quan đến pháp luật về thương mại điện tử.

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Quản trị thương mại điện tử tại Trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về thương mại điện tử, trong đó nghiên cứu pháp luật điều chỉnh về hợp đồng thương mại điện tử, website thương mại điện tử; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo này.

8.2.2.2. Khối kiến thức ngành, bao gồm cả chuyên ngành

a. Các học phần bắt buộc

[ECIT0731] Thiết kế và triển khai website (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách thức thiết kế các thành phần của một Website và quy trình chung để triển khai Website cho doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp các kiến thức tổng quát về cách thức thiết kế và triển khai một website cho một doanh nghiệp. Đầu tiên, học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML, ... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp một số công cụ sử dụng trong thiết kế đồ họa và giao diện cho website. Cuối cùng, học phần trình bày qui trình chung và chi tiết các bước để triển khai một website cho doanh nghiệp.

[eCOM2012] Quản trị Thương mại điện tử 1* (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Quản trị TMĐT những kiến thức và kỹ năng về cách thức tổ chức và quản lý hoạt động bán lẻ trực tuyến của các doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về bán lẻ điện tử, bao gồm: Khái niệm bán lẻ điện tử, lợi ích và những khó khăn bán lẻ điện tử, các mô hình bán lẻ điện tử, xây dựng kế hoạch marketing trong bán lẻ điện tử, quản lý và vận hành website bán lẻ điện tử, tổ chức bán qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng điện tử, xử lý các vấn đề sau bán lẻ điện tử, quản trị quan hệ khách hàng trong bán lẻ điện tử.

[eCOM2022] Quản trị Thương mại điện tử 2 (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Quản trị TMĐT những kiến thức và kỹ năng về các hoạt động tác nghiệp và cách thức quản trị các hoạt động tác nghiệp trong doanh nghiệp ứng dụng TMĐT.

Mô tả tóm tắt: Là học phần bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành quản trị TMĐT. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về TMĐT, bao gồm: khái niệm TMĐT, TMĐT B2B và chuỗi cung ứng điện tử; sàn giao dịch điện tử, đấu giá trực tuyến; các phương thức mua bán trong TMĐT B2B và các dịch vụ hỗ trợ TMĐT; thương mại cộng tác, dự báo, lập kế hoạch và quản trị nguồn lực doanh nghiệp.

[SMGM0512] Marketing Thương mại điện tử * (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên Ngành TMĐT, chuyên ngành quản trị TMĐT những kiến thức và kỹ năng hoạch định và triển khai các chương trình marketing trên Internet, sử dụng các phương tiện điện tử để thực hiện các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, các quan niệm quản trị marketing thương mại điện tử, bao gồm các vấn đề: Quan điểm tiếp cận quản trị TMĐT về marketing trên Internet; hành vi người mua hàng trực tuyến; mô hình hệ thống, phân tích cạnh tranh và định vị trên thị trường ảo của doanh nghiệp; lựa chọn chiến lược và xây dựng kế hoạch marketing TMĐT; lựa chọn, khai thác, sử dụng, phối hợp các công cụ, ứng dụng, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến trong marketing TMĐT; quản trị các nỗ lực marketing TMĐT và việc vận dụng chúng để định hướng, chỉ đạo các hoạt động marketing B2B, B2C và các dịch vụ trên Internet.

[ECOM1511] Phát triển hệ thống Thương mại điện tử (3 tín chỉ)

Mục tiêu: là học phần tham gia phát triển kỹ năng của chuyên ngành đào tạo Quản trị TMĐT, học phần cung cấp các nội dung chuyên sâu về phát triển hệ thống TMĐT, cách thức triển khai một hệ thống TMĐT.

Mô tả tóm tắt: Học phần Phát triển hệ thống TMĐT trang bị những kiến thức về mô tả, thiết kế và triển khai các hệ thống quản trị TMĐT trên các góc độ công nghệ (thiết kế định hướng đối tượng, cấu trúc đa liên kết,...) cũng như góc độ quản trị (dự toán đầu tư, mô tả, thiết kế và lập kế hoạch và quản lý) các hệ thống TMĐT. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về phát triển hệ thống TMĐT (dự toán đầu tư, mô tả, thiết kế và lập kế hoạch và quản lý); Hiểu rõ các hệ thống TMĐT cơ bản. Góp phần tăng cường các kỹ năng làm việc theo nhóm trong hệ thống TMĐT, sử dụng các website TMĐT B2B và B2C thành thạo.

[PCOM0411] Thanh toán điện tử (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Nhằm trang bị cho sinh viên Ngành TMĐT, chuyên ngành Quản trị TMĐT những kiến thức chuyên sâu và bổ trợ các Ngành đào tạo như Hệ thống thông tin Quản lý, Tài chính ngân hàng, Kế toán Kiểm toán về các phương thức thanh toán hiện đại được thực hiện trên mạng Internet trong so sánh với các hình thức của thanh toán truyền thống.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thanh toán điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành TMĐT và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho sinh viên Quản trị TMĐT về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh

toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

[PCOM0222] Thương mại di động (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành Quản trị TMĐT những kiến thức chuyên sâu về các hoạt động thương mại trên nền di động - là sự phát triển tương lai của TMĐT diễn ra trong điều kiện tích hợp nhất thể hóa một cách mạnh mẽ trong các thiết bị điện tử như : ĐTDĐ, PDA và mở rộng tất yếu của băng thông rộng hiện nay.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thương mại di động là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu cho các sinh viên chuyên ngành Quản trị TMĐT về xu hướng phát triển tất yếu của TMĐT trong tương lai gần đó là Thương mại di động. Học phần là sự xuyên suốt các kiến thức từ đơn giản tới phức tạp và có tính hệ thống, như đưa ra Tiếp cận tổng quan bao gồm: các khái niệm, đặc điểm, làm rõ sự khác biệt và chỉ ra sự ưu việt vượt trội của thương mại di động so với TMĐT trong thực thi các hoạt động thương mại, các ứng dụng phổ biến của thương mại di động; Cơ sở hạ tầng của thương mại di động bao gồm từ hạ tầng phần cứng, hạ tầng phần mềm, các chính sách triển khai thương mại di động; Bảo mật và an toàn trong thực thi thương mại di động; Thanh toán trong thương mại di động.

[eCOM1311] Chính phủ điện tử (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành quản trị TMĐT những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, một phương thức quản trị nhà nước hiện đại được quan tâm triển khai ứng dụng trên thế giới và tại Việt Nam

Mô tả tóm tắt: Học phần Chính phủ điện tử cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.

[PCOM0321] Công nghệ Blockchain và ứng dụng trong thương mại điện tử (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành Quản trị TMĐT những kiến thức và kỹ năng cơ bản về công nghệ blockchain và các ứng dụng của blockchain trong TMĐT.

Mô tả tóm tắt: Học phần Công nghệ Blockchain và ứng dụng trong TMĐT cung cấp kiến thức cơ bản về công nghệ blockchain và ứng dụng công nghệ blockchain trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và TMĐT, bao gồm: khái niệm blockchain, lịch sử hình thành và phát triển của công nghệ blockchain, nguyên lý hoạt động của mạng blockchain, hợp đồng thông minh và các ứng dụng phi tập trung, ứng dụng của blockchain, cách thức xây dựng và triển khai dự án blockchain trong kinh doanh và TMĐT.

[eCOM2111] Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần phát triển kỹ năng cho sinh viên của Ngành TMĐT, đồng thời bổ trợ kỹ năng cho sinh viên các ngành, chuyên ngành khác như Quản trị kinh doanh, Quản trị Marketing, Tài chính ngân hàng, Kinh tế thương mại trong sử dụng các công cụ tìm kiếm thông dụng và phổ biến nhất hiện nay trên thế giới để khai thác thông tin, dữ liệu theo nhu cầu trên mạng Internet.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành TMĐT. Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện

một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới : Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.

[eCOM2121] Thực hành quảng cáo điện tử (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên ngành TMDT và các chuyên ngành khác như Marketing thương mại, chuyên ngành Hệ thống thông tin thương mại những kỹ năng sử dụng các công cụ quảng cáo trực tuyến trên môi trường Internet để thực hiện các hoạt động marketing, quảng cáo, truyền thông, bán hàng của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tự kinh doanh.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thực hành quảng cáo điện tử cung cấp cho sinh viên những kỹ năng sử dụng các công cụ quảng cáo trực tuyến bao gồm: ý tưởng, công cụ, cách tối ưu hóa, thực hiện chiến dịch, thanh toán và phối hợp trong việc tận dụng các cơ hội, hoạch định và triển khai các chương trình quảng cáo trên mạng internet. Các công cụ được cung cấp trong học phần như Quảng cáo hiển thị, Quảng cáo theo ngữ cảnh, Quảng cáo mạng xã hội, Quảng cáo thư điện tử và Quảng cáo Video.

b. Các học phần tự chọn

[BMGM0911] Quản trị chất lượng (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Nhằm cung cấp cho người học có những kiến thức và kỹ năng cần thiết về quản trị chất lượng.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị chất lượng cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng. Các kỹ năng mà người học có thể rèn luyện được trong suốt quá trình nghiên cứu học phần bao gồm: Kỹ năng lập kế hoạch chất lượng; kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá hệ thống quản trị chất lượng; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật kiểm soát chất lượng; kỹ năng làm việc theo nhóm....

[CEMG2711] Quản trị dự án (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần mang lại cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng nền tảng về dự án, quản lý dự án và khả năng áp dụng những kiến thức, kỹ năng này vào thực tế.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị dự án mang lại cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng nền tảng về dự án, quản lý dự án và khả năng áp dụng những kiến thức, kỹ năng này vào thực tế. Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái luận về dự án và quản trị dự án; tổ chức dự án và nhà quản trị dự án; các hoạt động cơ bản của quản trị dự án: xác định và lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, điều phối các nguồn lực dự án, quản trị chi phí dự án, quản trị chất lượng dự án, quản trị rủi ro dự án, giám sát và kết thúc dự án.

[BRMG2011] Quản trị thương hiệu 1 (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần giúp người học có được những kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu theo tiếp cận hiện đại cả trên góc độ tư duy chiến lược và thực tiễn triển khai. Từ đó giúp người học có được những kỹ năng cần thiết trong hoạt động thiết kế, triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu, bảo vệ, truyền thông và phát triển thương hiệu.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị thương hiệu 1 giúp người học có được những kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu theo tiếp cận hiện đại cả trên góc độ tư duy chiến lược và thực tiễn

triển khai. Từ đó giúp người học có được những kỹ năng cần thiết trong hoạt động thiết kế, triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu, bảo vệ, truyền thông và phát triển thương hiệu. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

[eCIT2221] Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp những kiến thức cơ bản về phần mềm, đặc điểm phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp. Học phần phân tích chi tiết các đặc điểm, yêu cầu, vai trò của phần mềm các phần mềm tích hợp trong doanh nghiệp, phần mềm quản lý tri thức và phần mềm trí tuệ nhân tạo.

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kỹ năng chuyển giao, huấn luyện sử dụng các phần mềm thông dụng trong tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp bao gồm các đặc trưng, yêu cầu kỹ thuật, phi kỹ thuật, các lợi ích của chúng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đi sâu giới thiệu cụ thể vào 3 nhóm phần mềm ứng dụng cơ bản trong doanh nghiệp là nhóm phần mềm tích hợp, nhóm phần mềm quản lý tri thức và nhóm phần mềm trí tuệ nhân tạo.

[eCIT0921] An toàn và bảo mật thông tin (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị các kiến thức căn bản về các chính sách và giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước. Giới thiệu một số công nghệ và giải pháp cập nhật trong đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trong không gian mạng Internet.

Mô tả tóm tắt: Học phần An toàn và bảo mật thông tin cung cấp kiến thức và kỹ năng lựa chọn các chính sách và giải pháp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp. Học phần giới thiệu các khái niệm liên quan đến an toàn và bảo mật thông tin trong doanh nghiệp, đi sâu vào các hình thức tấn công, các phương pháp phòng tránh, một số cách thức phục hồi sự cố khi hệ thống thông tin của doanh nghiệp gặp rủi ro. Ngoài ra, học phần cũng đưa ra quy trình nhằm đánh giá rủi ro của hệ thống thông tin doanh nghiệp và một số ứng dụng để nâng cao độ an toàn, tính bảo mật cho các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.

[eCIT0311] Hệ thống thông tin quản lý (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về các thành phần trong hệ thống thông tin và ứng dụng các hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần Hệ thống thông tin quản lý cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý, làm cơ sở cho các học phần khác thuộc chuyên ngành. Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

[BMKT3811] Hành vi khách hàng (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về đặc điểm và hành vi của khách hàng (người tiêu dùng và các tổ chức) và vận dụng những kiến thức này trong hoạt động marketing của tổ chức. Phân tích được các kiến thức chung và nguyên lý hành vi khách hàng. Có kiến thức và kỹ năng phân tích và đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng người tiêu dùng: nhận thức, động cơ, học tập, thái độ, quan niệm về bản thân, lối sống, ảnh hưởng của văn hóa – xã hội, qui trình quyết định mua sắm; Có kiến thức và kỹ năng phân tích và đánh giá được hành vi khách hàng tổ chức: đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng, qui trình quyết định mua và cấu trúc bậc hành vi.

Mô tả: Học phần khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.

[BLOG 1721] Quản trị chuỗi cung ứng

Mục tiêu: Trang bị những kiến thức và nguyên lý cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng trong bối cảnh kinh doanh hiện tại và xu hướng phát triển trong tương lai, làm cơ sở cho việc phát hiện và tìm ra các giải pháp cho các vấn đề cụ thể trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.

Mô tả: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

8.2.3. Khối kiến thức bổ trợ

8.2.3.1. Các học phần bắt buộc

[EFIN2811] Nhập môn Tài chính - Tiền tệ (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính và sự vận hành các khâu tài chính trong hệ thống tài chính quốc gia làm tiền đề giúp cho người học có thể đi vào nghiên cứu các học phần chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, kinh tế, kế toán – kiểm toán, quản trị kinh doanh, kinh doanh thương mại,...; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính - tiền tệ; hình thành kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có thái độ nghiêm túc, làm việc tích cực, tinh thần tự học trong thực hiện các nhiệm vụ của học phần.

Mô tả tóm tắt: Học phần Nhập môn Tài chính - Tiền tệ đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường;

giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính Doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

[SMGM0111] Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về quản trị chiến lược kinh doanh hiện đại áp dụng với tất cả các loại hình doanh nghiệp, từ đó tạo lập cho người học tư duy chiến lược trong mối quan hệ tương thích với môi trường kinh doanh thường xuyên thay đổi; kỹ năng hoạch định, thực thi và đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần cũng giúp người học rèn luyện và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức tốt; thái độ làm việc tích cực, ham học hỏi, ý thức phấn đấu, hợp tác; có khả năng làm việc khoa học, độc lập, chủ động và có trách nhiệm.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

8.2.3.2. Các học phần tự chọn

[FMGM0231] Quản trị tài chính 1 (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần Quản trị tài chính 1 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp cơ bản.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị tài chính 1 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp cơ bản. Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

[QMGM0721] Quản trị công nghệ (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về công nghệ và quản trị công nghệ trong nền kinh tế thị trường, từ đó sinh viên tạo lập được cơ sở và phương pháp luận để quản lý một cách hiệu quả công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị công nghệ cung cấp những kiến thức cơ bản giúp người học nắm vững các vấn đề liên quan tới quản trị công nghệ như: vai trò của công nghệ và quản trị công nghệ, nhận dạng được các yếu tố cấu thành và các loại công nghệ; các hoạt động cơ bản của quản trị công nghệ; và kinh nghiệm chuyển giao công nghệ ở các nước đang phát triển. Từ đó, học

phần cũng giúp người học nhận thức được những thuận lợi, khó khăn và điều kiện để chuyển giao công nghệ thành công ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các hoạt động tác nghiệp của quản trị công nghệ như đánh giá năng lực công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp, đổi mới và chuyển giao công nghệ.

[TEMG2911] Quản trị dịch vụ (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên các nguyên lý về lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ. Sinh viên có khả năng lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các nguồn lực của doanh nghiệp dịch vụ, đồng thời có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất và áp dụng giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh dịch vụ, thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận và vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn, tài chính – ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

[BLOG1511] Quản trị logistics kinh doanh (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị những kiến thức lý luận và thực tiễn về hoạt động quản trị logistics tại doanh nghiệp. Giúp người học nắm rõ bản chất, vai trò và nội dung của hệ thống logistics và các quá trình quản trị logistics chức năng tại các doanh nghiệp; từ đó có khả năng vận dụng tốt các nguyên lý quản trị logistics trong thực tiễn.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị logistics kinh doanh trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cái nhìn khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

8.2.4. Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học

[REPO0111] Báo cáo thực tập tổng hợp

Mục tiêu: Nhằm tạo điều kiện cho sinh viên Ngành Thương mại điện tử, chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử củng cố và vận dụng những kiến thức, kỹ năng được học vào thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Báo cáo thực tập tổng hợp là học phần bắt buộc 3 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên sâu cuối Khóa của Ngành TMĐT và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các điều kiện, các yêu cầu để sinh viên có thể củng cố, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào hoạt động kinh doanh TMĐT của doanh nghiệp.

[ESSAY0111] Khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Mục tiêu: Tạo điều kiện và môi trường thực tế cho sinh viên củng cố, vận dụng sáng tạo những kiến thức và kỹ năng được học nhằm giải quyết một vấn đề trong thực tiễn hoạt động TMĐT của doanh nghiệp, tổ chức hoặc các cơ quan nhà nước một cách khoa học.

Mô tả tóm tắt: Khóa luận tốt nghiệp là một học phần bắt buộc 7 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên sâu cuối Khóa của Ngành TMĐT và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần là một công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên về giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tiễn hoạt động TMĐT của doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Khóa luận tốt nghiệp được thực hiện sau khi sinh viên đã đạt Báo cáo thực tập tổng hợp và điều kiện khác theo quy định của Nhà trường.

3. Chương trình đào tạo Kinh doanh số

3.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

3.1.1. Các học phần bắt buộc

[MLNP0221] Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

Mô tả tóm tắt: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

[RLCP1211] Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới. Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.

Mô tả tóm tắt: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

[HCM10111] Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ.

Mô tả tóm tắt: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

[HCM10131] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.

Mô tả tóm tắt: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

[HCM10121] Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phản biện những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.

Mô tả tóm tắt: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

[ENTH1411] Tiếng Anh 1 (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ

năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phân biện bằng tiếng Anh.

Mô tả tóm tắt: Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

[ENTH1511] Tiếng Anh 2 (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phân biện bằng tiếng Anh.

Mô tả tóm tắt: Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5,6,7,8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

[ENTH1611] Tiếng Anh 3 (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai.

Mô tả tóm tắt: Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

[TLAW0111] Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng.

Mô tả tóm tắt: Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các

văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

[AMAT1011] Toán đại cương (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, Giải tích, Xác suất và Thống kê toán. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề Kinh tế - xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vector, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.

[INFO3511] Ứng dụng CNTT căn bản (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về những ứng dụng CNTT cơ bản để quản lý công việc, học tập.

Mô tả tóm tắt: Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

[SCRE0111] Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

7.2.1.2. Các học phần tự chọn

[TECO0111] Kinh tế thương mại đại cương (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Các kiến thức nền tảng này là cơ sở giúp người học vận dụng nghiên cứu những vấn đề kinh tế thương mại của Việt Nam và các nước.

Mô tả tóm tắt: Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

[RLCP0421] Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; một số vấn đề chuyên biệt của xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; biết cách vận dụng kiến thức xã hội học để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học.

Mô tả tóm tắt: Học phần Xã hội học đại cương được kết cấu thành 7 chương trong đó, chương 1 giới thiệu đối tượng, cơ cấu, chức năng và sơ lược lịch sử và các lý thuyết xã hội học. Chương 2 của học phần đề cập đến phương pháp nghiên cứu xã hội học. Các chương còn lại của học phần tập trung vào các chủ đề cơ bản của xã hội học theo logic từ hành động xã hội đến nhóm cơ cấu, tổ chức và thiết chế xã hội; từ văn hóa, xã hội hóa đến sai lệch và kiểm soát xã hội; từ bất bình đẳng, phân tầng, di động xã hội đến biến đổi xã hội và toàn cầu hóa.

3.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

3.2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Các học phần bắt buộc

[BMGM0111] Quản trị học (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp cho người học những kiến thức mang tính nguyên lý về quản trị các tổ chức, trong đó tập trung vào các tổ chức là doanh nghiệp. Rèn luyện và phát triển kỹ năng quản trị cho người học. Hình thành năng lực làm việc độc lập và tham gia làm việc nhóm đối với người học.

Mô tả tóm tắt: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

[MIEC0111] Kinh tế vi mô 1 (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về kinh tế vi mô để sinh viên hiểu được cơ sở của việc ra các quyết định kinh tế tối ưu của người tiêu dùng và hãng sản xuất - kinh doanh trong điều kiện nguồn lực có hạn.

Mô tả tóm tắt: Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

[PCOM0111] Thương mại điện tử căn bản (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần thương mại điện tử căn bản cung cấp cho sinh viên những khái niệm, những nguyên lý căn bản của thương mại điện tử, làm nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu của ngành thương mại điện tử và các ngành khác.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

[BMKT0111] Marketing căn bản (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Nắm vững lý thuyết cơ bản về nguyên lý marketing, có năng lực thực tiễn trong triển khai hoạt động marketing trong môi trường có tính hội nhập và thay đổi.

Mô tả tóm tắt: Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing-mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

[ENTI3311] Tiếng Anh thương mại 1 (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp (intermediate) trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau.

Mô tả tóm tắt: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

[ENTI3411] Tiếng Anh thương mại 2 (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp để có thể giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh thương mại.

Mô tả tóm tắt: Học phần *Tiếng Anh thương mại 2* là sự tiếp nối học phần *Tiếng Anh thương mại 1* được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

[CEMG3111] Khởi sự kinh doanh (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể đánh giá và lựa chọn khởi sự kinh doanh như một định hướng nghề nghiệp; và thực hiện khởi sự hoạt động kinh doanh ở quy mô nhỏ.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

b. Các học phần tự chọn

[CEMG0111] Quản trị nhân lực căn bản (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị nhân lực trong các tổ chức/ doanh nghiệp, cũng như trau dồi khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, phản biện, tư duy, sáng tạo. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp và dễ dàng tìm kiếm việc làm phù hợp về chuyên môn.

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

[AMAT0411] Kinh tế lượng (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản để phân tích định lượng mối quan hệ giữa các biến số kinh tế - xã hội bằng cách sử dụng mô hình hồi quy. Sinh viên được cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích độ phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình nhằm đưa ra các dự báo hữu ích. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy và có thể thực hiện các kỹ thuật phân tích hồi quy cơ bản với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng. Đây là kiến thức nền tảng hoặc hỗ trợ cho các học phần khác như: Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, ...

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá

biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

[INFO4511] Lập trình với Python (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thuật toán và lập trình cho máy tính điện tử, làm quen với một số nguyên tắc và công cụ lập trình Python. Các kiến thức này là nền tảng cho các học phần khác liên quan như cấu trúc dữ liệu và giải thuật, lập trình hướng đối tượng, hệ thống thông tin.

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin – định hướng nghề nghiệp. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ sở về lập trình bao gồm: thuật toán, sơ đồ khối; chương trình và ngôn ngữ lập trình; các phương pháp lập trình và kỹ thuật thiết kế chương trình, các thành phần cơ sở của ngôn ngữ lập trình (tổ chức chương trình và các cấu trúc lệnh cơ bản; các kiểu dữ liệu có cấu trúc; ...). Ngôn ngữ lập trình Python sẽ được sử dụng làm phương tiện để trình bày.

[MAEC0111] Kinh tế vĩ mô 1 (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.

Mô tả: Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

[BMGM1221] Văn hóa kinh doanh (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm và vai trò của văn hóa kinh doanh; văn hóa doanh nhân; văn hóa doanh nghiệp; phát triển văn hóa kinh doanh. Học phần giúp sinh viên có thêm những kỹ năng vận dụng tốt kiến thức trong học tập và trong thực tiễn công việc thông qua làm việc cá nhân, làm việc nhóm. Tăng cường thái độ chuyên nghiệp trong học tập và làm việc.

Mô tả tóm tắt: Học phần bao gồm những nội dung: Tổng quan về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh. Đặc trưng văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Vai trò của văn hóa doanh nhân, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nhân như năng lực, tố chất, đạo đức, phong cách doanh nhân. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp. Phát triển văn hóa kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển văn hóa kinh doanh.

[ECIT2421] Mạng máy tính và truyền thông (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp kiến thức cơ bản về mạng máy tính: Các yếu tố cấu thành mạng; cấu trúc vật lý, logic của mạng máy tính cùng các giao thức, các nguyên tắc truyền thông trên hệ thống mạng máy tính; giao thức mạng... Thông qua mô hình chuẩn OSI và giao thức TCP/IP, sinh viên hiểu về nguyên tắc phân tầng, nguyên lý trao đổi thông tin giữa các tầng và cách

thức truyền giữa các máy tính với nhau. Sinh viên có được hiểu biết về mạng nội bộ, cách thiết kế mạng nội bộ, giao thức phục vụ truyền thông và cách thức chia sẻ tài nguyên trên mạng.

Mô tả tóm tắt : Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn phương án xây dựng và quản lý mạng máy tính cho doanh nghiệp của sinh viên. Học phần trước hết trình bày tổng quan về mạng máy tính: Quá trình ra đời và sự phát triển của mạng máy tính. Ứng dụng của mạng máy tính trong cuộc sống nói chung và trong hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp nói riêng. Tiếp đó, trình bày các kiến thức về mạng máy tính, mô hình OSI, giao thức TCP/IP, các kiến thức về mạng LAN, mạng Internet cũng như cách thức lựa chọn cấu hình và giao thức mạng phù hợp cho tổ chức doanh nghiệp. Cuối cùng, học phần hướng dẫn phương thức truyền thông tin an toàn khi sử dụng mạng máy tính trong tổ chức doanh nghiệp.

[PLAW3312] Pháp Luật Thương mại điện tử (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để đáp ứng thực hiện các công việc liên quan đến pháp luật về thương mại điện tử.

Mô tả tóm tắt: Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về thương mại điện tử, trong đó nghiên cứu pháp luật điều chỉnh về hợp đồng thương mại điện tử, website thương mại điện tử; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo này.

[BRMG2311] Quản trị thương hiệu điện tử

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học có được kiến thức chuyên sâu về quản trị thương hiệu số (thương hiệu điện tử) tiếp cận cả trên góc độ tư duy chiến lược và thực tiễn triển khai. Từ đó giúp người học có được những kỹ năng cần thiết trong hoạt động quản trị, thiết kế, bảo vệ, truyền thông, phát triển và khai thác thương hiệu trên môi trường số.

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần cung cấp những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về quản trị thương hiệu tương tác online (internet và mobile) theo tiếp cận tư duy chiến lược, đáp ứng xu hướng phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận hiện đại về thương hiệu điện tử, các nội dung và quy trình xây dựng thương hiệu, các biện pháp bảo vệ và xử lý khủng hoảng thương hiệu trên internet và mạng di động.

7.2.2.2. Khối kiến thức ngành, bao gồm cả chuyên ngành

a. Các học phần bắt buộc

[PCOM1111] Chuyển đổi số trong kinh doanh (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh hiện đại gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Mô tả: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

[ECIT5211] Thiết kế và triển khai ứng dụng web (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách thức thiết kế các thành phần của một Website và quy trình chung để triển khai Website cho doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp các kiến thức tổng quát về cách thức thiết kế và triển khai một website cho một doanh nghiệp. Đầu tiên, học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về

Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML, ... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp một số công cụ sử dụng trong thiết kế đồ họa và giao diện cho website. Cuối cùng, học phần trình bày qui trình chung và chi tiết các bước để triển khai một website cho doanh nghiệp.

[PCOM2311]. Bán lẻ điện tử (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên ngành TMĐT, chuyên ngành Kinh doanh số những kiến thức và kỹ năng về cách thức tổ chức và quản lý hoạt động bán lẻ trực tuyến của các doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về bán lẻ điện tử, bao gồm: Khái niệm bán lẻ điện tử, lợi ích và những khó khăn bán lẻ điện tử, các mô hình bán lẻ điện tử, xây dựng kế hoạch mặt hàng trong bán lẻ điện tử, quản lý và vận hành website bán lẻ điện tử, tổ chức bán qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng điện tử, xử lý các vấn đề sau bán lẻ điện tử, quản trị quan hệ khách hàng trong bán lẻ điện tử.

[PCOM2221] Kinh doanh số* (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Nhằm trang bị cho sinh viên Ngành Thương mại điện tử, chuyên ngành Kinh doanh số những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu và hỗ trợ các Ngành đào tạo như Hệ thống thông tin Quản lý, Quản trị kinh doanh về hoạt động tổ chức, triển khai, vận hành kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ số để phát triển và đổi mới mô hình kinh doanh, mang lại các giá trị và trải nghiệm tích cực cho khách hàng, giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh và tăng trưởng trong môi trường số.

Mô tả tóm tắt: Học phần Kinh doanh số là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT), chuyên ngành Kinh doanh số. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho sinh viên về các hoạt động kinh doanh và mô hình kinh doanh trên môi trường số, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về hoạt động Kinh doanh số; Trình bày hệ sinh thái kinh doanh số; Phân tích chi tiết các yếu tố môi trường Kinh doanh số và đi sâu chi tiết về các mô hình kinh doanh số phổ biến, cũng như phát triển năng lực đổi mới, sáng tạo kinh doanh, và thực hành đạo đức kinh doanh trong môi trường số.

[MAGM 1011] Marketing số (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp những kiến thức nguyên lý, kỹ năng marketing số, và các hoạt động của quá trình quản trị marketing số của doanh nghiệp từ hoạch định chiến lược marketing đến thực hiện và kiểm tra marketing số.

Mô tả tóm tắt: Marketing số là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Kinh doanh số. Học phần trang bị nội dung quản trị marketing số nhằm cung ứng giá trị cho các khách hàng; các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng trong marketing số, và các hoạt động của các công cụ marketing số; năng lực vận dụng các kiến thức thực hành các kỹ năng quản trị marketing số của doanh nghiệp.

[ECIT5311] An toàn thông tin trong kinh doanh số (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị các kiến thức căn bản về các chính sách và giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước. Giới thiệu một số công nghệ và giải pháp cập nhật trong đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trong không gian số.

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng lựa chọn các chính sách và giải pháp đảm bảo an toàn thông tin trong các hoạt động kinh doanh số. Học phần giới thiệu những khái niệm liên quan đến an toàn thông tin, mô hình đảm bảo an toàn thông tin, vai trò của việc đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động kinh doanh số. Học phần

phân tích các nguy cơ mất an toàn thông tin, nhận diện lỗ hổng bảo mật, tổng hợp các dạng tấn công và phần mềm độc hại trong các hoạt động kinh doanh số. Học phần cũng chỉ rõ các giải pháp an toàn thông tin, kiểm soát truy cập và quản lý người dùng, thống kê các công cụ và kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin. Ngoài ra, học phần phân tích các chính sách và pháp luật đảm bảo an toàn thông tin, các chuẩn quản lý và vấn đề đạo đức an toàn thông tin trong hoạt động kinh doanh số.

[PCOM0411] Thanh toán điện tử (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Nhằm trang bị cho sinh viên Ngành TMĐT những kiến thức chuyên sâu và hỗ trợ các Ngành đào tạo như Hệ thống thông tin Quản lý, Tài chính ngân hàng, Kế toán Kiểm toán về các phương thức thanh toán hiện đại được thực hiện trên mạng Internet trong so sánh với các hình thức của thanh toán truyền thống.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho người học về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (ví thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán điện tử.

[INFO3711] Trực quan hóa dữ liệu và phân tích kinh doanh trong môi trường số (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về trực quan hóa dữ liệu kinh doanh, cách thức sử dụng các kỹ thuật, công cụ phân tích dữ liệu phục vụ cho các hoạt động kinh doanh trong môi trường số của doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bắt buộc của sinh viên ngành TMĐT, chuyên ngành Kinh doanh số. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của trực quan hóa dữ liệu và phân tích kinh doanh trong môi trường số. Cụ thể là: Các khái niệm cơ bản về trực quan hóa dữ liệu, biểu đồ, biểu diễn dữ liệu, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu kinh doanh trong môi trường số, các công cụ sử dụng trong biểu diễn dữ liệu và ứng dụng để phân tích kinh doanh trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau trong môi trường số.

[EDAN0111] Các mô hình kinh doanh số (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các mô hình kinh doanh số trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 như các mô hình Business to consumer (B2C), Business to business (B2B) và các nghiên cứu điển hình của các mô hình này trong thực tiễn. Từ đó, học phần giúp người học nhận biết được cách thức hoạt động của các doanh nghiệp số, phục vụ cho quá trình phân tích kinh doanh trong môi trường số. Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận quy trình đổi mới, cũng như cách tiếp cận để quản lý mô hình kinh doanh số.

Mô tả tóm tắt: Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, tổng quan về các mô hình kinh doanh số; các mô hình kinh doanh số điển hình như: mô hình B2C, B2B và quá trình đổi mới các mô hình kinh doanh số. Đồng thời học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng về phân tích dữ liệu kinh doanh với phần mềm MS Excel.

[ECOM2111] Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần phát triển kỹ năng cho sinh viên của Ngành TMĐT, đồng thời bổ trợ kỹ năng cho sinh viên các ngành, chuyên ngành

khác như Quản trị kinh doanh, Quản trị Marketing, Tài chính ngân hàng, Kinh tế thương mại trong sử dụng các công cụ tìm kiếm thông dụng và phổ biến nhất hiện nay trên thế giới để khai thác thông tin, dữ liệu theo nhu cầu trên mạng Internet.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành TMĐT. Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới : Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.

b. Các học phần tự chọn

[PCOM0221] Thương mại di động (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Nhằm trang bị cho sinh viên ngành TMĐT những kiến thức chuyên sâu về các hoạt động thương mại trên nền di động - là sự phát triển tương lai của TMĐT diễn ra trong điều kiện tích hợp nhất thể hóa một cách mạnh mẽ trong các thiết bị điện tử như : ĐTDĐ, PDA và mở rộng tất yếu của băng thông rộng hiện nay.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thương mại di động là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành TMĐT. Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu cho các sinh viên ngành TMĐT về xu hướng phát triển tất yếu của TMĐT và Kinh doanh số trên các nền tảng di động. Học phần là sự xuyên suốt các kiến thức từ đơn giản tới phức tạp và có tính hệ thống, như đưa ra Tiếp cận tổng quan bao gồm: các khái niệm, đặc điểm, làm rõ sự khác biệt và chỉ ra sự ưu việt vượt trội của thương mại di động so với TMĐT trong thực thi các hoạt động thương mại, các ứng dụng phổ biến của thương mại di động; Cơ sở hạ tầng của thương mại di động bao gồm từ hạ tầng phần cứng, hạ tầng phần mềm, các chính sách triển khai thương mại di động; Bảo mật và an toàn trong thực thi thương mại di động; Thanh toán trong thương mại di động.

[ECIT0311] Hệ thống thông tin quản lý (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về các thành phần trong hệ thống thông tin và ứng dụng các hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần Hệ thống thông tin quản lý cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý, làm cơ sở cho các học phần khác thuộc chuyên ngành. Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

[INFO3611] Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo để tăng sự hiểu biết về chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn,

cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

[ECIT2811] Quản trị dự án CNTT (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về các phương pháp Quản trị dự án công nghệ thông tin. Nắm được các bước lập kế hoạch thực hiện dự án, triển khai các giai đoạn của dự án như: xác định công việc, quản lý tài nguyên, tính toán chi phí, giám sát thực hiện, đánh giá tiến độ, chất lượng và rủi ro của dự án.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp kiến thức về các phương pháp quản trị dự án công nghệ thông tin và các bước lập kế hoạch, triển khai một dự án từ khi bắt đầu đến khi kết thúc. Người học cũng được trang bị kiến thức về một số công cụ phần mềm giúp lập kế hoạch và quản trị dự án công nghệ thông tin. Để lập và quản lý dự án hiệu quả, học phần cung cấp cho người học các kiến thức quản trị dự án công nghệ thông tin gồm: quản lý phạm vi dự án; quản lý tiến độ dự án theo các giai đoạn; tính toán chi phí dự án; quản lý và điều phối các nguồn tài nguyên của dự án; quản lý chất lượng và đánh giá rủi ro dự án. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kiến thức về truyền thông trong quá trình thực hiện dự án, bao gồm việc truyền thông nội bộ giữa các thành viên trong nhóm, các nhóm trong dự án và giữa các bên (đối tác) tham gia vào dự án.

[BMKT3811] Hành vi khách hàng (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về đặc điểm và hành vi của khách hàng (người tiêu dùng và các tổ chức) và vận dụng những kiến thức này trong hoạt động marketing của tổ chức. Phân tích được các kiến thức chung và nguyên lý hành vi khách hàng. Có kiến thức và kỹ năng phân tích và đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng người tiêu dùng: nhận thức, động cơ, học tập, thái độ, quan niệm về bản thân, lối sống, ảnh hưởng của văn hóa – xã hội, qui trình quyết định mua sắm; Có kiến thức, kỹ năng phân tích và đánh giá được hành vi khách hàng tổ chức: đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng, qui trình quyết định mua và cấu trúc bậc hành vi.

Mô tả: Học phần khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.

[BLOG 1721] Quản trị chuỗi cung ứng (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị những kiến thức và nguyên lý cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng trong bối cảnh kinh doanh hiện tại và xu hướng phát triển trong tương lai, làm cơ sở cho việc phát hiện và tìm ra các giải pháp cho các vấn đề cụ thể trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.

Mô tả: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian

một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

[PCOM0321] Công nghệ Blockchain và ứng dụng trong thương mại điện tử (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên ngành TMĐT những kiến thức và kỹ năng cơ bản về công nghệ blockchain và các ứng dụng của blockchain trong TMĐT.

Mô tả tóm tắt: Học phần Công nghệ Blockchain và ứng dụng trong TMĐT cung cấp kiến thức cơ bản về công nghệ blockchain và ứng dụng công nghệ blockchain trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và TMĐT, bao gồm: khái niệm blockchain, lịch sử hình thành và phát triển của công nghệ blockchain, nguyên lý hoạt động của mạng blockchain, hợp đồng thông minh và các ứng dụng phi tập trung, ứng dụng của blockchain, cách thức xây dựng và triển khai dự án blockchain trong kinh doanh và TMĐT.

[ECOM2121] Thực hành quảng cáo điện tử (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên ngành TMĐT và các ngành khác như Marketing, Hệ thống thông tin quản lý những kỹ năng sử dụng các công cụ quảng cáo trực tuyến trên môi trường Internet để thực hiện các hoạt động marketing, quảng cáo, truyền thông, bán hàng của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tự kinh doanh.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thực hành quảng cáo điện tử cung cấp cho sinh viên những kỹ năng sử dụng các công cụ quảng cáo trực tuyến bao gồm: ý tưởng, công cụ, cách tối ưu hóa, thực hiện chiến dịch, thanh toán và phối hợp trong việc tận dụng các cơ hội, hoạch định và triển khai các chương trình quảng cáo trên mạng internet. Các công cụ được cung cấp trong học phần như Quảng cáo hiển thị, Quảng cáo theo ngữ cảnh, Quảng cáo mạng xã hội, Quảng cáo thư điện tử và Quảng cáo Video.

[eCOM1311] Chính phủ điện tử (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên ngành TMĐT những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, một phương thức quản trị nhà nước hiện đại được quan tâm triển khai ứng dụng trên thế giới và tại Việt Nam

Mô tả tóm tắt: Học phần Chính phủ điện tử cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.

[TMKT0211] Tâm lý quản trị kinh doanh (2 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học quản trị kinh doanh như tâm lý cá nhân, tâm lý tập thể lao động, tâm lý lãnh đạo và ekip lãnh đạo, tâm lý trong hoạt động kinh doanh, giao tiếp trong quản trị kinh doanh. Giúp sinh viên có thêm kỹ năng, vận dụng tốt những kiến thức cơ bản của học phần trong học tập và trong thực tiễn công việc sau khi tốt nghiệp. Tăng cường cho sinh viên về thái độ tự chủ, tích cực trong hoạt động học tập và công việc sau này.

Mô tả tóm tắt: Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về tâm lý quản trị kinh doanh, vai trò của tâm lý quản trị kinh doanh, một số lý thuyết tâm lý quản trị kinh doanh. Các đặc điểm và các quy luật tâm lý cá nhân. Đặc điểm và các quy luật tâm lý tập thể, mâu thuẫn trong tâm lý tập

thể. Tâm lý nhà lãnh đạo và êkíp lãnh đạo, những phẩm chất tâm lý của nhà lãnh đạo. Tâm lý trong hoạt động kinh doanh: đặc điểm hoạt động kinh doanh, tâm lý của người mua, tâm lý của người bán hàng. Giao tiếp trong quản trị kinh doanh: các công cụ giao tiếp, phong cách giao tiếp và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp, các loại hình giao tiếp trong quản trị kinh doanh.

7.2.3. Khối kiến thức bổ trợ

7.2.3.1. Các học phần bắt buộc

[EFIN2811] Nhập môn Tài chính - Tiền tệ (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính và sự vận hành các khâu tài chính trong hệ thống tài chính quốc gia làm tiền đề giúp cho người học có thể đi vào nghiên cứu các học phần chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, kinh tế, kế toán – kiểm toán, quản trị kinh doanh, kinh doanh thương mại,...; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính - tiền tệ; hình thành kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có thái độ nghiêm túc, làm việc tích cực, tinh thần tự học trong thực hiện các nhiệm vụ của học phần.

Mô tả tóm tắt: Học phần Nhập môn Tài chính - Tiền tệ đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính Doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

[SMGM0111] Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về quản trị chiến lược kinh doanh hiện đại áp dụng với tất cả các loại hình doanh nghiệp, từ đó tạo lập cho người học tư duy chiến lược trong mối quan hệ tương thích với môi trường kinh doanh thường xuyên thay đổi; kỹ năng hoạch định, thực thi và đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần cũng giúp người học rèn luyện và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức tốt; thái độ làm việc tích cực, ham học hỏi, ý thức phấn đấu, hợp tác; có khả năng làm việc khoa học, độc lập, chủ động và có trách nhiệm.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

7.2.3.2. Các học phần tự chọn

[FMGM0231] Quản trị tài chính 1 (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần Quản trị tài chính 1 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp cơ bản.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị tài chính 1 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp cơ bản. Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

[QMGM0721] Quản trị công nghệ (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về công nghệ và quản trị công nghệ trong nền kinh tế thị trường, từ đó sinh viên tạo lập được cơ sở và phương pháp luận để quản lý một cách hiệu quả công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị công nghệ cung cấp những kiến thức cơ bản giúp người học nắm vững các vấn đề liên quan tới quản trị công nghệ như: vai trò của công nghệ và quản trị công nghệ, nhận dạng được các yếu tố cấu thành và các loại công nghệ; các hoạt động cơ bản của quản trị công nghệ; và kinh nghiệm chuyển giao công nghệ ở các nước đang phát triển. Từ đó, học phần cũng giúp người học nhận thức được những thuận lợi, khó khăn và điều kiện để chuyển giao công nghệ thành công ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các hoạt động tác nghiệp của quản trị công nghệ như đánh giá năng lực công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp, đổi mới và chuyển giao công nghệ.

[TEMG2911] Quản trị dịch vụ (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên các nguyên lý về lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ. Sinh viên có khả năng lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các nguồn lực của doanh nghiệp dịch vụ, đồng thời có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất và áp dụng giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh dịch vụ, thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận và vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn, tài chính – ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

[BLOG1511] Quản trị logistics kinh doanh (3 tín chỉ)

Mục tiêu: Trang bị những kiến thức lý luận và thực tiễn về hoạt động quản trị logistics tại doanh nghiệp. Giúp người học nắm rõ bản chất, vai trò và nội dung của hệ thống logistics và các quá trình quản trị logistics chức năng tại các doanh nghiệp; từ đó có khả năng vận dụng tốt các nguyên lý quản trị logistics trong thực tiễn.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị logistics kinh doanh trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cái nhìn khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

7.2.4. Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học

[REPI1911] Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp

Mục tiêu: Nhằm tạo điều kiện cho sinh viên Ngành Thương mại điện tử, chuyên ngành Kinh doanh số củng cố và vận dụng những kiến thức, kỹ năng được học vào thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Báo cáo thực tập tổng hợp là học phần bắt buộc 3 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên sâu cuối Khóa của Ngành TMĐT và chuyên ngành Kinh doanh số. Học phần cung cấp các điều kiện, các yêu cầu để sinh viên có thể củng cố, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào hoạt động kinh doanh số của doanh nghiệp.

[LVVI2011] Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Mục tiêu: Tạo điều kiện và môi trường thực tế cho sinh viên củng cố, vận dụng sáng tạo những kiến thức và kỹ năng được học nhằm giải quyết một vấn đề trong thực tiễn hoạt động kinh doanh, chuyển đổi số của doanh nghiệp, tổ chức hoặc các cơ quan nhà nước một cách khoa học.

Mô tả tóm tắt: Khóa luận tốt nghiệp là một học phần bắt buộc 7 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên sâu cuối Khóa của Ngành TMĐT, chuyên ngành Kinh doanh số. Học phần là một công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên về giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tiễn hoạt động TMĐT, Kinh doanh số, chuyển đổi số của doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Khóa luận tốt nghiệp được thực hiện sau khi sinh viên đã đạt Báo cáo thực tập tổng hợp và điều kiện khác theo quy định của Nhà trường.

IX. QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

1. Chương trình đào tạo Quản trị nhân lực

1. Kiến thức giáo dục đại cương (40TC)

1.1. Giáo dục đại cương (29TC)

1.1.1. Các học phần bắt buộc (27 TC)

**Triết học Mác – Lê nin (3 TC)*

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

**Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 TC)*

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

** Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)*

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

** Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 TC)*

Học phần nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

** Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 TC)*

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

** Pháp luật đại cương (2 TC)*

Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế

định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

**Tiếng Anh 1 (2 TC)*

Học phần gồm 6 bài đầu của giáo trình “Market Leader -Elementary” của David Cotton, David Falvey và Simon Kent (2007) giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về công việc và sở thích, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại, cách thức đặt phòng trong khách sạn và kiểm tra việc đặt trước, cách thức gọi món ăn trong nhà hàng, thực hiện một bài nói giới thiệu sản phẩm, cách thức giải quyết những vấn đề cơ bản, cách thức tham gia thảo luận, v.v. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu và giúp sinh viên thực hành một số hiện tượng ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.

**Tiếng Anh 2 (2 TC)*

Học phần giúp sinh viên tiếp tục làm quen với ngôn ngữ Anh trong môi trường thương mại qua giáo trình “Market Leader – Elementary” (bài 7, 8, 9, 10, 11, 12) của David Cotton, David Falvey và Simon Kent (2007). Học phần giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như giao tiếp với đồng nghiệp, lãnh đạo, thực hiện một bài thuyết trình về công ty hoặc về một sản phẩm, bày tỏ ý kiến của bản thân về một vấn đề, v.v. giúp sinh viên có thể thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu một số yếu tố khác như từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

**Tiếng Anh 3 (2 TC)*

Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Market Leader” - trình độ PreIntermediate. Học phần gồm 6 chương cung cấp nội dung kiến thức trong lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại gồm: Sự nghiệp, Mua hàng trên mạng, Công ty, Sáng kiến, Sự căng thẳng, Hoạt động giải trí của doanh nghiệp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: động từ khuyết thiếu chỉ khả năng, yêu cầu và đề nghị; động từ khuyết thiếu must, need to, have to, should; thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành và động từ kép. Hoàn thành 6 chương, sinh viên có thể thực hiện các cuộc gọi trên điện thoại, đàm phán, thuyết trình về một công ty, tham gia một cuộc họp, thảo luận về những nghề gây căng thẳng, stress nhất và có thể chào hỏi và nói chuyện phiếm bằng tiếng Anh.

**Toán đại cương (3 TC)*

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: Ma trận, hệ phương trình, vector, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến và hàm biến. Bên cạnh đó, học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê: Khái niệm cơ bản về xác suất, các phân phối xác suất thường gặp, lý thuyết về mẫu, bài toán ước lượng tham số và bài toán kiểm định tham số.

**Tin học quản lý (3 TC)*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,...Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS-Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

**Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 TC)*

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

1.1.2. Các học phần tự chọn (2 TC) lựa chọn trong các học phần sau:

**Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chuyên ngành quản trị nhân lực. Nội dung học phần bao gồm: khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; văn hóa các vùng Tây Bắc, Việt Bắc, Châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

**Xã hội học đại cương (2 TC)*

Học phần Xã hội học đại cương được kết cấu thành 7 chương trong đó, chương 1 giới thiệu đối tượng, cơ cấu, chức năng và sơ lược lịch sử và các lý thuyết xã hội học. Chương 2 của học phần đề cập đến phương pháp nghiên cứu xã hội học. Các chương còn lại của học phần tập trung vào các chủ đề cơ bản của xã hội học theo logic từ hành động xã hội đến nhóm cơ cấu, tổ chức và thiết chế xã hội; từ văn hóa, xã hội hóa đến sai lệch và kiểm soát xã hội; từ bất bình đẳng, phân tầng, di động xã hội đến biến đổi xã hội và toàn cầu hóa.

**Kinh tế môi trường (2 TC)*

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (91 TC)

2.1. Kiến thức cơ sở ngành (29 TC)

2.1.1. Các học phần bắt buộc (18 TC)

**Kinh tế vi mô 1 (3 TC)*

Kinh tế vi mô 1 là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

**Quản trị học (3 TC)*

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản

trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

**Kinh tế nguồn nhân lực căn bản (2 TC)*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế nguồn nhân lực căn bản. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về kinh tế nguồn nhân lực; Cung lao động; Cầu lao động; Cân bằng thị trường lao động; Năng suất lao động và nguồn tiềm năng nâng cao năng suất lao động, đầu tư cho vốn nhân lực và tiền lương, thu nhập, mức sống đối với người lao động. Học phần có mối quan hệ với các học phần hoạch định nguồn nhân lực, quản trị nhân lực căn bản và trả công lao động... Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

**Quản trị nhân lực căn bản (3 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

**Tâm lý học lao động (2 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nội dung bao gồm: tổng quan về tâm lý học lao động; cơ sở tâm lý của tổ chức quá trình lao động và quản trị nhóm; tâm lý học an toàn lao động; giao tiếp và nghệ thuật đàm phán nhân sự; đặc điểm tâm lý của lao động quản lý và các kích thích tâm lý người lao động. Học phần có mối quan hệ với các học phần trả công lao động, quản trị nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

**Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 TC)*

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

**Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 TC)*

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 là sự tiếp nối học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe - nói - đọc - viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

2.1.2. Các học phần tự chọn (11 TC) lựa chọn trong các học phần sau:

**Kinh tế vĩ mô 1 (3 TC)*

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

**Hành vi tổ chức (3 TC)*

Học phần hành vi tổ chức nghiên cứu hành vi của con người nói chung và hành vi người lao động của tổ chức nói riêng. Học phần tập trung giới thiệu ba khối kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức. Một là, hiểu biết hành vi tổ chức ở góc độ hành vi cá nhân như tự quan niệm bản thân, học tập, giá trị, động viên, thái độ. Hai là hành vi tổ chức ở góc độ nhóm và quá trình xã hội hóa của người lao động. Ba là nghiên cứu hành vi ở cấp độ doanh nghiệp bao gồm thông tin trong DN, vai trò của lãnh đạo và văn hóa trong tổ chức và sự thay đổi cũng như quản trị sự thay đổi trong tổ chức.

**Marketing căn bản (3 TC)*

Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị nhân lực. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

**Thương mại điện tử căn bản (3 TC)*

Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

**Quản trị dự án (3TC)*

Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái luận về dự án và quản trị dự án; tổ chức dự án và nhà quản trị dự án; các hoạt động cơ bản của quản trị dự án: xác định và lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, điều phối các nguồn lực dự án, quản trị chi phí dự án, quản trị chất lượng dự án, quản trị rủi ro dự án, giám sát và kết thúc dự án.

**Kinh tế khu vực và ASEAN (3 TC)*

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về liên kết kinh tế khu vực; sự hình thành và phát triển của Cộng đồng kinh tế ASEAN; các nền kinh tế của các nước ASEAN 6 và các nước CLMV cũng như cơ hội hợp tác của Việt Nam trong AEC.

** Khởi nghiệp và tư duy nghiệp chủ (3 TC)*

“Khởi nghiệp và tư duy nghiệp chủ” là một học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về khởi nghiệp, các giá trị cốt lõi và các đặc điểm của một nghiệp chủ thành công, các nhóm nghiệp chủ khác nhau và các đặc điểm của họ, giới thiệu sơ bộ quy trình khởi nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả khởi nghiệp.

** Xây dựng ý tưởng kinh doanh sáng tạo và mô hình kinh doanh (3 TC)*

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về khởi tạo ý tưởng kinh doanh sáng tạo và xây dựng mô hình kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về ý tưởng kinh doanh; xây dựng ý tưởng kinh doanh sáng tạo; tổng quan về mô hình kinh doanh; xây dựng lược đồ kinh doanh Canvas; đánh giá và thuyết trình về mô hình khởi sự kinh doanh.

** Kinh tế học quản lý (3 TC)*

Kinh tế học quản lý là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức ngành kinh tế, là khoa học kinh tế vi mô ứng dụng. Học phần sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng để ước lượng và dự báo cung - cầu, sản xuất, chi phí sản xuất; phân tích và nghiên cứu sâu về hành vi lựa chọn của người tiêu dùng và của doanh nghiệp trong các trường hợp chắc chắn, rủi ro và bất định. Thêm vào đó, học phần nghiên cứu việc ra quyết định của các nhà quản lý trong các cấu trúc thị trường khác nhau dựa vào các kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất - kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác, giúp người học tiếp cận những học phần chuyên ngành chuyên sâu thuộc các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

** Lao động và việc làm (2 TC)*

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản cho người học về lao động, việc làm, chiến lược quốc gia về lao động và việc làm, chính sách lao động và việc làm, nhằm giúp sinh viên có thông tin cơ bản đi sâu nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm và một số chính sách đối với người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập. Học phần có mối quan hệ với các học phần kinh tế nguồn nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan.

** Khởi sự kinh doanh (2 TC)*

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

** Chuyển đổi số trong kinh doanh (2 TC)*

Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành (41 TC)

2.2.1. Các học phần bắt buộc (30 TC)

** Luật lao động (2 TC)*

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về lĩnh vực lao động. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu về khái niệm luật lao động, quan hệ lao động, các nguyên tắc cơ bản của luật lao động, quản lý nhà nước về lao động; hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể; các chế độ đối với người lao động; kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất; giải quyết tranh chấp và giải quyết đình công.

**Quản lý nguồn nhân lực xã hội (2 TC)*

Học phần trang bị các kiến thức cơ bản, cốt yếu về quản lý nguồn nhân lực xã hội. Học phần tập trung vào nội dung và công cụ quản lý nhà nước đối với nguồn nhân lực xã hội, cụ thể: tổng quan về quản lý nguồn nhân lực xã hội, chiến lược phát triển nguồn nhân lực xã hội, kế hoạch và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực xã hội, chính sách phát triển nguồn nhân lực xã hội, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực xã hội. Học phần có mối quan hệ với các học phần kinh tế nguồn nhân lực căn bản và quản trị nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

**Quan hệ lao động BCTT (3 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần hàm chứa các nội dung: Những nguyên lý cơ bản về quan hệ lao động; Môi trường quan hệ lao động; Các chủ thể của quan hệ lao động; Cơ chế tương tác trong quan hệ lao động; Báo cáo thực tế về thực trạng quan hệ lao động ở Việt Nam; Các hình thức tương tác trong quan hệ lao động (trao đổi thông tin, tư vấn tham khảo, thương lượng).

**Hoạch định nguồn nhân lực (3 TC)*

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạch định nguồn nhân lực, bao gồm: Khái niệm, vai trò, nguyên tắc, yêu cầu nội dung hoạch định nguồn nhân lực của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin nguồn nhân lực và kỹ thuật hoạch định nguồn nhân lực; Phân tích môi trường quản trị nguồn nhân lực; Dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nguồn nhân lực; Thiết lập chiến lược nguồn nhân lực; Xây dựng chính sách và kế hoạch nguồn nhân lực của tổ chức, doanh nghiệp.

**An toàn và vệ sinh lao động (2 TC)*

Học phần bao gồm các nội dung chính như: An toàn lao động, các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, an toàn lao động đối với một số lĩnh vực có nguy cơ cao; vệ sinh lao động, nguyên nhân phát sinh và các biện pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp; quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động, hệ thống pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức bộ máy quản lý công tác vệ sinh an toàn lao động trong các doanh nghiệp, tổ chức thực hiện, điều hành công tác an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp. Học phần có mối quan hệ với các học phần quản trị nhân lực căn bản, tổ chức và định mức lao động và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

**Tuyển dụng nhân lực (2 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: Khái niệm và vai trò của tuyển dụng nhân lực; nội dung của tuyển dụng nhân lực; xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; tuyển mộ nhân lực; tuyển chọn nhân lực; quyết định tuyển dụng và hội nhập nhân viên mới; đánh giá tuyển dụng nhân lực.

**Đào tạo và phát triển nhân lực (2 TC)*

Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, triển khai đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá kết quả đào tạo và phát triển nhân lực.

**Tổ chức và định mức lao động trong doanh nghiệp (3 TC)*

Học phần bao gồm các nội dung chính như: Tổng quan về tổ chức và định mức lao động; Tổ chức lao động trong doanh nghiệp; Định mức lao động trong doanh nghiệp; Tổ chức và định

mức đối với lao động quản lý; Tổ chức và định mức lao động sản xuất; Tổ chức và định mức lao động thương mại. Học phần có mối quan hệ với các học phần hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc và trả công lao động... Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

**Đánh giá thực hiện công việc (2 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: khái niệm, vai trò, vị trí của đánh giá thực hiện công việc; nội dung của đánh giá thực hiện công việc; thiết kế đánh giá thực hiện công việc; triển khai đánh giá thực hiện công việc và sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc.

**Trả công lao động trong doanh nghiệp BCTT (3 TC)*

Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành cơ bản về trả công lao động trong doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, vai trò của trả công lao động, cơ cấu và các nguyên tắc trả công lao động; trả lương, phụ cấp lương và quản lý trả lương; trả thưởng; trả phúc lợi; Báo cáo thực tế về trả công lao động trong doanh nghiệp và các chính sách, chế độ tiền lương của Việt Nam. Học phần có mối quan hệ với các học phần quản trị nhân lực căn bản, tổ chức và định mức lao động trong DN và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

**Quản trị nhân lực quốc tế (2 TC)*

Học phần bao gồm các nội dung chính như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của nhân lực quốc tế và quản trị nhân lực quốc tế; tuyển dụng và đào tạo nhân lực quốc tế, thù lao và phúc lợi cho nhân lực trong các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế; chuyển giao chính sách và quy trình quản trị nhân lực quốc tế.

**Quản trị nhân lực công (2 TC)*

Học phần bao gồm các nội dung chính như: Khái niệm, đặc điểm của quản trị nhân lực trong tổ chức công; Xác định vị trí việc làm và quy hoạch nhân lực trong tổ chức công; Thu hút và tuyển dụng nhân lực trong các tổ chức công; Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực trong các tổ chức công; Đánh giá và thù lao nhân lực trong các tổ chức công. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

**Quản trị thời gian (2 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Lập kế hoạch thời gian; Đánh giá cách thức sử dụng thời gian; Phát hiện và khắc phục lãng phí thời gian; Ủy nhiệm ủy quyền; Cân bằng công việc và cuộc sống cá nhân.

2.2.2. Các học phần tự chọn (11 TC) lựa chọn trong các học phần sau:

**Phân tích nhân lực (3 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực. Các nội dung cơ bản của phân tích nhân lực bao gồm: Hệ thống phân tích nhân lực bao gồm dữ liệu phân tích nhân lực; Các nguồn lực để phân tích nhân lực; Báo cáo phân tích nhân lực.... Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

**Quản trị nhân lực số (3 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực số, Môi trường quản trị nhân lực số; Các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực số (Tổ chức làm việc trong

môi trường số; Tuyển dụng và đào tạo nhân lực số; Đánh giá và đãi ngộ nhân lực số; Gắn kết nhân lực số).

**Quản trị tri thức (3 TC)*

Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ, đi sâu vào một trong những khía cạnh quản lý mới của ngành quản trị nhân lực, đó là vấn đề tri thức và quản trị tri thức trong tổ chức. Học phần quản trị tri thức sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản và những quan điểm tiếp cận hiện đại về tri thức và quản trị tri thức, khái quát các hoạt động tác nghiệp cơ bản của quản trị tri thức trong tổ chức; Thông qua việc giới thiệu về tình hình và thực trạng quản trị tri thức ở Việt Nam hiện nay, học phần giúp người học nhận thức được giá trị của tài sản tri thức và vai trò của hoạt động quản trị tri thức trong tổ chức. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết như: kỹ năng thực hành quản trị tri thức trong tổ chức; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật quản trị tri thức nhằm quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan tới quản trị tri thức trong tổ chức trong môi trường kinh tế tri thức.

**Quản trị dịch vụ (3 TC)*

Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận, vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn, tài chính – ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

**Hệ thống thông tin quản lý (3 TC)*

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý, làm cơ sở cho các học phần khác thuộc chuyên ngành. Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp; Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

**Quản trị đa văn hóa (3 TC)*

Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

** Quản trị sản xuất (3 TC)*

Quản trị sản xuất là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: Bản chất của sản xuất và quản trị sản xuất; Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất ; Dự báo nhu cầu sản phẩm và các phương pháp dự báo ; Thiết kế sản phẩm; Lựa chọn quá trình sản xuất; Hoạch định công suất; Xác định địa điểm sản xuất của doanh nghiệp; Bố trí mặt bằng sản xuất; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; Tổ chức mua nguyên vật liệu; Lập lịch trình sản xuất; Quản trị dự trữ và Quản lý chất lượng trong sản xuất.

**Quản trị thương hiệu 1 (3 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

** Quản trị chuỗi cung ứng (3 TC)*

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

**Quản trị hành chính văn phòng (2 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung chính như: Giới thiệu về quản trị hành chính văn phòng; Tổ chức cuộc họp, hội nghị, hội thảo; Tổ chức tiếp khách; Tổ chức chuyển đi công tác; Tổ chức quản lý, giải quyết văn bản và tổ chức lưu trữ tài liệu.

**Khai phá dữ liệu trong kinh doanh (2 TC)*

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của quá trình khai phá dữ liệu với các công cụ của Business Intelligence.

**Kinh tế doanh nghiệp (2 TC)*

Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản trị nhân lực. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiêu thụ, cung ứng, hoạt động sản xuất và hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ của doanh nghiệp. Đồng thời học phần trang bị kỹ năng ra quyết định kinh tế trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; Đảm bảo các nguồn lực và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để triển khai các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ của doanh nghiệp; Các nguồn lực chủ yếu và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành kinh tế và quản trị trong chương trình đào tạo ngành kinh tế và một số chương trình đào tạo có liên quan trong Trường.

2.3. Kiến thức bổ trợ (12 TC)

2.3.1. Các học phần bắt buộc (6 TC)

***An sinh xã hội (3 TC)**

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần cung cấp những kiến thức bổ trợ chuyên ngành gồm các nội dung chính như: Các khái niệm, nguyên tắc, các hợp phần cơ bản về an sinh xã hội; Lịch sử hình thành an sinh xã hội; Lý thuyết và mô hình an sinh xã hội; Các tiêu chuẩn quốc tế về an sinh xã hội; Hệ thống an sinh xã hội (Bảo hiểm xã hội; Cứu trợ xã hội; Ưu đãi xã hội; Xóa đói giảm nghèo; Quỹ dự phòng; Dịch vụ an sinh xã hội); Quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

***Quản trị chiến lược (3 TC)**

Với mục đích cung cấp một hệ thống kiến thức tổng quan và hàn lâm về quản trị chiến lược của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh doanh hiện đại, học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

2.3.2. Các học phần tự chọn (6TC) lựa chọn trong các học phần sau:

***Đầu tư quốc tế (3 TC)**

Học phần nghiên cứu những hình thức cơ bản về Đầu tư quốc tế. Nghiên cứu cụ thể sự hình thành và phát triển của hoạt động Đầu tư quốc tế, tại sao các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động đầu tư quốc tế, bản chất, đặc điểm và các hình thức của ĐTQT, vai trò của từng loại hình đầu tư quốc tế với nước nhận đầu tư, nước đầu tư và nhà đầu tư; bên cạnh đó cũng xem xét đến các vấn đề còn nhiều tranh luận liên quan đến đầu tư quốc tế; học phần đồng thời nghiên cứu hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài với hình thức và nội dung cơ bản có liên quan.

***Nguyên lý quản lý kinh tế (3 TC)**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

***Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp (3 TC)**

Học phần nhằm cung cấp kỹ năng chuyển giao, huấn luyện sử dụng các phần mềm thông dụng trong tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp bao gồm các đặc trưng, yêu cầu kỹ thuật, phi kỹ thuật, các lợi ích của chúng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đi sâu giới thiệu cụ thể vào 3 nhóm phần mềm ứng dụng cơ bản trong doanh nghiệp là nhóm phần mềm tích hợp, nhóm phần mềm quản lý tri thức và nhóm phần mềm trí tuệ nhân tạo.

**Quản trị tài chính 1 (3 TC)*

Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị tài chính. Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

** Quản lý tài sản trí tuệ (3 TC)*

Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức căn bản về quản lý các tài sản trí tuệ trên cả 2 phạm trù là quản lý nhà nước và quản trị trong các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học như các trường đại học, các viện nghiên cứu... Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát chung về tài sản trí tuệ và các quyền đối với tài sản trí tuệ; Nhận diện và phân định các loại tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, tổ chức; Các quy định pháp lý về các đối tượng sở hữu trí tuệ và những vấn đề cơ bản Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nguồn vốn trí tuệ và quản lý quá trình hình thành các tài sản trí tuệ; Quản lý và xác lập các quyền đối với các tài sản trí tuệ (như quyền tài sản, quyền nhân thân, quyền sử dụng và quyền quản lý); Quản lý quá trình sử dụng, khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, tổ chức; Định giá và chuyển giao các tài sản trí tuệ của tổ chức doanh nghiệp.

** Quản trị PR (3 TC)*

Quản trị quan hệ công chúng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng các giai đoạn của quá trình quản trị PR; đồng thời cung cấp cho người học có được kiến thức tổng quát và hữu dụng về các công cụ và các công chúng trong hoạt động PR làm cơ sở tạo lập một giải pháp sáng tạo và phù hợp nhất cho những vấn đề gặp phải sau này.

2.4. Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khoá học (10 TC)

** Báo cáo thực tập tổng hợp (3 TC)*

Trên cơ sở thực tập tại đơn vị thực tế, Báo cáo thực tập tổng hợp (BCTTTH) bao gồm các nội dung chính: Giới thiệu chung về tổ chức/doanh nghiệp; Khái quát tình hình hoạt động quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp; Một số vấn đề cấp thiết cần giải quyết của tổ chức/doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân lực và định hướng đề tài khóa luận tốt nghiệp.

** Khóa luận tốt nghiệp (7 TC)*

Khóa luận tốt nghiệp là một sản phẩm nghiên cứu chuyên ngành nhằm giải quyết một vấn đề thực tiễn quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp đặt ra trên cơ sở vận dụng những lý thuyết đã được học bằng phương pháp nghiên cứu khoa học, công cụ công nghệ thông tin phù hợp.

2. Chương trình đào tạo Quản trị nhân lực doanh nghiệp (chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế)

1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (48 TC)

1.1. Giáo dục đại cương (37 TC)

1.1.1. Các học phần bắt buộc (34 TC)

Triết học Mác – Lê nin (3 TC)

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 TC)

Học phần nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 TC)

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 TC)

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương (2 TC)

Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một

số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh tăng cường 1.1 (4 TC)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản giúp người học đạt được trình độ năng lực ngôn ngữ trung cấp (IELTS OVERALL BAND SCORE 4.5). Cụ thể, học phần giúp phát triển các kỹ năng ngôn ngữ mang tính học thuật gồm nghe, nói, đọc viết nhằm chuẩn bị cho các thí sinh tham dự kỳ thi IELTS, đồng thời nâng cao vốn từ vựng của người học, cung cấp các chiến lược và phương pháp làm bài phù hợp với định hướng IELTS.

Tiếng Anh tăng cường 1.2 (4 TC)

Học phần *Tiếng Anh tăng cường 1.2* được thiết kế nhằm giúp người học đạt được trình độ năng lực ngôn ngữ trung cấp (IELTS OVERALL BAND SCORE 5). Cụ thể, học phần giúp phát triển các kỹ năng ngôn ngữ mang tính học thuật gồm nghe, nói, đọc viết đặc biệt là kỹ năng nói và viết nhằm chuẩn bị cho các thí sinh tham dự kỳ thi IELTS, đồng thời nâng cao vốn từ vựng của người học, cung cấp các chiến lược và phương pháp làm bài phù hợp với định hướng IELTS.

Tiếng Anh nâng cao 1.1 (5 TC)

Học phần *Tiếng Anh nâng cao 1.1* dành cho các sinh viên đã đạt được IELTS band 5.0 hoặc hoàn thành bậc 3 khung tham chiếu châu Âu (B1). Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp theo định hướng IELTS. Nội dung học phần xoay quanh 3 cụm chủ đề phổ biến trong IELTS gồm culture (văn hóa), food (ẩm thực) và communication (giao tiếp).

Tiếng Anh nâng cao 1.2 (5 TC)

Học phần *Tiếng Anh nâng cao 1.2* tiếp nối *Tiếng Anh nâng cao 1.1*, dành cho các sinh viên đã đạt được IELTS band 5.0 hoặc hoàn thành bậc 3 khung tham chiếu châu Âu (B1). Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, mở rộng vốn từ vựng, phát triển nền tảng ngữ pháp theo định hướng IELTS. Nội dung học phần xoay quanh 3 cụm chủ đề phổ biến trong IELTS gồm media (truyền thông), environment (môi trường), money (chi tiêu).

Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản (3 TC)

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

1.1.2. Các học phần tự chọn (3 TC)

Kinh tế lượng (3 TC)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật

của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Giao tiếp trong kinh doanh (3 TC)

Người học sẽ được trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh. Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.

2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (83 TC)

2.1. Kiến thức liên ngành (43 TC)

2.1.1. Các học phần bắt buộc (28 TC)

Economics (3TC)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế học để giúp sinh viên hiểu được các nguyên lý cơ bản khi đưa ra các quyết định kinh tế tối ưu trong điều kiện khan hiếm nguồn lực, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức vào thực tiễn để phân tích, dự báo hành vi của hộ gia đình, doanh nghiệp và những can thiệp của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.

Chuyển đổi số trong kinh doanh (2TC)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

Thực tập nghề nghiệp (2 TC)

SV thực tập tại doanh nghiệp, tìm hiểu thực tế về nghề nhân sự, các vị trí công việc trong hoạt động quản trị nhân lực và các kiến thức và kỹ năng cần có của mỗi chức danh nhân sự tại đơn vị thực tập. Thông qua trải nghiệm thực tế tại đơn vị thực tập, sinh viên hiểu rõ về nghề nghiệp, nắm được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và các phẩm chất cần thiết phải tích lũy để đáp ứng yêu cầu công việc tại doanh nghiệp.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (3 TC)

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Fundamentals of Management (3TC)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức

chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Principles of Marketing (3 TC)

Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức liên ngành. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Principles of Human Resource Management (3TC)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị nhân lực. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu về khái niệm, vai trò, xu hướng phát triển của quản trị nhân lực; Các nội dung chính của quản trị nhân lực như tuyển dụng nhân lực, đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đãi ngộ nhân lực.

Principles of Accounting (3 TC)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán bao gồm: định nghĩa kế toán và các loại kế toán, các giả định và nguyên lý kế toán, đặc tính định tính của thông tin tài chính, phương trình kế toán, chứng từ và tài khoản, sổ cái danh nghĩa, giới thiệu phần mềm kế toán. và kế toán đám mây; sổ dư dùng thử và báo cáo tài chính.

Money, Banking and Financial Market

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống tài chính tiền tệ, bao gồm cả hoạt động trong nước và hoạt động toàn cầu. Các khái niệm về tiền tệ, lạm phát và thị trường tài chính được thảo luận nhằm nâng cao nhận thức của người học về vấn đề tài chính cơ bản. Sau đó, chính sách tiền tệ và hoạt động của nó ở Việt Nam được giới thiệu và phân tích. Phần còn lại của khóa học là những kiến thức cơ bản về hệ thống ngân hàng.

Khởi sự kinh doanh (3 TC)

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới. Ngoài ra học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về khởi sự kinh doanh sáng tạo và khởi sự kinh doanh xã hội.

2.1.2. Các học phần tự chọn (15 TC)

Phương pháp nghiên cứu khoa học (3 TC)

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

Quản trị dịch vụ (3TC)

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức liên ngành. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở

vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Luật kinh tế

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

Kinh doanh quốc tế (3TC)

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

Lý thuyết kinh tế số

Học phần có các nội dung về kinh tế số; số hóa nền kinh tế; sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; hệ sinh thái nền kinh tế số; một số nguyên tắc cơ bản của kinh tế số như hàng hóa và dịch vụ số, các mô hình giá trị; một số vấn đề chiến lược của kinh tế số; các đặc điểm chính của thị trường số; kinh tế số nâng cao.

An sinh xã hội (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như sau: Các khái niệm, nguyên tắc, các học phần cơ bản về an sinh xã hội; Lịch sử hình thành an sinh xã hội; Lý thuyết và mô hình an sinh xã hội; Các tiêu chuẩn quốc tế về an sinh xã hội; Hệ thống an sinh xã hội (Bảo hiểm xã hội; Cứu trợ xã hội; Ưu đãi xã hội; Xóa đói giảm nghèo; Quỹ dự phòng; Dịch vụ an sinh xã hội); Quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng để đánh giá được môi trường việc làm, đánh giá năng lực bản thân, xác định được mục tiêu nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân để có hướng phát triển tốt trong tương lai.

Quản trị thời gian (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Lập kế hoạch thời gian; Đánh giá cách thức sử dụng thời gian; Phát hiện và khắc phục lãng phí thời gian; Ủy nhiệm ủy quyền; Cân bằng công việc và cuộc sống cá nhân.

Tâm lý học lao động (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về tâm lý học lao động; cơ sở tâm lý của tổ chức quá trình lao động và quản trị nhóm; tâm lý học an toàn lao động; giao tiếp và nghệ thuật đàm phán nhân sự; đặc điểm tâm lý của lao động quản lý và các kích thích tâm lý người lao động. Học phần có mối quan hệ với các học phần trả công lao động, quản trị nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

Quản trị hành chính văn phòng (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chính như: Giới thiệu về quản trị hành chính văn phòng; Tổ chức cuộc họp, hội nghị, hội thảo; Tổ chức tiếp khách; Tổ chức chuyển đi công tác; Tổ chức quản lý, giải quyết văn bản và tổ chức lưu trữ tài liệu.

2.2. Kiến thức ngành (15 TC)

2.2.1. Các học phần bắt buộc (9 TC)

Luật lao động (3 TC)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về lĩnh vực lao động. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu về khái niệm luật lao động, quan hệ lao động, các nguyên tắc cơ bản của luật lao động, quản lý nhà nước về lao động; hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể thỏa ước lao động tập thể; tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bảo hộ lao động; kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất; tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; đình công và giải quyết đình công. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế và là học phần có tính hỗ trợ nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về quản trị nguồn nhân lực.

Quan hệ lao động (3 TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nguồn nhân lực định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế. Học phần hàm chứa các nội dung: Những nguyên lý cơ bản về quan hệ lao động; Môi trường quan hệ lao động; Các chủ thể của quan hệ lao động; Cơ chế tương tác trong quan hệ lao động; Báo cáo thực tế về thực trạng quan hệ lao động ở Việt Nam; Các hình thức tương tác trong quan hệ lao động (trao đổi thông tin, tư vấn tham khảo, thương lượng).

Human resource economics (3TC)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế nguồn nhân lực. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề về kinh tế nguồn nhân lực; Cung lao động; Cầu lao động; Cân bằng thị trường lao động; Năng suất lao động và nguồn tiềm năng nâng cao năng suất lao động, đầu tư cho vốn nhân lực và tiền lương, thu nhập, mức sống đối với người lao động.

2.2.2. Các học phần tự chọn (6 TC):

Tổ chức và định mức lao động trong doanh nghiệp (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chính như: Tổng quan về tổ chức và định mức lao động; Tổ chức lao động trong doanh nghiệp; Định mức lao động trong doanh nghiệp; Tổ chức và định mức đối với lao động quản lý; Tổ chức và định mức lao động sản xuất; Tổ chức và định mức lao động thương mại. Học phần có mối quan hệ với các học phần hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc và trả công lao động.

Phân tích nhân lực (3TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực. Các nội dung cơ bản của phân tích nhân lực bao gồm: Hệ thống phân tích nhân lực bao gồm dữ liệu phân tích nhân lực; Các nguồn lực để phân tích nhân lực; Báo cáo phân tích nhân lực.... Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp.

An toàn và vệ sinh lao động (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chính như: An toàn lao động, các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, an toàn lao động đối với một số lĩnh vực có nguy cơ cao; vệ sinh lao động, nguyên

nhân phát sinh và các biện pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp; quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động, hệ thống pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức bộ máy quản lý công tác vệ sinh an toàn lao động trong các doanh nghiệp, tổ chức thực hiện, điều hành công tác an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp.

Quản trị nhân lực công (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chính như: Khái niệm, đặc điểm của quản trị nhân lực trong tổ chức công; Xác định vị trí việc làm và quy hoạch nhân lực trong tổ chức công; Thu hút và tuyển dụng nhân lực trong các tổ chức công; Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực trong các tổ chức công; Đánh giá và thù lao nhân lực trong các tổ chức công.

2.3. Kiến thức chuyên ngành (15 TC)

Hoạch định nguồn nhân lực (3 TC)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạch định nguồn nhân lực, bao gồm: Khái niệm, vai trò, nguyên tắc, yêu cầu nội dung hoạch định nguồn nhân lực của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin nguồn nhân lực và kỹ thuật hoạch định nguồn nhân lực; Phân tích môi trường quản trị nguồn nhân lực; Dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nguồn nhân lực; Thiết lập chiến lược nguồn nhân lực; Xây dựng chính sách và kế hoạch nguồn nhân lực của tổ chức, doanh nghiệp.

Thực hành Tuyển dụng nhân lực (3 TC – GV thực tế)

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; tuyển mộ nhân lực; tuyển chọn nhân lực; quyết định tuyển dụng và hội nhập nhân viên mới; đánh giá tuyển dụng nhân lực.

Trả công lao động (3 TC)

Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành cơ bản về trả công lao động trong doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, vai trò của trả công lao động, cơ cấu và các nguyên tắc trả công lao động; trả lương, phụ cấp lương và quản lý trả lương; trả thưởng; trả phúc lợi; Báo cáo thực tế về trả công lao động trong doanh nghiệp và các chính sách, chế độ tiền lương của Việt Nam.

Đào tạo và phát triển nhân lực (3TC)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về đào tạo và phát triển nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp. Cụ thể, các nội dung chính của học phần bao gồm: tổng quan về đào tạo và phát triển nhân lực, xác định nhu cầu đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, triển khai đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá kết quả đào tạo và phát triển nhân lực, quản lý phát triển nghề nghiệp.

Performance appraisal (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: khái niệm, vai trò, vị trí của đánh giá thực hiện công việc; nội dung của đánh giá thực hiện công việc; thiết kế đánh giá thực hiện công việc; triển khai đánh giá thực hiện công việc và sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc.

2.4. Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học (10 TC)

Thực tập và viết báo cáo dự án nhóm (3 TC)

Báo cáo dự án nhóm là một sản phẩm nghiên cứu chuyên ngành nhằm giải quyết một vấn đề thực tiễn quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp đặt ra thuộc chủ đề dự án trên cơ sở vận dụng những lý thuyết đã được học bằng phương pháp nghiên cứu khoa học, công cụ công nghệ thông tin phù hợp.

Thực tập và viết luận văn tốt nghiệp (7 TC)

Luận văn tốt nghiệp là một sản phẩm nghiên cứu chuyên ngành nhằm giải quyết một vấn đề thực tiễn quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp đặt ra trên cơ sở vận dụng những lý thuyết về kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành quản trị nhân lực bằng phương pháp nghiên cứu khoa học, công cụ công nghệ thông tin phù hợp.

X. Chương trình đào tạo Tiếng Anh thương mại

1, KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG – 41 TC

1.1. Giáo dục đại cương

1, Triết học Mác – Lênin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng CNXH của Đảng và Nhà nước ta.

3, Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4, Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Học phần nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

5, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp

nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

6, Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các CTĐT hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

7, Tin học quản lý

Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

8, Tiếng Anh giao tiếp căn bản (giáo viên bản ngữ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết liên quan đến giao tiếp tiếng Anh. Cụ thể, học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cũng như kỹ năng giao tiếp trong các tình huống thực tế như: chào hỏi làm quen, giới thiệu về món ăn đặc trưng, thời tiết, công việc, giao thông, sản phẩm mới, thể thao, giải trí, cuộc sống đô thị, tin tức v.v. Học phần cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cho các học phần ngữ âm – âm vị và nghe – nói khác trong chương trình đào tạo

9, Pháp luật đại cương

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm: Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng

10, Kinh tế học

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vĩ mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung – cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

11, Tiếng pháp 2.1

Học phần Tiếng Pháp 2.1 được hình thành từ các tình huống giao tiếp cơ bản hàng ngày như chào hỏi, hỏi đáp về các thông tin cá nhân, tự giới thiệu bản thân và giới thiệu một người khác. Kiến thức cơ bản về ngữ pháp và từ vựng trong học phần giúp người học có những giao tiếp cơ bản thông qua các bài tập luyện nghe, nói và được thực hành đan xen trong các giờ học lý thuyết.

- Chủ đề: Chào hỏi-làm quen; Giới thiệu bản thân, giới thiệu một người khác (giới thiệu một người nổi tiếng); giới thiệu gia đình, diễn đạt sở thích và nói về các hoạt động hàng ngày, kể lại sự kiện trong quá khứ, nói về dự định của tương lai.

- Ngữ pháp: Đại từ làm chủ ngữ, Danh từ; Các loại mạo từ; Tính từ sở hữu; Tính từ dùng để miêu tả ngoại hình, tính cách; Giới từ chỉ địa điểm; Cách chia động từ thời hiện tại (động từ nhóm 1, động từ phản thân và một số động từ đặc biệt) và động từ ở thức mệnh lệnh, câu hỏi...

- Ngữ âm: Bảng chữ cái tiếng Pháp, cách phát âm, phân biệt ngữ điệu trong câu hỏi và câu trả lời

- Văn hóa: Tìm hiểu các biểu tượng và thông tin đơn giản về châu Âu, nước Pháp và thủ đô Paris.

12, Ngữ pháp tiếng Anh

Học phần trang bị cho người học những kiến thức căn bản liên quan đến ngữ pháp tiếng Anh. Cụ thể, học phần cung cấp các chuyên đề ngữ pháp thường gặp như các thì của động từ, câu điều kiện, câu bị động, lời nói trực tiếp, gián tiếp, mệnh đề quan hệ và câu so sánh của tính từ và trạng từ. Sinh viên có cơ hội thực hành, củng cố và ôn tập nhiều dạng bài tập khác nhau trong mỗi đơn vị bài học. Học phần cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cho các học phần khác như Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao, Tiếng Anh thương mại 1.1-1.4, Tiếng Anh thương mại 2.1-2.3, v.v. trong CTĐT của khoa tiếng Anh.

13, Dẫn luận ngôn ngữ

Học phần gồm 5 chương giới thiệu cho người học những khái niệm cơ bản và quan trọng nhất của ngôn ngữ học như bản chất và chức năng của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ loài người. Ngoài ra, người học được trang bị những kiến thức cơ sở về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Đó là cơ sở để sử dụng tốt ngôn ngữ tiếng Việt, làm tiền đề cho việc so sánh, đối chiếu 2 ngôn ngữ. Do vậy, việc học ngôn ngữ Anh có hiệu quả hơn

14, Tiếng Việt, 2,

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tạo lập và tiếp nhận văn bản, dẫn dắt người học đi từ những kỹ năng chung nhất về tạo lập và tiếp nhận văn bản đến kỹ thuật

viết luận văn và tiểu luận khoa học. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện kỹ năng đặt câu và dùng từ, phát hiện và chữa các lỗi thường gặp nhằm giúp người học có ý thức và kiến thức để viết đúng

1.2, Giáo dục thể chất , 3,

Chương trình môn học GDTC bao gồm 90 tiết học chính khóa và 320 tiết ngoại khóa, học trong 03 tín chỉ tương đương 03 học phần với các môn học: Lý luận và phương pháp rèn luyện thể chất (1TC) và lựa chọn 01 TC trong các học phần: Bóng chuyền, Bóng ném, Cầu lông, Cờ vua, Bóng bàn. Trong đó giờ chính khóa được thực hiện theo kế hoạch của trường. Giờ ngoại khóa sinh viên tự bố trí kế hoạch tập luyện của mình trong cả quá trình học 04 năm ở trường để củng cố các kỹ thuật được học trong giờ chính khóa và rèn luyện sức khỏe nâng cao thể lực.

1.3, Giáo dục quốc phòng, 8,

Chương trình giáo dục quốc phòng gồm 4 học phần bao gồm: Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh; Học phần III: Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; Học phần IV: Hiểu biết chung về quân, binh chủng. Chương trình giúp người học có những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; Có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Ngoài ra còn giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

2, KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP - 90 TC

2.1., Kiến thức cơ sở ngành – 29 TC

1, Kỹ năng Nghe, 2,

Học phần bao gồm 8 chương với các chủ đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày như khí hậu, giáo dục đại học, danh tiếng, nguồn năng lượng thay thế và nhập cư. Mỗi chương đều có ba phần chính: Vocabulary, Practice Listening và Exam Practice. Phần một cung cấp và giới thiệu từ vựng và ý tưởng liên quan đến chủ đề nghe. Phần hai bao gồm các dạng bài nghe hiểu giúp sinh viên nâng cao kỹ năng nghe đồng thời làm quen dần với dạng bài thi chuẩn đầu ra IELTS. Phần ba là các bài luyện tập giúp người học ứng dụng kiến thức vừa được học vào làm bài tập thực tế

2, Kỹ năng Nói, 3,

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết liên quan đến kỹ năng nói tiếng Anh. Cụ thể, học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về từ vựng và phát âm cũng như kỹ năng giao tiếp và diễn đạt về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày như: gia đình, sức khỏe, giáo dục, môi trường, công nghệ, sở thích, nhà ở v.v. Học phần cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cho các học phần ngữ âm - âm vị và nghe - nói khác trong chương trình đào tạo

3, Kỹ năng Đọc, 2,

Học phần gồm 08 chương với các chủ đề liên quan đến cuộc sống thường ngày như: gia đình, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, môi trường, ngôn ngữ và giao tiếp, khoa học công nghệ và thị trường việc làm. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng đọc hiểu, khóa học sẽ cung cấp các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ thuật đọc lướt, kỹ thuật đọc kỹ và kỹ thuật đọc sâu ở trình độ tiền trung cấp

4, Kỹ năng Viết, 3,

Học phần cung cấp hướng dẫn về quy trình viết đoạn văn trong tiếng Anh bao gồm hướng dẫn lập dàn ý, viết câu chủ đề, triển khai các ý trong đoạn và kết luận. Bên cạnh đó, chương trình học cũng giới thiệu một số dạng viết đoạn văn phổ biến như đoạn văn miêu tả người, tả đồ vật, tả phong cảnh, miêu tả quá trình, bày tỏ ý kiến và tường thuật

5, Lý thuyết dịch, 2,

Học phần gồm 2 phần nội dung lớn là Lý thuyết Biên dịch và Lý thuyết Phiên dịch. Phần một giới thiệu về khái niệm biên dịch, lịch sử biên dịch, các thành tố tham gia trong quá trình biên dịch, các phương pháp và chiến lược biên dịch... Phần hai khái quát về khái niệm phiên dịch, phân biệt các loại phiên dịch, giới thiệu những kỹ năng hữu ích hỗ trợ cho quá trình phiên dịch và cách thức luyện tập để nâng cao các kỹ năng này

6, Ngữ âm – âm vị học, 2,

Học phần sử dụng giáo trình “Phonetics and Phonology” của Peter Roach (1998). Học phần giúp sinh viên tăng cường khả năng nhận biết các âm trong tiếng Anh và có khả năng phát âm đúng trong khi giao tiếp. Học phần giới thiệu về cơ quan cấu âm, miêu tả và phân loại các âm tiếng Anh, trọng âm của từ, cụm từ và câu. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu các quy tắc nối âm và ngữ điệu trong tiếng Anh.

7, Tiếng Anh giao tiếp nâng cao (Giáo viên bản ngữ), 2,

Học phần do giáo viên nước ngoài giảng dạy nhằm nâng cao kỹ năng nghe – nói cho sinh viên chuyên ngành. Học phần được giảng dạy sau khi sinh viên đã hoàn thành học phần giao tiếp tiếng Anh căn bản. Nội dung giảng dạy được thiết kế dựa trên các chủ đề phổ biến trong cuộc sống như công nghệ, giáo dục, ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe ..v..v.. được thực hiện qua nhiều hoạt động khác nhau như làm việc nhóm, làm việc đôi, thảo luận, thuyết trình, nghe hiểu, luyện ngữ âm – ngữ điệu... giúp sinh viên rèn luyện sự tự tin, phản xạ giao tiếp, từ đó nâng cao kỹ năng nghe – nói nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo của chuyên ngành

8, Ngữ nghĩa học, 2,

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ nghĩa học bao gồm: khái niệm ngữ nghĩa học, các lý thuyết về nghĩa, nghĩa của từ, nghĩa của câu, các mối quan hệ về nghĩa và nghĩa của phát ngôn. Cụ thể, học phần sẽ cung cấp cho người học các dạng và cách biểu đạt của từ, nghĩa từ vựng và nghĩa ngữ pháp, từ đồng âm và đa nghĩa, các nguyên lý về cấu thành câu

9, Kinh tế thương mại đại cương, 2,

Học phần Kinh tế thương mại đại cương cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như: bản chất kinh tế, chức năng và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề kinh tế cơ bản của

thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại

10, Giao thoa văn hóa, 2,

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về các vấn đề có liên quan đến giao tiếp nội văn hóa, giao tiếp giao văn hóa và đặc biệt là dụng văn hóa; về bình diện phạm trù lịch sử đương tính-lịch sử âm tính cùng với các chiến lược giao tiếp; bình diện phạm trù trực tiếp-gián tiếp với các cách thức biểu hiện trong các cộng đồng ngôn ngữ-văn hóa khác nhau; kiến thức nền tảng qui xét giao tiếp nội văn hóa và giao văn hóa với 14 bình diện phạm trù và 14 thành tố giao tiếp và những phương pháp tiếp cận giao tiếp nội văn hóa và giao văn hóa, giúp người học có khả năng sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ và các ngôn ngữ khác một cách có hiệu quả trong cuộc sống cũng như trong công việc

11, Ngôn ngữ học đối chiếu, 2,

Học phần sử dụng giáo trình “Ngôn ngữ học đối chiếu” của Bùi Mạnh Hùng – Nhà xuất bản Đại học Quốc gia (2004). Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học đối chiếu như: các phân ngành ngôn ngữ theo hướng so sánh, quan hệ của ngôn ngữ học đối chiếu với các khoa học khác, nội dung chủ yếu của các phương pháp đối chiếu, các nguyên tắc đối chiếu, các bước đối chiếu, từ đó người học tiến hành nghiên cứu đối chiếu hai ngôn ngữ cụ thể.

12, Cơ sở văn hóa Việt Nam, 2,

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam có nội dung bao gồm: khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; văn hóa các vùng Tây Bắc, Việt Bắc, Châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ

13, Văn hóa kinh doanh, 2,

Học phần Văn hóa kinh doanh bao gồm những nội dung cơ bản sau: tổng quan về văn hóa kinh doanh và các yếu tố cấu thành; đề cập đến một số đặc trưng cần quan tâm của văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số nước trên thế giới; phân tích sâu hai trong số các yếu tố cấu thành nên văn hóa kinh doanh đó là văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp; nội dung và nhân tố ảnh hưởng đến xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh

14, Quản trị nhân lực quốc tế, 2,

Học phần bao gồm các nội dung chính như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của nhân lực quốc tế và QTNL quốc tế; tuyển dụng và đào tạo nhân lực quốc tế, thù lao và phúc lợi cho nhân lực trong các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế; chuyển giao chính sách và quy trình QTNL quốc tế

15, Ngữ dụng học, 2,

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Ngữ dụng học như: định nghĩa, vai trò và vị trí của ngữ dụng học trong tương quan với các học phần ngôn ngữ học khác, các khái niệm nền tảng của ngữ dụng học như: chỉ xuất, nghĩa sở chỉ, hành động ngôn từ, hàm ngôn, tiền giả định.

16, Chuyển đổi số trong kinh doanh, 2,

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai

đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

17, Quản trị dịch vụ, 3,

Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận, vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn, tài chính – ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu

18, Nguyên lý giao tiếp tiếng Anh thương mại, 3,

Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu biết chung về giao tiếp như các đặc điểm của giao tiếp, loại hình giao tiếp, kênh giao tiếp của con người, quá trình giao tiếp, các rào cản trong giao tiếp, kỹ năng thuyết trình và thư tín thương mại, v.v. Nguyên lý giao tiếp từ tổng quát đến cụ thể sẽ giúp sinh viên có được tư duy tổng thể về kỹ năng giao tiếp. Các hình thức giao tiếp trong cuộc sống và trong kinh doanh cũng là một trong những trọng tâm của môn học. Ngoài ra, sinh viên cũng có thể tìm hiểu các bối cảnh văn hoá, các ảnh hưởng của văn hoá đến giao tiếp, áp dụng vào thực hành giao tiếp hiệu quả trong môi trường kinh doanh sau này

2.2., Kiến thức ngành – 39 TC

1, Tiếng Anh Thương mại 1.1, 3,

Học phần gồm 2 chương và được chia nhỏ thành 10 bài học nhỏ, chủ yếu cung cấp cho sinh viên kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành thương mại về các chủ đề: ‘Văn hóa doanh nghiệp’ và ‘Hỗ trợ khách hàng’, qua đó sinh viên có thể hiểu rõ được những nét văn hoá của doanh nghiệp, những quy tắc hay luật bất thành văn trong doanh nghiệp và cách chăm sóc khách hàng trong kinh doanh

2, Tiếng Anh Thương mại 1.2, 3,

Học phần cung cấp kiến thức Tiếng Anh cho sinh viên về lĩnh vực: ‘Sản phẩm và đóng gói sản phẩm’ và ‘Nghề nghiệp’. Thông qua nội dung của học phần, sinh viên có thể nắm được các giai đoạn phát triển sản phẩm và biết cách làm cho sản phẩm trở nên thu hút hơn đối với đối tượng người mua và người tiêu dùng. Đồng thời, sinh viên cũng biết cách xác định động cơ, mục tiêu nghề nghiệp, kỹ năng phỏng vấn việc làm, cách thức viết đơn xin việc hay sơ yếu lý lịch .v.v... - những tri thức rất hữu dụng cho công việc tương lai của họ. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng thuyết trình và giới thiệu sản phẩm cho khách hàng

3, Tiếng Anh Thương mại 1.3, 3,

Học phần gồm 2 chương được chia nhỏ thành 10 bài học, cung cấp cho sinh viên kiến thức về ‘thương mại điện tử’ và ‘trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp’. Ngoài ra, học phần này cũng giúp củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về câu điều kiện và cấu trúc bị động. Qua các bài học sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng đàm phán, kỹ năng lắng nghe, ngắt lời và bày tỏ quan điểm trong cuộc họp, đặc biệt được làm quen với cách viết báo cáo đề xuất và biên bản cuộc họp

4, Tiếng Anh Thương mại 1.4, 3,

Học phần gồm 2 chương được chia nhỏ thành 10 bài học, cung cấp cho sinh viên kiến thức về ‘Sáp nhập và Thâu tóm công ty’ và ‘Thương mại quốc tế’. Ngoài ra, học phần này cũng giúp củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về cách diễn đạt thì tương lai và giới từ. Qua các bài học, sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng thuyết trình và đàm phán trong thương mại quốc tế. Ngoài ra, sinh viên được trau dồi cách thiết kế, các nguyên tắc trình bày slide trong bài thuyết trình và cách viết một số loại thư tín thương mại để yêu cầu hoặc nhắc nhở đối tác về việc thanh toán đơn hàng

5, Tiếng Anh Thương mại 2.1, 2,

Học phần gồm 2 chương được chia nhỏ thành 10 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương I đề cập đến phát triển sự nghiệp cá nhân và chương II cung cấp kiến thức về công nghệ thông tin. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên ôn tập lại các thì của động từ cũng như các dạng so sánh trong tiếng Anh. Trong suốt 10 bài học, sinh viên có cơ hội được rèn luyện kỹ năng nói về các vấn đề như: trình bày lý do trong buổi phỏng vấn xin việc, cách nói chuyện phiếm khi đàm thoại qua điện thoại, học cách viết thư xin việc và thư báo

6, Tiếng Anh Thương mại 2.2, 2,

Học phần gồm 2 chương được chia nhỏ thành 10 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương I đề cập đến chất lượng sản phẩm và chương II cung cấp kiến thức về cách đưa và nhận ý kiến phản hồi. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên ôn tập một số hiện tượng ngữ pháp gồm câu bị động, câu điều kiện loại III và các cấu trúc ‘have something done’, ‘models + have + past participle’, ‘used to + infinitive’. Trong suốt 10 bài học, sinh viên có cơ hội được rèn luyện củng cố kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phê phán mang tính xây dựng, học cách viết hướng dẫn, quy trình và báo cáo

7, Tiếng Anh Thương mại 2.3, 2,

Học phần gồm 2 chương được chia nhỏ thành 10 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương I tập trung vào các vấn đề liên quan đến bán hàng và marketing và chương II xoay quanh vấn đề thiết lập một cơ sở kinh doanh. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp gồm câu hỏi đuôi, câu hỏi phủ định, thì tương lai đơn giản, tương lai tiếp diễn, tương lai hoàn thành và tương lai hoàn thành tiếp diễn. Trong suốt 10 bài học, sinh viên có cơ hội được rèn luyện củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; học cách viết thư quảng cáo, thư chào hàng, bản tóm tắt kế hoạch kinh doanh; cách xử lý phản hồi của khách hàng và trả lời câu hỏi khi thuyết trình

8, Thư tín thương mại, 2,

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về cách soạn thảo thư tín thương mại tiếng Anh. Sinh viên được giới thiệu các yêu cầu trong soạn thảo thư tín, gồm cách thức trình bày văn bản và cách sử dụng văn phong. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu cho sinh viên các loại thư tín phổ biến trong giao dịch thương mại và cung cấp cơ hội luyện tập soạn thảo các loại thư tín này

9, Thực hành biên dịch, 3,

Học phần giới thiệu khái quát cho sinh viên các phương pháp biên dịch, các phẩm chất cần có của biên dịch viên, các kỹ thuật biên dịch, đồng thời cung cấp cơ hội thực hành biên dịch văn bản cho người học. Tài liệu sử dụng cho học phần là các văn bản trích từ các tạp chí, báo, sách, trang web bằng tiếng Anh và tiếng Việt theo các chủ điểm như kinh tế - thương mại, chính trị - xã hội, văn hoá, giáo dục, y tế, ngoại giao.... Tài liệu được thường xuyên cập nhật và đảm bảo tính thực tiễn cao

10, Thực hành phiên dịch, 3,

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kỹ năng phiên dịch khác nhau gồm dịch xuôi và dịch nhìn; rèn luyện cho sinh viên các phẩm chất cần có của người phiên dịch trong mỗi kỹ năng dịch; cung cấp cơ hội cho sinh viên thực hành các kỹ năng dịch này theo các chủ đề: kinh tế, thương mại, chính trị, xã hội, văn hoá, ngoại giao, giáo dục, y tế... Tài liệu sử dụng cho học phần này là những bài báo, tin tức thời sự... về những tình hình đang xảy ra tại thời điểm học nhằm đảm bảo tính cập nhật và thực tiễn cho sinh viên

11, Văn hóa Anh, 2,

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản và mở rộng tri thức cho sinh viên về đất nước, con người, những cái hay, cái đẹp của giá trị văn hóa cũng như thể chế chính trị của Anh. Ngoài ra, thông qua học phần, sinh viên còn có được những kỹ năng so sánh, liên hệ với văn hóa và văn minh dân tộc của nhân loại ở nhiều nước trên thế giới, làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng những kiến thức trong hoạt động giao tiếp liên văn hóa, trong nghiên cứu và học tập, trong công việc, đồng thời tiếp thu và nâng cao, hoàn thiện ngôn ngữ Anh

12, Biên dịch nâng cao, 3,

Học phần cung cấp cơ hội cho người học luyện tập kỹ năng biên dịch Anh-Việt, Việt-Anh ở trình độ cao theo các chủ đề khác nhau như tài chính ngân hàng, quản trị kinh doanh, thương mại quốc tế, thương mại điện tử, v.v. Người học được giới thiệu các kỹ năng và kiến thức cần thiết, các tiêu chí để đánh giá chất lượng biên dịch. Để đảm bảo tính cập nhật và thực tiễn cao, tài liệu học tập và giảng dạy sẽ được trích từ các tạp chí, báo, sách, trang web bằng tiếng Anh và tiếng Việt

13, Phiên dịch nâng cao, 3,

Học phần huấn luyện chuyên sâu cho sinh viên các kỹ năng phiên dịch phổ thông gồm dịch xuôi và dịch nhìn; giới thiệu cho sinh viên các kỹ năng phiên dịch nâng cao gồm dịch tháp tùng và dịch cabin; củng cố cho sinh viên các phẩm chất cần có của người phiên dịch trong mỗi kỹ năng dịch; cung cấp cơ hội cho sinh viên thực hành các kỹ năng dịch này theo các chủ đề có liên quan đến môi trường kinh doanh thương mại... Tài liệu sử dụng cho học phần này là những bài báo, tin tức thời sự... về những tình hình đang xảy ra tại thời điểm học nhằm đảm bảo tính cập nhật và thực tiễn cho sinh viên

14, Authentic English, 3,

Học phần mang định hướng giao tiếp trong chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh. Cụ thể, học phần giới thiệu các tình huống giao tiếp hàng ngày nói chung và trong thương mại nói riêng, nhằm mục đích rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh của người học trong các khía cạnh đa dạng trong giao tiếp thực tế như: bắt đầu, tiếp tục và kết thúc một cuộc trò chuyện, cách xử lý khi bị ngắt lời, yêu cầu giải thích rõ hơn, nhấn mạnh, đưa ra lời gợi ý, phản nản, khen ngợi v.v. Học phần cũng

đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cho kỹ năng nghe thông qua các bài hội thoại mẫu và rèn kỹ năng phản xạ thông qua các đoạn thu âm giọng nói của người bản xứ trước khi yêu cầu người học đối đáp lại

15, Văn học Anh – Mỹ, 3,

Học phần giúp sinh viên tiếp cận và tìm hiểu các tác giả, tác phẩm nổi tiếng được sắp xếp theo dòng văn học: Văn học Anh (W. Somerset Maugham, W. Wordsworth) và tác phẩm văn học Mỹ (Mark Twain, Ernest Hemingway...)

16, Đàm phán thương mại quốc tế, 3,

Học phần Đàm phán thương mại quốc tế nghiên cứu các vấn đề cơ bản trong đàm phán thương mại quốc tế bao gồm đặc điểm và vai trò của đàm phán thương mại quốc tế, các hình thức đàm phán thương mại quốc tế, một số chiến lược, các phương pháp tiếp cận trong đàm phán thương mại quốc tế. Đặc biệt học phần nghiên cứu về văn hóa đàm phán của một số đối tác trên thế giới; những nội dung, các kỹ thuật, quy trình tổ chức đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế cũng như nội dung, quy trình tiến hành đàm phán ký kết hiệp định thương mại quốc tế. Ngoài những kiến thức cơ bản về đàm phán thương mại quốc tế, người học còn được cung cấp những tình huống về đàm phán ký kết hợp đồng và đàm phán ký kết hiệp định thương mại quốc tế

17, Quản trị đa văn hóa, 3,

Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa

18, Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao, 2,

Học phần giúp sinh viên nắm được những vấn đề ngữ pháp tiếng Anh nâng cao: Khái niệm cơ bản về Hình thái học và Cú pháp học, cấu tạo, phân loại, và đặc điểm cơ bản của từ loại trong tiếng Anh như Danh từ, Tính từ, Động từ, Trạng từ và Đại từ. Bên cạnh đó, sinh viên biết phân biệt các loại cụm từ và mệnh đề. Ngoài ra, sinh viên sẽ được học những vấn đề liên quan đến câu, cú như: các thành phần cơ bản của câu và các loại câu trong tiếng Anh, phân biệt được câu đơn, câu ghép và câu phức.

19, Văn hóa Mỹ, 2,

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản và mở rộng tri thức cho sinh viên về lịch sử, đất nước, con người, những giá trị văn hoá truyền thống, tôn giáo, kinh tế, hệ thống giáo dục cũng như thể chế chính trị của một cường quốc được xem là khổng lồ nhất thế giới. Ngoài ra, thông qua học phần, sinh viên còn phát triển được những kỹ năng so sánh, liên hệ với văn hoá và văn minh dân tộc của nhân loại ở nhiều nước trên thế giới, làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng những kiến thức trong hoạt động giao tiếp liên văn hóa, trong nghiên cứu và học tập, trong công việc, đồng thời tiếp thu và nâng cao, hoàn thiện ngôn ngữ Anh

2.3., Kiến thức bổ trợ - 12 TC

1, Marketing căn bản, 3,

Học phần Marketing căn bản giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing và kiến thức căn bản về marketing. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing – mix (4Ps) với các chính sách sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21

2, Kinh doanh quốc tế, 3,

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế

3, Thương mại điện tử căn bản, 3,

Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của TMĐT trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của TMĐT

4, Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế, 3,

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế

5, Marketing du lịch, 3,

Học phần Marketing du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành cho ngành: Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; là học phần tự chọn cho chuyên ngành: Marketing thương mại và Tiếng Anh thương mại. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về: Tổng quan về marketing du lịch; phân tích cơ hội và nghiên cứu marketing; phân tích hành vi của khách hàng; phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị; kế hoạch marketing; chính sách sản phẩm; chính sách giá; chính sách phân phối; chính sách xúc tiến trong kinh doanh du lịch; các chính sách khác trong kinh doanh du lịch

6, Quản trị học, 3,

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, kỹ

năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát

2.4., Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học – 10 TC

1, Báo cáo thực tập tổng hợp, 3,

Báo cáo thực tập tổng hợp là bài thu hoạch những kiến thức mà sinh viên tiếp thu tại đơn vị thực tập theo hướng dẫn của khoa. Tại đơn vị thực tập, sinh viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị theo ngành vào tìm hiểu và tiếp tục học từ thực tiễn hoạt động của đơn vị, thực hiện công việc theo phân công của đơn vị để rèn luyện thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo, đề xuất hướng khóa luận tốt nghiệp ở giai đoạn 2 của đợt thực tập và làm tốt nghiệp. Kết thúc đợt thực tập tổng hợp, sinh viên viết Báo cáo thực tập tổng hợp theo mẫu.

2, Khóa luận tốt nghiệp, 7,

Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu về một đề tài cụ thể của sinh viên. Trong thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sinh viên tiếp tục thực tập tại đơn vị đã thực tập tổng hợp. Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động thực tiễn, giúp tăng cường và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn. Kết thúc đợt thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải nộp các sản phẩm theo quy định của khoa. Khóa luận tốt nghiệp của ngành Ngôn ngữ Anh được viết bằng tiếng Anh.

XI. ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

1. Chương trình đào tạo Tiếng Pháp thương mại

TT	Khối kiến thức và các học phần	Số TC	Mô tả vắn tắt học phần
1	Kiến thức giáo dục đại cương		
1.1	Các học phần bắt buộc		
1	Triết học Mác – Lênin	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.
			Số tín chỉ: 2TC (24,12) Điều kiện học phần: Môn học trước: Triết học Mác – Lê nin Mô tả vắn tắt học phần:

2	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. - Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). - Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. - Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. - Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. - Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.</p>
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.</p>
			<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần gồm 7 chương với những</p>

5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.
6	Pháp luật đại cương	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm của nhà nước và pháp luật, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, mối liên hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội, hình thức tồn tại và sự vận hành của pháp luật trong đời sống xã hội. Học phần cũng tập trung nghiên cứu các nội dung pháp lý cơ bản của Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính và pháp luật về phòng chống tham nhũng.
7	Tiếng Anh 1	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Tiếng Anh 1 giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về công việc và sở thích, giải quyết những vấn đề thường gặp trên điện thoại, cách thức đặt chỗ, đặt vé tàu, vé máy bay, cách thức gọi món ăn trong nhà hàng, thực hiện một bài nói giới thiệu sản phẩm, cách thức giải quyết những vấn đề cơ bản, cách thức tham gia các cuộc thảo luận nhỏ.v.v.. . Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu và giúp sinh viên thực hành một số hiện tượng ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.
8	Tiếng Anh 2	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tiếng Anh 1 Mô tả vắn tắt học phần: Tiếng Anh 2 giúp sinh viên tiếp tục làm quen với ngôn ngữ Anh văn trong môi trường thương mại. Học phần giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như giao tiếp trên điện thoại, giao tiếp trên bàn đàm phán, thực hiện một bài thuyết trình về công ty, bày tỏ ý kiến của bản thân về một vấn đề, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.v.v...Ngoài ra học phần còn giới thiệu một số yếu tố khác như ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.
			Số tín chỉ: 2 TC (24, 12) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tiếng Anh 2 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần <i>Tiếng Anh 3</i> được xây dựng dựa trên cuốn Market Leader – Pre-Intermediate (old edition và

9	Tiếng Anh 3	2	new edition), gồm 5 bài (units), cung cấp nội dung kiến thức chủ yếu liên quan đến lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại ví dụ như ‘lên kế hoạch công việc’, ‘quản lý nguồn nhân lực’, ‘những tiêu chí và điều kiện cũng như các kỹ năng, phẩm chất cần có cho những người quản lý trong việc giải quyết những xung đột trong nhân sự, ‘marketing và sản phẩm’, v.v...Trong mỗi bài học hầu hết đều cung cấp cho sinh viên theo các mục : Khởi động, Nghe, Đọc, Từ vựng, Ngữ pháp và Bài tập thực hành với tiêu chí chính là phát triển 4 kỹ năng thực hành ngôn ngữ cho sinh viên. Hơn nữa, Học phần <i>Tiếng Anh 3</i> còn cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng đáng kể liên quan đến chuyên ngành kinh tế thương mại. Mục tiêu chính của học phần này đó là phục vụ tối đa mục tiêu giao tiếp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và hỗ trợ phát triển các kỹ năng khác cho sinh viên để ứng dụng tốt trong học tập, nghiên cứu và công việc sau này.
10	Toán đại cương	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Toán đại cương cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: Ma trận, hệ phương trình, vector, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến và hàm biến. Bên cạnh đó, học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê: Khái niệm cơ bản về xác suất, các phân phối xác suất thường gặp, lý thuyết về mẫu, bài toán ước lượng tham số và bài toán kiểm định tham số.
11	Tin học quản lý	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn

			thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.
1.2	Các học phần tự chọn		
1	Chuyển đổi số trong kinh doanh	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.
2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam có nội dung bao gồm: khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; văn hóa các vùng Tây Bắc, Việt Bắc, Châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành		
2.1.1.	Các học phần bắt buộc		
1	Kinh tế học	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vĩ mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

2	Quản trị học	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Quản trị học bao gồm những nội dung cơ bản như: khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị; quản trị sự thay đổi; quản trị xung đột của tổ chức; các nội dung về vai trò, kỹ năng cần thiết của nhà quản trị; thông tin và ra quyết định quản trị; phân tích sâu các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát).</p>
3	Tiếng Pháp 1.1	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Tiếng Pháp 1.1 được chia thành 4 chương, kết cấu của mỗi chương bao gồm: các bài khóa dưới dạng viết hoặc nghe; phần ngữ pháp giới thiệu những hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong bài khóa; các bài tập ngữ pháp và bài tập tình huống đa dạng giúp người học củng cố kiến thức cũng như các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc và viết. Nội dung của học phần này chủ yếu xoay quanh các chủ đề về chào hỏi- làm quen; giới thiệu bản thân, giới thiệu một người khác (giới thiệu một người nổi tiếng); giới thiệu gia đình mình; viết phiếu đăng kí tham gia chương trình.</p>
4	Tiếng Pháp 1.2	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần gồm 4 chương: 3 chương chính và 1 chương bổ sung về văn hóa văn minh Pháp. Mỗi chương chính gồm 4 trang và tập trung vào chủ đề cụ thể: giới thiệu về một địa điểm hoặc một thành phố mình yêu thích, chỉ đường đến một địa điểm trong thành phố, thông tin về địa điểm cư trú; đặt phòng khách sạn; cách viết một bưu thiếp cho người thân để thông tin về nơi lưu trú và các hoạt động khi đi đến một địa điểm du lịch.</p>
5	Tiếng Pháp 1.3	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần bao gồm 4 chương. Mỗi chương tập trung vào một chủ đề giao tiếp cụ thể : hỏi, đáp về các thông tin cá nhân (sở thích, hoạt động giải trí, hoạt động nghề nghiệp ; tính cách) ; giới thiệu về gia đình cũng như các sự kiện quan trọng của gia đình ; kể về các hoạt động hàng ngày ; kể về các sự kiện trong quá khứ, các hoạt động trong kì nghỉ. Trong bài học luôn có các kiến thức từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm hỗ trợ cho các hoạt động giao tiếp.</p>
			<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần được hình thành từ những tình</p>

6	Tiếng Pháp 1.4	2	huống giao tiếp cụ thể, hàng ngày như giới thiệu một lễ hội đặc trưng của quê hương đất nước mình, đưa ra lời khuyên cho bạn bè khi bạn đến thăm đất nước, thành phố của mình, kể về một kỷ niệm đáng nhớ trong quá khứ, miêu tả một nhân vật nổi tiếng nào đó.
7	Tiếng Anh thương mại 1	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: Học phần học trước: Tiếng Anh 3 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần <i>Tiếng Anh thương mại 1</i> được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.
8	Tiếng Anh thương mại 2	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: Học phần học trước: TATM 1 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần <i>Tiếng Anh thương mại 2</i> là sự tiếp nối học phần <i>Tiếng Anh thương mại 1</i> được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.
2.1.2. Các học phần tự chọn			
1	Ngữ pháp tiếng Pháp	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Ngữ pháp tiếng Pháp được giảng dạy cho sinh viên học mã ngành Tiếng Pháp thương mại, sau khi đã học các học phần tiếng Pháp cơ bản. Học phần này giúp người học hiểu rõ hệ thống kiến thức ngữ pháp cơ bản của tiếng Pháp: từ loại, cấu trúc câu, thời và thức của động từ. Các chương được trình bày rõ ràng, thống nhất: các nội dung lý thuyết được giải thích và minh họa bằng các ví dụ cụ thể, các bài tập thực hành sau mỗi chương giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kiến thức đã học
			Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0

2	Ngữ âm và âm vị học tiếng Pháp	3	Mô tả vắn tắt học phần: Học phần nhằm cung cấp kiến thức về ngữ âm và âm vị học tiếng Pháp và hoàn thiện cho sinh viên khả năng phát âm tốt tiếng Pháp. Việc rèn cho sinh viên phát âm tốt còn nhằm hỗ trợ phát triển kỹ năng nghe và giao tiếp của các em ngày càng tốt hơn.
3	Văn hóa và văn minh Pháp	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp những kiến thức đặc trưng về địa lý, các công trình kiến trúc nổi tiếng, những tác phẩm văn học kinh điển, về đời sống văn hóa, con người Pháp và thời trang Paris. Học phần giới thiệu những nét văn hóa giao tiếp cơ bản tại nơi làm việc, học tập của người Pháp: từ cách gọi điện thoại đến cách gửi SMS, E-mail cũng như sử dụng các mạng xã hội một cách có văn hóa, phù hợp với đời sống xã hội. Bên cạnh đó những quy tắc ứng xử trong các lễ hội, trong các sự kiện lớn của gia đình người Pháp (đám cưới, đám tang...) cũng được giới thiệu một cách cụ thể. Trong từng bài học, các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp nhằm hỗ trợ cho các hoạt động giao tiếp kể trên đều được củng cố.
4	Hành vi khách hàng	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Marketing và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị Kinh doanh. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.
5	Marketing căn bản	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Marketing căn bản giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing và kiến thức căn bản về marketing. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing – mix (4Ps) với các chính sách sản phẩm, giá, phân phối và xúc

			tiền phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.
6	Nhập môn tài chính tiền tệ	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Nhập môn tài chính tiền tệ đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.
7	Văn hoá kinh doanh		Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung: Tổng quan về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh. Đặc trưng văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Vai trò của văn hóa doanh nhân, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nhân như năng lực, tố chất, đạo đức, phong cách doanh nhân. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp. Cách thức phát triển văn hóa kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển văn hóa kinh doanh.
8	Quản trị hành chính văn phòng	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị hành chính văn phòng bao gồm các nội dung chính như: Giới thiệu về quản trị hành chính văn phòng; Tổ chức cuộc họp, hội nghị, hội thảo; Tổ chức tiếp khách; Tổ chức chuyển đi công tác; Tổ chức quản lý, giải quyết văn bản và tổ chức lưu trữ tài liệu.
2.2. Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)			
2.2.1. Các học phần bắt buộc			
1	Quản trị nhân lực căn bản	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt học phần: Học phần Quản trị nhân lực căn bản bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực,

			phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).
2	Quản trị chiến lược	2	<p>Số tín chỉ: 3 (34,12,5)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Với mục đích cung cấp một hệ thống kiến thức tổng quan và hàn lâm về quản trị chiến lược của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh doanh hiện đại, học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn <i>Hoạch định chiến lược</i> trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn <i>Thực thi chiến lược</i> làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn <i>Kiểm tra và đánh giá chiến lược</i> cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.</p>
3	Quản trị bán hàng	3	<p>Số tín chỉ: 3 (34,12,5)</p> <p>Điều kiện học phần:</p> <p>Học phần học trước: Quản trị học</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị bán hàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh, bao gồm các nội dung Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Kỹ năng bán hàng và Quản lý chế độ khách hàng lớn; Lập kế hoạch bán hàng; Quản trị đội ngũ bán hàng; Tổ chức điểm bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.</p>
4	Quản trị tài chính 1	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo</p>

			tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.
5	Khởi sự kinh doanh	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.
6	Tiếng Pháp Thương mại 1.1	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để diễn đạt các tình huống giao tiếp cụ thể trong cuộc sống hàng ngày: Thiết kế một chuyến du lịch ; Tư vấn những thông tin cần thiết cho khách du lịch liên quan đến thời tiết, các hoạt động văn hoá, giải trí, các địa danh cần tham quan; Giới thiệu một địa danh du lịch; Đưa ra cảm tưởng của mình, hỏi người khác về cảm tưởng của họ về một sự vật hiện tượng nào đó.
7	Tiếng Pháp Thương mại 1.2	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần gồm 3 chương chính cung cấp vốn từ vựng về chủ đề ẩm thực; quần áo trang phục, phụ kiện; các tính từ thể hiện sự đánh giá (tích cực, tiêu cực); mua hàng qua mạng và mô tả đặc tính của đồ vật. Về ngữ pháp: giới từ à và de, mạo từ bộ phận, xác định và không xác định; bổ ngữ trực tiếp (COD) và gián tiếp (COI); các cấu trúc để đưa ra lời khuyên; đại từ quan hệ qui và que. Về ngữ âm: e caduc; [k]/[g];
8	Tiếng Pháp Thương mại 1.3	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần gồm 3 chương chính cung cấp vốn từ vựng về các chủ đề mua sắm hàng hóa tại các siêu thị và cửa hàng, gọi món và đánh giá về món ăn, dịch vụ của nhà hàng, so sánh cuộc sống trước đây, bây giờ. Ngữ pháp: đại từ “en”, vị trí của các tính từ chỉ phẩm chất, Cấu trúc phủ định « ne ...plus », cấu trúc chỉ sự hạn chế « neque », thời “l’imparfait”, Cấu trúc so sánh với danh từ và tính từ. Ngữ âm: Các nguyên âm mũi /ă/, /ê/, /ĩ/, Ngữ điệu để diễn tả khen, chê và các cảm xúc vui, buồn, tán thành, không tán thành.

9	Tiếng Pháp Thương mại 1.4	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần gồm 4 chương: 3 chương chính và 1 chương bổ sung về văn hóa văn minh Pháp. Mỗi chương chính gồm 4 trang và tập trung vào chủ đề cụ thể: Mô tả thông tin về một ngôi nhà, một căn hộ và nội thất, thông báo cho thuê nhà: địa chỉ chính xác của căn hộ, mô tả chi tiết khu vực, nội thất, giao thông, những điểm thu hút để tìm kiếm khách hàng tiềm năng, thông tin liên quan đến nhà ở và những điều kiện cho thuê nhà, mối quan hệ của những người thuê nhà chung, những kiểu nhà truyền thống của người Pháp.</p>
10	Tiếng Pháp Thương mại 1.5	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Người học được củng cố và ôn tập lại kiến thức ngữ pháp về các mẫu câu hỏi gián tiếp, mạo từ chưa xác định des, giới từ de, các từ chỉ lượng, các đại từ bổ ngữ le, la, lui, cách dùng của đại từ quan hệ dạng đơn giản, các từ nối or, mais, donc, en conséquence, sinon ... và cấu trúc câu bị động. Người học được tiếp cận hệ thống từ vựng về đặc điểm của các chủ thể trong nền kinh tế gồm người lao động, các doanh nghiệp, ngân hàng, người tiêu dùng và Nhà nước. Từ đó rèn luyện và nâng cao kỹ năng giao tiếp liên quan đến chủ đề</p>
11	Tiếng Pháp Thương mại 1.6	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần ôn lại và củng cố cho người học những kiến thức ngôn ngữ về thời quá khứ, các mạo từ, đại từ, các từ diễn tả thời gian,...Người học được trang bị từ vựng về hình mẫu một nhà sáng lập công ty, các bước chuẩn bị để thành lập công ty như tìm nguồn vốn, tìm trụ sở công ty, lựa chọn loại hình doanh nghiệp, hoàn tất các thủ tục hành chính để mở công ty. Từ đó người học rèn luyện và nâng cao kỹ năng giao tiếp về chủ đề liên quan đến bài học.</p>
12	Tiếng Pháp Thương mại 1.7	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Người học được củng cố kiến thức ngữ pháp về đại từ quan hệ, đại từ và tính từ bất định và cách nói giả định. Người học được bổ sung kiến thức về cách phân biệt và sử dụng thời tương lai đơn giản và thời tiền tương lai. Người học được tìm hiểu chủ đề từ vựng về nhân sự của công ty, các điều khoản của hợp đồng lao động, về thông báo tuyển dụng lao động, cách thức tổ chức và các bước tiến hành một cuộc họp trong một công ty. Từ đó người học tiếp tục được rèn luyện cả 4 kỹ năng giao tiếp liên quan đến chủ đề của bài học.</p>

13	Tiếng Pháp Thương mại 1.8	2	<p>Số tín chỉ: 2 TC (24,12)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần ôn tập lại một số kiến thức về ngữ pháp như đại từ bỏ ngữ (les pronoms compléments), mệnh lệnh thức (l'impératif), các giới từ (les prépositions), các phó từ chỉ thời gian (les adverbess de temps), câu gián tiếp (discours rapporté), bỏ ngữ động từ (complément du verbe). Người học được rèn luyện và nâng cao cả 4 kỹ năng giao tiếp liên quan đến chủ đề nghiên cứu thị trường, giới thiệu về sản phẩm, trình bày các phương thức quảng cáo và phân phối sản phẩm. Đặc biệt, người học được tham gia dự án khởi nghiệp và rèn luyện khả năng thuyết trình dự án.</p>
14	Quản trị công ty	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Quản trị học</p> <p>Mô tả vắn tắt học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị công ty, giúp sinh viên hiểu được các lý thuyết cơ bản cũng như các mô hình và nguyên tắc, thông lệ phổ biến được sử dụng hiện nay để kiểm soát và điều hành công ty. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu được ý nghĩa của của quản trị công ty và khả năng vận dụng các các lý thuyết, mô hình và nguyên tắc, thông lệ quản trị công ty hiện đại vào việc đánh giá và kiện toàn hay xây dựng những chính sách và mô hình quản trị công ty cho doanh nghiệp ở Việt Nam. Với mục tiêu đó, học phần bao gồm 6 chương như sau: Chương 1 đưa ra kiến thức Tổng quan về quản trị công ty, các khái niệm cơ bản cũng như vai trò và lợi ích của quản trị công ty; Chương 2 tập trung và hệ thống hóa các lý thuyết, qui tắc và mô hình quản trị công ty phổ biến trên thế giới đồng thời giới thiệu về các mô hình quản trị công ty chủ yếu ở Việt Nam; Chương 3 đi sâu vào làm rõ nội dung về cổ đông và các bên có liên quan; Chương 4 trình bày các nội dung về Hội đồng quản trị; Chương 5 là vấn đề công bố thông tin và kiểm soát trong quản trị công ty; Cuối cùng, chương 6 thảo luận về đánh giá hệ thống quản trị công ty theo một số thông lệ quản trị công ty tốt nhất trên thế giới và Việt Nam.</p>
15	Luật kinh tế 1	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Lý luận Nhà nước và Pháp luật</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên</p>

			cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.
16	Biên dịch và phiên dịch Tiếng Pháp	3	Số tín chỉ: 3 TC (34,12,5) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần được thiết kế nhằm giúp người học tìm hiểu những kiến thức cơ bản về lý thuyết biên dịch và phiên dịch Tiếng Pháp. Đồng thời, người học còn được rèn luyện kỹ năng cần thiết để thực hành biên dịch một văn bản với các chủ đề đa dạng (văn hóa, xã hội, giáo dục, kinh tế, thương mại, đầu tư...) được trích từ các bài báo thực tế bằng tiếng Pháp và tiếng Việt.
2.2.2. Các học phần tự chọn			
1	Quản trị sản xuất	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Quản trị sản xuất là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: Bản chất của sản xuất và quản trị sản xuất; Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất; Dự báo nhu cầu sản phẩm và các phương pháp dự báo; Thiết kế sản phẩm; Lựa chọn quá trình sản xuất; Hoạch định công suất; Xác định địa điểm sản xuất của doanh nghiệp; Bố trí mặt bằng sản xuất; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; Tổ chức mua nguyên vật liệu; Lập lịch trình sản xuất; Quản trị dự trữ và Quản lý chất lượng trong sản xuất.
2	Quản trị rủi ro	3	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Kiến thức chuyên sâu về các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng và phân tích rủi ro; Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.
3	Quản trị nhóm làm việc		Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Quản trị nhóm làm việc là

			học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: khái quát về nhóm làm việc và quản trị nhóm làm việc; vai trò trách nhiệm và phẩm chất của nhà quản trị nhóm làm việc; quy trình và kỹ năng xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; các hình thức và kỹ năng giao tiếp nhóm; lãnh đạo, huấn luyện và tạo động lực nhóm làm việc, các dạng xung đột nhóm và cách thức giải quyết xung đột nhóm; nội dung và phương pháp đánh giá nhóm làm việc.
4	Tuyển dụng nhân lực	3	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần bao gồm các nội dung: Khái niệm và vai trò của tuyển dụng nhân lực; nội dung của tuyển dụng nhân lực; xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; tuyển mộ nhân lực; tuyển chọn nhân lực; quyết định tuyển dụng và hội nhập nhân viên mới; đánh giá tuyển dụng nhân lực.
5	Tiếng Pháp giao tiếp	2	Số tín chỉ: 2 TC (24,12) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần Tiếng Pháp giao tiếp bao gồm những tình huống giao tiếp cụ thể trong đời sống hàng ngày như: giới thiệu về bản thân và về người khác; nói về sở thích trong cuộc sống; nói về tình hình sức khỏe; mời ai đó đi chơi, biết cách chấp nhận và từ chối lời mời; miêu tả về ngoại hình, tính cách, những điểm mạnh, điểm yếu của một người nào đó, định vị một địa điểm và chỉ đường tới một địa điểm bất kỳ; nói về các dự định trong tương lai gần và kể lại các sự kiện trong quá khứ. Trong từng bài học, người học được củng cố các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp nhằm hỗ trợ cho các hoạt động giao tiếp kể trên.
2.3 Kiến thức bổ trợ			
2.3.1. Các học phần bắt buộc			
1	Kinh doanh quốc tế	3	Số tín chỉ: 3 TC (36,18) Điều kiện học phần: 0 Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các

			doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.
2	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Quản trị học</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành giúp sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành nắm vững những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, đồng thời đối với sinh viên ngành Quản trị khách sạn sẽ là những kiến thức bổ trợ và phát triển sang ngành đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Sau khi học xong học phần Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành, sinh viên nắm được các kiến thức về tổng quan về quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành; hoạch định kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp lữ hành; quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp; quản trị quá trình kinh doanh chương trình du lịch; quản trị quá trình kinh doanh dịch vụ đại lý du lịch; quản trị nguồn lực kinh doanh trong doanh nghiệp lữ hành; quản trị rủi ro trong kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.</p>
2.3.2 Các học phần tự chọn			
1	Thị trường chứng khoán	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần:</p> <p>0</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.</p>
2	Thương mại điện tử căn bản	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.</p>
3	Quản trị marketing 1	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: Học phần học trước: Marketing căn bản</p>

			<p>Mô tả văn tắt nội dung học phần: Học phần đề cập tới nội dung quản trị chiến lược marketing của doanh nghiệp; khái niệm cơ bản của marketing hiện đại và các quan điểm quản trị marketing; triết lý giá trị khách hàng; quản trị thời cơ marketing thông qua nghiên cứu và phân tích marketing; quản trị marketing mục tiêu và chiến lược marketing ở doanh nghiệp; vận dụng các kiến thức trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing.</p>
4	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3	<p>Số tín chỉ: 3 TC (36,18)</p> <p>Điều kiện học phần: 0</p> <p>Mô tả văn tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán kí kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát điều hành.</p>
2.4	Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học		
2.4.1	Báo cáo thực tập tổng hợp		<p>Số tín chỉ: 3 TC (0,90)</p> <p>Điều kiện học phần: Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 101 tín chỉ thuộc chương trình đào tạo của chuyên ngành mà sinh viên đang theo học tính đến thời điểm đi thực tập tổng hợp</p> <p>Mô tả văn tắt nội dung học phần: Học phần giúp người học tìm hiểu khái quát thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị của đơn vị thực tập. Từ đó, người học phát hiện các vấn đề tồn tại trong hoạt động quản trị của đơn vị thực tập để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Người học thực tập tại doanh nghiệp thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực, ngành kinh doanh khác nhau để tìm hiểu thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp. Người học phát hiện các hạn chế trong hoạt động quản trị để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp.</p>
2.4.2	Khóa luận tốt nghiệp		<p>Số tín chỉ: 7 TC (0,210)</p> <p>Điều kiện học phần: Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 104 tín chỉ thuộc chương trình đào tạo của chuyên ngành mà sinh viên đang theo học tính đến thời điểm trước khi làm khóa luận tốt nghiệp</p> <p>Mô tả văn tắt nội dung học phần: Học phần này giúp người học củng cố kiến thức chuyên sâu thông qua vận dụng kiến thức và các kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập và trình bày báo cáo khóa luận tốt nghiệp dưới dạng công trình nghiên cứu. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, Người học hệ thống hóa có lựa chọn một số cơ sở lý luận đã có để vận dụng giải quyết một vấn đề cụ thể về quản trị kinh doanh tại một doanh nghiệp.</p>

XII. NGÔN NGỮ TIẾNG TRUNG

1. Chương trình đào tạo Tiếng Trung thương mại

XIII. TOÁN KINH TẾ

1. Chương trình đào tạo Phân tích kinh doanh trong môi trường số

1. Triết học Mác-Lênin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-

1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

6. Pháp luật đại cương

Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm: Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng

7. Tiếng Anh 1

Học phần “*Tiếng Anh 1*” gồm 4 bài đầu của giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

8. Tiếng Anh 2

Học phần “*Tiếng Anh 2*” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “*Life (A2-B1)*” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

9. Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “*Life*” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

10. Toán đại cương

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vectơ, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.

11. Tin học quản lý

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,... Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS-Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

12. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

13. Lịch sử các học thuyết kinh tế

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay: Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

14. Khởi sự kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

15. Kinh tế học

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vi mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế

vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

16. Nhập môn tài chính-tiền tệ

Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

17. Kinh tế lượng

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

18. Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.

19. Tiếng Anh thương mại 1

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

20. Chuyển đổi số trong kinh doanh

Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

21. Tiếng Anh thương mại 2

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ đề: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ đề ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

22. Các mô hình toán kinh tế

Học phần trang bị cho sinh viên nội dung cơ bản nhất và có hệ thống về phương pháp mô hình Toán kinh tế và một số mô hình có nhiều ứng dụng trong kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh như mô hình cân bằng, mô hình tối ưu.

23. Marketing căn bản

Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing; Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing–mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

24. Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.

25. Thương mại điện tử căn bản

Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

26. Kinh doanh quốc tế

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

27. Khai phá dữ liệu trong kinh doanh

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của quá trình khai phá dữ liệu với các công cụ của Business Intelligence.

28. Quản trị học

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

29. Luật kinh tế 1

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

30. Lý thuyết kinh tế số

Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, tổng quan về các mô hình kinh doanh số; các mô hình kinh doanh số điển hình như: mô hình B2C, B2B và quá trình đổi mới các mô hình kinh doanh số. Đồng thời học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng về phân tích dữ liệu kinh doanh với phần mềm MS Excel.

31. Hệ thống thông tin quản lý

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý, làm cơ sở cho các học phần khác thuộc chuyên ngành.

Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

32. Phân tích kinh doanh hỗ trợ ra quyết định*

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về: khái niệm, vai trò của phân tích kinh doanh; quy trình giải quyết vấn đề, quy trình phân tích dữ liệu trong phân tích kinh doanh; Mô hình tối ưu, mô hình cây quyết định và mô phỏng trong phân tích kinh doanh và hỗ trợ ra quyết định; Thảo luận các tình huống thực tế trong phân tích kinh doanh ở một số lĩnh vực như: bán lẻ, marketing, tài chính, quản lý chuỗi cung ứng; web và mạng xã hội với công cụ phần mềm Excel/SPSS.

33. Cơ sở dữ liệu

Đây là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Để nắm được nội dung của học phần này, sinh viên nên (không bắt buộc) học trước học phần Tin học quản lý hoặc Tin học quản lý 1. Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và các vấn đề liên

quan đến cơ sở dữ liệu như các loại mô hình dữ liệu, chuẩn hoá dữ liệu, ngôn ngữ khai thác cơ sở dữ liệu quan hệ. Cơ sở lý thuyết của mô hình dữ liệu quan hệ cũng được đề cập đến.

34. Học máy

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về quy trình xây dựng một hệ thống machine learning. Các nội dung kiến thức bao gồm giới thiệu các bài toán điển hình trong học máy (hồi quy, phân lớp, gom cụm) cùng các thuật toán cổ điển và hiện đại giải quyết các bài toán đó (hồi quy tuyến tính, k- Nearest Neighbors, cây quyết định, Support Vector Machines, K-Means, mạng Nơ ron nhân tạo, ...).

35. Lập trình với Python

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin – định hướng nghề nghiệp. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ sở về lập trình bao gồm: thuật toán, sơ đồ khối; chương trình và ngôn ngữ lập trình; các phương pháp lập trình và kỹ thuật thiết kế chương trình, các thành phần cơ sở của ngôn ngữ lập trình (tổ chức chương trình và các cấu trúc lệnh cơ bản; các kiểu dữ liệu có cấu trúc; ...). Ngôn ngữ lập trình Python sẽ được sử dụng làm phương tiện để trình bày.

36. Thống kê thực hành

Học phần cung cấp các kỹ năng thực hành phân tích kinh doanh, bao gồm: chọn mẫu, thu thập dữ liệu, thống kê mô tả, kiểm định các giả thuyết thống kê, phân tích tương quan, phân tích hồi quy, phân tích thành phần chính,... dựa trên công cụ xử lý số liệu là phần mềm Microsoft Excel, SPSS để tiếp cận và ứng dụng trong thực tế.

37. Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế xã hội***

Học phần giới thiệu tổng quan về dự báo và cung cấp phương pháp dự báo dựa trên mô hình hồi quy nhiều biến, các kỹ thuật phân tích và dự báo trên chuỗi thời gian (các kỹ thuật san mũ, phương pháp Box-Jenkins, mô hình ARCH/ GARCH). Người học được vận dụng trong giải quyết các bài toán kinh tế - xã hội với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng.

38. Các mô hình kinh doanh số

Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, tổng quan về các mô hình kinh doanh số; các mô hình kinh doanh số điển hình như: mô hình B2C, B2B và quá trình đổi mới các mô hình kinh doanh số. Đồng thời học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng về phân tích dữ liệu kinh doanh với phần mềm MS Excel.

39. Phân tích dữ liệu lớn*

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về các phương pháp và công cụ phân tích, khai phá dữ liệu lớn. Các nội dung kiến thức tập trung vào các nền tảng Hadoop, Spark, Cassandra và các hệ sinh thái liên quan trên nền tảng ngôn ngữ lập trình Python. Các bài tập thực hành tập trung vào ứng dụng các nền tảng để lưu trữ, phân tích và rút trích thông tin từ các tập dữ liệu lớn trong phân tích kinh doanh.

40. Văn hóa kinh doanh

Học phần bao gồm những nội dung: Tổng quan về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh. Đặc trưng văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Vai trò của văn hóa doanh nhân, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nhân như năng lực, tố chất, đạo đức, phong cách doanh nhân. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp. Phát triển văn hóa kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển văn hóa kinh doanh.

41. Quản trị tài chính 1

Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

42. Marketing thương mại điện tử

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, các quan niệm quản trị marketing thương mại điện tử, bao gồm các vấn đề: Quan điểm tiếp cận quản trị TMĐT về marketing trên Internet; hành vi người mua hàng trực tuyến; mô hình hệ thống, phân tích cạnh tranh và định vị trên thị trường ảo của doanh nghiệp; lựa chọn chiến lược và xây dựng kế hoạch marketing TMĐT; lựa chọn, khai thác, sử dụng, phối hợp các công cụ, ứng dụng, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến trong marketing TMĐT; quản trị các nỗ lực marketing TMĐT và việc vận dụng chúng để định hướng, chỉ đạo các hoạt động marketing B2B, B2C và các dịch vụ trên Internet.

43. Thanh toán điện tử

Học phần Thanh toán điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho sinh viên Quản trị TMĐT về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

44. Công nghệ Blockchain và ứng dụng trong thương mại điện tử

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về công nghệ blockchain và ứng dụng công nghệ blockchain trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và thương mại điện tử, bao gồm: khái niệm blockchain, lịch sử hình thành và phát triển của công nghệ blockchain, nguyên lý hoạt động của mạng blockchain, hợp đồng thông minh và các ứng dụng phi tập trung, ứng dụng của blockchain, cách thức xây dựng và triển khai dự án blockchain trong kinh doanh và thương mại điện tử.

45. Thiết kế và triển khai Website

Học phần cung cấp các kiến thức tổng quát về cách thức thiết kế và triển khai một website cho một doanh nghiệp. Đầu tiên, học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML, ... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp một số công cụ sử dụng trong thiết kế đồ họa và giao diện cho website. Cuối cùng, học phần trình bày qui trình chung và chi tiết các bước để triển khai một website cho doanh nghiệp

46. Quản trị Logistics Kinh doanh

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cách khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với

cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phá.

47. Kinh doanh chứng khoán

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh chứng khoán, doanh lợi và rủi ro trong đầu tư chứng khoán, phân tích và định giá chứng khoán, các hoạt động môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn và quản lý danh mục đầu tư của các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư.

48. Marketing số

Marketing số là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành marketing số. Học phần trang bị nội dung quản trị marketing số nhằm cung ứng giá trị cho các khách hàng; các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng trong marketing số, và các hoạt động của các công cụ marketing số; năng lực vận dụng các kiến thức thực hành các kỹ năng quản trị marketing số của doanh nghiệp.

49. Phân tích báo cáo tài chính

Học phần cung cấp kiến thức về phương pháp và nội dung phân tích báo cáo tài chính: phân tích cấu trúc tài chính; phân tích tình hình công nợ, tình hình thanh toán và khả năng thanh toán; phân tích kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ; phân tích hiệu quả kinh doanh và đòn bẩy tài chính; phân tích rủi ro tài chính và dự báo các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính.

50. Toán tài chính ứng dụng

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về cách thức tính lãi, chiết khấu, tiết kiệm, trả nợ vay và cách xây dựng các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của dự án đầu tư. Đồng thời, học phần cung cấp nguyên lý và các công cụ tính toán cũng như các nghiệp vụ tài chính trong hoạt động kinh doanh.

51. Định giá tài sản

Học phần đề cập đến các vấn đề chung về định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường trên các khía cạnh khái niệm định giá tài sản, đối tượng của định giá tài sản, các nguyên tắc và quy trình chung trong định giá tài sản. Trên cơ sở đó, học phần đề cập đến các nội dung ứng dụng các nguyên tắc và sử dụng các phương pháp cụ thể để định giá bất động sản, định giá máy móc thiết bị, định giá tài sản vô hình và xác định giá trị doanh nghiệp.

52. Hành vi tổ chức

Học phần hành vi tổ chức là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở của Ngành Quản trị nhân lực Ngành quản trị kinh doanh; nghiên cứu hành vi của con người nói chung và hành vi người lao động của tổ chức nói riêng. Học phần tập trung giới thiệu ba khối kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức. Một là, hiểu biết hành vi tổ chức ở góc độ hành vi cá nhân như tự quan niệm bản thân, học tập, giá trị, động viên, thái độ. Hai là hành vi tổ chức ở góc độ nhóm và quá trình xã hội hóa của người lao động. Ba là nghiên cứu hành vi ở cấp độ doanh nghiệp bao gồm thông tin trong doanh nghiệp, vai trò của lãnh đạo và văn hóa trong tổ chức và sự thay đổi cũng như quản trị sự thay đổi trong tổ chức.

53. Hành vi khách hàng

Học phần Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Marketing và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị Kinh doanh.

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự

ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.

54. Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp

Sinh viên thực tập tại một đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực, ngành kinh doanh khác nhau để tìm hiểu thực tiễn hoạt động kinh tế, kinh doanh của tổ chức, của doanh nghiệp trong thời đại số. Sinh viên phát hiện các hạn chế trong hoạt động kinh tế, kinh doanh để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp.

55. Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp

Sinh viên thực tập tại một đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực, ngành kinh doanh khác nhau để tìm hiểu thực tiễn hoạt động kinh tế, kinh doanh của tổ chức, của doanh nghiệp trong thời đại số. Sinh viên phát hiện các hạn chế trong hoạt động kinh tế, kinh doanh để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp.